

MÁY ẢNH SỐ



Tài liệu hướng dẫn sử dụng



Cảm ơn bạn đã mua máy ảnh số phản xạ ống kính đơn (SLR) của Nikon. Để tận dụng máy ảnh hiệu quả nhất, hãy đọc kỹ đầy đủ các hướng dẫn và để ở nơi tất cả những ai sử dụng máy sẽ đọc.

Biểu Tượng và Quy Ước

Để tìm thông tin bạn cần dễ dàng hơn, những biểu tượng và các quy ước sau đây được sử dụng:



Biểu tượng này thể hiện cảnh báo; thông tin cần phải đọc trước khi sử dụng để tránh làm hỏng máy ảnh.



Biểu tượng này thể hiện các ghi chú; thông tin cần phải đọc trước khi sử dụng máy ảnh.



Biểu tượng này thể hiện tham chiếu tới các trang trong tài liệu hướng dẫn này.

Các mục menu, tùy chọn và thông báo hiển thị trên màn hình máy ảnh được hiện ở dạng **in đậm**.

Cài Đặt Máy Ảnh

Các giải thích trong tài liệu hướng dẫn này giả định rằng sử dụng các cài đặt mặc định.

Trợ giúp

Sử dụng tính năng trợ giúp trên máy ảnh để được trợ giúp về các mục menu và các chủ đề khác. Xem trang 15 để biết thêm chi tiết.

🗥 🛛 Vì Sự An Toàn Của Bạn

Trước khi sử dụng máy ảnh lần đầu tiên, hãy đọc các hướng dẫn an toàn trong "Vì Sự An Toàn Của Bạn" (印 x-xii).

Các thành phần gói hàng

Xác nhận gói hàng có chứa các mục sau đây:

	☐ Nắp ngàm gắn phụ kiện BS-1
	Nắp thân máy BF-1B
☐ Máy ảnh Df	
☐ Pin sạc Li-ion ☐ EN-EL14a (có nắp phủ đầu cắm)	Bộ sạc pin MH-24 (phích
🗌 Dây đeo AN-DC9 (🕮 18)	🗌 Cáp USB UC-E6
🔲 Dây buộc nắp thị kính (🏾	23)
🗌 Đĩa CD ViewNX 2	🔲 Bảo hành
🗖 Tài Liêu Hướna Dẫn Sử Dụ	ına (tài

Người mua tùy chọn phụ kiện thấu kính nên đảm bảo rằng gói này bao gồm cả thấu kính. *Thẻ nhớ được bán riêng* (口 363). Các máy ảnh mua ở Nhật Bản sẽ hiển thị menu và tin nhắn chỉ bằng tiếng Anh và tiếng Nhật; không hỗ trợ các ngôn ngữ khác. Chúng tôi rất tiếc nếu việc này gây ra bất cứ sự bật tiện nào.

liêu hướng dẫn này)

Mục lục

Vì Sự /	An Toàn Của Bạn	. x
Chú ý	íX	iii

Giới thiệu

Tìm Hiểu Máy Ảnh	1
Menu Máy Ánh	15
Các Bước Đầu Tiên	18

Cơ Bản Về Nhiếp Ảnh và Phát Lại

Chup ảnh	29
Phát Lai Cơ Bản	
Xóa Các Bức Ảnh Không Mong Muốn	35

Chế Độ Phơi Sáng

P: Tự động được lập trình	38
S: Tự Động Ưu Tiên Cửa Trập	39
1/3 STEP (Các chế độ phơi sáng S và M)	40
A: Tự Động Ưu Tiên Độ Mở Ống Kính	41
M: Bằng tay	42
Phơi Sáng Kéo Dài (Chỉ Chế Độ M)	44

Chế Độ Nhả

Chon Chế Đô Nhả	46
Chế Đô Tư Hen Giờ	48
chế Đô Gương Nâng Lên	50
. 5 5	

36

46

29

Vùng Hình Ảnh	51
Chất Lương Hình Ảnh và Kích Cỡ	
Chất Lượng Hình Ảnh	
Kích Cỡ Hình Ảnh	

Lấy nét

51

Lấy nét tự động	
Chế Đô Lấy Nét Tư Đông	
Chế độ vùng AF	62
Chọn Lựa Điểm Lấy Nét	64
Khóa Lấy Nét	66
Lấy Nét Bằng Tay	68

Độ Nhạy ISO

Đĩa Lệnh Độ Nhạy ISO	.70
Điều Khiển Độ Nhạy ISO Tự Động	.72

Phơi sáng

Đo sáng	75
Khóa Tư Đông Phơi Sáng	77
Bù Phơi Sáng	79
5	

Tùy chon cân bằng trắng	81
Dò Tinh Chỉnh Cân Bằng Trắng	84
Chon Nhiêt Đô Màu	
Thiết lập sẵn bằng tay	90
Nhiếp ảnh kính ngắm	90
Xem trực tiếp (Cân bằng trắng điểm)	93
Quản lý thiết lập sẵn	96

Tăng Cường Hình Ảnh

Picture Control	
Tao Picture Control Tùy Chon	
Giữ Chi Tiết trong Phần Tô Sáng và Phần Bóng	
D-Lighting hoat đông	
Dải Động Cao (HDR)	

Chụp Ảnh Có Đèn Nháy

Sử Dung Đèn Nháy	116
Điều Khiển Đèn Nháy i-TTL	
Chế Đô Đèn Nháy	
Bù Đèn Nháy	
Khóa FV	

Tùy Chọn Chụp Khác

Khởi Động Lại Hai Nút: Khôi Phục Lại Cài Đặt Mặc Định	133
Chụp bù trừ	136
Đa Phơi Sáng	149
Chụp Ảnh Hẹn Giờ Quãng Thời Gian	156
Thấu Kính Không CPU	163
Các thấu kính không Al	167
Dữ liệu vị trí	170

100

116

Lấy Nét trong Xem Trực Tiếp	. 175
Sử dụng nút i	. 179
Màn Hình Hiển Thị Xem Trực Tiếp: Xem Ảnh Trực Tiếp	. 180
Hiển Thị Thông Tin: Xem Ảnh Trực Tiếp	. 182
Lấy Nét Bằng Tay	. 183
, , ,	

Thông tin thêm về phát lại

Phát Lai Khuôn Hình Đầy	
Thông Tin Ảnh	188
Phát Lại Hình Thu Nhỏ	
Phát Lại Theo Lịch	
Xem Gần: Thu Phóng Phát Lại	
Bảo Vệ Ảnh Khỏi Bị Xóa	201
Xóa Ảnh	203
Phát Lại Khuôn Hình Đầy, Hình Thu Nhỏ và Theo Lịch	203
Menu Phát Lai	205

Kết nối

Cài đặt ViewNX 2		
Sử dụng ViewNX 2		
Sao Chép Ảnh vào Máy Tính		
Xem Ảnh		
In ånh		
Xem Ảnh Trên TV22		

185

.224
.229
230
230
232
232
233
233
234
.235
236
237
239
240
241
241
242
242
.243
245
.246
246
246
247
247
248
249
249
.250
250
250
.251
251
251
252
253

d:	Shooting/Display (Chụp ảnh/Hiến thị)	253
	d1: Beep (Bíp)	253
	d2: Viewfinder Grid Display (Hiển Thị Lưới Kính Ngắm)	253
	d3: ISO Display (Hiển Thị ISO)	254
	d4: Screen Tips (Meo Màn Hình)	254
	d5: CL Mode Shooting Speed (Tốc Độ Chụp Chế Độ CL)	254
	d6: Max. Continuous Release (Ảnh Tối Đa Khi Nhả Liên	254
	IUC)	
	d?: File Number Sequence (mini Tu So Tap Tin)	
	do: Information Display (Filen Thi Thong Thi)	
	d9: LCD IIIummation (Chieu Sang LCD)	
	a to: Exposure Delay Mode (Che Độ Trê Phối Sáng)	
e:	Bracketing/Flash (Chup Bu Tru/Đen Nhay)	
	e1: Flash Sync Speed (Tốc Độ Đông Bộ Đên Nhay)	257
	e2: Flash Shutter Speed (Tốc Độ Cửa Trập Theo Đến	
	e3: Optional Flash (Đến Nhày Tuy Chọn)	258
	e4: Exposure Comp. for Flash (Bù Phơi Sáng Cho Đến	250
	e5: Modeling Flash (Đen Nhay Tạo Mo Hinh)	
	e6: Auto Bracketing Set (Đạt Chụp Bù Trư Tự Động)	259
	(Chố Đô M))	260
	(Che Độ M))	200
f	Controls (Điầu khiẩn)	200 261
1.		201
	T1: •.♥ Button (Nut •.♥·)	
	12: OK Bullon (Nul OK)	
	13: Multi Selector (Da Bo Chon)	202
	14: Assign FII bullon (Chi dini nul FII)	205
	fc. Assign Preview Button (Chi dinin Nut Aeri Truoc)	200
	f7: Customize Command Dials (Tity Chinh Đĩa Lânh)	207
	f8: Poloaso Button to Uso Dial (Nhà Nút đổ Sử Dụng	207
	Dia Lônh)	260
	f0: Slot Empty Belease Lock (Khóa Nhả Khe Bỗng)	209
	f10: Reverse Indicators (Đảo Ngược Các Chỉ Báo)	205
	f11: Easy Shutter-speed Shift (Chuyển Nhanh Tốc Độ	209
	Cira Trân)	270
♥ Menu Cài	i Đặt: Cài Đặt Máy Ảnh	
I Micha Ca	Format Mamory Card (Dinh Dang Thả Nhớ)	
	Monitor Brightness (Độ Sáng Màn Hình)	2/2 272
	Auto Info Display (Hiển Thị Thông Tin Tự Đông)	∠/ ⊃ 272
	Image Duct Off Def Dhote (Ånh Tham Chiếu Dui Lình	
	Ånh Tắt)	27/
	Flicker reduction (Giảm Nhấn Nháy)	
	i lieler reddetion (Gluth Mhup Mhuy)	

Time Zone and Date (Múi Giờ và Ngày)	
Language (Ngôn ngữ)	277
Auto Image Rotation (Xoay hình tự động)	277
Image Comment (Chú Thích Hình Ảnh)	
Copyright information (Thông Tin Bản Quyền)	279
Save/Load Settings (Lưu/Tải Cài Đăt)	
Virtual Horizon (Đường Chân Trời Ảo)	
AF Fine-tune (Tinh chỉnh AF)	
Assign Remote Fn Button (Gán Nút Fn Từ Xa)	
Wireless Mobile Adapter (Đầu Nối Di Đông Không Dây)	284
Eye-Fi Upload (Tải Lên Eye-Fi)	
Firmware Version (Phiên Bản Firmware)	
🖬 Menu Sửa Lại: Tạo Bản Sao Sửa Lại	287
Tao Bản Sao Sửa Lai	
D-Liahtina	
Red-Eye Correction (Điều Chỉnh Mắt Đỏ)	292
Trim (Xén)	293
Monochrome (Đơn sắc)	294
Filter Effects (Hiệu Ứng Bộ Lọc)	295
Color Balance (Cân Bằng Màu)	296
Image Overlay (Lớp Phủ Hình Ảnh)	297
NEF (RAW) Processing (Xử Lý NEF (RAW))	300
Resize (Thay đổi kích cỡ)	302
Quick Retouch (Sửa Lại Nhanh)	304
Straighten (Nắn thẳng)	304
Distortion Control (Điều Khiển Biến Dạng)	305
Fisheye (Mắt cá)	305
Color Outline (Phác Màu Chính)	306
Color Sketch (Phác Họa Màu)	306
Perspective Control (Điều Khiển Phối Cảnh)	307
Miniature Effect (Hiệu ứng thu nhỏ)	308
Selective Color (Màu Tuyển Chọn)	309
Side-by-side Comparison (So Sánh Cạnh Nhau)	
🗒 My Menu (Menu Của Tôi) / 🗐 Recent Settings (Cài Đặt	
Gần Đây)	313
Recent Settings (Cài Đặt Gần Đây)	317
necent settings (eur but our buy)	

Các Thấu Kính Tương Thích	318
Các Phụ Kiện Khác	323
Gắn Đầu Nối Nguồn và Bộ Đổi Điện AC	326
Chăm Sóc Máy Ảnh	328
Bảo quản	328
Lau chùi	328
Bộ Lọc Qua Chậm	329
"Clean Now (Làm Sạch Ngay)"	329
"Clean at Startup/Shutdown (Làm Sạch khi Khởi Động/	
Tắt)"	330
Làm Sạch Bằng Tay	331
Chăm Sóc Máy Ánh và Pin: Cảnh báo	335
Chương Trình Phơi Sáng (Chế Độ P)	339
Xử lý sự cố	340
Pin/Hiển thị	340
Chụp	341
Playback (Phát lại)	343
Khác	345
Thông báo lỗi	346
Thông số kỹ thuật	352
AF-S NIKKOR 50mm f/1.8G (Special Edition)	360
Thẻ Nhớ Đã Được Phê Duyệt	363
Dung Lượng Thẻ Nhớ	364
Tuổi Thọ Pin	367
Danh muc	368
•	

Vì Sự An Toàn Của Bạn

Để tránh làm hỏng sản phẩm Nikon hoặc gây thương tích cho chính mình hay cho người khác, hãy đọc đầy đủ các biện pháp phòng ngừa an toàn trước khi sử dụng thiết bị này. Hãy giữ những hướng dẫn an toàn này ở nơi tất cả những ai sử dụng sản phẩm sẽ đọc chúng.

Hậu quả có thể xảy ra do việc không tuân thủ các biện pháp phòng ngừa được liệt kê trong phần này được chỉ báo bằng biểu tượng sau đây:

Biểu tượng này đánh dấu cảnh báo. Để tránh chấn thương có thể xảy ra, hãy đọc tất cả các cảnh báo trước khi sử dụng sản phẩm Nikon này.

💵 CẢNH BÁO

- Để khuôn hình tránh ánh nắng mặt trời Để khuôn hình tránh xa khỏi ánh nắng mặt trời khi chụp các đối tượng bị ngược sáng. Ánh sáng mặt trời tập trung vào máy ảnh khi mặt trời ở trong hoặc gần khuôn hình có thể gây cháy hình.
- Không nhìn vào mặt trời qua kính ngắm Nhìn mặt trời hoặc nguồn sáng mạnh khác thông qua kính ngắm có thể làm giảm thị lực vĩnh viễn.
- Sử dụng điều khiển điều chỉnh điốt kính ngắm

Khi sử dụng điều khiển điều chỉnh điốt kính ngắm với mắt nhìn vào kính ngắm, cần cẩn thận để không vô tình đặt ngón tay của bạn vào mắt.

🗥 Không sử dụng ở nơi có khí dễ cháy

Không sử dụng thiết bị điện tử ở nơi có khí dễ cháy, vì điều này có thể gây nổ hoặc cháy.

\land Tắt ngay lập tức trong trường hợp sự cố

Nếu bạn nhận thấy có khói hay mùi bất thường trong thiết bị hoặc bộ đổi điện AC (có riêng), rút phích cắm bộ đổi điện AC và tháo pin ngay lập tức, cần thận để không bị bỏng. Việc tiếp tục sử dụng có thể gây thương tích. Sau khi tháo pin, mang máy đến Trung tâm dịch vụ Nikon ủy quyền để kiểm tra.

\land Không tháo rời

Việc chạm vào các bộ phận bên trong của máy có thể gây thương tích. Trong trường hợp sự cố, việc sửa chữa phải do kỹ thuật viên có trình độ thực hiện. Trong trường hợp máy bị vỡ do bị rơi hoặc sự cố khác, tháo pin và bộ đổi điện AC sau đó mang máy tới Trung tâm dịch vụ Nikon ủy quyền để kiểm tra.

\triangle Để xa tầm tay của trẻ nhỏ

Việc không tuân thủ biện pháp đề phòng này có thể gây thương tích. Ngoài ra, hãy lưu ý rằng các bộ phận nhỏ gây nguy cơ chẹn họng. Nếu một đứa trẻ nuốt phải bất kỳ bộ phận nào của thiết bị này, hãy tham khảo ý kiến bác sĩ ngay lập tức.

⚠ Không đặt dây đeo quanh cổ trẻ sơ sinh hoặc trẻ em

Việc đặt dây máy ảnh quanh cổ trẻ sơ sinh hoặc trẻ em có thể dẫn đến nghẹt thở.

Không duy trì tiếp xúc với máy ảnh, pin hoặc bộ sạc trong thời gian dài trong khi các thiết bị này đang được bật lên hoặc đang được sử dụng

Các bộ phận của thiết bị nóng lên. Việc tiếp xúc da trực tiếp với thiết bị trong thời gian dài có thể gây bỏng ở nhiệt độ thấp.

Không được để sản phẩm ở nơi sẽ tiếp xúc với nhiệt độ cực cao, chẳng hạn như trong ô tô đóng kín hoặc dưới ánh nắng trực tiếp

Không tuân thủ đề phòng này có thể gây hư hỏng hoặc hỏa hoạn.

Cần có các biện pháp phòng ngừa thích hợp khi xử lý pin

Pin có thể rò rỉ hoặc phát nổ nếu được xử lý không phù hợp. Cần thực hiện các biện pháp phòng ngừa sau khi xử lý pin để sử dụng trong sản phẩm này:

• Chỉ sử dụng pin được chấp thuận cho sử dụng trong thiết bị này.

- Không làm chập mạch hoặc tháo rời pin.
- Hãy chắc chắn tắt máy ảnh trước khi thay pin. Nếu bạn đang sử dụng bộ đổi điện AC, hãy chắc chắn phải rút bỏ.
- Không cố lắp lộn ngược pin hoặc ngược ra sau.
- Không để pin tiếp xúc trực tiếp với lửa hay với nhiệt quá nóng.
- Không nhúng hoặc để tiếp xúc với nước.
- Thay nắp phủ đầu cuối khi vận chuyển pin. Không mang hoặc lưu trữ pin cùng với các vật kim loại như vòng cổ hoặc kẹp tóc.
- Pin dễ bị rò rỉ khi xả hết điện. Để tránh làm hỏng máy, hãy chắc chắn tháo pin khi không còn điện.
- Khi không sử dụng pin, lắp nắp phủ đầu cuối và cất giữ ở nơi khô, mát.
- Pin có thể nóng ngay sau khi sử dụng hoặc khi máy dùng nguồn pin trong một thời gian dài. Trước khi tháo pin hãy tắt máy ảnh và để cho pin nguội.
- Ngừng sử dụng ngay lập tức khi bạn thấy bất kỳ thay đổi nào ở pin, chẳng hạn như đổi màu hoặc biến dạng.

- ▲ Cần tuân thủ các biện pháp phòng ngừa thích hợp khi xử lý sạc
 - Giữ khô ráo. Không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể tây thương tích hoặc lỗi sản phẩm do cháy hoặc điện giật.
 - Cần loại bỏ bụi trên hoặc gần các bộ phận kim loại của phích cắm bằng miếng vải khô. Việc tiếp tục sử dụng có thể gây cháy.
 - Không tới gần sạc trong cơn băo.
 Việc không tuân thủ đề phòng này có thể bị điện giật.
 - Không xử lý phích cắm hoặc bộ sạc bằng tay ướt. Không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể tây thương tích hoặc lỗi sản phẩm do cháy hoặc điện giật.
 - Không sử dụng bộ chuyển đổi du lịch hoặc bộ điều hợp được thiết kế để chuyển đổi từ một điện áp này sang điện áp khác hoặc với biến tần DC-sang-AC. Việc không tuân thủ đề phòng này có thể làm hỏng sản phẩm hoặc gây ra quá nhiệt hoặc cháy.

\land Sử dụng cáp phù hợp

Khi kết nối cáp với giắc cắm đầu vào và đầu ra, chỉ sử dụng các loại cáp của Nikon cung cấp hoặc được bán với mục đích duy trì tuân thủ các quy định của sản phẩm.

\land CD-ROM

Không nên mở CD-ROM chứa phần mềm hoặc tài liệu hướng dẫn trên thiết bị CD âm thanh. Việc phát đĩa CD-ROM trên máy nghe nhạc CD âm thanh có thể gây mất thính lực hoặc hư hỏng thiết bị.

- Không chiếu đèn nháy vào người lái xe Việc Không tuân thủ biện pháp đề phòng này có thể gây tai nạn.
- ⚠️ Quan sát thận trọng khi sử dụng đèn nháy
 - Để bộ đèn nháy tùy chọn tiếp xúc gần với da hoặc các vật khác có thể gây bỏng.
 - Sử dụng đèn flash gần mắt của chủ thể có thể gây ra suy giảm thị lực tạm thời. Đèn nháy nên để cách chủ thể từ một mét trở lên. Cần phải hết sức cẩn thận khi chụp ảnh trẻ sơ sinh.
- Tránh tiếp xúc với tinh thể lỏng Nếu bị vỡ màn hình, cần cẩn thận để tránh chấn thương do kính vỡ và không để các tinh thể lỏng màn hình chạm vào da, vào mắt hoặc miệng.
- Không được mang vác giá ba chân đang gắn máy ảnh hoặc ống kính Bạn có thể bị vấp hoặc vô tình va phải người khác, dẫn đến bị thương.
- Thực hiện theo các chỉ dẫn của nhân viên hãng hàng không và bệnh viện Máy ảnh này có phát các tần số vô tuyến có thể gây nhiễu thiết bị y tế hoặc hoạt động điều hướng máy bay. Vô hiệu hóa tính năng mạng không dây và tháo tất cả các phụ kiện không dây khỏi máy ảnh trước khi lên máy bay, đồng thời tắt máy ảnh trong quá trình cất cánh và hạ cánh. Tại các cơ sở y tế, hãy làm theo hướng dẫn của nhân viên về việc sử dụng các thiết bị không dây.

Chú ý

- Không phần nào của tài liệu hướng dẫn này được phép tái tạo, truyền, sao chép, lưu trữ trong hệ thống phục hồi, hoặc được dịch sang các ngôn ngữ dưới bất kỳ hình thức nào, bằng bất kỳ phương tiện nào mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của Nikon.
- Nikon có quyền thay đổi các thông số kỹ thuật của phần cứng và phần mềm được mô tả trong các hướng dẫn sử dụng này bất cứ lúc nào mà không cần thông báo trước.
- Nikon sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ thiệt hại nào từ việc sử dụng sản phẩm này.
- Dù đã nỗ lực để đảm bảo rằng các thông tin trong tài liệu hướng dẫn là chính xác và đầy đủ, chúng tôi đánh giá cao việc bạn lưu ý bất kỳ lỗi hoặc thiếu sót nào với người đại diện Nikon trong khu vực của bạn (địa chỉ cung cấp riêng).

Xử Lý Thiết Bị Lưu Trữ Dữ Liệu

Xin lưu ý rằng việc xóa các hình ảnh hoặc định dạng thẻ nhớ hoặc các thiết bị lưu trữ dữ liệu khác không xóa hoàn toàn dữ liệu hình ảnh gốc. Đôi khi các tập tin đã xóa có thể phục hồi được từ các thiết bị lưu trữ bằng cách sử dụng phần mềm thương mại có sẵn, điều này có khả năng dẫn tới việc sử dụng nguy hại các dữ liệu hình ảnh cá nhân. Bảo đảm sự riêng tư của các dữ liệu đó là trách nhiệm của người dùng.

Trước khi loại bỏ một thiết bị lưu trữ dữ liệu hoặc chuyển giao quyền sở hữu cho người khác, xóa tất cả dữ liệu bằng cách sử dụng phần mềm xóa thương mại, hoặc định dạng thiết bị và sau đó nạp vào các hình ảnh không chứa thông tin cá nhân (ví dụ, hình ảnh về bầu trời không mây). Hãy chắc chắn thay bất kỳ hình ảnh nào được chọn cho cài đặt trước bằng tay (^{CL} 90). Cần cẩn thận để tránh chấn thương khi hủy các thiết bị lưu trữ dữ liệu.

Thông báo liên quan đến Cấm Sao Chép hoặc Tái Tạo

Lưu ý rằng việc chỉ đơn giản là sở hữu tài liệu đã được sao chép về mặt kỹ thuật số hoặc tái tạo bằng máy quét, máy ảnh kỹ thuật số, hoặc thiết bị khác là cũng có thể bị trừng phạt theo quy định của pháp luật.

 Pháp luật cấm sao chép hoặc tái tạo các mục Không sao chép hoặc tái tạo tiền giấy, tiền kim loại, chứng khoán, trái phiếu chính phủ, hoặc trái phiếu chính quyền địa phương, ngay cả khi bản sao hoặc các bản tái tạo đó có đóng dấu "Mẫu."

Việc sao chép hoặc tái tạo tiền giấy, tiền kim loại, hoặc chứng khoán được lưu hành ở nước ngoài đều bị cấm.

Trừ khi có sự cho phép trước của chính phủ, việc sao chép hoặc tái tạo tem bưu chính không sử dụng hoặc bưu thiếp do chính phủ phát hành đều bị cấm.

Việc sao chép hoặc tái sản xuất tem do chính phủ phát hành và các văn bản chứng nhận theo quy định của pháp luật là bị cấm. • Lưu ý với một số bản sao và bản tái tạo Chính phủ đã ban hành cảnh báo về các bản sao hoặc bản tái tạo chứng khoán do công ty tư nhân phát hành (cổ phiếu, hóa đơn, séc, giấy chứng nhận quà tặng v.v..), vé tháng, hoặc phiếu giảm giá, ngoại trừ số lượng tối thiểu bản sao cần thiết cần cho công việc của công ty. Ngoài ra, không được sao chép hoặc tái tạo hộ chiếu do chính phủ ban hành, giấy phép do cơ quan công quyền và các nhóm tư nhân, thẻ chứng minh thư, và vé, chẳng hạn vé tháng và phiếu giảm giá bữa ăn.

• Tuân thủ chú ý bản quyền

Việc sao chép hoặc tái tạo bản quyền tác phẩm sáng tạo như sách, âm nhạc, tranh vẽ, tranh khắc gỗ, bản in, bản đồ, bản vẽ, phim ảnh, và bức ảnh được điều chỉnh theo luật bản quyền quốc gia và quốc tế. Không sử dụng sản phẩm này với mục đích tạo bản sao bất hợp pháp hoặc vi phạm luật bản quyền.

Chỉ Sử Dung Phu Kiện Điện Tử Thượng Hiệu Nikon

Máy ảnh Nikon được thiết kế đáp ứng các tiêu chuẩn cao nhất và có các mạch điện tử phức tạp. Chỉ các phụ kiên điện tử thượng hiệu Nikon (bao gồm sac, pin, bộ đổi điện AC, và các phu kiện đèn nháy) có xác nhân của Nikon đặc biệt cho sử dụng với máy ảnh kỹ thuật số Nikon là được thiết kế và được chứng minh hoạt động theo các vêu cầu hoạt động và an toàn của mạch điện tử này.

Việc sử dụng các linh kiện điện tử không phải của Nikon có thể làm hỏng máy ảnh và có thể làm mất hiệu lực bảo hành của Nikon. Việc sử dụng pin sạc Li-ion của bên thứ ba không có tem bảo đảm của Nikon ở bên phải có thể gây trở ngại cho hoạt động bình thường của máy ảnh hoặc khiến pin bị quá nóng, cháy, phồng, hoặc bị rò rỉ.

Để biết thêm thông tin về phu kiên thương hiệu Nikon, hãy liên hệ với đại lý Nikon được uỷ quyền ở địa phương.



🔽 Chỉ Sử Dụng Phụ Kiện Thương Hiệu Nikon

Chỉ các có phụ kiện thương hiệu được Nikon chứng nhận đặc biệt cho sử dụng với máy ảnh số Nikon là được thiết kế và được chứng minh hoạt động theo các yêu cầu hoạt động và an toàn. Việc sử dụng các linh kiện ĐIỆN TỪ KHÔNG PHẢI CỦA NIKON CÓ THỂ LÀM HỎNG MÁY ẢNH VÀ CÓ THỂ LÀM MẤT HIỆU LỰC BẢO HÀNH CỦA NIKON.

🔽 Bảo Dưỡng Máy Ảnh và Phụ Kiện

Máy ảnh là thiết bị chính xác nên cần bảo dưỡng thường xuyên. Nikon khuyến cáo máy ảnh cần được kiểm tra bởi nhà bán lẻ ban đầu hoặc Đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền từ một đến hai năm một lần, và cần được bảo dưỡng sau mỗi ba đến năm năm (lưu ư có thể phải trả phí cho các dịch vụ này). Kiểm tra và bảo dưỡng thường xuyên được khuyến nghị nếu máy ảnh được sử dụng chuyên nghiệp. Nên kiểm tra hoặc bảo dưỡng bất kỳ phụ kiện nào thường xuyên được sử dụng với máy ảnh, chẳng hạn như các ống kính, bộ đèn nháy tùy chọn khi kiểm tra và bảo dưỡng máy ảnh.

🖉 Trước Khi Chụp Ảnh Quan Trọng

Trước khi chụp ảnh vào các dịp quan trọng (như tại đám cưới hay trước khi đem máy ảnh trong một chuyến đi), hãy chụp thử để đảm bảo rằng máy ảnh đang hoạt động bình thường. Nikon không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hoặc bị mất lợi nhuận do sự cổ sản phẩm.

🖉 Học Tập Suốt Đời

Là một phần cam kết "Học Tập Suốt Đời" của Nikon với hỗ trợ và hướng dẫn liên tục, thông tin được cập nhật liên tục trên web sau đây:

- Dành cho người dùng ở Hoa Kỳ: http://www.nikonusa.com/
- Dành cho người dùng ở châu Âu và châu Phi: http://www.europe-nikon.com/support/
- Dành cho người dùng ở châu Á, châu Đại Dương và Trung Đông: http://www.nikon-asia.com/

Truy cập vào các trang web này để cập nhật các thông tin sản phẩm, thủ thuật, câu trả lời cho câu hỏi thường gặp (FAQs), và lời khuyên chung mới nhất về ảnh kỹ thuật số và nhiếp ảnh. Thông tin thêm có thể được cung cấp từ đại diện của Nikon trong khu vực của bạn. Xem URL sau để biết thông tin liên lạc: *http://imaging.nikon.com/*

xviii

Giới thiệu

Tìm Hiểu Máy Ảnh

Hãy dành chút thời gian để làm quen với các điều khiển máy ảnh và hiển thị. Bạn có thể thấy hữu ích khi đánh dấu phần này và tham khảo lại khi đọc qua phần còn lại của tài liệu hướng dẫn.

<u>Thân Máy Ảnh</u>



Thân Máy Ảnh (Tiếp theo)



9	Nắp đầu cắm phụ kiện 325
10	Nút nhả ống kính25
11	Nút chế độ AF60, 63, 175, 176
12	Nút lẫy chọn chế độ lấy nét
13	Đầu cắm đồng bộ đèn nháy
14	Đầu nối USB211, 214
15	Đầu nối pin-mini HDMI 222
16	



*

Thân Máy Ảnh (Tiếp theo)

	10	11		
1-	9			-12
י 2-				-13
2) '		- 14
3-				- 15
4-				—16
5-				—17
6- 7-				-18
/- 8-				—19
•	Nikon			_20
				-21
1 2 3 4 5	Nút m Xóa Nút ▶ Phát lại Phát lại 34, 185 Màn hình Xem cài đặt Xem cài đặt 11 Xem ảnh 34 Xem trực tiếp Phát lại khuôn hình đẩy Nút MENU Menu Nút १ Trợ giúp 15 Bảo vệ 201 Cân bằng trắng 82	7 8 9 10 11	Nút 🕬 🗚 Thu nhỏ phát lại/hình thu 	u nhỏ 5, 197 133 126 128 àn 14 ế độ 179 290 23 28 28
6	Nút [®] / QUAL Phóng to phát lại199 Chất lượng/cỡ hình ảnh 56, 58	12	Nút 結 Sử dụng nút khóa AE/AF 66, 7	7, 267

*

13	Nút AF-ON
	AF-ON60
14	Đĩa lệnh chính 267
15	Bộ chọn đo sáng76
16	Nút 🞯 (OK) 16, 261
17	Đa bộ chọn16

18 10	Khóa bộ chọn lấy nét	64
17		32
20	Nút 🔤 (thông tin)	11
21	Nút 🖾1	72

🖉 Công tắc nguồn

Xoay công tắc nguồn như minh họa để bật máy ảnh.





Xoay công tắc nguồn như minh họa để tắt máy ảnh.



🖉 Đèn chiếu màn hình LCD

Nhấn nút 🔅 trong lúc đang bật máy ảnh sẽ kích hoạt đèn nền bảng điều khiển (đèn chiếu màn hình LCD), cho phép đọc màn hình hiển thị trong bóng tối. Đèn nền sẽ vẫn sáng trong khoảng 6 giây hoặc cho đến khi nhả màn trập hoặc nhấn nút 🔅 một lần nữa.



<u>Đĩa lệnh Chế độ phơi sáng</u>

Để chọn từ các chế độ được liệt kê dưới đây, hãy nâng và xoay đĩa lệnh chế độ phơi sáng.

- P Programmed auto (Tự động được lập trình) (CD 38)
- A Aperture-priority auto (Tự động ưu tiên độ mở ống kính) (□ 41)
- M Manual (Bằng tay) (🗆 42)



<u>Đĩa lệnh Chế độ nhả</u>

Xoay đĩa lệnh chế độ nhả để chọn chế độ nhả màn trập (III 46).





Đĩa lệnh chế độ nhả

Chế độ			Mô tả
SC CH Q S Mup	S	Single frame (Khuôn hình đơn)	Chụp một bức ảnh mỗi khi nhấn nút nhả màn trập.
CL H G S Mup 1250 000	CL	Continuous low speed (Tốc độ thấp liên tục)	Máy ảnh chụp ảnh ở tốc độ thấp trong khi nhấn nút nhả màn trập.
S CLCH S Mup	Сн	Continuous high speed (Tốc độ cao liên tục)	Máy ảnh chụp ảnh ở tốc độ cao trong khi nhấn nút nhả màn trập.
S CL CH Q S MUP	Q	Quiet shutter- release (Nhả màn trập không ồn)	Dùng cho khuôn hình đơn, trừ việc giảm nhiễu máy ảnh.
S CL CH	હ	Self-timer (Tự hẹn giờ)	Chụp ảnh tự hẹn giờ.
S CL CH Q Mup	Mup	Mirror up (Gương nâng lên)	Nâng gương lên trước khi chụp ảnh.

<u> Bảng Điều Khiển</u>



1	Tốc độ màn trập 39	9, 42
	Số khoảng thời gian chụp ảr	۱h
	hẹn giờ quãng thời gian	.158
2	Chỉ báo pin	29
3	Chỉ báo chụp bù trừ phơi sái	ng
	và đèn nháy	.137
	Chỉ báo chụp bù trừ WB	.141
	Chỉ báo chụp bù trừ ADL	.145
4	Chỉ báo đa phơi sáng	.150
5	Độ mở ống kính (số f)4	1,42
	Độ mở ống kính (số các điểr	n
	dừng)	37
	Số lượng ảnh chụp mỗi khoa	ảng
	thời gian	.158
	Chỉ báo chế độ PC	.325







Lưu ý: Màn hình được hiển thị tất cả các chỉ số chiếu sáng nhằm mục đích minh họa.

1	Lưới khuôn hình (hiển thị khi On (Bật) được chọn cho Cài Đặt Tùy Chỉnh d2)253	8 9
2	Điểm lấy nét64, 249	10
	Chế độ vùng AF62	
3	Khung vùng lấy nét tự động	
		11
4	Chỉ báo lấy nét 32, 69	
5	Đo sáng75	
6	Khóa tự động phơi sáng (AE) 77	
7	Chế độ phơi sáng36	12

8	Chỉ báo chương trình linh động 38
9	Tốc độ màn trập39, 42
	Chế độ lấy nét tự động59
0	Độ mở ống kính (số f)41, 42
	Độ mở ống kính (số các điểm
	dừng)37
1	Chỉ báo đơn sắc 100
	(được hiển thị khi Picture Control
	Monochrome (Đơn sắc) hoặc
	Picture Control dựa trên
	Monochrome (Đơn sắc) được chọn)
2	Cảnh báo pin yếu29

* Hiển thị khi gắn thiết bị đèn flash tùy chọn (^{III} 118). Chỉ báo đèn flash sẵn sàng sẽ bật sáng khi sạc đèn flash.

Không Có Pin

Khi pin hoàn toàn cạn kiệt hoặc không được lắp, màn hình hiển thị trong kính ngắm sẽ tối đi. Điều này là bình thường và không phải là sự cố. Hiển thị kính ngắm sẽ trở lại bình thường khi lắp vào pin đã sạc đầy.

🗹 Bảng Điều Khiển và Hiển Thị Kính Ngắm

Độ sáng của bảng điều khiển và hiển thị kính ngắm thay đổi theo nhiệt độ, và thời gian đáp ứng của hiển thị có thể giảm ở nhiệt độ thấp. Điều này là bình thường và không phải là sự cố.

Hiển Thị Thông Tin

Nhấn nút 🔤 để hiển thi tốc đô màn trập, đô mở ống kính, số lần chup còn lai, chế đô vùng AF và các thông tin chụp khác trong màn hình. Màn hình sẽ tự động sáng khi các cài đặt như cân bằng trắng và chất lượng hình ảnh được thay đổi bằng cách nhấn nút và xoay đĩa lệnh.



Nút 🔤



Lưu ý: Màn hình được hiển thi tất cả các chỉ số chiếu sáng nhằm mục đích minh họa.

1	Chế độ phơi sáng36	5	Chỉ báo nhiệt độ màu 88
2	Chỉ báo chương trình linh động	6	Chỉ báo điểm dừng độ mở ống
			kính37
3	Chỉ báo đồng bộ đèn flash 257		Chỉ báo thấu kính không Al
4	Tốc độ màn trập		
	Số lần chụp trong trong chuỗi	7	Độ mở ống kính (số f) 41, 42
	chụp bù trừ phơi sáng và đèn		Độ mở ống kính (số các điểm
	flash137		dừng)37
	Số lần chụp trong chuỗi chụp		Gia số chụp bù trừ 138, 142
	bù trừ cân bằng trắng 141		Số lần chụp trong chuỗi chụp
	Số lần phơi sáng (đa phơi sáng)		bù trừ ADL145
			Chế độ đa phơi sáng150
	Tiêu cự (ống kính không CPU)		Độ mở ống kính tối đa (ống kính
			không CPU)166
	Nhiệt độ màu88		-

8	Chỉ báo lấy nét tự động vùng tự	15	Chỉ báo "Chưa đặt đồng hồ"
	động64		
	Chỉ báo điểm lấy nét64	16	Gán nút Fn 263
	Chỉ báo chế độ vùng AF64	17	Gán nút AE-L/AF-L
	Chỉ báo theo dõi 3D 64	18	Chỉ báo Picture Control 101
9	Chỉ báo phơi sáng43	19	Chỉ báo giảm nhiễu phơi sáng
	Hiển thị bù phơi sáng 80		lâu
	Chỉ báo tiến độ chụp bù trừ	20	Tập hợp cài đặt tùy chỉnh 245
	Bù trừ đèn nháy và phơi sáng	21	Chỉ báo kiểm soát tối góc 241
	137	22	Cân bằng trắng 81
	WB bracketing (Chụp bù trừ	~~	Chỉ báo dò tinh chỉnh cân bằng
	WB)141		trắng 85
10	Chỉ báo "bíp"253	72	Chất lượng hình ảnh 55
11	Chỉ báo tín hiệu vệ tinh171	23	
12	Chỉ báo chup hen giờ theo	24	
	quãng thời gian160	25	Che do den nhay 125
13	"k" (xuất hiện khi bô nhớ vẫn		
	còn hơn 1000 lần chụp)		
14	Số lần chup còn lai		
	Chỉ báo khuếch đai tư đông đa		
	phơi sáng152		
	Số hiêu ống kính chỉnh tay 166		
	8 9 10 11 12 13 14	 8 Chỉ báo lấy nét tự động vùng tự động	8 Chỉ báo lấy nét tự động vùng tự động

🖉 Tắt Màn Hình

Để xóa thông tin chụp từ màn hình, nhấn nút 📾 hoặc nhấn nút nhả màn trập nửa chừng. Màn hình sẽ tự động tắt nếu không có hoạt động nào được thực hiện trong khoảng 10 giây.

🖉 Xem Thêm

Để biết thêm thông tin về cách chọn thời gian chờ màn hình, xem Cài Đặt Tùy Chỉnh c4 (**Monitor off delay (Độ trễ tắt màn hình)**, III 253). Để biết thông tin về thay đổi màu của các ký tự trong hiển thị thông tin, xem Cài Đặt Tùy Chỉnh d8 (**Information display (Hiển thị thông tin**), III 256). Màn hình hiển thị thông tin có thể được cài để tự động bật khi nhấn nút chụp nửa chừng; để biết thêm thông tin, hãy xem trang 273.

Hiển Thị Thông Tin (Tiếp theo)



26 Chỉ báo vùng hình ảnh52 27 Chế đô nhả 7, 46 Tốc độ chụp liên tục 254 28 Chế đô trễ phơi sáng 256 29 Chỉ báo khóa FV...... 131 30 Chỉ báo bù đèn nháy 128 Giá trị bù đèn nháy...... 128 31 Chỉ báo đa phơi sáng...... 153 32 Chỉ báo bù phơi sáng80 Giá trị bù phơi sáng......80 33 Giá trị chụp bù trừ ADL 111 34 Thông tin bản quyền 279 35 Chỉ báo pin máy ảnh......29 36 Chỉ báo nhận xét ảnh 278 37 Chỉ báo độ nhạy ISO70 Độ nhạy ISO70 Chỉ báo đô nhay ISO tư đông

38	Gán nút Pv 266
39	Chỉ báo HDR113
	Độ lệch phơi sáng HDR114
40	Chỉ báo D-Lighting hoạt động
41	Chỉ báo giảm nhiễu ISO cao
	242
42	Shooting menu bank (Tập hợp
	menu chụp)236
43	Chế độ lấy nét tự động 59
44	Chỉ báo kết nối Eye-Fi285
45	Auto distortion control (Điều
	khiển biến dạng tự động)241
46	Đo sáng
47	Chỉ báo chụp bù trừ phơi sáng
	và đèn nháy137
	Chỉ báo chụp bù trừ WB141
	Chỉ báo chup bù trừ ADL 145

<u>Núti</u>

Sử dụng nút *i* để truy cập nhanh đến các cài đặt thường dùng trong chế độ phát lại và trong quá trình chụp ảnh bằng kính ngắm và xem trực tiếp. Trong khi chụp ảnh qua kính ngắm, bạn có thể nhấn nút *i* để thay đổi các cài đặt được liệt kê ở dưới cùng màn hình hiển thị thông tin. Tô sáng các mục bằng đĩa





chọn đa năng và nhấn 🛞 để xem các tùy chọn cho mục được tô sáng đó.



1	Shooting menu bank (Tập hợp
	menu chụp) 236
2	Giảm nhiễu ISO cao 242
3	D-Lighting hoạt động 110
4	HDR (Dải động cao) 112
5	Gán nút Pv
6	Gán nút Fn
7	Gán nút AE-L/AF-L
8	Picture Control 100
9	Giảm nhiễu phơi sáng lâu 242
10	Tập hợp cài đặt tùy chỉnh 245

🖉 Mẹo Công Cụ



🖉 Xem Thêm

Để biết thông tin về cách sử dụng nút i truy cập vào các cài đặt trong khi chụp ảnh bằng xem trực tiếp, hãy xem trang 179, hoặc trang 290 để biết thông tin về việc hiển thị các tùy chọn chỉnh sửa trong khi phát lại toàn khung hình.

Menu Máy Ảnh

chon sẽ được hiển thi khi nhấn

màn hình.

Hầu hết các tùy chọn chụp, phát lại, và các tùy chọn cài đặt có thể được truy cập từ các menu máy ảnh. Để xem các menu, nhấn nút **MENU**.





nút. Nhấn ▲ hoặc ▼ để cuộn qua Nút ?/~ (WB)

*

💵 Sử Dụng Menu Máy Ảnh

Đĩa chọn đa năng và 🛞 được sử dụng để điều hướng các menu máy ảnh.



Thực hiện theo các bước dưới đây để điều hướng các menu.

 Hiển thị các menu. Nhấn nút MENU để hiển thị menu.





3 Chọn một menu.

Nhấn ▲ hoặc ▼ để chọn menu mong muốn.

	ē	PLAYBACK MENU	
	Ľ	Delete	卣
		Playback folder	NCDF
_		Hide image	~
	Τ.	Playback display options	
\supset		Image review	0FF
OK))►]		After delete	
Σ_{J}		Rotate tall	ON
		Slide show	


4 Đặt con trỏ vào menu được PLAYBACK MENU Delete chon. NCD Playback folde \leq Hide image Nhấn 🕨 đến vi trí con trỏ trong ayback display options review menu được chon. **ON 5** Tô sáng một mục menu. PLAYBACK MENU Delete Nhấn ▲ hoặc ▼ để tô sáng một Playback folder Hide image muc menu. ack display options **OFF** mage review La. ON 6 Hiển thị các tùy chọn. lmage review Nhấn 🕨 để hiển thi các tùy chon cho muc menu được On chon. Off Tô sáng một tùy chon. nage review Nhấn ▲ hoặc ▼ để tô sáng một On tùy chon. 8 Chon mục đã được tô sáng. Nhấn 🛞 để chon mục đã được tô sáng. Để thoát ra mà không chon, nhấn nút MENU.

Lưu ý những điều sau:

- Các mục menu được hiển thị màu xám sẽ không sử dụng được.
- Trong khi nhấn ▶ thường có tác dụng tương tự như cách nhấn ®, có một số trường hợp chỉ có thể thực hiện lựa chọn bằng cách nhấn
 ®.
- Để thoát khỏi menu và trở lại chế độ chụp, nhấn nửa chừng nút nhả màn trập (^[] 33).

Các Bước Đầu Tiên

<u>Gắn Dây Đeo Máy Ảnh</u>

Gắn dây đeo chặt vào hai lỗ xỏ của máy ảnh.



<u>Sạc Pin</u>

*

Máy ảnh chạy bằng pin sạc Li-ion EN-EL14a (đi kèm). Để tối đa hóa thời gian chụp, sạc pin bằng bộ sạch pin MH-24 kèm theo trước khi sử dụng. Nếu đi kèm phích cắm chuyển đổi, hãy nâng chân phích cắm gắn tường lên và gắn phích cắm chuyển đổi , đảm bảo cắm chân phích vào hết mức, rồi lắp pin và cắm điện bộ sạc.



Cần khoảng một giờ và 50 phút để sạc đầy pin khi hết pin. Rút phích cắm bộ sạc và tháo pin ra khi sạc xong.

Sạc Pin

Sạc pin trong nhà ở nhiệt độ môi trường xung quanh từ 5 °C–35 °C. Pin sẽ không sạc nếu nhiệt độ dưới 0 °C hoặc cao hơn 60 °C.

<u>Lắp Pin và Thẻ Nhớ</u>

Trước khi lắp pin hoặc thẻ nhớ, hãy xoay công tắc nguồn sang **OFF** (**TẤT**).

🚺 Lắp Và Tháo Pin Và Thẻ Nhớ

Luôn tắt máy ảnh trước khi lắp hoặc tháo pin hay thẻ nhớ.

Mở nắp khoang pin/nắp phủ khe thẻ nhớ.

Mở chốt (①) và mở (②) nắp khoang pin/ nắp phủ khe thẻ nhớ.



n.

2 Lắp pin.

Lắp pin theo hướng minh họa (①), dùng viên pin để giữ chốt pin bị ấn về một bên. Chốt sẽ khóa pin vào vị trí khi pin đã được lắp vào hết mức (②).



Không Có Thẻ Nhớ Nếu máy ảnh tắt với pin EN-EL14a đã sạc và không lắp thẻ nhớ, (- E -) sẽ được hiển thị trong bảng điều khiển và kính ngắm.

3 Lắp thẻ nhớ.

Giữ thẻ nhớ như minh hoa ở bên phải, trươt vào trong cho đến khi khớp vào vi trí. Đèn báo truy xuất thẻ nhớ sẽ sáng trong vài giây.

🖌 Lắp Thẻ Nhớ

Việc lắp ngược hoặc lắp trái đầu có thể làm hỏng máy ảnh hoặc thẻ. Kiểm tra để đảm bảo đã lắp thẻ đúng hướng. Nắp đây sẽ không đóng lai nếu thẻ không được lắp chính xác.

4 Đóng nắp khoang pin/nắp phủ khe thẻ nhớ.

Tháo Pin

Tắt máy ảnh và mở nắp khoang pin/nắp phủ khe thẻ nhớ. Nhấn chốt pin theo hướng được thể hiên bằng mũi tên để nhả pin và sau đó dùng tay tháo pin ra.

🖉 Tháo Thẻ Nhớ

Sau khi xác nhân rằng đèn báo truy xuất thẻ nhớ đã tắt, hãy tắt máy ảnh, mở nắp khoang pin/nắp phủ khe thẻ nhớ, và nhấn thẻ để đẩy nó ra (1). Lúc này có thể lấy thẻ ra bằng tay (2).









Măt trước





V Pin và Bộ Sạc

Đọc và làm theo những cảnh báo và lưu ý trên các trang x–xii và 335–338 của tài liệu hướng dẫn này. Không được sử dụng pin ở nhiệt độ môi trường xung quanh dưới 0 °C hoặc trên 40 °C; không tuân thủ đề phòng này có thể làm hỏng pin hoặc làm giảm hiệu suất pin. Công suất có thể giảm xuống và thời gian sạc có thể tăng ở nhiệt độ pin từ 0 °C đến 15 °C và từ 45 °C đến 60 °C.

Nếu đèn **CHARGE (SẠC)** nhấp nháy (khoảng tám lần một giây) trong quá trình sạc, hãy xác nhận rằng nhiệt độ đang ở phạm vi phù hợp và sau đó rút phích cắm bộ sạc rồi tháo và lắp lại pin. Nếu vấn đề vẫn còn, ngừng sử dụng ngay lập tức và mang pin và bộ sạc tới đại lý bán lẻ của bạn hoặc Đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền.

Không được đoản mạch các đầu cực của bộ sạc; không tuân thủ đề phòng này có thể dẫn đến quá nóng và làm hỏng bộ sạc. Không di chuyển bộ sạc hoặc chạm vào pin trong quá trình sạc. Việc không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này trong một vài trường hợp hiếm hoi sẽ khiến bộ sạc báo là đã sạc xong trong khi pin chỉ mới sạc được một phần. Tháo và lắp lại pin để bắt đầu sạc lại.

Chỉ sử dụng bộ sạc với pin tương thích. Rút phích cắm khi không sử dụng.

🖉 Định Dạng Thẻ Nhớ

Nếu thẻ nhớ được sử dụng lần đầu trên máy ảnh hoặc nếu thẻ đã được định dạng trên một thiết bị khác, hãy chọn **Format memory card (Định dạng thẻ nhớ)** trong menu cài đặt và thực hiện theo các hướng dẫn định dạng thẻ trên màn hình (^{CII} 272). Lưu ý rằng thao tác này sẽ xóa vĩnh viễn toàn bô dữ liệu mà thẻ nhớ lưu trữ. Hãy chắc



chắn sao chép bất kỳ hình ảnh và dữ liệu nào khác mà bạn muốn giữ lại vào máy tính trước khi tiến hành.

Thẻ Nhớ

- Thẻ nhớ có thể nóng sau khi sử dụng. Cần hết sức thận trọng khi tháo thẻ nhớ khỏi máy ảnh.
- Tắt nguồn trước khi lắp hay tháo thẻ nhớ. Không được tháo các thẻ nhớ khỏi máy ảnh, tắt máy ảnh, hoặc tháo hay ngắt kết nối nguồn điện trong khi đang định dạng hoặc trong khi ghi, xóa, hoặc sao chép dữ liệu vào máy tính. Không tuân thủ đề phòng này có thể dẫn đến mất dữ liệu hoặc hư hại máy ảnh hoặc thẻ nhớ.
- Không để ngón tay hoặc các vật kim loại chạm vào các đầu cực thẻ.
- Không bẻ cong, làm rơi hay để va đập mạnh.
- Không dùng lực ép vỏ thẻ. Không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể làm hư thẻ.
- Không để tiếp xúc với nước, độ ẩm cao, hoặc ánh sáng mặt trời trực tiếp.
- Không định dạng thẻ nhớ trong máy tính.

🖉 Khóa Chuyển Chống Ghi

Các thẻ nhớ SD được trang bị khóa chuyển chống ghi để tránh mất mát dữ liệu ngẫu nhiên. Khi công tắc này ở vị trí "lock (khóa)", không thể định dạng thẻ nhớ và không thể xóa hoặc ghi được ảnh



Khóa chuyển chống ghi

(cảnh báo sẽ được hiển thị trong màn hình nếu bạn cố gắng nhả màn trập). Để mở khóa thẻ nhớ, trượt công tắc sang vị trí "write (ghi)".

🖉 Nắp Thị Kính

Sử dụng dây đi kèm để gắn nắp thị kính vào dây đeo máy ảnh như minh họa.



Để ngăn ánh sáng vào qua kính ngắm gây nhiễu phơi sáng, hãy gắn nắp thị kính vào trong chế độ xem trực tiếp, phơi sáng lâu, chụp tự hẹn giờ và trong các trường hợp khác mà bạn không muốn nhìn qua kính ngắm khi cửa trập mở. Để tháo nắp này ra, hãy nhấn vào phần kẹp và nhấc lên.



🖉 Tháo Nắp Thị Kính Kính Ngắm

Phải tháo nắp thị kính kính ngắm trước khi có thể lắp thấu kính ngắm điều chỉnh độ khúc xạ tùy chọn. Để tháo nắp thị kính, giữ nhẹ nó giữa ngón tay và ngón cái và xoay nó như minh họa.



<u>Lắp Ống Kính</u>

Cần cẩn thận để tránh bụi xâm nhập vào máy ảnh khi tháo ống kính. Thấu kính thường được sử dụng trong tài liệu hướng dẫn này cho mục đích minh họa là AF-S NIKKOR 50mm f/1.8G (Special Edition).

Gắn ống kính như minh họa.



Đảm bảo đã tắt máy ảnh khi tháo hoặc đổi ống kính. Để tháo ống kính, nhấn và giữ nút nhả ống kính (①) trong khi xoay ống kính theo chiều kim đồng hồ (②). Sau khi tháo ống kính, hãy đậy lại nắp ống kính và nắp thân máy ảnh.

🖉 Chế Độ Lấy Nét Của Ống Kính

Nếu ống kính được trang bị khóa chuyển chế độ lấy nét, hãy chọn chế độ tự động lấy nét (A, M/A, hoặc A/M).







🚺 Ống Kính CPU với Vòng Độ Mở Ống Kính

Trong trường hợp ống kính CPU được trang bị vòng độ mở ống kính (III 320), hãy khóa độ mở ống kính ở cài đặt tối thiểu (số f cao nhất).

Thấu kính không CPU/không AI

Có thể sử dụng máy ảnh với thấu kính không CPU và các thấu kính không trang bị cơ chế AI (thấu kính không AI; 🎞 163).

🖉 Vùng Hình Ảnh

Vùng hình ảnh định dạng DX được chọn tự động khi gắn ống kính DX (따 51).



Cài Đăt Cơ Bản

Một hộp thoại lựa chọn ngôn ngữ sẽ được hiển thi khi lần đầu tiên bật máy ảnh. Chon ngôn ngữ và cài thời gian và ngày tháng. Không thể chụp được ảnh cho tới khi bạn đã cài đặt thời gian và ngày tháng.

1 Bât máy ảnh.

Một hộp thoại lưa chon ngôn ngữ sẽ được hiển thi.

- 2 Chon ngôn ngữ. Language čeština Nhấn ▲ hoặc ▼ để tô sáng Dansk Deutsch ngôn ngữ mong muốn và nhấn Fnalish Fenañol ΘК). Ελληνικά Francais
- 3 Chon múi giờ. Một hộp thoại lưa chon múi giờ sẽ được hiển thi. Nhấn **4** hoặc để tô sáng múi giờ địa phương (trường UTC thể hiện sư khác biệt giữa múi giờ đã chon và Múi giờ guốc tế, hoặc UTC, tính bằng giờ) và nhấn 🙉.
- 4 Chon định dạng ngày. Nhấn ▲ hoặc ▼ để lưa chon thứ tư hiển thi năm, tháng và ngày. Nhấn 🞯 để tiến hành bước tiếp theo.



on. Casablanca 01/01/2013 00:00:00

Time zone

5 Bật hoặc tắt thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày.

Các tùy chon thời gian tiết kiêm ánh sáng ban ngày sẽ được hiển thi. Thời gian tiết kiêm ánh sáng ban ngày được tắt theo mặc

định; nếu thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày có hiệu lực theo múi giờ địa phương thì nhấn ▲ để tô sáng **On (Bât)** và nhấn _☉.

6 Cài ngày và thời gian. Hộp thoại hiển thi ở bên phải sẽ

được hiển thi. Nhấn 🗲 hoặc 🕨 để chon một mục, ▲ hoặc ▼ để thay đổi. Nhấn 🛞 để đặt giờ và thoát chế độ chụp (lưu ý rằng máy ảnh sử dụng đồng hồ 24 giờ).

🖉 Cài Đăt Đồng Hồ

Có thể thay đổi cài đặt ngôn ngữ và ngày/giờ bất cứ lúc nào bằng các tùy chon Language (Ngôn ngữ) (C 277) và Time zone and date (Múi giờ và ngày) (🕮 276) trong menu cài đặt. Cũng có thể cài đồng hồ máy ảnh bằng cách sử dung dữ liêu do thiết bi GPS tùy chon cung cấp (🕮 170).

🖉 Pin Đồng Hồ

Đồng hồ máy ảnh được cấp nguồn bởi một nguồn độc lập, có thể sạc mà sẽ được nạp điện lúc cần thiết khi pin chính được lắp vào hoặc khi máy ảnh được cấp nguồn nhờ đầu nối nguồn và bô đổi điện AC tùy chon (III 323). Hai ngày sac sẽ cấp đủ nguồn cho đồng hồ khoảng ba tháng. Nếu máy ảnh hiển thị cảnh báo lúc khởi động rằng đồng hồ chưa được cài và biểu tượng **ETERSI** nhấp nháy trong màn hình hiển thi thông tin, thì pin đồng hồ đã hết và đồng hồ đã được đặt lại. Hãy cài thời gian và ngày chính xác cho đồng hồ.

Ø Đồng Hồ Máy Ảnh

Đồng hồ máy ảnh không chính xác bằng đa số các đồng hồ đeo tay và đồng hồ thường dùng trong nhà. Kiểm tra đồng hồ thường xuyên để chỉnh thời gian chính xác hơn và cài đăt lai khi cần thiết.







<u>Điều Chỉnh Lấy Nét Kính Ngắm</u>

Máy ảnh được trang bị nút điều chỉnh đi-ốp để thích ứng với những khác biệt về thị lực của mỗi người. Kiểm tra xem hiển thị trong kính ngắm đã được lấy nét chưa trước khi lấy khuôn ảnh trong kính ngắm.

1 Bật máy ảnh.

Tháo nắp ống kính và bật máy ảnh.

2 Lấy nét kính ngắm.

Xoay nút điều chỉnh đi-ốp cho đến khi khung vùng lấy nét tự động được lấy nét sắc nét. Khi sử dụng nút điều chỉnh đi-ốp với mắt ngắm kính ngắm, cẩn



thận không để ngón tay hoặc móng tay chọc vào mắt.



🖉 Điều Chỉnh Lấy Nét Kính Ngắm

Nếu bạn không thể lấy nét kính ngắm như mô tả ở trên, hãy chọn tự động lấy nét đơn (single-servo) (**AF-S**; \Box 59), tự động lấy nét điểm đơn (\Box 62) và điểm lấy nét giữa (\Box 65), sau đó đóng khung chủ thể có độ tương phản cao ở điểm lấy nét giữa và nhấn nút nhả màn trập nửa chừng để lấy nét máy ảnh. Khi máy ảnh đang lấy nét, hãy sử dụng nút điều chỉnh đi-ốp để lấy nét rõ ràng chủ thể trong kính ngắm. Nếu cần thiết, có thể điều chỉnh thêm lấy nét kính ngắm bằng cách sử dụng các ống kính hiệu chỉnh tùy chọn (\Box 324).

Cơ Bản Về Nhiếp Ảnh và Phát Lại

Chụp ảnh

<u> Bật Máy Ảnh</u>

Trước khi chụp, hãy bật máy ảnh, kiểm tra mức pin và số lần chụp sáng còn lại như mô tả dưới đây.

1 Bật máy ảnh.

Bật máy ảnh. Bảng điều khiển sẽ bật và màn hình hiển thị trong kính ngắm sẽ sáng.

Công tắc nguồn



2 Kiểm tra mức pin.

Kiểm tra mức pin trong bảng điều khiển hoặc kính ngắm.



Biểu tượng		
Bảng điều khiển	Kính ngắm	Mô tả
4772	—	Pin đã sạc đầy.
4	_	Pin đã xả một phần.
4	-	Pin yếu. Sạc pin hoặc sẵn sàng pin dự
		phòng.
4_4		Hết pin; nhả màn trập bị vô hiệu hóa.
(nhấp nháy)	(nhấp nháy)	Sạc hoặc thay pin.

3 Kiểm tra số lần chụp còn lại. Bảng điều khiển sẽ cho biết số lượp

Bảng điều khiển sẽ cho biết số lượng bức ảnh có thể chụp được ở cài đặt hiện hành (giá trị hơn 1000 sẽ được làm tròn xuống đơn vị hàng trăm gần nhất; ví dụ các giá trị trong khoảng 2900 và 2999 sẽ được hiển thị là 2,9 k). Khi số này về đến



không, **1** sẽ nhấp nháy trong phần hiển thị số đếm lần chụp trong khi hiển thị tốc độ màn trập sẽ nhấp nháy **F** u L L hoặc Fu L. Hãy lắp thẻ nhớ khác hoặc xóa bớt ảnh.

🚽 <u>Chọn Chế Độ Phơi Sáng</u>

Nâng đĩa lệnh chế độ phơi sáng và xoay nó đến cài đặt mong muốn.



🖉 Lau Cảm Biến Hình Ảnh

Máy ảnh sẽ làm rung bộ lọc khử răng cưa (low-pass filter) bao quanh bộ phận cảm biến hình ảnh để loại bỏ bụi bẩn khi bật hoặc tắt máy (따 329).

<u>Chuẩn bị máy ảnh sẵn sàng</u>

Khi bố cục khuôn hình cho bức ảnh trong kính ngắm, tay phải giữ phần tay nắm và tay trái đỡ thân máy hoặc ống kính. Giữ khuỷu tay chống nhẹ lên thân người làm điểm tựa và đặt một chân trước chân kia nửa bước để giữ vững phần trên cơ thể. Khi lấy khung hình cho ảnh chân dung (hướng dọc), giữ máy ảnh như minh họa ở phần cuối của ba hình minh họa ở bên phải.





<u>Lấy Nét và Chụp</u>

1 Nhấn nút nhả màn trập nửa chừng. Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để lấy nét. Điểm lấy nét thực sẽ hiển thị.



2 Kiểm tra các chỉ báo trong kính ngắm. Khi thao tác lấv nét hoàn tất, chỉ báo đã lấv nét được (•) sẽ

xuất hiên trong kính ngắm.

Hiển thị kính ngắm	Mô tả
•	Đối tượng lấy nét.
	Điểm lấy nét nằm giữa máy ảnh và đối tượng.
<	Điểm lấy nét nằm sau đối tượng.
▶ ◀	Máy ảnh không thể lấy nét đối tượng tại
(nhấp nháy)	điểm lấy nét bằng chức năng tự động lấy nét.

Khi nhấn nửa chừng nút nhả màn trập, máy sẽ khóa lấy nét và số lần phơi sáng có thể được lưu trữ trong bộ nhớ đệm ("**r**"; 🕮 47) sẽ được hiển thi trong kính ngắm.

Để biết thông tin cần làm những gì nếu máy ảnh không thể tư động lấy nét, hãy xem mục "Đạt Kết Quả Tốt với Lấy Nét Tư Đông" (🕮 61).

3 Chup.

Nhấn nhẹ nút nhả màn trập hết mức còn lai để nhả màn trập và ghi ảnh. Trong khi ghi ảnh vào thẻ nhớ, đèn báo truy xuất thẻ nhớ sẽ phát sáng. Không được tháo thẻ nhớ hoặc gỡ hay ngắt nguồn cho đến khi đèn này đã tắt và việc ghi hoàn tất.



Đèn báo truy xuất thẻ nhớ



1659

🖉 Nút Nhả Màn Trập

Máy ảnh này có một nút nhả màn trập hai giai đoạn. Máy ảnh sẽ lấy nét khi nút nhả màn trập được nhấn nửa chừng. Để chup ảnh, tiếp tục nhấn nút nhả màn trập hết cỡ.







Chup: nhấn hết cỡ

Hen Giờ Chờ

Hiển thi kính ngắm, bảng điều khiển tốc đô màn trập và đô mở ống kính sẽ tắt nếu không hoat đông trong vòng 6 giây, giúp giảm tiêu hao pin. Nhấn nút nhả màn trập nửa chừng để bật lại hiển thị. Có thể chọn đô dài thời gian trước khi bô hen giờ chờ tư đông hết han bằng cách sử dung Cài Đăt Tùy Chỉnh c2 (**Standby timer (Hen giờ chờ)**, 🕮 251).



-

Phát Lại Cơ Bản

1 Nhấn nút **⊡**.

Bức ảnh sẽ hiển thị trên màn hình.





Để kết thúc phát lại và trở về chế độ chụp, nhấn nút nhả màn trập nửa chừng.

🖉 Image Review (Xem Lại Hình Ảnh)

Khi **On (Bật)** được chọn cho **Image review (Xem lại hình ảnh)** trong menu phát lại (🕮 232), các bức ảnh được tự động hiển thị trên màn hình khoảng vài giây sau khi chụp.

Xóa Các Bức Ảnh Không Mong Muốn

Để xóa ảnh hiện đang hiển thị trên màn hình, nhấn nút m. Lưu ý rằng ảnh đã xóa không thể phục hồi lại.



🖉 Delete (Xóa)

▶.

Để xóa ảnh được chọn (따 205), tất cả ảnh chụp vào ngày được chọn (따 206), hay tất cả ảnh tại thư mục hiện thời (따 205), hãy dùng tùy chọn **Delete (Xóa)** trên menu phát lại.

Chế Độ Phơi Sáng

Để chọn chế độ phơi sáng, hãy nâng và xoay đĩa lệnh chế độ phơi sáng.



Chế độ	Mô tả
Р	Programmed auto (Tự động được lập trình) (III 38): Máy ảnh đặt tốc độ cửa trập và độ mở ống kính để có được độ phơi sáng tối ưu. Được dùng cho những ảnh chụp nhanh hoặc trong các tình huống có rất ít thời gian để điều chỉnh cài đặt máy ảnh.
S	Shutter-priority auto (Tự động ưu tiên cửa trập) (口 39): Người dùng chọn tốc độ cửa trập; máy ảnh sẽ chọn độ mở ống kính để có kết quả tốt nhất. Sử dụng cho ảnh chụp dạng đóng băng hoặc chuyển động mờ.
A	Aperture-priority auto (Tự động ưu tiên độ mở ống kính) (🕮 41): Người dùng chọn độ mở ống kính; máy ảnh sẽ chọn tốc độ cửa trập để có kết quả tốt nhất. Sử dụng để làm mờ nền hoặc lấy nét cả nền trước và nền sau.
М	Manual (Bằng tay) (🎞 42): Người dùng kiểm soát cả tốc độ cửa trập và độ mở ống kính. Đặt tốc độ cửa trập thành Bóng đèn (B) hoặc Thời gian (T) để phơi sáng kéo dài.

🖉 Loại Ống Kính

Khi sử dụng ống kính CPU được trang bị vòng độ mở ống kính (🎞 320), hãy khóa vòng độ mở ống kính ở độ mở ống kính tối thiểu (số f là cao nhất). Loại ống kính G và E không được trang bị vòng độ mở ống kính.

Khi sử dụng các ống kính không CPU (🕮 163), hãy chọn chế độ phơi sáng **A** hoặc **M** và điều chỉnh độ mở ống kính bằng vòng độ mở ống kính trên ống kính. Nếu chọn chế độ phơi sáng **P** hoặc **S** trên ống kính không CPU, máy ảnh sẽ hoạt động ở chế độ phơi sáng **A** và **A** sẽ xuất hiện trong kính ngắm. Xem trang 318 để biết thêm thông tin.

🖉 Ống Kính Không CPU (🕮 163)

Sử dụng vòng độ mở ống kính để điều chỉnh độ mở ống kính. Nếu độ mở ống kính tối đa của ống kính đã được xác định bằng cách sử dụng mục **Non-CPU lens data (Dữ liệu ống kính không CPU)** trong menu cài đặt (^{III} 163) khi gắn ống kính không CPU, thì số f hiện tại sẽ được hiển thi trong kính ngắm và bảng



điều khiển, được làm tròn đến mức gần nhất. Nếu không, mục hiển thị độ mở ống kính sẽ chỉ hiện số điểm dừng (JF, với độ mở ống kính tối đa được hiển thị là JF;), và phải đọc số f từ vòng độ mở ống kính trên ống kính. Độ mở ống kính không được trang bị cho cơ chế Al (thấu kính không Al) được điều chỉnh bằng vòng độ mở ống kính. Những thay đổi về độ mở ống kính sẽ không được hiển thị trong màn hình máy ảnh; hãy sử dụng đĩa lệnh phụ để cài máy ảnh về độ mở ống kính đã chọn bằng vòng độ mở ống kính đã chọn bằng vòng độ mở ống kính đã chọn bằng vòng độ mở ống kính tran thi trong màn hình máy ảnh cế thếng trang trang

PS AM

<u> P: Tự động được lập trình</u>

Ở chế độ này, máy ảnh sẽ tự động điều chỉnh tốc độ cửa trập và độ mở ống kính theo chương trình có sẵn trong máy để đảm bảo phơi sáng tối ưu trong hầu hết các trường hợp.



PS AM

🖉 Chương Trình Linh Động

Ở chế độ phơi sáng **P**, có thể chọn các kết hợp tốc độ cửa trập và độ mở ống kính khác nhau bằng cách xoay đĩa lệnh chính khi đo phơi sáng được bật ("chương trình linh động"). Xoay đĩa lệnh về bên phải để lấy độ mở ống kính lớn (số f thấp) nhằm làm mờ các chi tiết nền, hoặc tốc độ cửa trập nhanh sẽ "đóng băng" chuyển động. Xoay đĩa lệnh sang bên trái để lấy độ mở ống kính nhỏ (số f cao) nhằm tăng độ sâu trường ảnh, hoặc tốc độ cửa trập chậm sẽ làm mờ chuyển động. Tất cả các kết hợp đều tạo ra độ



phơi sáng giống nhau. Khi bật chương trình linh động, chỉ báo ***** sẽ xuất hiện trên kính ngắm. Để khôi phục lại cài đặt tốc độ cửa trập và độ mở ống kính mặc định, hãy xoay đĩa lệnh đến khi không hiển thị chỉ báo đó, chọn một chế độ phơi sáng khác hoặc tắt máy ảnh.

🖉 Xem Thêm

Xem trang 339 để biết thêm thông tin về chương trình phơi sáng có sẵn trong máy.

<u>S: Tự Động Ưu Tiên Cửa Trập</u>

Trong chế độ tự động ưu tiên cửa trập, bạn xoay đĩa lệnh tốc độ cửa trập để chọn tốc độ cửa trập và máy ảnh sẽ tự động chọn độ mở ống kính để tạo ra phơi sáng tối ưu. Đĩa lệnh sẽ khóa tại cài đặt **1/3 STEP**, **X**, và **T**; để chọn cài đặt khác, hãy nhấn giữ nút nhả khóa đĩa lệnh tốc độ cửa trập trong khi xoay đĩa lệnh.





Cài đặt T (time (thời gian), ¹ 44) và B (bulb (bóng đèn), ¹ 44) chỉ có hiệu lực ở chế độ phơi sáng M.

🖉 Xem Thêm

Để biết thông tin về cách sử dụng đĩa lệnh để tinh chỉnh tốc độ cửa trập được chọn bằng đĩa lệnh tốc độ cửa trập, hãy xem Cài Đặt Tùy Chỉnh f11 (**Easy shutter-speed shift (Chuyển nhanh tốc độ cửa trập)**; ⁽¹¹⁾ 270). Xem trang 347 để biết thông tin phải làm gì nếu xuất hiện chỉ báo nhấp nháy "**bu l b**" hoặc "- " trên hiển thị tốc độ cửa trập. PS AM

<u>1/3 STEP (Các chế độ phơi sáng S và M)</u>

Khi xoay đĩa lệnh tốc độ cửa trập đến **1/3 STEP**, có thể điều chỉnh tốc độ cửa trập theo các gia số ¹/3 EV bằng cách xoay đĩa lệnh chính; tốc độ cửa trập đã chọn sẽ được hiển thị trong bảng điều khiển và kính ngắm. Chọn các giá trị trong khoảng ¹/4000 đến 30 giây. Ở chế độ phơi sáng **M**, có thể sử dụng các tốc độ "Bulb (Bóng đèn)" và "Time (Thời gian)" để ghi hình phơi sáng kéo dài.





Đĩa lệnh chính



<u>A: Tự Động Ưu Tiên Độ Mở Ống Kính</u>

Trong chế độ tự động ưu tiên độ mở ống kính, bạn sẽ chọn độ mở ống kính trong khi máy ảnh tự động chọn tốc độ cửa trập để cho độ phơi sáng tối ưu. Để chọn độ mở ống kính giữa giá trị tối thiểu và tối đa cho ống kính, hãy xoay đĩa lệnh phụ trong khi đang bật đo phơi sáng; độ mở ống kính được chọn sẽ được hiển thị trong bảng điều khiển và kính ngắm.



Đĩa lệnh phụ

PS AM



🖉 ống Kính có Vòng Độ Mở ống Kính

Nếu chọn **Aperture ring (Vòng độ mở ống kính)** cho Cài Đặt Tùy Chỉnh f7 (**Customize command dials (Tùy chọn đĩa lệnh)**) > **Aperture setting (Cài đặt độ mở ống kính)** (^(III) 268), thì có thể cài độ mở ống kính bằng vòng độ mở ống kính trên ống kính.

🖉 Xem Trước Độ Sâu Của Trường

Để xem trước hiệu ứng của độ mở ống kính, hãy nhấn và giữ nút **Pv**. Ống kính sẽ dừng lại ở giá trị độ mở ống kính mà máy ảnh lựa chọn (các chế độ phơi sáng **P** và **S**) hoặc giá trị do người dùng chọn (các chế độ phơi sáng **A** và **M**), cho phép xem trước độ sâu trường ảnh trong kính ngắm.

Nút Pv

🖉 Cài Đặt Tùy Chỉnh e5—Modeling Flash (Đánh Đèn Nháy Xem Trước)

Cài đặt này kiểm soát liệu các thiết bị đèn nháy tùy chọn có hỗ trợ Hệ Thống Chiếu Sáng Sáng Tạo (CLS; 🎞 118) của Nikon sẽ đánh đèn nháy xem trước hay không khi nhấn nút **Pv**. Xem trang 259 để biết thêm thông tin.

<u>M: Bằng tay</u>

Trong chế độ phơi sáng bằng tay, bạn điều khiển cả tốc độ cửa trập và độ mở ống kính. Trong khi đang bật đo phơi sáng, hãy xoay đĩa lệnh phụ để cài độ mở ống kính đến giá trị trong khoảng tối thiểu và tối đa cho ống kính; để cài tốc độ cửa trập, hãy bấm giữ nút nhả



khóa đĩa lệnh tốc độ cửa trập trong khi xoay đĩa lệnh tốc độ cửa trập. Sử dụng chỉ báo phơi sáng để kiểm tra phơi sáng.



Đĩa lệnh tốc độ cửa

trâp

Đĩa lệnh phụ





🖉 ống Kính có Vòng Độ Mở ống Kính

Nếu chọn **Aperture ring (Vòng độ mở ống kính)** cho Cài Đặt Tùy Chỉnh f7 (**Customize Command Dials (Tùy chọn đĩa lệnh)**) > **Aperture setting (Cài đặt độ mở ống kính)** (^{CD} 268), thì có thể cài độ mở ống kính bằng vòng độ mở ống kính trên ống kính.

🖉 Chỉ Báo Phơi Sáng

Nếu chọn tốc độ cửa trập khác ngoài "bulb (bóng đèn)" hoặc "time (thời gian)", chỉ báo phơi sáng trên kính ngắm sẽ cho thấy bức ảnh có bị phơi sáng thiếu hoặc thừa ở cài đặt hiện tại hay không. Nếu vượt quá giới hạn của hệ thống đo sáng, màn hình hiển thị sẽ nhấp nháy.

Phơi sáng tối ưu	Phơi sáng thiếu khoảng ¹ /3 EV	Phơi sáng quá mức hơn 2 EV
+	+	0 +

🖉 Xem Thêm

Để biết thông tin về cách sử dụng đĩa lệnh để tinh chỉnh tốc độ cửa trập được chọn bằng đĩa lệnh tốc độ cửa trập, hãy xem Cài Đặt Tùy Chỉnh f11 (**Easy shutter-speed shift (Chuyển nhanh tốc độ cửa trập)**; ^[1] 270). Để biết thông tin về đảo ngược các chỉ báo phơi sáng để hiển thị các giá trị âm ở bên phải và các giá trị dương ở bên trái, hãy xem Cài Đặt Tùy Chỉnh f10 (**Reverse indicators (Đảo ngược chỉ báo)**, ^[1] 269).

💵 Phơi Sáng Kéo Dài (Chỉ Chế Độ M)

Chọn các tốc độ cửa trập sau để phơi sáng kéo dài cho các vệt sáng di chuyển, các ngôi sao, phong cảnh ban đêm, hoặc pháo hoa.

 Bulb (Bóng đèn) (B): Màn trập vẫn mở trong khi nhấn giữ nút nhả màn trập. Để tránh ảnh bị mờ, hãy dùng giá ba chân hoặc bộ điều khiển từ xa không dây tùy chọn (III 325) hoặc dây chụp từ xa (III 325).



Thời gian phơi sáng: 35 giây Độ mở ống kính: f/25

 Time (Thời gian) (T): Bắt đầu phơi sáng bằng cách sử dụng nút nhả màn trập trên máy ảnh hoặc trên dây chụp từ xa tùy chọn, hoặc bộ điều khiển từ xa không dây. Màn trập mở trong ba mươi phút hoặc cho tới khi nhấn nút lần thứ hai.

Trước khi tiến hành, hãy gắn máy ảnh trên giá ba chân hoặc đặt trên một bề mặt bằng phẳng, ổn định. Để tránh mất nguồn trước khi hoàn tất phơi sáng, hãy sử dụng pin đã sạc đầy hoặc bộ đổi điện AC và đầu nối nguồn tùy chọn. Lưu ý rằng nhiễu (các điểm sáng, điểm ảnh sáng rải rác ngẫu nhiên hoặc vệt mờ) có thể xuất hiện khi phơi sáng lâu; trước khi chụp, hãy chọn **On (Bật)** cho **Long exposure NR (Giảm nhiễu phơi sáng lâu)** trong menu chụp (\square 242). Để ngăn ánh sáng vào qua kính ngắm gây nhiễu ảnh chụp hoặc phơi sáng, hãy che kính ngắm bằng nắp thị kính đi kèm (\square 23).

Xoay đĩa lệnh chế độ phơi sáng sang M.

Đĩa lệnh chế độ phơi sáng



PS AM



3 Mở màn trập.

Bulb (Bóng đèn): Sau khi lấy nét, nhấn nút nhả màn trập hết cỡ trên máy ảnh hoặc dây chụp từ xa hoặc điều khiển từ xa không dây tùy chọn. Bấm giữ nút nhả màn trập cho tới khi kết thúc phơi sáng.

Time (Thời gian): Nhấn nút nhả cửa trập xuống hết cỡ.

4 Đóng màn trập.

Bulb (Bóng đèn): Thả ngón tay khỏi nút nhả màn trập.

Time (Thời gian): Nhấn nút nhả cửa trập xuống hết cỡ. Việc chụp tự động kết thúc sau ba mươi phút.

Chế Độ Nhả

Chọn Chế Độ Nhả

Để chọn chế độ nhả, hãy xoay đĩa lệnh chế độ nhả đến cài đặt mong muốn (🎞 7).



Chế độ	Mô tả		
S	Khuôn hình đơn: Máy ảnh sẽ chụp một ảnh mỗi lần nhấn nút nhả màn trập.		
<i>.</i> .	Tốc độ thấp liên tục : Trong khi nhấn giữ nút nhả màn trập, máy ảnh sẽ		
	ghi 1–5 khuôn hình mỗi giây. ¹ Có thể chọn tốc độ khuôn hình bằng		
CL	Cài Đặt Tùy Chỉnh d5 (CL mode shooting speed (Tốc độ chụp chế		
	độ CL), 🕮 254).		
<i>C</i>	Tốc độ cao liên tục : Trong khi nhấn giữ nút nhả màn trập, máy ảnh sẽ		
	ghi lên đến 5,5 khuôn hình trong một giây. ²		
Q	Nhả màn trập không ồn: Cũng như khuôn hình đơn, ngoại trừ gương sẽ		
	không lật trở lại vào vị trí khi nhấn hết cỡ nút nhả màn trập, cho phép		
	người dùng kiểm soát thời gian gương lật vào giúp đỡ ồn hơn so với ở chế		
	độ khuôn hình đơn. Ngoài ra, máy cũng không phát tiếng bíp bất kế cài		
	đặt đã chọn cho Cài Đặt Tùy Chỉnh d1 như thế nào (Beep (Bíp) ; 🕮 253).		
હ	Tự hẹn giờ : Chụp ảnh tự hẹn giờ (🎞 48).		
	Gương nâng lên : Chọn chế độ này để giảm rung lắc máy ảnh khi chụp		
Mup	xa hoặc chụp cận cảnh hoặc trong các tình huống khác mà chỉ cần		
	chuyến động nhỏ nhất của máy ảnh cũng khiến ảnh bị mờ.		
1 Tố	c độ khuôn hình trung bình với pin EN-EL14a, lấy nét tự động phần phụ		
liê	n tục, phơi sáng tự động ưu tiên cửa trập hoặc bằng tay, tốc độ màn trập		
1/200 giây hoặc nhanh hơn, các cài đặt còn lại khác với Cài Đặt Tùy Chỉnh d5 ỏ			
các giá trị mặc định và bộ nhớ còn lại trong bộ nhớ đệm.			
2 10	c độ khuôn hình trung bình với pin EN-EL14a, lấy nét tự động phần phụ liên tục,		
phơi sang tự dọng ưu tiên của trập noặc bảng tay, tóc độ man trập '/200 giay hoặc			
nnann nơn, các cai dặt khác ở gia trị mặc dịnh và bộ nhớ con lại trong bộ nhớ dệm			

Tốc độ khuôn hình giảm ở tốc độ màn trập chậm hoặc độ mở ống kính rất nhỏ (số f cao), khi chống rung (có sẵn với ống kính VR) hoặc điều khiển độ nhạy ISO tự động được bật (ഥ 70, 72), hoặc khi pin yếu.

🖉 Bộ Nhớ Đệm

Máy ảnh được trang bị bộ nhớ đệm để lưu trữ tạm thời, cho phép tiếp tục chụp trong khi ảnh đang được lưu vào thẻ nhớ. Có thể chụp liên tiếp tối đa 100 bức ảnh; tuy nhiên lưu ý rằng tốc độ khuôn hình sẽ giảm khi bộ nhớ đệm đầy (**F []]**). Số lượng ảnh gần đúng có thể được lưu



vào trong bộ nhớ đệm ở các cài đặt hiện hành sẽ được thể hiện ở hiển thị số lần đếm phơi sáng trong kính ngắm và bảng điều khiển trong khi nhấn nút nhả màn trập. Minh họa ở bên phải cho thấy hiển thị khi không gian còn lại trong bộ đệm còn đủ cho khoảng 55 ảnh.

Trong khi ghi ảnh vào thẻ nhớ, đèn báo truy xuất thẻ nhớ sẽ phát sáng. Tùy thuộc vào điều kiện chụp và hiệu suất thẻ nhớ, việc ghi hình có thể mất từ vài giây đến một vài phút. *Không được tháo thẻ nhớ hoặc ngắt kết nối nguồn điện cho tới khi đèn truy xuất thẻ đã tắt*. Nếu tắt máy ảnh trong khi dữ liệu vẫn còn trong bộ đệm, máy sẽ không tắt nguồn cho đến khi tất cả các hình ảnh trong bộ đệm được ghi lại. Nếu pin cạn kiệt trong khi ảnh vẫn còn trong bộ đệm, nhả màn trập sẽ bị vô hiệu hóa và ảnh được chuyển vào thẻ nhớ.

🖉 Xem Trực Tiếp

Nếu chế độ nhả liên tục được sử dụng trong chụp ảnh xem trực tiếp (印 172), hình ảnh sẽ được hiển thị thay cho màn hình qua ống kính khi nhấn nút nhả màn trập.

🖉 Xem Thêm

Để biết thông tin về việc chọn số lượng ảnh tối đa có thể được chụp trong một lần chụp liên tiếp, hãy xem Cài Đặt Tùy Chỉnh d6 (**Max. continuous release (Ảnh tối đa khi nhả liên tục)**, ^[III] 254). Để có thông tin về số lượng ảnh có thể chụp được trong một lần chụp liên tiếp, hãy xem trang 364.

Chế Độ Tự Hẹn Giờ

Tự hẹn giờ có thể được sử dụng để giảm rung lắc máy ảnh hoặc để chụp chân dung.

- Lắp máy ảnh lên giá ba chân.
 Lắp máy ảnh lên giá ba chân hoặc đặt máy ảnh lên bề mặt ổn định, bằng phẳng.
- 2 Chọn chế độ tự hẹn giờ. Xoay đĩa lệnh chế độ nhả sang ^৩.



3 Tạo khuôn hình bức ảnh.

🖉 Đạy Kính Ngắm

Để ngăn ánh sáng vào qua kính ngắm gây nhiễu ảnh chụp và phơi sáng, hãy che kính ngắm bằng nắp thị kính DK-26 đi kèm (🎞 23).

4 Chụp ảnh.

Nhấn nút nhả màn trập nửa chừng để lấy nét, và sau đó nhấn hết cỡ để bắt đầu chup tư



hẹn giờ (lưu ý rằng hẹn giờ sẽ không bắt đầu nếu máy ảnh không thể lấy nét hoặc trong các tình huống khác mà màn trập không nhả được). Đèn tự hẹn giờ sẽ bắt đầu nhấp nháy. Hai giây trước khi bức ảnh được chụp, đèn tự hẹn giờ sẽ ngừng nhấp nháy. Màn trập sẽ được nhả mười giây sau khi bắt đầu chụp hẹn giờ. Để hủy chụp, hãy chọn chế độ nhả khác.

🖉 Xem Thêm

Để biết thông tin về việc lựa chọn thời gian tự hẹn giờ, số lượng ảnh chụp và khoảng thời gian giữa các lần chụp, xem Cài Đặt Tùy Chỉnh c3 (**Self-timer (Tự hẹn giờ**); ^{CD} 252). Để biết thông tin về kiểm soát tiếng bíp phát ra khi sử dụng tự hẹn giờ, hãy xem Cài Đặt Tùy Chỉnh d1 (**Beep** (**Bíp**); ^{CD} 253).

Chế Độ Gương Nâng Lên

Chọn chế độ này để giảm mờ do chuyển động của máy ảnh khi gương được nâng lên. Nên sử dụng giá ba chân.

1 Chọn chế độ gương nâng lên.

Xoay đĩa lệnh chế độ nhả sang Mup.



Đĩa lệnh chế độ nhả

2 Nâng gương.

Tạo khuôn hình, lấy nét và sau đó nhấn nút nhả màn trập hết cỡ để nâng gương lên.



Gương Nâng Lên

Trong khi gương được nâng lên, không thể tạo khuôn hình cho ảnh trong kính ngắm, lấy nét tự động và đo sáng sẽ không hoạt động được.

3 Chụp ảnh.

Nhấn nút nhả màn trập hết cỡ để chụp ảnh. Để ngăn ngừa mờ gây ra bởi chuyển động của máy ảnh, nhấn nút nhả màn trập thật êm. Gương hạ xuống khi chụp xong.



🖉 Chế Độ Gương Nâng Lên

Máy sẽ tự động chụp ảnh nếu không có hoạt động nào được thực hiện trong khoảng 30 giây sau khi gương được nâng lên.

Tùy Chọn Ghi Hình Ảnh

Vùng Hình Ảnh

Chọn vùng hình ảnh từ FX (36×24) 1,0× và DX (24×16) 1,5×.



🖉 Thấu Kính DX

Thấu kính DX được thiết kế để sử dụng với các máy ảnh định dạng DX và có góc xem nhỏ hơn so với thấu kính cho máy ảnh định dạng 35 mm. Nếu **Auto DX crop (Xén DX tự động)** tắt và **FX (36×24) 1.0**× (định dạng FX) được chọn cho **Choose image area (Chọn vùng hình ảnh)** khi thấu kính DX được gắn, mép hình ảnh có thể được cắt xén. Điều này có thể không rõ ràng trong kính ngắm, nhưng khi hình ảnh được phát lại, bạn có thể nhận thấy độ phân giải bị giảm hoặc các mép hình ảnh bị bôi đen.

II Choose Image Area (Chọn Vùng Hình Ảnh)

Chọn vùng hình ảnh được sử dụng khi ống kính phi DX được gắn vào hoặc ống kính DX được gắn vào với **Off (Tắt)** được chọn cho **Auto DX crop (Xén DX tự động)** (^[1] 53).



	Tùy chọn	Mô tả	
FX	FX (36×24) 1.0× (định dạng FX)	Hình ảnh được ghi lại bằng dạng FX bằng cách sử dụng vùng đầy đủ của bộ cảm biến hình ảnh (36,0 × 23,9 mm), tạo ra góc xem tương đương với ống kính NIKKOR trên máy ảnh định dạng 35 mm.	
Ø	DX (24×16) 1.5× (định dạng DX)	Khu vực ở trung tâm bộ cảm biến hình ảnh 23,4 \times 15,5 mm được sử dụng để ghi lại ảnh định dạng DX. Để tính toán tiêu cự tương đối của ống kính định dạng 35 mm, nhân với 1,5.	

📕 Auto DX Crop (Xén DX Tự Động)

Chọn để tự động chọn xén DX khi thấu kính DX được gắn vào.



Tùy chọn	Mô tả
On (Bật)	Máy ảnh sẽ tự động chọn xén DX khi ống kính DX được gắn vào. Nếu ống kính khác được gắn vào, vùng crop được chọn cho Choose image area (Chọn vùng hình ảnh) sẽ được sử dụng.
Off (Tắt)	Xén được chọn cho Choose image area (Chọn vùng hình ảnh) được sử dụng.

🖉 Hiển Thị Kính Ngắm

Xén định dạng DX được hiển thị ở bên phải, có thể xem vùng bên ngoài vùng xén bằng màu xám khi Off (Tắt) được chọn cho Cài Đặt Tùy Chỉnh a5 (Focus point illumination (Chiếu sáng điểm lấy nét)) > AF point illumination (Rọi điểm AF) (CL 248).


Có thể đặt vùng hình ảnh bằng cách sử dụng tùy chọn **Image area** (Vùng hình ảnh) trong menu chụp hoặc bằng cách nhấn điều khiển và xoay đĩa lệnh.

💵 Menu Vùng Hình Ảnh

1 Chọn Image area (Vùng hình ảnh) trong menu chụp. Nhấn MENU để hiển thị

menu. Làm nổi bật **Image** area (Vùng hình ảnh) trong menu chụp (□ 235) và nhấn ►.



	SHOOTING MENU	
~	Shooting menu bank	Α
-	Storage folder	100
	File naming	DSC
Y Z	Image quality	NORM
	lmage size	
i.	lmage area	
	JPEG compression	-
	NEF (RAW) recording	

Nút MENU

2 Chọn một tùy chọn. Chọn Auto DX crop (Xén DX tự động) hoặc Choose image area (Chọn vùng hình ảnh) và bấm ►.



Image area
Choose image area
Auto DX crop ON



🖉 Vùng Hình Ảnh

Tùy chọn được chọn được hiện ra trên màn hình hiển thị thông tin.



ŧ

1 Chỉ định lựa chọn vùng hình ảnh cho một điều khiển máy ảnh.

Chọn **Choose image area (Chọn vùng hình ảnh)** khi nhấn tùy chọn "nhấn + đĩa lệnh" để điều khiển máy ảnh trong menu Cài Đặt Tùy Chọn (皿 266). Lựa chọn vùng hình ảnh có thể được gán cho nút **Fn** (Cài Đặt Tùy Chỉnh f4, **Assign Fn button (Chỉ định nút Fn)**, 皿 263), nút **Pv** (Cài Đặt Tùy Chỉnh f5, **Assign preview button (Chỉ định nút xem trước)**, 皿 266), hoặc nút 壯 **AE-L/AF-L** (Cài Đặt Tùy Chỉnh f6, **Assign AE-L/AF-L button (Chỉ định nút AE-L/AF-L)**, 皿 267).

2 Sử dụng điều khiển được chọn để chọn vùng hình ảnh. Có thể chọn vùng hình ảnh bằng cách nhấn nút được chọn và xoay đĩa lệnh chính hoặc đĩa lệnh phụ cho tới khi xén mong muốn hiển thị trong kính ngắm (^{CII} 51).

Có thể xem tùy chọn hiện được chọn cho vùng hình ảnh bằng cách nhấn nút để hiển thị vùng hình ảnh trong bảng điều khiển, kính ngắm, hoặc màn hình hiển thị thông tin. Định dạng FX được hiển thị là "36 – 24" và định dạng DX là "24 – 16".



🚺 Xén DX Tự Động

Không thể sử dụng điều khiển được chọn để chọn vùng hình ảnh khi ống kính DX được gắn và **Auto DX crop (Xén DX tự động)** được bật.

🖉 Kích Cỡ Hình Ảnh

Kích cỡ hình ảnh là khác nhau với tùy chọn được lựa chọn cho vùng hình ảnh (\square 58).

Chất Lượng Hình Ảnh và Kích Cỡ

Chất lượng hình ảnh và kích cỡ xác định ảnh sẽ chiếm dụng bao nhiêu không gian trên thẻ nhớ. Ảnh lớn hơn, chất lượng cao hơn có thể được in ở kích cỡ lớn hơn nhưng cũng đòi hỏi nhiều bộ nhớ hơn, có nghĩa sẽ ít ảnh như vậy hơn có thể được lưu trên thẻ nhớ (^{III} 364).

<u>Chất Lượng Hình Ảnh</u>

Chọn một định dạng tệp và tỷ lệ nén (chất lượng hình ảnh).

Tùy chọn	Loại tập tin	Mô tả
NEF (RAW)	NEF	Dữ liệu thô từ các cảm biến hình ảnh được lưu trực tiếp vào thẻ nhớ. Các thiết lập như cân bằng trắng và độ tương phản có thể được điều chỉnh sau khi chụp.
TIFF (RGB)	TIFF (RGB)	Ghi các hình ảnh TIFF-RGB không nén ở độ sâu bit màu là 8 bit cho mỗi kênh (24-bit màu). TIFF được hỗ trợ bởi nhiều ứng dụng hình ảnh.
JPEG fine (JPEG mịn)		Ghi lại hình ảnh JPEG với tỉ lệ nén khoảng 1:4 (chất lượng tốt).*
JPEG normal (JPEG bình thường)	JPEG	Ghi lại hình ảnh JPEG với tỉ lệ nén khoảng 1:8 (chất lượng bình thường). [*]
JPEG basic (JPEG cơ bản)		Ghi lại hình ảnh JPEG với tỉ lệ nén khoảng 1:16 (chất lượng cơ bản). *
NEF (RAW)+ JPEG fine (JPEG min)		Hai hình ảnh được ghi lại, một là hình ảnh NEF (RAW) và một là hình ảnh JPEG chất lượng tốt.
NEF (RAW)+ JPEG normal (JPEG bình thường)	NEF/JPEG	Hai hình ảnh được ghi lại, một là hình ảnh NEF (RAW) và một là hình ảnh JPEG chất lượng bình thường.
NEF (RAW)+ JPEG basic (JPEG cơ bản)		Hai hình ảnh được ghi lại, một là hình ảnh NEF (RAW) và một là hình ảnh JPEG chất lượng cơ bản.

* Size priority (Ưu tiên kích cỡ) được chọn cho JPEG compression (JPEG nén).

Có thể thiết lập chất lượng hình ảnh bằng cách nhấn nút $\mathfrak{P}(\mathbf{QUAL})$ và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi cài đặt mong muốn được hiển thị trong bảng điều khiển.





Đĩa lệnh chính



Hiển thị thông tin



🖉 Menu Chụp

Cũng có thể điều chỉnh chất lượng hình ảnh bằng cách sử dụng tùy chọn **Image quality** (Chất lượng hình ảnh) trong menu chụp (^{CII} 235).



🖉 Hình Ảnh NEF (RAW)

Có thể xem hình ảnh NEF (RAW) trên máy ảnh hoặc sử dụng phần mềm như Capture NX 2 (có riêng; III 325) hoặc ViewNX 2 (có trên ViewNX 2 CD kèm theo). Lưu ý rằng tùy chọn được chọn cho kích cỡ hình ảnh không ảnh hưởng đến cỡ của ảnh NEF (RAW); khi xem trên máy tính, ảnh NEF (RAW) có kích thước cho ảnh (cỡ III) trong bảng trên trang 58. Bản sao JPEG của hình ảnh NEF (RAW) có thể được tạo bằng cách sử dụng tùy chọn **NEF (RAW) processing (Xử lý NEF (RAW))** trong menu sửa lại (III 300).

✓ NEF+JPEG

Khi ảnh được chụp ở cài đặt NEF (RAW) + JPEG được xem trên máy ảnh, chỉ ảnh JPEG được hiển thị. Khi xóa các ảnh được chụp ở thiết lập này, cả ảnh NEF và JPEG sẽ bị xóa. Các tùy chọn sau đây có thể được truy cập từ menu chụp. Nhấn nút MENU để hiển thị các menu, làm nổi bật tùy chọn mong muốn và nhấn ▶.

II JPEG Compression (Nén JPEG)

Chọn loại nén cho hình ảnh JPEG.

	Tùy chọn	Mô tả
Size priority (Ưu Hình ảnh được nén để tạo ra kích cỡ tậ tiên kích cỡ) tương đối đồng đều.		Hình ảnh được nén để tạo ra kích cỡ tập tin tương đối đồng đều.
*	Optimal quality (Chất lượng tối ưu)	Chất lượng hình ảnh tối ưu. Kích cỡ thay đổi theo cảnh được ghi lại.

■ NEF (RAW) Recording (Ghi NEF (RAW)) > Type (Loại)

Chọn loại nén cho hình ảnh NEF (RAW).

	Tùy chọn	Mô tả
	Lossless	Hình ảnh NEF được nén bằng cách sử dụng thuật
	compressed	toán nghịch đảo, làm giảm kích thước tập tin
	(Được nén	khoảng 20–40% mà không ảnh hưởng đến chất
	không mất)	lượng hình ảnh.
0Nቿ Compressed (Nén)		Hình ảnh NEF được nén bằng cách sử dụng thuật toán nghịch đảo, làm giảm kích thước tập tin khoảng 35–55% mà không ảnh hưởng đến chất lượng hình ảnh.
	Uncompressed (Không nén)	Các ảnh NEF không được nén.

■ NEF (RAW) Recording (Ghi NEF (RAW)) > NEF (RAW) Bit Depth (Độ Sâu Bit NEF (RAW))

Chọn độ sâu bit cho hình ảnh NEF (RAW).

Tùy chọn	Mô tả
12-bit 12 bit	Hình ảnh NEF (RAW) được ghi lại ở độ sâu 12 bit.
14-bit 14 bit	Hình ảnh NEF (RAW) được ghi ở độ sâu 14 bit, tạo ra các tập tin lớn hơn so với những ảnh có độ sâu 12 bit nhưng tăng dữ liệu màu ghi được.

Kích Cỡ Hình Ảnh

Kích cỡ hình ảnh được đo bằng điểm ảnh. Chon từ 🗖 Lớn, M Trung bình, hoặc 🖾 Nhỏ (lưu ý rằng kích cỡ hình ảnh khác nhau phu thuôc vào tùy chon được chon cho Image area (Vùng hình ảnh), 🕮 51):

Vùng hình ảnh	Tùy chọn	Kích cỡ (điểm ảnh)	Cỡ in (cm)*
	Large (Lớn)	4928 × 3280	41,7 × 27,8
FX (36×24) 1.0× (Định dạng FX)	Medium (Vừa)	3696 × 2456	31,3 × 20,8
	Small (Nhỏ)	2464 × 1640	20,9 × 13,9
	Large (Lớn)	3200 × 2128	27,1 × 18,0
DX (24×16) 1.5× (Định dạng DX)	Medium (Vừa)	2400 × 1592	20,3 × 13,5
	Small (Nhỏ)	1600 × 1064	13,5 × 9,0

* Kích cỡ gần đúng khi in ở 300 dpi. Cỡ in theo đơn vi inch bằng kích cỡ hình ảnh theo đơn vi điểm ảnh chia cho đô phân giải máy in bằng điểm mỗi inch (dpi; 1 inch=khoảng 2,54 cm).

Có thể thiết lập kích cỡ hình ảnh bằng cách nhấn nút 🏵 (QUAL) và xoay đĩa lênh phu cho đến khi cài đặt mong muốn được hiển thi trong bảng điều khiển.







Nút ^e (QUAL)

Đĩa lênh phu

Hiển thi thông tin



Lấy nét

Phần này mô tả các tùy chọn lấy nét khi các bức ảnh được tạo khuôn hình trong kính ngắm. Việc lấy nét có thể được điều chỉnh tự động (xem bên dưới) hoặc bằng tay (印 68). Người dùng có thể chọn điểm lấy nét tự động hoặc lấy nét bằng tay (印 64) hoặc sử dụng khóa lấy nét để tạo lại bức ảnh sau khi lấy nét (印 66).

Lấy nét tự động

Để sử dụng lấy nét tự động, xoay bộ chọn chế độ lấy nét sang **AF**.

Bộ chọn chế độ lấy nét



<u>Chế Độ Lấy Nét Tự Động</u>

Chọn từ các chế độ lấy nét tự động sau:

Chế độ	Mô tả
AF-S	AF phần phụ đơn: Với các đối tượng cố định. Lấy nét được khóa khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng. Với cài đặt mặc định, cửa trập chỉ có thể nhả khi chỉ báo đã được lấy nét (●) xuất hiện (focus priority (ưu tiên lấy nét); 印 246).
AF-C	AF phần phụ liên tục : Với các đối tượng di động. Máy ảnh lấy nét liên tục trong khi nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập; nếu đối tượng chuyển động, máy ảnh sẽ thực hiện <i>theo dõi lấy nét đoán trước</i> (□ 60) để đoán khoảng cách cuối cùng đến đối tượng và điều chỉnh lấy nét khi cần thiết. Ở cài đặt mặc định, cửa trập vẫn có thể nhả ra dù có hay không đối tượng lấy nét (<i>ưu tiên nhả</i> ; □ 246).

Để lựa chọn chế độ lấy nét tự động, nhấn nút chế độ AF và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi cài đặt mong muốn được hiển thị trong kính ngắm.



🖉 Nút AF-ON

Đối với mục đích lấy nét, nhấn nút **AF-ON** có tác dụng tương tự như nhấn nút nhả màn trập nửa chừng.



🖉 Theo Dõi Lấy Nét Đoán Trước

Ở chế độ **AF-C**, máy ảnh sẽ bắt đầu theo dõi lấy nét đoán trước nếu chủ thể di chuyển hướng về hoặc xa khỏi máy ảnh trong khi nút nhả màn trập được nhấn nửa chừng hoặc nhấn nút **AF-ON**. Cơ chế này cho phép máy ảnh theo dõi lấy nét trong khi cố gắng đoán vị trí của đối tượng khi cửa trập nhả ra.

🖉 Xem Thêm

Thông tin về cách sử dụng ưu tiên lấy nét trong lấy nét tự động phần phụ liên tục, xem Cài Đặt Tuỳ Chọn a1 (**AF-C priority selection (Lựa chọn ưu tiên AF-C**), ^[] 246). Thông tin về cách sử dụng ưu tiên nhả trong lấy nét tự động phần phụ đơn, xem Cài Đặt Tuỳ Chọn a2 (**AF-S priority selection (Lựa chọn ưu tiên AF-S**), ^[] 246). Xem trang 175 để biết thông tin các tùy chọn lấy nét có sẵn ở chế độ xem trực tiếp.

🖉 Lấy Nét Tự Động Đạt Chất Lượng Tốt

Lấy nét tự động sẽ không hoạt động tốt trong những điều kiện sau. Màn trập có thể không nhả được nếu máy ảnh không thể lấy nét trong những điều kiện này, hoặc chỉ báo đã được lấy nét (●) có thể xuất hiện và máy ảnh sẽ phát ra tiếng bíp, cho phép màn trập nhả ra thậm chí khi đối tượng chưa được lấy nét. Trong những trường hợp này, lấy nét bằng tay (□ 68) hoặc sử dụng khoá lấy nét (□ 66) để lấy nét trên đối tượng khác cùng khoảng cách và sau đó tạo lại ảnh.



Độ tương phản giữa đối tượng và cảnh nền hầu như không có.

Ví dụ: Đối tượng có cùng màu sắc với nền.

Điểm lấy nét sẽ chứa những vật thể ở các khoảng cách khác nhau so với máy ảnh. Ví dụ: Đối tượng ở trong lồng.



Đối tượng bị các đường nét hình học thông thường lấn át.

Ví dụ: Bức màn hay song cửa sổ trong một tòa nhà chọc trời.



Điểm lấy nét sẽ chứa vùng có độ sáng tương phản sắc nét.

Ví dụ: Đối tượng nằm một nửa trong vùng tối.



C.J.

Các vật thể xung quanh lớn hơn so với đối tượng. Ví dụ: Một tòa nhà ở trong khuôn hình đằng sau đối tượng.

Đối tượng chứa nhiều chi tiết cầu kỳ.

Ví dụ: Một cánh đồng hoa hay các đối tượng khác cực nhỏ hoặc độ sáng ít biến đổi.

<u>Chế độ vùng AF</u>

Lựa chọn cách chọn điểm lấy nét cho lấy nét tự động.

- AF điểm đơn: Chọn điểm lấy nét như mô tả ở trang 64; máy ảnh chỉ lấy nét trên đối tượng nằm trong điểm lấy nét được chọn. Dùng với đối tượng không chuyển động.
- AF vùng động: Chọn điểm lấy nét như mô tả ở trang 64. Ở chế độ lấy nét AF-C, máy ảnh sẽ lấy nét dựa trên thông tin từ các điểm lấy nét xung quanh nếu đối tượng nhanh chóng rời khỏi điểm đã chọn. Số điểm lấy nét biến đổi theo chế độ được lựa chọn:
 - AF vùng động 9 điểm: Chọn thời điểm bố cục bức ảnh hoặc thời điểm chụp ảnh các đối tượng chuyển động có thể dự đoán trước (ví dụ: người chạy hoặc xe đua trên đường).
 - AF vùng động 21 điểm: Chọn thời điểm chụp ảnh các đối tượng chuyển động không thể dự đoán trước (ví dụ: cầu thủ trong trận đấu bóng).
 - AF vùng động 39 điểm: Chọn thời điểm chụp ảnh đối tượng chuyển động nhanh và khó lấy khuôn hình trong kính ngắm (ví dụ: chim).
- Theo dõi 3D: Chọn điểm lấy nét như mô tả ở trang 64. Trong chế độ lấy nét AF-C, máy ảnh sẽ theo dõi đối tượng rời khỏi điểm lấy nét đã chọn và chọn các điểm lấy nét khác theo yêu cầu. Dùng để tạo nhanh ảnh đối tượng chuyển động thất thường từ nơi này sang nơi khác (ví dụ: người chơi tennis). Nếu đối tượng rời khỏi kính ngắm, rời tay khỏi nút nhả màn trập và bố cục lại ảnh với đối tượng trong điểm lấy nét đã chọn.



CÞ0

 AF vùng tự động: Máy ảnh sẽ tự động nhận diện đối tượng và chọn điểm lấy nét. Nếu sử dụng ống kính loại G, E hay D (^[] 320), máy ảnh có thể phân biệt đối tượng con người từ phần nền giúp tăng cường khả năng nhận diện đối tượng. Các điểm lấy nét hoạt động



sẽ được tô sáng nhanh ngay sau khi máy ảnh lấy nét; trong chế độ **AF-C**, các điểm lấy nét chính vẫn được tô sáng sau khi các điểm lấy nét khác đã tắt.

Để chọn chế độ vùng AF, nhấn nút chế độ AF và xoay đĩa lệnh phụ cho đến khi cài đặt mong muốn hiển thị trong kính ngắm.



🖉 Theo dõi 3D

Khi nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập, màu sắc khu vực xung quanh điểm lấy nét được lưu trong máy ảnh. Cho nên theo dõi 3D có thể không tạo ra kết quả như mong muốn cho các đối tượng có màu sắc trùng với phần nền hoặc phủ một phần rất nhỏ trên khuôn hình.

🖉 Chế độ vùng AF

Chế độ vùng AF hiển thị trên kính ngắm.

Chế độ vùng AF	Kính ngắm	Chế độ vùng AF	Kính ngắm
AF điểm đơn	5	AF vùng động 39 điểm *	d39
AF vùng động 9 điểm *	d 9	Theo dõi 3D	36
AF vùng động 21 điểm *	d2 (AF vùng tự động	Ruto

* Chỉ có điểm lấy nét hoạt động xuất hiện trên kính ngắm. Các điểm lấy nét còn lại cung cấp thông tin hỗ trợ cho việc lấy nét.

🖉 Lấy Nét Bằng Tay

AF điểm đơn sẽ tự động được chọn khi lấy nét bằng tay.

🖉 Xem Thêm

Thông tin về điều chỉnh thời gian máy ảnh chờ trước khi lấy nét lại khi một vật thể chuyển động phía trước máy ảnh, xem Cài Đặt Tuỳ Chọn a3 (**Focus tracking with lock-on (Theo dõi lấy nét với khoá bật)**, 🕮 247). Xem trang 177 để biết thông tin các tùy chọn lấy nét có sẵn ở chế độ xem trực tiếp.

<u>Chọn Lựa Điểm Lấy Nét</u>

Máy ảnh đưa ra sự lựa chọn tới 39 điểm lấy nét có thể được sử dụng để tạo ảnh với đối tượng chính gần như nằm bất cứ đâu trên khuôn hình.

 Xoay khóa bộ chọn lấy nét sang ●. Cho phép sử dụng đa bộ chọn để chọn điểm lấy nét.



Khóa bộ chọn lấy nét

2 Chọn điểm lấy nét. Sử dụng đa bộ chọn để chọn điểm lấy nét trong kính ngắm trong khi đo phơi sáng đang bật. Nhấn ⊛ để chọn điểm lấy nét trung tâm.

Khóa bộ chọn lấy nét có thể được xoay sang vị trí khóa (L) như bên dưới để tránh cho điểm lấy nét đã chọn bị thay đổi khi nhấn đĩa chọn đa năng.

🖉 AF vùng tự động

Điểm lấy nét cho AF vùng tự động được tự động chọn; không thể chọn lựa điểm lấy nét bằng tay.

🖉 Xem Thêm

Thông tin về chọn khi điểm lấy nét được chiếu sáng, xem Cài Đặt Tùy Chọn a5 (**Focus point illumination (Chiếu sáng điểm lấy nét)**, ^{CD} 248). Thông tin về cài đặt chọn lựa điểm lấy nét để "quấn xung quanh", xem Cài Đặt Chọn a6 (**Focus point wrap-around (Quấn xung quanh điểm lấy nét)**, ^{CD} 249). Thông tin về chọn số điểm lấy nét có thể được chọn bằng đĩa chọn đa năng, xem Cài Đặt Tùy Chọn a7 (**Number of focus points (Số điểm lấy nét**), ^{CD} 249). Thông tin về thay đổi vai trò của nút (W), xem Cài Đặt Tùy Chỉnh f2 (**OK button (Nút OK)**, ^{CD} 261).



<u>Khóa Lấy Nét</u>

Khóa lấy nét có thể được dùng để thay đổi bố cục sau khi lấy nét, khiến nó có thể lấy nét trên đối tượng không nằm trong điểm lấy nét trong bố cục cuối cùng. Nếu máy ảnh không thể dùng lấy nét tự động để lấy nét (^{CII} 61), khóa lấy nét có thể được dùng để tạo lại ảnh sau khi lấy nét trên đối tượng khác cùng khoảng cách với đối tượng ban đầu. Khóa lấy nét hiệu quả nhất khi không lựa chọn AF vùng tự động cho chế độ vùng AF (^{CII} 62).

1 Lấy nét. Đặt đối tượng vào vùng điểm lấy nét đã chọn và nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập để bắt đầu lấy nét. Kiểm tra chỉ báo đã được lấy nét (●) xuất hiện trong kính ngắm.



Khóa lấy nét.

Chế độ lấy nét AF-C: Với nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng (①), nhấn nút 結 AE-L/AF-L (Nút khóa tự động phơi sáng/khóa lấy nét tự động) (②) để khóa cả lấy nét lẫn phơi sáng (biểu tượng AE-L sẽ xuất hiện trong kính ngắm). Lấy nét sẽ bị khóa trong khi nhấn nút 結 AE-L/ AF-L, thậm chí ngay cả sau đó bạn bỏ tay ra khỏi nút nhả cửa trập.

Chế độ lấy nét AF-S: Lấy nét sẽ tự động khóa khi chỉ báo đã được



lấy nét (●) xuất hiện, và tiếp tục khoá cho đến khi bạn bỏ tay ra khỏi nút nhả cửa trập. Lấy nét còn bị khóa khi nhấn nút 壯 AE-L/AF-L (xem bên trên). 3 Tạo lại bố cục ảnh và chụp. Lấy nét sẽ vẫn bị khóa giữa các lần chụp nếu bạn duy trì nhấn nửa chừng nút nhả màn trập (AF-S) hoặc giữ nút ﷺ AE-L/AF-L, cho phép một vài bức ảnh được chụp liên tiến ở cùng mật chi đặ



chụp liên tiếp ở cùng một cài đặt lấy nét.

Không thay đổi khoảng cách giữa máy ảnh và đối tượng khi khóa lấy nét còn hiệu lực. Nếu đối tượng di chuyển, lấy nét lại ở khoảng cách mới.

🖉 Khóa lấy nét bằng nút AF-ON

Khi chụp ảnh bằng kính ngắm, có thể sử dụng nút AF-ON thay cho nút nhả màn trập để khóa lấy nét (□ 60). Nếu chọn AF-ON only (Chỉ AF-ON) cho Cài Đặt Tùy Chọn a4 (AF activation (Kích hoạt AF), □ 247), máy ảnh sẽ không lấy nét khi nhấn nút nhả màn trập nửa chừng, thay vào đó, máy ảnh sẽ lấy nét khi nhấn nút AF-ON, tại đó điểm lấy nét sẽ khóa và vẫn bị khóa cho đến khi nhấn nút một lần nữa. Cửa trập có thể nhả bất cứ lúc nào bất kể tùy chọn nào được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn a1 (AF-C priority selection (Lựa chọn ưu tiên AF-C), □ 246) và a2 (AF-S priority selection (Lựa chọn ưu tiên AF-S), □ 246), và chỉ báo đã được lấy nét (●) sẽ không hiển thị trong kính ngắm.

🖉 Xem Thêm

Xem Cài Đặt Tùy Chọn c1 (Shutter-release button AE-L (Nút nhả cửa trập AE-L), 四 251) về sử dụng nút nhả cửa trập để khóa phơi sáng, Cài Đặt Tùy Chọn f6 (Assign AE-L/AF-L button (Chỉ định nút AE-L/AF-L), 四 267) về chọn vai trò của nút 能 AE-L/AF-L.

Lấy Nét Bằng Tay

Lấy nét bằng tay dùng cho các thấu kính không hỗ trợ lấy nét tự động (thấu kính non-AF NIKKOR) hoặc khi lấy nét tự động không cho kết quả như mong muốn (끄 61).

- Thấu kính AF-S: Chỉnh công tắc chế độ lấy nét thấu kính sang M.
- Thấu kính AF: Chỉnh công tắc chế độ lấy nét thấu kính (nếu cài đặt trước) và bộ chọn chế độ lấy nét sang M.

Bộ chọn chế độ lấy nét



Thấu Kính AF

Không dùng thấu kính AF khi công tắc chế độ lấy nét được chỉnh ở **M** và bộ chọn chế độ lấy nét máy ảnh đang cài ở **AF**. Không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể làm hỏng máy ảnh hoặc thấu kính.

 Thấu kính lấy nét bằng tay: Cài bộ chọn chế độ lấy nét máy ảnh sang M.

Để lấy nét bằng tay, điều chỉnh vòng lấy nét thấu kính đến khi hình ảnh xuất hiện trong trường mờ tách biệt trong kính ngắm khi lấy nét. Ảnh có thể được chụp bất cứ lúc nào, thậm chí khi hình ảnh không được lấy nét.



💵 Máy Ngắm Điện Tử

Chỉ báo lấy nét kính ngắm có thể được sử dụng để xác nhận xem đối tượng trong điểm lấy nét được chọn đã được lấy nét chưa (điểm lấy nét có thể được chọn từ bất kỳ 39 điểm lấy nét nào). Sau khi đặt đối tượng trong điểm lấy nét đã chọn, nhấn nửa chừng nút nhả cửa



trập và xoay vòng lấy nét thấu kính đến khi chỉ báo đã được lấy nét (●) xuất hiện. Lưu ý rằng với đối tượng liệt kê ở trang 61, chỉ báo đã được lấy nét thỉnh thoảng có thể xuất hiện khi đối tượng không được lấy nét; xác nhận lấy nét trong kính ngắm trước khi chụp. Để biết thông tin về sử dụng máy ngắm điện tử với bộ chuyển từ xa AF-S/AF-I, tham khảo trang 321.

🖉 Vị Trí Mặt Phẳng Tiêu Điểm

Để quyết định khoảng cách giữa đối tượng và máy ảnh, đo từ dấu mặt phẳng tiêu điểm (-O-) trên thân máy ảnh. Khoảng cách giữa chốt gắn thấu kính và dấu mặt phẳng tiêu điểm là 46,5 mm.



điểm

Độ Nhạy ISO

Đĩa Lệnh Độ Nhạy ISO

Độ nhạy ISO có thể được thiết lập ở giá trị từ ISO 100 và ISO 12800 với gia số ¹/₃ EV, hoặc lựa chọn các cài đặt ở khoảng 0,3 đến 1 EV dưới ISO 100 và 0,3 đến 4 EV trên ISO 12800 cho các tình huống đặc biệt.

Chọn độ nhạy ISO bằng cách sử dụng đĩa lệnh độ nhạy ISO. Nhấn giữ nhả khóa đĩa lệnh độ nhạy ISO, xoay đĩa lệnh tới cài đặt mong muốn.





Nhả khóa đĩa lệnh độ nhạy ISO

Giá trị được chọn hiển thị trên kính ngắm khi đĩa lệnh chuyển động.



🖉 Hi 0,3–Hi 4

Cài đặt Hi 0,3 (Cao 0,3) tới Hi 4 (Cao 4) tương ứng với độ nhạy ISO 0,3–4 EV trên ISO 12800 (tương đương ISO 16000–204800). Ảnh được chụp ở các cài đặt này dễ bị nhiễu hơn (các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên, sương mù hoặc đường thẳng).

🖉 Thấp 0,3–Thấp 1

Cài đặt Lo 0,3 (Thấp 0,3) tới Lo 1 (Thấp 1) tương ứng với độ nhạy ISO 0,3–1 EV dưới ISO 100 (tương đương ISO 80–50). Sử dụng cho độ mở ống kính lớn hơn khi ánh sáng là sáng. Độ tương phản cao hơn một chút so với bình thường; trong nhiều trường hợp, nên sử dụng độ nhạy ISO của ISO 100 hoặc cao hơn.



🖉 Xem Thêm

Để biết thông tin về sử dụng tùy chọn **High ISO NR (ISO Cao NR)** trong menu chụp để giảm nhiễu ở độ nhạy ISO cao, xem trang 242.

ISO

Điều Khiển Độ Nhạy ISO Tự Động

Nếu **On (Bật)** được chọn cho **Auto ISO sensitivity control (Điều khiển tự động độ nhạy ISO)** > **Auto ISO sensitivity control (Điều khiển tự động độ nhạy ISO)** trong menu chụp, độ nhạy ISO sẽ tự động được điều chỉnh nếu không đạt được phơi sáng tối ưu ở giá trị người dùng lựa chọn (độ nhạy ISO được điều chỉnh phù hợp khi đèn nháy được sử dụng).

 Chọn Auto ISO sensitivity control
 (Điều khiển tự động độ nhạy ISO) cho Auto ISO sensitivity control
 (Điều khiển tự động độ



Nút MENU

nhạy ISO) trong menu chụp.

Để hiển thị các menu, nhấn nút MENU. Chọn Auto ISO sensitivity control (Điều khiển tự động độ nhạy ISO) trong menu chụp, làm nổi bật Auto ISO sensitivity control (Điều khiển tự động độ nhạy ISO) và nhấn ▶. ISO sensitivity (Độ nhạy ISO) cho thấy giá trị được lựa chọn với đĩa lệnh độ nhạy ISO.

2 Chọn On (Bật).

Làm nổi bật **On (Bật)** và nhấn (a) (nếu **Off (Tắt)** được chọn, độ nhạy ISO sẽ được cố định ở giá trị được chọn với đĩa lệnh độ nhạy ISO).



3 Điều chỉnh cài đặt. Giá trị tối đa cho độ nhạy ISO tự

động có thể được lựa chọn bằng cách sử dụng **Maximum** sensitivity (Độ nhạy tối đa) (giá tri tối thiểu cho đô nhay ISO



	Auto ISO sensitivity control ISO sensitivity	100	
 > 1 	Auto ISO sensitivity control Maximum sensitivity Minimum shutter speed	0 N 12800 AUTO	•
?			

tự động được tự động thiết lập sang ISO 100; lưu ý rằng nếu độ nhạy ISO được lựa chọn bởi người sử dụng cao hơn so với lựa chọn cho **Maximum sensitivity (Độ nhạy tối đa)** thì giá trị được chọn bởi người sử dụng sẽ được sử dụng). Trong chế độ **P** và **A**, chỉ có thể điều chỉnh được độ nhạy nếu thiếu phơi sáng sẽ xảy ra ở tốc độ cửa trập được chọn cho **Minimum shutter speed (Tốc độ cửa trập tối thiểu)** (¹/2000–1</sup> giây, hoặc **Auto (Tự động)** ở các chế độ **S** và **M**, độ nhạy ISO sẽ được điều chỉnh cho phơi sáng tối ưu ở tốc độ cửa trập do người dùng chọn). Nếu chọn **Auto (Tự động)**, máy ảnh sẽ chọn tốc độ cửa trập tối thiểu dựa trên tiêu cự của thấu kính. Nhấn **®** để thoát khi thiết lập xong.

🖉 Tốc Độ Cửa Trập Tối Thiểu

Có thể điều chỉnh lựa chọn tốc độ cửa trập tự động bằng cách làm nổi bật **Auto (Tự động)** và nhấn ►: Ví dụ, các giá trị nhanh hơn so với những giá trị thường chọn tự động có thể được sử dụng với thấu kính chụp ảnh xa để giảm mờ. Lưu ý, tuy nhiên, **Auto (Tự động)** chỉ có sẵn với ống kính CPU hoặc khi dữ liệu ống kính được cung cấp cho các ống kính không chế độ CPU, nếu một ống kính không chế độ CPU được sử dụng mà không có dữ liệu ống kính, tốc độ màn trập tối thiểu là cố định tại ¹/₃₀ giây. Tốc độ cửa trập có thể giảm dưới mức tối thiểu được lựa chọn nếu tiếp xúc tối ưu không có thể đạt được độ nhạy ISO được chọn cho **Maximum sensitivity (Độ nhạy tối đa)**.

🖉 Điều Khiển Độ Nhạy ISO Tự Động

Nhiễu (các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên, sương mù hoặc đường thẳng) có nhiều khả năng xảy ra hơn ở độ nhạy cao hơn. Sử dụng tùy chọn **High ISO NR (Giảm nhiễu ISO cao)** trong menu chụp để giảm nhiễu (xem trang 242). Khi đèn nháy được sử dụng, giá trị được chọn cho **Minimum shutter speed (Tốc độ cửa chập tối thiểu)** sẽ được bỏ qua và sử dụng tùy chọn được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn e1 (**Flash sync speed (Tốc độ đồng bộ đèn nháy)**, 🕮 257). Lưu ý rằng độ nhạy ISO có thể được tự động tăng lên khi điều khiển độ nhạy ISO tự động được sử dụng kết hợp với các chế độ đèn nháy đồng bộ chậm (sẵn có với đèn nháy; 🖽 116), có thể ngăn máy ảnh không chọn tốc độ cửa trập chậm.

Phơi sáng

Đo sáng

Đo sáng xác định cách máy đặt phơi sáng. Gồm các tùy chọn sau:

Tùy chọn	Mô tả		
	Ma trận: Tạo ra các kết quả tự nhiên trong hầu hết các tình huống. Máy ảnh đo sáng một khu vực rộng của khuôn hình và đặt phơi sáng theo phân phối tông màu, thành phần và với loại thấu kính G, E hoặc D (□ 320), thông tin khoảng cách (đo sáng ma trận màu 3D II; với các thấu kính CPU khác, máy ảnh sử dụng đo sáng ma trận màu II, không bao gồm thông tin khoảng cách 3D). Với thấu kính không CPU, máy ảnh sử dụng đo sáng ma trận màu nếu tiêu cự và độ mở ống kính tối đa được quy định cụ bằng cách sử dụng tùy chọn Non-CPU lens data (Dữ liệu thấu kính không CPU) trong menu cài đặt (□ 164); nếu không máy ảnh sử dụng đo sáng cân bằng trung tâm.		
۲	Cân bằng trung tâm: Máy ảnh đo toàn bộ khuôn hình nhưng chú trọng nhất vào vùng trung tâm (nếu thấu kính không CPU được lắp thì có thể chọn kích cỡ vùng bằng Cài Đặt Tùy Chọn b1, Center-weighted area (Vùng cân bằng trung tâm), 따 250; nếu thấu kính không CPU được lắp thì vùng có đường kính 12 mm). Đo sáng cổ điển cho chân dung, khuyên dùng khi sử dụng các bộ lọc có yếu tố phơi sáng (yếu tố lọc) hơn 1×.		
·	Điểm: Máy đo sáng vòng tròn có đường kính 4 mm (khoảng 1,5% của khuôn hình). Vòng tròn được đo sáng vào điểm lấy nét hiện hành, giúp có thể để đo đối tượng ngoài trung tâm (nếu thấu kính không CPU được sử dụng hoặc nếu AF vùng tự động có hiệu lực, máy ảnh sẽ đo sáng điểm lấy nét giữa). Đảm bảo đối tượng được phơi sáng chính xác, ngay cả khi nền sáng hơn hay tối hơn.		

Để chọn phương pháp đo sáng, xoay bộ chọn đo sáng cho đến khi cài đặt mong muốn được hiển thị trong kính ngắm.

Bộ chọn đo sáng



🖉 Xem Thêm

Để biết thông tin về việc lựa chọn kích cỡ vùng lắp trọng lượng lớn nhất khi đo cân bằng trung tâm, tham khảo Cài Đặt Tùy Chọn b1 (**Center**weighted area (Vùng cân bằng trung tâm), ^[1] 250). Để biết thông tin về việc thực hiện các điều chỉnh riêng cho phơi sáng tối ưu cho từng phương pháp đo sáng, xem Cài Đặt Tùy Chọn b2 (**Fine-tune optimal** exposure (**Tinh chỉnh phơi sáng tối ưu**), ^[1] 250).

Khóa Tự Động Phơi Sáng

Sử dụng khóa tự động phơi sáng để chỉnh lại ảnh sau khi sử dụng đo sáng cân bằng trung tâm và đo sáng điểm để đo phơi sáng. Lưu ý rằng đo sáng ma trận sẽ không mang lại được kết quả mong muốn.

1 Khóa phơi sáng.

Định vị trí đối tượng vào điểm lấy nét được chọn và nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để lấy nét. Với nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng và đối tượng được đặt vào điểm lấy nét, nhấn nút **ﷺ AE-L/AF-L** để khóa tiêu cự và phơi sáng (nếu bạn đang sử dụng lấy nét tự động, xác nhận rằng chỉ báo lấy nét ● xuất hiện trong kính ngắm).

Trong khi khóa phơi sáng đang được bật, chỉ báo **AE-L** sẽ xuất hiện trong kính ngắm.

Nút nhả cửa trập



Nút #는 ÁE-L/AF-L



2 Chỉnh lại ảnh. Giữ nhấn nút 結 AE-L/AF-L để chỉnh lại ảnh và chụp.



 $\mathbf{\Theta}$

🖉 Vùng Được Đo Sáng

Trong đo sáng điểm, phơi sáng sẽ bị khóa tại giá trị đo ở chu vi 4-mm giữa điểm lấy nét được chọn. Trong đo sáng cân bằng trung tâm, phơi sáng sẽ bị khóa tại giá trị đo ở chu vi 12-mm ở giữa kính ngắm.

🖉 Điều Chỉnh Tốc Độ Cửa Trập và Độ Mở Ống Kính

Trong khi khóa phơi sáng được bật, có thể điều chỉnh các thiết lập sau đây mà không làm thay đổi giá trị đo phơi sáng:

Chế độ phơi sáng	Cài đặt
P	Tốc độ cửa trập và độ mở ống kính (chương trình linh động; 🎞 38)
S	Tốc độ cửa trập
Α	Độ mở ống kính

Có thể xác nhận các giá trị mới trong kính ngắm và bảng điều khiển. Lưu ý rằng không thể thay đổi đo sáng trong khi khóa phơi sáng được bật.

🖉 Xem Thêm

Nếu **On (Bật)** được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c1 (**Shutter-release button AE-L (Nút nhả cửa trập AE-L)**, 印 251), phơi sáng sẽ khóa khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng. Để biết thêm thông tin về việc thay đổi vai trò của nút 能 AE-L/AF-L, xem Cài Đặt Tùy Chọn f6 (Assign AE-L/AF-L button (Chỉ định nút AE-L/AF-L), 印 267).

Bù Phơi Sáng

Bù phơi sáng được sử dụng để thay đổi phơi sáng từ giá trị máy ảnh đưa ra, làm ảnh sáng hơn hoặc tối hơn. Hiệu quả nhất khi sử dụng với cân bằng trung tâm hoặc đo sáng điểm (\square 75). Chọn từ các giá trị giữa –3 EV (thiếu phơi sáng) và +3 EV (phơi sáng quá mức) với mức tăng là ¹/₃ EV. Nhìn chung, giá trị dương làm đối tượng sáng hơn trong khi giá trị âm làm đối tượng tối hơn.



–1 EV

Không bù phơi sáng

+1 EV

Bù phơi sáng được điều chỉnh bằng cách sử dụng đĩa lệnh bù phơi sáng. Nhấn giữ nhả khóa đĩa lệnh bù phơi sáng, xoay đĩa lệnh bù phơi sáng tới cài đặt mong muốn.

Đĩa lệnh bù phơi sáng



Nhả khóa đĩa lệnh bù phơi sáng

Giá trị được chọn được hiển thị trên kính ngắm khi đĩa lệnh chuyển động.



Tại các giá trị khác 0, 0 ở trung tâm của chỉ báo phơi sáng sẽ nháy (chỉ các chế độ **P, S**, và

δο _FY - Υ 💀 (2.3)*

A) và biểu tượng 🗹 sẽ được hiển thị một khi một giá trị được chọn.

Có thể khôi phục phơi sáng bình thường bằng đặt bù phơi sáng về 0.

🖉 Chế độ phơi sáng M

Trong chế độ phơi sáng **M**, bù phơi sáng chỉ ảnh hưởng đến chỉ báo phơi sáng; tốc độ cửa trập và độ mở ống kính không thay đổi.

🖉 Sử Dụng Đèn Nháy

Khi sử dụng đèn nháy, bù phơi sáng ảnh hưởng đến cả cấp độ đèn nháy và phơi sáng, làm thay đổi độ sáng của đối tượng chính và nền. Có thể sử dụng cài Đặt Tùy Chọn e4 (**Exposure comp. for flash (Bù phơi sáng cho đèn nháy)**, III 259) để chỉ hạn chế ảnh hưởng của bù phơi sáng đến nền.

🖉 Xem Thêm

Để biết thông tin về tự động thay đổi phơi sáng, mức đèn nháy, cân bằng trắng hoặc D-Lighting hoạt động, xem trang 136.

Cân Bằng Trắng

Tùy chọn cân bằng trắng

Cân bằng trắng đảm bảo các màu không bị ảnh hưởng bởi màu sắc của nguồn ánh sáng. Nên sử dụng cân bằng trắng tự động với hầu hết các nguồn sáng. Nếu không thể đạt được kết quả mong muốn với cân bằng trắng tự động, chọn tùy chọn từ danh sách dưới đây hoặc sử dụng cân bằng trắng thiết lập sẵn.

Tùy chọn		Nhiệt độ màu *	Mô tả
AUTO	Auto (Tự động) Normal (Bình thường) Keep warm lighting colors (Giữ các màu sáng ấm)	3500– 8000 K	Điều chỉnh cân bằng trắng tự động. Để có kết quả tốt nhất, sử dụng các loại thấu kính loại G, E hoặc D. Nếu đèn nháy tùy chọn bật, kết quả được điều chỉnh tương ứng.
♠	Incandescent (Sáng chói)	3000 K	Sử dụng dưới chiếu sáng sáng chói.
	Fluorescent (Huỳnh quang)		Sử dụng với:
	Sodium-vapor lamps (Đèn hơi natri)	2700 K	 Đèn khí natri (ở những địa điểm thể thao).
	Warm-white fluorescent (Huỳnh quang ấm trắng)	3000 K	 Ánh sáng huỳnh quang trắng ấm.
	White fluorescent (Huỳnh quang trắng)	3700 K	 Ánh sáng huỳnh quang trắng.
	Cool-white fluorescent (Huỳnh quang trắng lạnh)	4200 K	 Ánh sáng cân bằng trắng huỳnh quang.
	Day white fluorescent (Huỳnh quang trắng ban ngày)	5000 K	 Ánh sáng huỳnh quang trắng ban ngày.
	Daylight fluorescent (Huỳnh quang ánh sáng ban ngày)	6500 K	 Ánh sáng huỳnh quang ban ngày.
	High temp. mercury-vapor (Khí thủy ngân nhiệt độ cao)	7200 K	 Nguồn sáng nhiệt độ màu cao (ví dụ như đèn khí thủy ngân).
☀	Direct sunlight (Ánh sáng mặt trời trực tiếp)	5200 K	Sử dụng với các đối tượng chiếu sáng bởi ánh sáng mặt trời trực tiếp.

	Tùy chọn	Nhiệt độ màu *	Mô tả
4	Flash (Đèn nháy)	5400 K	Sử dụng các bộ đèn nháy tùy chọn.
2	Cloudy (Nhiều mây)	6000 K	Sử dụng ánh sáng ban ngày dưới bầu trời u ám.
\$ %.	Shade (Bóng râm)	8000 K	Sử dụng ánh sáng ban ngày với các đối tượng trong bóng râm.
K	Choose color temp. (Chọn nhiệt độ màu)	2500- 10.000 K	Chọn nhiệt độ màu từ danh sách các giá trị (印 88).
PRE	Preset manual (Thiết lập sẵn bằng tay)		Sử dụng đối tượng, nguồn ánh sáng, hoặc bức ảnh hiện thời làm tham khảo cho cân bằng trắng (따 90).

* Tất cả các giá trị là gần đúng và không phản ánh việc tinh chỉnh (nếu có).

Cân bằng trắng được thiết lập bằng cách nhấn nút **?**- (**WB**) và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi cài đặt mong muốn được hiển thị trong hiển thị thông tin.





Đĩa lênh chính



Hiển thị thông tin

٨B

🖉 Menu Chụp

Nút ?/~~ (WB)

Cũng có thể điều chỉnh cân bằng trắng cũng bằng cách sử dụng tùy chọn **White balance** (**Cân bằng trắng)** trong menu chụp (^{CD} 235), tùy chọn có thể được sử dụng để dò tinh chỉnh cân bằng trắng (^{CD} 84) hoặc đo một giá trị thiết lập sẵn cho cân bằng trắng (^{CD} 90). Tùy chọn



Auto (Tự động) trong menu White balance (Cân bằng trắng) có các lựa chọn Normal (Bình thường) và Keep warm lighting colors (Giữ màu sáng ấm), để giữ màu ấm do chiếu sáng sáng chói tạo ra, trong khi tùy chọn **※ Fluorescent (Huỳnh** quang) có thể dùng để chọn nguồn sáng từ các loại bóng đèn.

🖉 Chiếu Sáng Đèn Nháy Trong Phòng Thu

Cân bằng trắng tự động có thể tạo ra các kết quả mong muốn với các đơn vị đèn nháy trong phòng thu lớn. Sử dụng cân bằng trắng thiết lập sẵn hoặc đặt cân bằng trắng sang **Flash (Đèn nháy)** và sử dụng dò tinh chỉnh để điều chỉnh cân bằng trắng.

🖉 Nhiệt Độ Màu

Màu nhận được của một nguồn sáng khác nhau với người xem và các điều kiện khác. Nhiệt độ màu là cách đo khách quan của màu nguồn sáng, được quy định tham chiếu đến nhiệt độ mà một đối tượng được đun nóng để tỏa ra ánh sáng trong các bước sóng tương tự. Các nguồn sáng trắng với nhiệt độ màu ở khoảng 5000–5500 K xuất hiện màu trắng, nguồn ánh sáng với nhiệt độ màu thấp hơn, chẳng hạn như bóng đèn sáng chói, xuất hiện hơi vàng hoặc đỏ. Các nguồn ánh sáng với nhiệt độ màu cao hơn xuất hiện nhuốm màu xanh. Các tùy chọn cân bằng trắng máy ảnh được thích ứng với các nhiệt độ màu sau đây:

•	• 🔆 (Ánh sáng mặt trời trực tiếp):
• 未 (huỳnh quang)/	5200 K
💥 (huỳnh quang trắng ấm): 3000 K	• 🗲 (đèn nháy): 5400 K
• 🗮 (Huỳnh quang trắng): 3700 K	• 🕰 (nhiều mây): 6000 K
• 🗮 (Huỳnh quang trắng lạnh):	• 🗮 (Huỳnh quang ánh sáng ban
4200 K	ngày): 6500 K
• 🗮 (Huỳnh quang trắng ban	• 🗮 (đèn khí thủy ngân nhiệt độ
ngày): 5000 K	cao): 7200 K
	• 📾 (bóng râm): 8000 K

μB

Dò Tinh Chỉnh Cân Bằng Trắng

Cân bằng trắng có thể được "dò tinh chỉnh" để bù cho sai khác trong màu của nguồn sáng hoặc để tạo ra đổ màu chủ ý cho ảnh. Cân bằng trắng được tinh chỉnh bằng cách sử dụng tùy chọn White balance (Cân bằng trắng) trong menu chụp hoặc bằng cách nhấn nút **?**⊶ (WB) và xoay đĩa lệnh phụ.

💵 Menu Cân Bằng Trắng

 Chọn tùy chọn cân bằng trắng trong menu chụp.

Để hiển thị các menu, nhấn nút MENU. Chọn White balance (Cân bằng trắng)

trong menu chup, sau đó



Nút MENU

làm nổi bật một lựa chọn cân bằng trắng và nhấn ▶. Nếu một tùy chọn không phải là Auto (Tự động), Fluorescent (Huỳnh quang), Choose color temp. (Chọn nhiệt độ màu), hoặc Preset manual (Thiết lập sẵn bằng tay) được chọn thì chuyển sang Bước 2. Nếu Auto (Tự động) hoặc Fluorescent (Huỳnh quang) được chọn, làm nổi bật cài đặt mong muốn và nhấn ▶. Để biết thông tin về tinh chỉnh cân bằng trắng cài đặt trước, xem trang 97.

2 Dò tinh chỉnh cân bằng trắng.

Sử dụng đa bộ chọn để dò tinh chỉnh cân bằng trắng. Có thể dò tinh chỉnh cân bằng trắng trên trục hổ phách (A)–xanh da trời (B) và trục xanh lá cây (G)–đỏ tươi (M). Trục (hổ phách-xanh



da trời) ngàng tương ứng với nhiệt độ màu, với mỗi gia số tương đương với khoảng 5 đơn vị đo nhiệt độ màu. Trục (xanh lá cây-đỏ tươi) dọc có tác dụng tương tự tương ứng với các bộ lọc **bù màu** (CC).



3 Nhấn [™].

Nhấn ® để lưu các cài đặt và quay trở lại menu chụp. Tinh chỉnh được chỉ định bởi dấu hoa thị ("*****") trong màn hình hiển thị thông tin.





∎*Nút ?⁄*∽¬ (WB)

Ở các cài đặt khác [☑ (Choose color temp. (Chọn nhiệt độ màu)) và PRE (Preset manual (Thiết lập sẵn bằng tay)), nút ?~ (WB) có thể được sử dụng để điều chỉnh cân bằng trắng trên trục hổ phách (A)-xanh trời (B) (□ 85; để tinh chỉnh cân bằng trắng khi PRE được chọn, sử dụng menu chụp như được mô tả trên trang 84). Có sáu cài đặt trong cả hai hướng; mỗi gia số tăng tương đương với khoảng 5 đơn vị đo nhiệt độ màu (□ 87). Nhấn nút ?~ (WB) và xoay đĩa lệnh phụ cho đến khi cài đặt mong muốn được hiển thị trong hiển thị thông tin. Việc xoay đĩa lệnh phụ sang trái làm tăng lượng màu hổ phách (A). Việc xoay đĩa lệnh phụ sang phải làm tăng lượng màu xanh trời (B). Tại các cài đặt không phải là 0, dấu hoa thị ("*****") xuất hiện trong hiển thị thông tin.







Nút ?/~ (WB)

Đĩa lệnh phụ

Hiển thị thông tin

μB

🖉 Dò Tinh Chỉnh Cân Bằng Trắng

Các màu sắc trên trục tinh chỉnh chỉ là tương đối, không phải tuyệt đối. Ví dụ, việc di chuyển con trỏ đến **B** (xanh da trời) khi cài đặt "ấm" như ***** (sáng chói) được chọn cho cân bằng trắng sẽ làm cho hình ảnh hơi "lạnh hơn" nhưng sẽ không thực sự làm ảnh có màu xanh da trời.

🖉 "Đơn vị đo nhiệt độ màu"

Bất kỳ thay đổi nào được thực hiện trong nhiệt độ màu sẽ tạo ra khác biệt lớn hơn đối với màu ở nhiệt độ màu thấp so với ở nhiệt độ màu cao hơn. Ví dụ, thay đổi 1000 K sẽ dẫn tới thay đổi nhiều hơn ở màu 3000 K so với ở 6000 K. Đơn vị đo nhiệt độ màu được tính bằng cách nhân nghịch đảo nhiệt độ màu với 10⁶, là một thước đo nhiệt độ màu có tính tới sự thay đổi, và đó là đơn vị được sử dụng trong các bộ lọc bù nhiệt độ màu. Ví dụ:

- 4000 K–3000 K (chênh lệch 1000 K)=83 đơn vị đo nhiệt độ màu
- 7000 K–6000 K (chênh lệch 1000 K)=24 đơn vị đo nhiệt độ màu

🖉 Xem Thêm

Khi **WB bracketing (Chụp bù trừ cân bằng trắng)** được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn e6 (**Auto bracketing set (Đặt chụp bù trừ tự động)**,

 259), máy ảnh sẽ tạo ra một vài ảnh mỗi khi cửa trập được nhả. Cân bằng trắng sẽ thay đổi với mỗi hình ảnh "chụp bù trừ" giá trị hiện được chọn cho cân bằng trắng (
 141).

Chọn Nhiệt Độ Màu

Khi 🗹 (Choose color temp. (Chọn nhiệt độ màu)) được lựa chọn cho cân bằng trắng, nhiệt độ màu có thể được lựa chọn bằng cách sử dụng tùy chọn White balance (Cân bằng trắng) trong menu chụp hoặc bằng cách sử dụng các nút ?~ (WB), đa bộ chọn, và đĩa lệnh phụ.

Chọn Nhiệt Độ Màu

Lưu ý rằng không thể đạt được kết quả mong muốn với đèn nháy hoặc chiếu sáng huỳnh quang. Chọn **\$** (**Flash (Đèn nháy)**) hoặc 業 (**Fluorescent (Huỳnh quang)**) cho các nguồn này. Với các nguồn sáng khác, hãy chụp thử để xác định xem giá trị được chọn có thích hợp không.

💵 Menu Cân Bằng Trắng

Nhập giá trị cho các trục xanh da trời-đỏ tươi và xanh lá cây-hổ phách (따 85).

- Lựa chọn Choose color temp. (Chọn nhiệt độ màu)
 - Nhấn nút MENU và chọn White balance (Cân bằng trắng) trong menu chụp. Làm nổi bật Choose color





Nút MENU

temp. (Chọn nhiệt độ màu) và nhấn ▶.

2 Chọn giá trị cho xanh da trời-hổ phách. Nhấn ◀ hoặc ▶ để làm nổi bật chữ số và nhấn ▲ hoặc ▼ để thay đổi.



Giá trị cho trục hổ phách (A)-xanh da trời (B)
3 Chọn giá trị cho xanh lá câyđỏ tươi.

Nhấn ◀ hoặc ► để làm nổi bật trục G (xanh lá cây) hoặc M (đỏ tươi) và nhấn ▲ hoặc ▼ để chọn một giá trị. White balance Choose color ter 5000 K 2500 - 1000

Giá trị cho trục xanh lá cây (G)-đỏ tươi (M)

FS.E

4 Nhấn ⊗.

Nhấn ® để lưu các thay đổi và quay trở lại menu chụp. Nếu giá trị khác 0 được chọn cho trục xanh lá cây (G)–đỏ tươi (M), dấu hoa thị ("**X**") sẽ được

hiển thị trong màn hình hiển thị thông tin.

■*Nút ?/*/→¬ (WB)

Có thể sử dụng nút ‰ (WB) để lựa chọn nhiệt độ màu chỉ cho trục hổ phách (A)–xanh da trời (B). Nhấn nút ‰ (WB) và xoay đĩa lệnh phụ cho đến khi cài đặt mong muốn được hiển thị trong hiển thị thông tin (điều chỉnh bằng đơn vị đo nhiệt độ màu; □ 87). Để nhập nhiệt độ màu trực tiếp theo các gia số 10 K, nhấn nút ‰ (WB) và nhấn ◀ hoặc ► để làm nổi bật một chữ số và nhấn ▲ hoặc ▼ để thay đổi.





Nút ?/~ (WB)





Đĩa lệnh phụ

Hiển thị thông tin

Thiết lập sẵn bằng tay

Thiết lập sẵn bằng tay được sử dụng để ghi lại và gọi lại các cài đặt cân bằng trắng tùy chọn để chụp dưới ánh sáng hỗn hợp hoặc để bù cho các nguồn sáng ám màu mạnh. Máy ảnh có thể lưu trữ tới bốn giá trị cho cân bằng trắng cài đặt trước ở các cài đặt trước d-1 tới d-4. Có hai phương pháp để thiết lập cân bằng trắng thiết lập sẵn:

Phương pháp	Mô tả
Đo trực tiếp	Màu xám trung tính hoặc màu trắng được đặt dưới ánh sáng sẽ được sử dụng trong ảnh cuối cùng và cân bằng trắng được máy ảnh đo. Trong xem ảnh trực tiếp (印 172), cân bằng trắng có thể được đo trong khu vực được chọn của khuôn hình (cân bằng trắng điểm, 印 93).
Sao từ ảnh hiện tại	Cân bằng trắng được sao chép từ ảnh trên thẻ nhớ (印 96).

<u>Nhiếp ảnh kính ngắm</u>

1 Chiếu sáng đối tượng tham chiếu.

Đặt đối tượng màu trung tính hay đối tượng trắng dưới ánh sáng sẽ được sử dụng trong bức ảnh cuối cùng. Trong các thiết lập phòng thu, có thể sử dụng một bảng màu xám chuẩn làm đối tượng tham chiếu. Lưu ý rằng phơi sáng tự động tăng 1EV khi đo cân bằng trắng; trong chế độ phơi sáng **M**, điều chỉnh phơi sáng để chỉ báo phơi sáng hiển thị ± 0 (\square 43).

2 Đặt cân bằng trắng sang PRE (Preset manual (Thiết lập sẵn bằng tay)).

Nhấn nút **?**- (**WB**) và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi **PRE** xuất hiện trong hiển thị thông tin.







Nút ?/~ (WB)

Đĩa lệnh chính

Hiển thị thông tin

Do Cân Bằng Trắng Thiết Lập Sẵn (Chụp Ảnh Bằng Kính Ngắm) Thiết lập sẵn bằng tay cân bằng trắng không thể được đo trong nhiếp ảnh HDR hoặc đa phơi sáng (印 112, 149).

3 Chọn một thiết lập sẵn.

Nhấn nút **?~~** (**WB**) và xoay đĩa lệnh phụ cho đến khi cài đặt trước cân bằng trắng (d-1 đến d-4) được hiển thị trong màn hình hiển thị thông tin.







Nút ?//--- (WB)

Đĩa lệnh phụ

- Hiển thị thông tin
- 4 Chọn chế độ đo trực tiếp. Nhả nhanh nút ?~ (WB) và sau đó nhấn nút lại cho đến khi biểu tượng ?~ E bắt đầu nháy trong bảng điều khiển và kính ngắm.



5 Đo cân bằng trắng.

Trước khi các chỉ báo ngừng nháy, tạo khuôn hình đối tượng tham chiếu để nó lấp đầy kính ngắm và nhấn nút nhả



cửa trập hết cỡ. Máy ảnh sẽ đo một giá trị cân bằng trắng và lưu vào giá trị thiết lập sẵn được chọn ở Bước 3. Ảnh sẽ không được ghi lại; có thể đo cân bằng trắng chính xác ngay cả khi máy ảnh không lấy nét.

6 Kiểm tra kết quả.

Nếu máy ảnh có thể để đo một giá trị cho cân bằng trắng, **Load** sẽ nháy trong bảng điều khiển khoảng sáu giây, trong khi kính ngắm sẽ hiển thị **La** nhấp nháy.

Nếu ánh sáng quá tối hoặc quá sáng, máy ảnh có thể không đo được cân bằng trắng. **ng ũơ** nhấp nháy sẽ xuất hiện trong bảng điều khiển và kính ngắm trong khoảng sáu giây. Bấm nút nhả cửa trập nửa chừng để trở lại Bước 5 và đo lại cân bằng trắng.



🖉 Giá Trị Thiết Lập Sẵn Được Bảo Vệ

Nếu giá trị thiết lập sẵn hiện tại được bảo vệ (🕮 99), 🔭 🖢 sẽ nháy trong bảng điều khiển và kính ngắm nếu bạn cố gắng đo giá trị mới.

🗹 Chế Độ Đo Trực Tiếp

Nếu không có hoạt động nào được thực hiện trong khi chụp ảnh bằng kính ngắm và khi màn hình hiển thị đang nhấp nháy, chế độ đo trực tiếp sẽ kết thúc trong thời gian lựa chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c4 (**Monitor off delay (Độ trễ tắt màn hình)**) > **Information display (Hiển thị thông tin)** (^{CD} 253) và Cài Đặt Tùy Chọn c2 (**Standby timer (Hẹn giờ chờ**), ^{CD} 251).

Chọn Giá Trị Thiết Lập Sẵn
Việc chọn Preset manual (Thiết lập sẵn bằng tay) cho tùy chọn White balance (Cân bằng trắng) trong menu chụp sẽ hiển thị hộp thoại như bên phải; làm nổi bật giá trị thiết lập sẵn và nhấn [®]. Nếu không có giá trị nào hiện có cho giá trị cài thiết lập sẵn được chọn, cân bằng trắng sẽ được đặt sang 5200 K, tương tự như Direct sunlight (Ánh sáng trực tiếp).



<u>Xem trực tiếp (Cân bằng trắng điểm)</u>

Trong xem trực tiếp, cân bằng trắng có thể được đo trong một khu vực lựa chọn của khuôn hình, không cần phải chuẩn bị đối tượng tham chiếu hoặc thay đổi thấu kính trong khi chụp ảnh xa.

1 Nhấn nút 🖾.

Gương sẽ được nâng lên và nội dung nhìn qua thấu kính sẽ được hiển thị trong màn hình máy ảnh.



٨B

2 Đăt cân bằng trắng sang PRE (Preset manual (Thiết lập sẵn bằng tay)).

Nhấn nút ?/--- (WB) và xoay đĩa lênh chính cho đến khi PRE được hiển thị trong màn hình.



Nút ?/~ (WB)

Đĩa lênh chính



3 Chon một thiết lập sẵn.

sẵn cân bằng trắng (d-1 đến d-4) được hiển thị trong màn hình.



Nút ?/m (WB)









4 Chon chế độ đo trực tiếp. Nhả nhanh nút **?/---** (**WB**) và sau đó nhấn

nút lại cho đến khi biểu tương PRE trong màn hình bắt đầu nháy. Một mục tiêu cân bằng trắng điểm (□) sẽ được hiển thi tai điểm lấy nét được chon.



μB

5 Đặt mục tiêu trên khu vực màu trắng hoặc xám.

Trong khi PrE nhấp nháy trong màn hình, sử dung đa bô chon để đăt 🗖 trên khu vực màu trắng hoặc màu xám của đối tươna.

6 Đo cân bằng trắng.

cỡ để đo cân bằng trắng. Thời gian có sẵn để đo cân bằng trắng là thời gian được chon cho Cài Đăt Tùy Chon c4 (Monitor off delav (Đô trễ tắt màn hình)) > Live view (Xem trưc tiếp) (🕮 253).

Nếu máy ảnh không thể đo cân bằng trắng, thông báo ở bên phải sẽ được hiển thi. Chon đối tương cân bằng trắng mới và lặp lại quy trình từ Bước 4.

Khi Preset manual (Thiết lập sẵn bằng tay) được chon cho White balance (Cân bằng trắng) trong menu chup, vi trí của đối tương được sử dụng để đo cân bằng trắng thiết lập sẵn bằng tay được hiển thi trên các thiết lập sẵn được ghi lại trong quá trình chup ảnh xem trực tiếp.

Nhấn 🛞 hoặc nhấn nút nhả cửa trập hết

AF-S

🖉 Đo Cân Bằng Trắng Thiết Lập Sẵn (Xem Ảnh Trực Tiếp) Cân bằng trắng thiết lập sẵn bằng tạy không thể thiết lập được trong khi phơi sáng HDR đang trong tiến trình (^{III} 112).





PRE₁



Quản lý thiết lập sẵn

II Sao Chép Cân Bằng Trắng từ Ánh

Tuân theo các bước bên dưới để sao chép giá trị cho cân bằng trắng từ ảnh hiện có cho thiết lập sẵn được chon.

1 Chon PRE (Preset manual (Thiết lập sẵn bằng tay)) cho White balance (Cân bằng trắng) trong menu chup.



Nút MENU

Nhấn nút MENU và chon White balance (Cân bằng trắng) trong menu chụp. Làm nổi bật Preset manual (Thiết lâp sẵn bằng tay) và nhấn 🕨.

2 Chọn đích đến. Làm nổi bật thiết lập sẵn đích đến (d-1 đến d-4) và nhấn 🖓 🖾 (♣).





- **3** Chon Select image (Chọn White balance Preset manual hình ảnh). ine-tune Làm nổi bật Select image commen (Chon hình ảnh) và nhấn . 0FF d-1
- 4 Làm nổi bật hình ảnh nguồn.

Làm nổi bật hình ảnh nguồn.







٨B

5 Nhấn ⊗.

Nhấn 🛞 để sao chép giá trị cân bằng trắng cho bức ảnh được làm nổi bật cho thiết lập sẵn được chon. Nếu bức ảnh



được làm nổi bật có một nhận xét (🕮 278), nhận xét sẽ được sao chép vào nhận xét của thiết lập sẵn được chọn.

🖉 Chọn Hình Ảnh Nguồn

Để xem toàn khuôn hình hình ảnh được làm nổi bật trong Bước 4, nhấn và giữ nút $\mathfrak{P}(\mathbf{QUAL})$.

🖉 Chọn Thiết Lập Sẵn Cân Bằng Trắng

Nhấn ▲ để làm nổi bật thiết lập sẵn cân bằng trắng (d-1–d-4) và nhấn ▶ để chọn thiết lập sẵn khác.



🖉 Dò Tinh Chỉnh Cân Bằng Trắng Thiết Lập Sẵn

Giá trị thiết lập sẵn được chọn có thể được điều chỉnh bằng cách chọn **Fine-tune (Tinh chỉnh)** và điều chỉnh cân bằng trắng như mô tả trên trang 85.



μB

💵 Nhập Nhận Xét

Thực hiện theo các bước dưới đây để nhập nhận xét mô tả lên đến ba mươi sáu ký tự cho thiết lập sẵn cân bằng trắng được chọn.

 Chọn PRE (Preset manual (Thiết lập sẵn bằng tay)).
 Làm nổi bật Preset manual (Thiết lập sẵn bằng tay) trong menu cân bằng trắng và nhấn
 ▶.



2 Chọn một thiết lập sẵn. Làm nổi bật thiết lập sẵn mong muốn và nhấn འལ (¥).





3 Chọn Edit comment (Sửa nhận xét).



Làm nổi bật **Edit comment** (Sửa nhân xét) và nhấn ▶.





4 Sửa nhận xét.

Sửa nhận xét như mô tả trên trang 107.



II Bảo Vê Thiết Lập Sẵn Cân Bằng Trắng

Làm theo các bước dưới đây để bảo vê giá tri thiết lập sẵn cân bằng trắng được chọn. Không thể sửa đổi các giá tri thiết lập sẵn được bảo vê và không thể sử dụng được các tùy chon Fine-tune (Tinh chỉnh) và Edit comment (Sửa nhân xét).

1 Chon PRE (Preset manual (Thiết lập sẵn bằng tay)). Làm nổi bât Preset manual (Thiết lập sẵn bằng tay) trong menu cân bằng trắng và nhấn ▶.



2 Chọn một thiết lập sẵn. Làm nổi bật thiết lập sẵn mong muốn và nhấn **Q**≅ (**4**).





Nút 🕾 (\$)

3 Chon Protect (Bảo vê). White balance μB Preset manual Làm nổi bât Protect (Bảo vê) và d-1 Fine-tune nhấn ▶. Edit comment Select image OFF Protect d-1



Tăng Cường Hình Ảnh

Picture Control

Hệ thống Picture Control duy nhất của Nikon có thể chia sẻ các thiết lập xử lý hình ảnh, bao gồm độ sắc nét, độ tương phản, độ sáng, độ bão hòa, và sắc thái giữa các thiết bị và phần mềm tương thích.

Chon Picture Control

Máy ảnh này có các lựa chọn Picture Control cài đặt trước như sau. Chọn Picture Control theo đối tượng hoặc loại cảnh.

	Tùy chọn	Mô tả			
(might	Standard (Tiêu	Xử lý tiêu chuẩn cho kết quả cân bằng. Khuyên dùng			
്രാഗ	Chuẩn)	trong hầu hết các tình huống.			
[75]NI	Neutral (Trung	Xử lý tối thiểu cho kết quả tự nhiên. Chọn bức ảnh mà			
Ľ.ЯNL	tính)	bạn sẽ xử lý hoặc chỉnh sửa rộng rãi sau.			
Lea VI	Vivid (Sống	Hình ảnh được tăng cường hiệu ứng sống động, in			
<u>⊾</u> s¥1	động)	ảnh. Chọn bức ảnh nhấn mạnh đến màu sắc cơ bản.			
ENNO	Monochrome	Chun ảnh đơn cắc			
<u>∟</u> 3mU	(Đơn sắc)	chụp anh uốn sắc.			
	Portrait (Chân	Xử lý chân dung cho làn da với kết cấu tự nhiên và			
<u>ר</u> א ו	dung)	cảm giác tròn đầy.			
<u>و</u> ايم	Landscape	Tạo ra ảnh phong cảnh và cảnh quan thành phố sống			
പറ	(Phong cảnh)	động.			

1 Hiển Thị Picture Control. Để hiển thị các menu, nhấn nút MENU. Làm nổi bật Set Picture Control (Đặt Picture Control) trong menu chụp và nhấn ► để



	SHOOTING MENU	
	White balance	AUT01
-	Set Picture Control	⊡SD
1	Manage Picture Control	
L	Color space	sRGB
4	Active D-Lighting	0FF
4	HDR (high dynamic range)	0FF
	Vignette control	
?	Auto distortion control	0FF

Nút MENU

hiển thị danh sách Picture Control.

2 Chọn một Picture Control. Làm nổi bật Picture Control mong muốn và nhấn @.



🖉 Picture Control Tùy Chọn

Picture Control Tùy Chọn được tạo ra thông qua sửa đổi các Picture Control hiện có bằng cách sử dụng tùy chọn **Manage Picture Control (Quản lý Picture Control)** trong menu chụp (^{CII} 106). Picture Control Tùy Chọn có thể được lưu vào thẻ nhớ để chia sẻ với các máy ảnh khác cùng kiểu máy và phần mềm tương thích (^{CII} 109).

🖉 Chỉ Báo Picture Control

Picture Control hiện tại được hiển thị trong màn hình hiển thị thông tin khi nhấn nút 📾.



<u> Sửa Đổi Picture Control</u>

Picture Control thiết lập sẵn hoặc tùy chọn hiện hành (^{III} 106) có thể được sửa đổi để phù hợp với cảnh hoặc mục đích sáng tạo của người dùng. Chọn kết hợp cân bằng các thiết lập bằng cách sử dụng **Quick adjust (Điều chỉnh nhanh)**, hoặc điều chỉnh bằng tay các thiết lập cá nhân.

 Chọn Picture Control.
 Làm nổi bật Picture Control mong muốn trong danh sách Picture Control (□ 100) và nhấn
 .



abo Sanaan () BAIN Neutral BVI Vivid () BMC Monochrome BPT Portrait BLS Landscape @BGGrid @Adjust

Picture Contro

2 Điều chỉnh cài đặt.

Nhấn ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật cài đặt mong muốn (□ 103) và nhấn ◀ hoặc ► để chọn giá trị. Lặp lại bước này cho đến khi tất cả các thiết lập được điều chỉnh,



hoặc chọn **Quick adjust (Điều chỉnh nhanh)** để chọn kết hợp các thiết lập sẵn. Các thiết lập mặc định có thể được phục hồi bằng cách nhấn nút 蝒.

3

3 Nhấn .

🖉 Các Sửa Đổi Picture Control Gốc

Các Picture Control được sửa đổi từ các cài đặt mặc định được chỉ báo bởi dấu hoa thị (" \star ").



T	ùy chọn	Mô tả					
Quick adjust (Điều chỉnh nhanh)		Chọn các tùy chọn giữa -2 và +2 để làm giảm hoặc tăng hiệu ứng của Picture Control đã chọn (lưu ý rằng việc này sẽ khôi phục lại tất cả các điều chỉnh bằng tay). Ví dụ, lựa chọn các giá trị dương cho Vivid (Sống động) để tạo hình ảnh sống động hơn. Không có với Picture Control Neutral (Trung tính) hoặc Monochrome (Đơn sắc) .					
(ta	Sharpening (Làm sắc nét)	Kiểm soát độ sắc nét của đường nét. Chọn A để điều chỉnh độ sắc nét tự động theo cảnh, hoặc chọn các giá trị trong khoảng 0 (không làm sắc nét) đến 9 (giá trị càng cao, độ làm sắc nét càng lớn).					
Điều chỉnh bằng tay ất cả Picture Control)	Contrast (Độ tương phản)	Chọn A để điều chỉnh độ tương phản tự động theo cảnh, hoặc chọn giá trị trong khoảng từ – 3 đến + 3 (chọn giá trị thấp hơn để tránh các phần làm nổi bật ở đối tượng chân dung khỏi bị "biến mất" do ánh nắng trực tiếp; giá trị cao hơn để giữ lại những chi tiết không rõ trong ảnh phong cảnh và các đối tượng có độ tương phản thấp khác).					
	Brightness Chọn –1 để giảm độ sáng, +1 tăng độ sáng. Không ả (Độ sáng) hưởng đến phơi sáng.						
Điều chỉ (chỉ khô	Saturation (Độ bão hòa)	Kiểm soát độ sống động của màu sắc. Chọn A để điều chỉnh độ bão hòa tự động theo loại cảnh, hoặc chọn các giá trị từ – 3 đến + 3 (giá trị thấp hơn làm giảm độ bão hòa, và giá trị cao hơn làm tăng độ bão hòa).					
ỉnh bằng tay ông đơn sắc)	Hue (Màu sắc)	Chọn các giá trị âm (tối thiểu là –3) để làm cho màu đỏ thành tím hơn, xanh da trời thành xanh lá cây hơn, và xanh lá cây thành vàng hơn; các giá trị dương (lên tới +3) làm màu đỏ thành cam hơn, xanh lá cây thành xanh da trời hơn, và xanh da trời thành tím hơn.					
Điều chỉnh bằng tay (chỉ đơn sắc)	Filter effects (Hiệu ứng bộ lọc)	Mô phỏng hiệu ứng của các bộ lọc màu trên ảnh đơn sắc. Chọn từ Off (Tắt) , vàng, cam, đỏ, và xanh lá cây (🎞 105).					
	Toning (Tông màu)	Chọn màu được sử dụng trong các ảnh đơn sắc từ B&W (đen và trắng), Sepia (Nâu đỏ), Cyanotype (Xanh) (đơn sắc nhuốm xanh), Red (Đỏ), Yellow (Vàng), Green (Xanh lá cây), Blue Green (Xanh), Blue (Xanh da trời), Purple Blue (Xanh tía), Red Purple (Đỏ tía) (끄 105).					

14

🗹 "A" (Tự động)

Kết quả độ sắc nét, độ tương phản, độ bão hòa tự động sẽ thay đổi theo độ phơi sáng và vị trí của đối tượng trong khung. Sử dụng thấu kính loại G, E hoặc D cho kết quả tốt nhất.

🖉 Picture Control Tùy Chọn

Các tùy chọn có sẵn cho các Picture Control tùy chọn giống như những tùy chọn mà tùy chọn Picture Control dựa vào đó.

🖉 Lưới Picture Control

Khi nhấn nút 🤮 (\$) ở Bước 2 trên trang 102 sẽ hiển thị một lưới Picture Control hiển thị độ tương phản và độ bão hòa của Picture Control đã chọn liên quan đến Picture Control khác (tương phản chỉ được hiển thị khi chọn **Monochrome** (Đơn sắc)). Nhả nút ९छ (\$) để trở lại menu Picture Control.

Các biểu tượng Picture Control sử dụng độ tương phản và độ bão hòa tự động được hiển thị bằng màu xanh lá cây trong lưới Picture Control, và các đường xuất hiện song song với trục của lưới.

🖉 Thiết Lập Trước Đó

Dòng dưới màn hình hiển thị giá trị trong menu cài đặt Picture Control cho thấy các giá trị cài đặt trước đó. Sử dụng phần này làm tham khảo khi điều chỉnh các thiết lập.







Hiệu ứng bộ lọc (Chỉ đơn sắc)

Các tùy chọn trong menu này mô phỏng hiệu ứng của các bộ lọc màu sắc trên ảnh đơn sắc. Có các hiệu ứng bộ lọc sau đây:

T	ùy chọn	Mô tả
Y	Vàng	Tăng độ tương phản. Có thể được sử dụng để giảm bớt
0	Cam	độ sáng bầu trời trong các bức ảnh phong cảnh. Màu cam
R	Đỏ	tạo ra độ tương phản hơn vàng, màu đỏ tương phản hơn so với cam.
G	Xanh lá cây	Làm mềm tông màu da. Có thể được sử dụng cho ảnh chân dung.

Lưu ý rằng các hiệu ứng đạt được do **Filter effects (Hiệu ứng bộ lọc)** thì rõ rệt hơn so với những hiệu ứng của các bộ lọc thủy tinh vật lý.

Tông màu (Chỉ đơn sắc)

Nhấn ▼ khi đã chọn **Toning (Tông màu)** sẽ hiển thị các tùy chọn độ bão hòa. Nhấn ◀ hoặc ► để điều chỉnh độ bão hòa. Kiểm soát độ bão hòa không có sẵn khi chọn chế độ **B&W** (đen và trắng).

	Monochrome	
	Sharpening	
1	Contrast	A = 0 +
Y	Brightness	=0=
-1	Filter effects	OFF YORG
	Toning	
	Sepia, 4	
?	Q⊡ Grid (€	Reset OBOK

<u> Tạo Picture Control Tùy Chọn</u>

Picture Control được cung cấp với máy ảnh có thể được sửa đổi và lưu lại dưới dạng Picture Control tùy chọn.

 Chọn Manage Picture Control (Quản lý Picture Control) trong menu chụp.
 Để hiển thị các menu, nhấn nút MENU. Làm nổi bật Manage Picture Control



	SHOOTING MENU	
1	White balance	AUT01
•	Set Picture Control	⊡SD
<u>_</u>	Manage Picture Control	
1	Color space	sRGB
Ľ	Active D-Lighting	0FF
	HDR (high dynamic range)	0FF
	Vignette control	
?	Auto distortion control	0FF

Nút MENU

(Quản lý Picture Control) trong menu chụp và nhấn ►.

2 Chọn Save/edit (Lưu/sửa lai).

Làm nổi bật **Save/edit (Lưu/ sửa lại)** và nhấn ▶.



3 Chọn Picture Control. Làm nổi bật một Picture Control hiện có và nhấn ▶, hoặc nhấn nút ඔ để chuyển sang Bước 5 và lưu bản sao của Picture Control được làm nổi bật mà không sửa đổi thêm.



4 Chỉnh sửa Picture Control đã chọn.

Xem trang 103 để biết thêm thông tin. Để bỏ bất kỳ thay đổi và bắt đầu từ các thiết lập mặc định, nhấn nút ữ. Nhấn ® khi thiết lập xong.

5 Chọn đích đến.

Chọn đích đến của tùy chọn Picture Control (C-1 tới C-9) và nhấn ▶.

6 Đặt tên Picture Control. Hộp thoại nhập văn bản sẽ được hiển thị ở bên phải. Theo mặc định, các Picture Control mới sẽ được đặt tên bằng cách thêm vào một số

có hai chữ số (được chỉ định tự động) vào tên của Picture
Control hiện có; để sử dụng tên mặc định, sang Bước 7. Để di chuyển con trỏ trong vùng tên, giữ nút **འ** (\$) và nhấn ◀ hoặc
Để nhập một chữ cái mới ở vị trí con trỏ hiện tại, sử dụng đa bộ chọn để làm nổi ký tự mong muốn trong khu vực bàn phím và nhấn [®]. Để xóa các ký tự tại vị trí con trỏ hiện tại, nhấn nút [™].

Tên của Tùy Chọn Picture Control có thể dài đến mười chín ký tự. Bất kỳ ký tự nào đứng sau ký tự thứ mười chín sẽ bị xóa.





Manage Picture Control



7 Nhấn ♥ (QUAL). Nhấn nút ♥ (QUAL) để lưu thay đổi và thoát. Picture Control mới sẽ xuất hiện trong danh sách Picture Control.



Manage Picture Control (Quản lý Picture Control) > Rename (Đổi tên)

Picture Control Tùy Chọn có thể được đổi tên bất cứ lúc nào bằng cách sử dụng tùy chọn **Rename** (Đổi tên) trong menu **Manage Picture Control** (Quản lý Picture Control).



Manage Picture Control (Quản lý Picture Control) > Delete (Xóa) Tùy chọn Delete (Xóa) trong menu Manage Picture Control (Quản lý Picture Control) có thể được sử dụng để xóa các Picture Control tùy chọn khi chúng không còn cần thiết.

🖉 Biểu Tượng Picture Control Ban Đầu

Picture Control thiết lập sẵn ban đầu mà tùy chọn Picture Control dựa trên đó được biểu thị bằng biểu tượng ở góc trên bên phải màn hình hiển thị chỉnh sửa.

Biểu tượng Picture Control Ban Đầu



Chia Sé Picture Controls Tùy Chọn

Picture Control Tùy Chọn được tạo ra bằng cách sử dụng Tiện Ích Picture Control có sẵn với ViewNX 2 hoặc phần mềm tùy chọn như Capture NX 2, có thể được sao chép vào thẻ nhớ và được tải vào máy ảnh; hoặc Picture Control tùy chọn được tạo ra với máy ảnh có thể được sao chép vào thẻ nhớ để sử dụng trong các máy ảnh Df khác và phần mềm tương thích, và sau đó xóa đi khi không còn cần thiết.

Để sao chép các Picture Control tùy chọn đến hoặc từ thẻ nhớ, hoặc để xóa các Picture Control tùy chọn từ thẻ nhớ, hãy làm nổi bật **Load/Save** (Tải/Lưu) trong menu Manage Picture Control (Quản lý Picture



Control) và nhấn ▶. Các tùy chọn sau đây sẽ được hiển thị:

- Copy to camera (Sao chép vào máy ảnh): Sao chép Picture Control tùy chọn từ thẻ nhớ đến Picture Control tùy chọn C-1 tới C-9 trên máy ảnh và đặt tên chúng như mong muốn.
- Delete from card (Xóa khỏi thẻ): Xóa Picture Control tùy chọn đã chọn từ thẻ nhớ. Hội thoại xác nhận sẽ hiển thị bên phải trước khi một Picture Control bị xóa; để xóa Picture Control đã chọn, làm nổi bật Yes (Có) và nhấn @.



 Copy to card (Sao chép vào thẻ): Sao chép một tùy chọn Picture Control (C-1 đến C-9) từ máy ảnh tới đích đến đã chọn (1 đến 99) trên thẻ nhớ.

🖉 Lưu Picture Control Tùy Chọn

Có thể lưu tới 99 Picture Control tùy chọn vào thẻ nhớ tại bất kỳ thời điểm nào. Thẻ nhớ có thể chỉ được sử dụng để lưu trữ các Picture Control tùy chọn do người dùng tạo ra. Không thể sao chép sang thẻ nhớ, đổi tên hoặc xóa các Picture Control cài đặt trước được cung cấp với máy ảnh (🎞 100).

Giữ Chi Tiết trong Phần Tô Sáng và Phần Bóng

<u>D-Lighting hoạt động</u>

D-Lighting hoạt động giữ lại các chi tiết được làm nổi bật và trong bóng, tạo ra các bức ảnh có độ tương phản tự nhiên. Sử dụng cho những cảnh có độ tương phản cao, ví dụ như khi chụp cảnh sáng ngoài trời qua cánh cửa hay cửa sổ, hoặc chụp các đối tượng bóng mờ vào một ngày nắng. Hiệu quả nhất khi dùng với chế độ đo sáng ma trận (^{III} 75).



Tắt D-Lighting Hoạt Động



D-Lighting hoạt động: 暗 A Tự động

"Active D-Lighting (D-Lighting hoạt động)" So Với "D-Lighting" Tùy chọn Active D-Lighting (D-Lighting hoạt động) trong menu chụp sẽ điều chỉnh phơi sáng trước khi chụp để tối ưu dải tương phản, trong khi đó, tùy chọn D-Lighting trong menu sửa lại (^{CD} 291) làm sáng các bóng trong ảnh sau khi chụp. Để sử dụng D-Lighting Hoat Đông:

1 Chon Active **D-Lighting** (D-Lighting hoat động) trong menu chup. Để hiển thi các menu, nhấn nút MENU. Làm nổi Nút MENU bât Active D-Lighting (D-Lighting hoat đông) trong menu chup và nhấn .





SHOOTING MENU

AUTO

MSI

sRGF

OFF

0FF

0FF

White balance

Color space

Set Picture Control Manage Picture Control

ive D-Lighting

(high dynamic range) nette control

to distortion control

theo điều kiên chup (tuy nhiên, trong chế đô phơi sáng M, 暗 A Auto (Tư đông) sẽ tương đương với 暗 N Normal (Bình thường)).

D-Lighting hoạt động

Nhiễu (các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên, sương mù, hoặc đường thẳng) có thể xuất hiện trong các bức ảnh chup với D-Lighting hoạt động. Một số đối tượng có thể có độ bóng không đồng đều. D-Lighting Hoat Đông không được sử dụng ở đô nhay ISO Hi 0,3 hoặc cao hơn.

🖉 Xem Thêm

Khi chon ADL bracketing (Chup bù trừ ADL) cho Cài Đăt Tùy Chon e6 (Auto bracketing set (Đăt chup bù trừ tư đông), 🕮 259), máy ảnh sẽ thay đổi D-Lighting hoat đông trong các lươt chup (^{CL} 145).

<u> Dải Động Cao (HDR)</u>

Được sử dụng với các đối tượng có độ tương phản cao, Dải Dộng Cao (HDR) giữ được các chi tiết nổi bật và bóng bằng cách kết hợp hai ảnh chụp ở các phơi sáng khác nhau. HDR hiệu quả nhất khi được sử dụng với đo sáng ma trận (^{CD} 75; với các phương pháp đo sáng khác và một thấu kính không CPU, độ lệch phơi sáng là **Auto** (**Tự động**) tương đương với khoảng 2 EV). Không thể sử dụng để ghi hình ảnh NEF (RAW). HDR không thể được sử dụng với chụp bù trừ ánh sáng đèn nháy (^{CD} 136), đa phơi sáng (^{CD} 149), hoặc tốc độ cửa trập **B** (bóng đèn) hoặc **T** (thời gian).



Phơi sáng lần đầu (tối hơn)



Phơi sáng lần hai (sáng hơn)



Ảnh HDR kết hợp

1 Chọn HDR (high dynamic range) (HDR (dải nhạy sáng cao)). Nhấn nút MENU để hiển thị menu. Làm nổi bật HDR (high dynamic range) (HDR (dải nhạy sáng cao)) trong menu chụp và nhấn ►.



lút	MENU	

]		SHOOTING MENU	
1		White balance	AUT01
0	-	Set Picture Control	⊡SD
		Manage Picture Control	
]	Ť.	Color space	sRGB
1		Active D-Lighting	0FF
		HDR (high dynamic range)	OFF
		Vignette control	
	?	Auto distortion control	0FF

2 Chọn một chế độ. Làm nổi bật HDR mode (Chế độ HDR) và nhấn ▶.





Làm nổi một trong những tùy chọn sau và nhấn 🛞.

 Để chụp một loạt ảnh HDR, chọn NG On (series) (Bật (loạt ảnh)). Chụp HDR sẽ tiếp tục cho đến khi bạn chọn Off
 (Tắt) cho HDR mode (Chấ đ



(Tắt) cho HDR mode (Chế độ HDR).

- Để chụp một ảnh HDR, chọn On (single photo) (Bật (một ảnh)). Chụp bình thường sẽ khôi phục tự động sau khi bạn đã tạo được một ảnh HDR.
- Để thoát mà không tạo thêm ảnh HDR, chọn Off (Tắt).

Hữ xuất hiện trong kính ngắm khi HDR được kích hoạt.



3 Chọn độ lệch phơi sáng. Để chọn độ lệch phơi sáng giữa hai bức ảnh, làm nổi bật Exposure differential (Độ lệch phơi sáng) và nhấn ▶.

> Các tùy chọn như ở bên phải sẽ được hiển thị. Làm nổi bật một tùy chọn và nhấn ®. Chọn giá trị cao hơn cho đối tượng có độ tương phản cao, nhưng lưu ý rằng việc chọn giá trị cao hơn so





với yêu cầu có thể không mang lại kết quả mong muốn; nếu **Auto (Tự động)** được chọn, máy ảnh sẽ tự động điều chỉnh phơi sáng cho phù hợp với cảnh.

4 Chọn mức độ mượt.

Để chọn số ranh giới giữa hai hình ảnh được làm mượt, làm nổi bật **Smoothing (Mượt)** và nhấn ▶.

Các tùy chọn như ở bên phải sẽ được hiển thị. Làm nổi bật một tùy chọn và nhấn (). Giá trị cao hơn sẽ tạo ra ảnh ghép mượt hơn. Một số đối tượng có thể có độ bóng không đồng đều.



5 Tạo khuôn hình bức ảnh, lấy nét và chụp.

Máy ảnh phơi sáng hai lần khi nút nhả cửa trập được bấm hết cỡ. **Job Hảr** sẽ được hiển thị trong bảng điều khiển và **Job** HDR trong kính ngắm khi ảnh được kết hợp; không chụp thêm được ảnh cho đến khi ghi xong. Bất kể tùy chọn nào được chọn cho chế độ nhả, chỉ một ảnh được chụp mỗi lần nút nhả cửa trập được nhấn.



Nếu **On (series) (Bật (loạt ảnh))** được chọn, HDR sẽ tắt khi **Off** (**Tắt)** được chọn cho **HDR mode (Chế độ HDR)**; nếu **On** (**single photo) (Bật (một ảnh))** được chọn, HDR tự động tắt sau khi bức ảnh được chụp. Biểu tượng IM được xóa khỏi màn hình khi chụp ảnh HDR kết thúc.

🚺 Tạo Khuôn Ảnh HDR

Các mép của ảnh sẽ được cắt bỏ. Có thể không đạt được kết quả mong muốn nếu di chuyển máy ảnh hoặc đối tượng trong quá trình chụp. Nên sử dụng giá ba chân. Tùy thuộc vào cảnh, bóng có thể xuất hiện xung quanh các đối tượng sáng hoặc quầng sáng có thể xuất hiện xung quanh các đối tượng tối; có thể giảm hiệu ứng này bằng cách điều chỉnh số lượng làm mịn.

🖉 Chụp Ảnh Hẹn Giờ Quãng Thời Gian

Nếu **On (series) (Bật (loạt ảnh))** được chọn cho **HDR mode (Chế độ HDR)** trước khi chụp ảnh hẹn giờ quãng thời gian bắt đầu, máy ảnh sẽ tiếp tục chụp ảnh HDR ở quãng thời gian được chọn (Nếu **On (single photo) (Bật (một ảnh))** được chọn, chụp hẹn giờ quãng thời gian sẽ kết thúc sau khi chụp một ảnh). **!****

Chụp Ảnh Có Đèn Nháy

Sử Dụng Đèn Nháy

Máy ảnh hỗ trợ Hệ Thống Chiếu Sáng Sáng Tạo Nikon (CLS) và có thể được sử dụng với các bộ đèn nháy tương thích với CLS. Các bộ đèn nháy tùy chọn có thể được gắn trực tiếp vào ngàm gắn phụ kiện máy ảnh như mô tả phía dưới. Ngàm gắn phụ kiện được trang bị khóa an toàn cho các bộ đèn nháy bằng chốt khóa.

1 Gỡ nắp ngàm gắn phụ kiện.



2 Gắn bộ đèn nháy vào ngàm gắn phụ kiện.

Xem tài liệu hướng dẫn được cung cấp kèm với bộ đèn nháy để biết thêm chi tiết.



🖉 Đầu cắm đồng bộ

Một cáp đồng bộ có thể được kết nối với các thiết bị đầu cắm đồng bộ theo yêu cầu. Không kết nối bộ đèn nháy khác qua cáp đồng bộ khi chụp ảnh đèn nháy đồng bộ màn phía sau với bộ đèn nháy được lắp vào ngàm gắn phụ kiện.



🗹 Chỉ Sử Dụng Các Phụ Kiện Đèn Nháy Nikon

Chỉ sử dụng các bộ đèn nháy Nikon. Việc sử dụng điện áp âm hoặc điện áp trên 250 V cho ngàm gắn phụ kiện không những có thể làm gián đoạn việc vận hành bình thường, mà còn làm tổn hại dòng điện đồng bộ của máy ảnh hoặc đèn nháy. Trước khi sử dụng một bộ đèn nháy Nikon không được nêu danh sách trong mục này, hãy liên hệ với một đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền để biết thêm thông tin.

<u> Hệ Thống Chiếu Sáng Sáng Tạo Nikon (CLS)</u>

Hệ Thống Chiếu Sáng Sáng Sạo (CLS) nâng cao của Nikon có giao tiếp đã được cải tiến giữa máy ảnh và những bộ đèn nháy tương thích giúp cải thiện chức năng nhiếp ảnh đèn nháy.

💵 Các Bộ Đèn Nháy Tương Thích Với CLS

Máy ảnh có thể được sử dụng với những bộ đèn nháy tương thích với CLS sau:

• SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, SB-600, SB-400, SB-300, và SB-R200:

Bģ	ộ đèn nháy								
Tính năng		SB-910 ¹	SB-900 ¹	SB-800	SB-700 ¹	SB-600	SB-400 ²	SB-300 ²	SB-R200 ³
Số Hướng	ISO 100	34	34	38	28	30	21	18	10
Dẫn ⁴	ISO 200	48	48	53	39	42	30	25	14

1 Nếu một bộ lọc màu được gắn vào SB-910, SB-900 hoặc SB-700 khi AUTO hoặc \$ (đèn nháy) được chọn cho độ cân bằng trắng, máy ảnh sẽ tự động dò tìm bộ lọc và điều chỉnh độ cân bằng trắng phù hợp.

- 2 Không có điều khiển đèn nháy không dây.
- 3 Được điều khiển từ xa với bộ đèn nháy SB-910, SB-900, SB-800 hoặc SB-700 tùy chọn hoặc bộ điều khiển đèn chớp không dây SU-800.
- 4 m, 20 °C, SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, và SB-600 tại vị trí đầu thu phóng 35 mm; SB-910, SB-900, và SB-700 với độ chiếu sáng tiêu chuẩn.
- Bộ Điều Khiển Đèn Chớp Không Dây SU-800: Khi được gắn vào máy ảnh tương thích với CLS, SU-800 có thể được sử dụng như một bộ điều khiển từ xa cho các bộ đèn nháy SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, SB-600 hoặc SB-R200 lên tới ba nhóm. Bản thân SU-800 không được trang bị đèn nháy.

🖉 Số Hướng Dẫn

Để tính toán phạm vi của đèn nháy hoạt động hết công suất, chia Số Hướng Dẫn cho độ mở ống kính. Ví dụ, nếu bộ đèn nháy có Số hướng dẫn là 34 m (ISO 100, 20 °C); thì phạm vi của nó ở độ mở ống kính f/5.6 là 34÷5,6 hoặc khoảng 6,1 mét. Với mỗi mức tăng gấp đôi độ nhạy ISO, nhân Số hướng dẫn với căn bậc hai của hai (xấp xỉ 1,4). Các chức năng sau có sẵn với các bộ đèn nháy tương thích với CLS:

				Các bộ đèn nháy tương thích với CLS							
				SB-910			SU-800				
				SB-900			Bộ Điều	Chụp ảnh cận			
				SB-800	SB-700	SB-600	Khiển	cảnh	SB-R200	SB-400	SB-300
			Nạp flash đã cân bằng i-TTL cho SLR kỹ thuật số 1	~	~	~	—	-	-	~	~
	בלה	i-TTL	Đèn nháy i-TTL tiêu chuẩn i-TTL dành cho SLR kỹ thuật số	✓ ²	~	✓ ²	_	_	_	~	~
	5	AA	Độ mở ống kính tự động	√ ³	—	—	_		_	—	_
2		A	Tự động không TTL	√ ³	—	—	_		_	—	_
Ċ	2	GN	Ưu tiên khoảng cách bằng tay	~	~	—	_	_	_	_	
		Μ	Bằng tay	~	~	~	_	_	—	✓ ⁴	✓ ⁴
		RPT	Đèn nháy lặp lại	~	—	—	_	_	—	—	—
		Điều l	khiển đèn nháy từ xa	~	~	—	~	~	—	—	—
		i-TTL	i-TTL	~	~	—	_	_	—	—	—
Ð	Chính	[A:B]	Điều khiển đèn nháy không dây nhanh	—	~	—	_	~	_	_	_
èn		AA	Độ mở ống kính tự động	√ ⁵	—	—	_	_	—	—	—
Кhć		A	Tự động không TTL	~	—	—	_	-	—	—	—
ģ		Μ	Bằng tay	~	~	—	_	-	—	—	—
Dâ		RPT	Đèn nháy lặp lại	~	—	-	-	-	—	—	—
×		i-TTL	i-TTL	~	~	~	-	-	~	—	—
âng C	_	[A:B]	Điều khiển đèn nháy không dây nhanh	~	~	~	_	_	~	_	_
ao	Γừ	AA	Độ mở ống kính tự động	√ ⁵	—	-	—	—	—	—	—
	a	A	Tự động không TTL	~	—	-	—	—	—	—	—
		Μ	Bằng tay	~	~	~	_	_	~	—	—
		RPT	Đèn nháy lặp lại	~	~	~	_	—	—	—	—
Giao Tiếp Thông Tin Đèn Nháy Màu			~	~	~	_	_	_	~	~	
Đồng Bộ Tốc Độ Cao FP Tự Động ⁶		~	~	~	~	~	~	—	—		
Khóa FV ⁷			~	~	~	~	 ✓ 	~	~	~	
Trợ giúp AF cho AF đa vùng			~	~	~	~	—	—	—	_	
Giảm mắt đỏ			~	~	~		—	_	~	—	
Chiếu sáng mô hình máy ảnh			~	~	~	~	v	~	—	—	
Cho	ņn o	chế đ	ộ đèn nháy máy ảnh	—	—	—	_		—	~	~
Cập nha	o nh áy n	nật vi náy ả	chương trình bộ đèn nh	✔ 8	~	—	_	_	_	—	~

- 1 Không có sẵn với đo sáng điểm.
- 2 Cũng có thể được chọn với bộ đèn nháy.
- 3 Lựa chọn chế độ AA/A thực thi trên bộ đèn nháy bằng cách sử dụng cài đặt tùy chỉnh. Trừ khi dữ liệu thấu kính đã được cung cấp bằng cách sử dụng tùy chọn Non-CPU lens data (Dữ liệu thấu kính không CPU) trong menu cài đặt, "A" sẽ được lựa chọn khi thấu kính không CPU được sử dụng.
- 4 Chỉ có thể được chọn với máy ảnh.
- 5 Trừ khi dữ liệu thấu kính đã được cung cấp bằng cách sử dụng tùy chọn Non-CPU lens data (Dữ liệu thấu kính không CPU) trong menu cài đặt, tự động không-TTL (A) được sử dụng với thấu kính không CPU, bất kể chế độ nào được chọn với bộ đèn nháy.
- 6 Chỉ có ở các chế độ điều khiển đèn nháy i-TTL, AA, A, GN, và M.
- 7 Chỉ có ở các chế độ điều khiển đèn nháy i-TTL, AA, và A.
- 8 Có thể lấy các bản cập nhật vi chương trình cho SB-910 và SB-900 từ máy ảnh.

Chiếu sáng mô hình

Các bộ đèn nháy tương thích CLS như SB-910, SB-900, SB-800, SB-700 và SB-600 phát ra đèn nháy tạo mô hình khi nút **Pv** trên máy ảnh được nhấn. Tính năng này có thể được sử dụng với Đèn không dây nâng cao để xem trước tổng hiệu ứng ánh sáng đạt được với nhiều bộ đèn nháy. Mô hình chiếu sáng có thể được tắt bằng cách sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn e5 **Modeling flash (Đèn nháy tạo mô hình)** (C 259).

💵 Các Bộ Phận Đèn Nháy Khác

Những bộ phận đèn nháy có thể được dùng trong các chế độ tự động không TTL và bằng tay.

$\overline{}$	Bộ đèn nháy	SB-80DX,		SB-30, SB-27 ¹ ,	
		SB-28DX,		SB-22S, SB-22,	
		SB-28, SB-26,		SB-20, SB-16B,	SB-21B ² ,
Chế đ	ộ đèn nháy	SB-25, SB-24	SB-50DX	SB-15	SB-29S ²
A	Tự động không TTL	~	—	 ✓ 	—
М	Bằng tay	v	~	 ✓ 	~
555	Đèn nháy lặp lại	~	—	—	—
REAR	Đồng bộ màn phía sau ³	~	v	 ✓ 	~

1 Chế độ đèn nháy được tự động cài đặt thành TTL và chức năng nhả cửa trập bị vô hiệu hóa. Đặt bộ đèn nháy sang **A** (đèn nháy tự động không TTL).

2 Chức năng lấy nét tự động chỉ có sẵn với các thấu kính AF-S VR Micro-Nikkor 105mm f/2.8G IF-ED và AF-S Micro NIKKOR 60mm f/2.8G ED.

3 Có sẵn khi máy ảnh được sử dụng để chọn chế độ đèn nháy.

🔽 Lưu Ý Về Các Bộ Đèn Nháy Tùy Chọn

Tham khảo tài liệu hướng dẫn Đèn chớp để có hướng dẫn cụ thể. Nếu bộ đèn nháy hỗ trợ CLS, tham khảo mục về máy ảnh SLR kỹ thuật số tương thích với CLS. Df không được nêu trong danh mục "SLR kỹ thuật số" trong các tài liệu hướng dẫn của SB-80DX, SB-28DX và SB-50DX.

Chức năng điều khiển đèn nháy i-TTL có thể được sử dụng với độ nhạy ISO ở mức giữa 100 và 12800. Ở giá trị cao hơn 12800, có thể không đạt được kết quả mong muốn trong một số phạm vi hoặc thiết lập độ mở ống kính. Nếu chỉ báo đèn nháy sẵn sàng nháy trong khoảng ba giây sau khi bức ảnh được chụp, thì đèn nháy đã nháy sáng ở công suất cao nhất và bức ảnh có thể bị thiếu phơi sáng.

Khi một cáp đồng bộ 17, 28, hoặc 29 thuộc dòng SC được sử dụng cho chế độ chụp ảnh đèn nháy nằm ngoài máy ảnh, có thể không đạt được độ phơi sáng chuẩn xác trong chế độ i-TTL. Chúng tôi khuyến nghị bạn nên chọn điều khiển đèn nháy TTL tiêu chuẩn. Chụp thử và xem kết quả trên màn hình.

Trong chế độ i-TTL, sử dụng bảng đèn nháy hoặc ống nối nảy lên được cung cấp kèm với bộ đèn nháy. Không được sử dụng các bảng khác như bảng khuếch tán, vì điều này có thể tạo ra độ phơi sáng không chuẩn xác. SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, SB-600 và SB-400 cung cấp chức năng giảm mắt đỏ, trong khi đó SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, SB-600 và SU-800 cung cấp chức năng chiếu sáng trợ giúp AF với các hạn chế sau:

 SB-910 và SB-900: Chức năng chiếu sáng trợ giúp AF có sẵn trong các thấu kính AF 17– 135 mm. Tuy nhiên, chức

17–19 mm	20–105 mm	106–135 mm

năng lấy nét tự động chỉ có với các điểm lấy nét được trình bày ở bên phải.

 SB-800, SB-600, và SU-800: Chức năng chiếu sáng trợ giúp lấy nét tự động có sẵn trong các thấu kính AF 24–105 mm. Tuy

24–34 mm	35–49 mm	50–105 mm

nhiên, chức năng lấy nét tự động chỉ có với các điểm lấy nét được trình bày ở bên phải.

 SB-700: Chức năng chiếu sáng trợ giúp lấy nét tự động có sẵn trong các thấu kính AF 24– 135 mm. Tuy nhiên, chức



năng lấy nét tự động chỉ có với các điểm lấy nét được trình bày ở bên phải.

Trong chế độ phơi sáng **P**, độ mở ống kính tối đa (số f tối thiểu) được giới hạn theo độ nhạy ISO, như hình dưới đây:

Độ mở ống kính tối đa ở ISO tương đương:							
100	200	400	800	1600	3200	6400	12800
4	4.8	5.6	6.7	8	9.5	11	13
Nếu độ mở ống kính tối đa của thấu kính nhỏ hơn mức nêu trên, giá trị							

Nêu độ mở ông kinh tôi đã của thấu kinh nhỏ hơn mức nêu trên, gia trị tối đa cho độ mở ống kính sẽ là độ mở ống kính tối đa của thấu kính.

🖉 Chế Độ Điều Khiển Đèn Nháy

Màn hình hiển thị thông tin đưa ra chế độ điều khiển đèn nháy cho các bộ đèn nháy tùy chọn được gắn vào ngàm gắn phụ kiện máy ảnh như sau:

	Đồng bộ đèn nháy	FP tự động (🕮 257)		
i-TTL	\$ ₹71L	¥ ⊐¶∎ TTL FP		
Độ mở ống kính tự động (AA)	\$ 	≸ ≓¶ AA FP		
Đèn nháy tự động không TTL (A)	\$,≓¶ , ,	‡ ≓ A FP		
Ưu tiên khoảng cách bằng tay (GN)	\$ GN	\$ ☐ GN FP		
Bằng tay	* 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1	¢ ≓™ FP		
Đèn nháy lặp lại	¢ ≓¶ RPT	_		
Đèn không dây nâng cao	≓¶ CMD	-≓¶ CMD FP		

<u>Điều Khiển Đèn Nháy i-TTL</u>

Khi bộ đèn nháy tương thích CLS (ഥ 118) được đặt sang TTL, máy ảnh sẽ tự động chọn một trong các loại điều khiển đèn nháy sau đây:

Nạp flash đã cân bằng i-TTL cho SLR kỹ thuật số: Bộ đèn nháy phát ra chuỗi nháy sớm gần như vô hình (màn hình nháy sớm) ngay trước lần nháy chính. Các nháy sớm được phản chiếu từ các đối tượng trong tất cả các vùng của khung hình được thu bởi bộ cảm biến 2016 đoạn RGB và được phân tích kết hợp với phạm vi thông tin từ hệ thống đo sáng ma trận để điều chỉnh mức nháy sáng phát ra để đạt được mức cân bằng tự nhiên giữa đối tượng chính và ánh sáng môi trường xung quanh. Nếu thấu kính lọai G, E hoặc D được sử dụng, thông tin khoảng cách sẽ được tính đến khi tính toán mức sáng phát ra của đèn nháy. Độ chính xác của sự tính toán có thể tăng lên đối với các thấu kính không CPU bằng việc cung cấp dữ liệu về thấu kính (tiêu cự và độ mở ống kính tối đa; xem 🕮 163). Không có sẵn khi đo sáng điểm được sử dụng.

Đèn nháy tiêu chuẩn i-TTL cho SLR kỹ thuật số: Đầu ra đèn nháy được điều chỉnh để đem ánh sáng trong khuôn hình đạt mức tiêu chuẩn; độ sáng của nền không được tính đến. Nên dùng cho những bức ảnh trong đó đối tượng chính được nhấn mạnh và giảm các chi tiết nền, hay khi bù phơi sáng được sử dụng. Đèn nháy i-TTL tiêu chuẩn dành cho SLR kỹ thuật số được kích hoạt tự động khi đo sáng điểm được chọn.

4
Chế Độ Đèn Nháy

Máy ảnh hỗ trợ các chế độ đèn nháy sau:

Chế độ đèn nháy	Mô tả
đồng bộ màn trước	Chế độ này được khuyên dùng trong hầu hết các tình huống. Trong chế độ tự động được lập trình và chế độ phơi sáng tự động ưu tiên độ mở ống kính, tốc độ cửa trập sẽ tự động được thiết lập về các giá trị giữa ¹ /200 và ¹ /60 giây (¹ /4000 đến ¹ /60 giây với Đồng bộ tốc độ cao FP tự động; III 257).
≸ ⊚ Giảm mắt đỏ	Chọn chế độ này (chỉ có sẵn với SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, SB-600 và SB-400) để làm giảm hiệu ứng "mắt đỏ" đôi khi gây ra bởi đèn nháy. Không nên dùng với các đối tượng di chuyển hoặc trong các tình huống khác cần có phản ứng cửa trập nhanh. Không di chuyển máy ảnh trong quá trình chụp.
Giảm mắt đỏ với đồng bộ chậm	Kết hợp giảm mắt đỏ với đồng bộ chậm. Sử dụng cho chân dung được chụp trong cảnh đêm. Chỉ có sẵn với SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, SB-600, và SB-400 trong chế độ phơi sáng tự động được lập trình và tự động ưu tiên độ mở ống kính. Dùng giá ba chân rất tốt để chống che mờ khi lắc máy ảnh.
<mark>≸</mark> ∫s⊾ow Đồng bộ chậm	Đèn nháy được kết hợp với tốc độ cửa trập ở tốc độ chậm tới 30 giây để chụp cả đối tượng và nền vào ban đêm hoặc dưới ánh sáng mờ. Chế độ này chỉ có sẵn trong chế độ phơi sáng tự động được lập trình và tự động ưu tiên độ mở ống kính. Sử dụng giá ba chân để chụp chân dung hoặc để giảm mờ do lắc máy ảnh.
<mark>≸ _{REAR}] Đồng bộ màn phía sau</mark>	Trong chế độ tự động ưu tiên cửa trập hoặc chế độ phơi sáng bằng tay, đèn nháy sáng ngay trước khi cửa trập đóng lại. Sử dụng để tạo hiệu ứng của một dòng ánh sáng phía sau đối tượng chuyển động. Trong tự động được lập trình và tự động ưu tiên độ mở ống kính, đồng bộ màn phía sau chậm được sử dụng để chụp được cả đối tượng và nền. Sử dụng giá ba chân để chụp chân dung hoặc để giảm mờ do lắc máy ảnh.

💵 Chọn Chế Độ Đèn Nháy

Để chọn một chế độ đèn nháy, nhấn nút ब् () và xoay nút đĩa lệnh chính cho đến khi chế độ đèn nháy mong muốn được lựa chọn trong hiển thị thông tin:





Nút 🕾 (\$)

Đĩa lệnh chính



- 1 Biểu tượng 👁 nháy nếu đơn vị đèn nháy không hỗ trợ giảm mắt đỏ.
- 2 Giảm mắt đỏ với đồng bộ chậm chỉ có trong chế độ phơi sáng P và A. Trong chế độ phơi sáng S và M, giảm mắt đỏ với đồng bộ chậm trở thành giảm mắt đỏ.
- 3 Chỉ có sẵn trong chế độ phơi sáng P và A. Trong chế độ phơi sáng S và M, đồng bộ chậm trở thành đồng bộ màn trước.
- 4 Trong các chế độ phơi sáng P và A, chế độ đồng bộ đèn nháy sẽ được thiết lập thành đồng bộ màn phía sau khi nút འཕ (ફ) được nhả ra.



4

🖉 Hệ Thống Đèn Nháy Trong Phòng Thu

Không thể sử dụng đồng bộ màn phía sau với các hệ thống đèn nháy trong phòng thu do không thể đạt được đồng bộ chính xác.

🖉 Tốc Độ Cửa Trập và Độ Mở Ống Kính

Tốc độ cửa trập và độ mở ống kính có thể được thiết lập như sau khi sử dụng bộ đèn nháy tùy chọn:

Chế độ	Tốc độ cửa trập	Độ mở ống kính	Xem trang
Р	Máy ảnh tự động đặt (¹ /200 giây– ¹ /60 giây) ^{1, 2}	Máy ảnh tự động đặt	38
S	Giá trị mà người dùng chọn (¹ /200 giây–30 giây) ²		39
A	Máy ảnh tự động đặt (¹ /200 giây– ¹ /60 giây) ^{1, 2}	- Giá trị mà người dùng chọn ³	41
М	Giá trị mà người dùng chọn (¹ /200 giây–30 giây, Bóng đèn, Thời gian) ²		42

1 Có thể đặt tốc độ cửa trập chậm ở tốc độ 30 giây trong đồng bộ chậm, đồng bộ màn phía sau, và đồng bộ chậm với chế độ đèn nháy giảm mắt đỏ.

- 2 Khi 1/250 s (Auto FP) (1/250 giây (FP tự động)) hoặc 1/200 s (Auto FP) (1/200 giây (FP tự động)) được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn e1 (Flash sync speed (Tốc độ đồng bộ đèn nháy), □ 257), nhanh ở mức ¹/4000 giây có sẵn với các bộ đèn nháy tùy chọn hỗ trợ đồng bộ tốc độ cao FP tự động.
- 3 Phạm vi đèn nháy thay đổi theo độ mở ống kính và độ nhạy ISO. Khi thiết lập độ mở ống kính trong các chế độ phơi sáng **A** và **M**, tham khảo bảng phạm vi đèn nháy được cung cấp với bộ đèn nháy tùy chọn.

🖉 Xem Thêm

Để biết thông tin về chọn tốc độ đồng bộ đèn nháy, xem Cài Đặt Tùy Chọn e1 (**Flash sync speed (Tốc độ đồng bộ đèn nháy)**, ⁽¹⁾ 257). Để biết thông tin về việc lựa chọn tốc độc cửa trập chậm nhất khi sử dụng đèn nháy, xem Cài Đặt Tùy Chọn e2 (**Flash shutter speed (Tốc độ cửa trập đèn nháy)**, ⁽¹⁾ 258).

Bù Đèn Nháy

Bù đèn nháy được sử dụng để thay đổi đầu ra đèn nháy vì từ –3EV đến +1EV trong gia số $^{1}/_{3}$ EV, làm thay đổi độ sáng của đối tượng chính tương quan với nền. Có thể tăng công suất đèn nháy để làm đối tượng chính trông sáng hơn, hoặc giảm đi để tránh những điểm nổi bật hoặc phản xạ không mong muốn.

Nhấn nút 🖓 (4) và quay đĩa lệnh phụ cho đến khi giá trị mong muốn hiển thị trên hiển thị thông tin. Nhìn chung, chọn những giá trị dương sẽ làm đối tượng chính trông sáng hơn, các giá trị âm làm nó tối hơn.



Nút 🕾 (‡)

Đĩa lệnh phụ

Tại các giá trị không phải là ±0,0, biểu tượng **122** sẽ được hiển thị trong màn hình hiển thị thông tin và kính ngắm sau khi bạn nhả nút **Qx** (**4**). Có thể xác nhận giá trị hiện tại của bù đèn nháy bằng cách nhấn nút **Qx** (**4**).

Có thể khôi phục công suất đèn nháy bằng cách cài đặt bù đèn nháy về \pm 0,0. Bù đèn nháy không được đặt lại khi máy ảnh tắt.



4

🖉 Bộ Đèn Nháy Tùy Chọn

Bù đèn nháy được chọn với bộ đèn nháy tùy chọn được thêm vào bù đèn nháy được chọn với máy ảnh.

🖉 Xem Thêm

Để biết thêm thông tin về cách chọn kết hợp đèn nháy và bù phơi sáng, xem Cài Đặt Tuỳ Chọn e4 (**Exposure comp. for flash (Bù phơi sáng cho đèn nháy**), ^{CD} 259). Để biết thông tin về tự động thay đổi mức đèn nháy qua loạt chụp, xem trang 136.

Khóa FV

Tính năng này được sử dụng để khóa công suất đèn nháy, cho phép các bức ảnh được chỉnh sửa lại mà không cần thay đổi mức đèn nháy và đảm bảo công suất đèn nháy phù hợp với đối tượng ngay cả khi đối tượng không đặt ở trung tâm khuôn hình. Công suất đèn nháy được điều chỉnh tự động đối với bất kỳ thay đổi nào trong độ nhạy ISO và độ mở ống kính. Khóa FV chỉ có sẵn với các bộ đèn nháy tương thích CLS (III 118).

Để sử dụng khóa FV:

Gán khóa FV vào điều khiển máy ảnh.

Chọn FV lock (Khóa FV) như tùy chọn "Nhấn" cho Cài Đặt Tùy Chọn f4 (Assign Fn button (Chỉ định nút Fn), 🕮 263), f5 (Assign preview button (Chỉ định nút



xem trước), 🕮 266), hoặc f6 (Assign AE-L/AF-L button (Chỉ định nút AE-L/AF-L), 🕮 267).

2 Lắp bộ đèn nháy tương thích CLS.

Gắn bộ đèn nháy tương thích CLS (🎞 118) vào ngàm gắn phụ kiện máy ảnh.

4

3 Đặt bộ đèn nháy vào chế độ phù hợp.

Bật bộ đèn nháy và đặt chế độ đèn nháy sang TTL, đèn nháy sớm màn hình AA, hoặc đèn nháy sớm màn hình A. Xem hướng dẫn Đèn chớp để biết chi tiết.

131

4

5 Khóa mức đèn nháy.

Đặt đối tượng và trung tâm khuôn hình và nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để lấy nét.

4 Lấy nét.

Sau khi xác nhận chỉ báo đèn nháy sẵn sàng (**\$**) được hiển thị trong kính ngắm,

nhấn nút chọn ở Bước 1. Đến nháy sẽ bật đèn nháy sớm màn hình để xác định mức độ đèn nháy phù hợp. Công suất đèn nháy sẽ bị khóa ở mức này và các biểu tượng khóa FV (四) sẽ xuất hiện trong kính ngắm.

6 Chỉnh lại ảnh.

7 Chụp ảnh.

Nhấn nút nhả cửa trập hết cỡ để chụp. Nếu muốn, các ảnh bổ sung có thể được chụp mà không cần nhả khóa FV.

8 Nhả khóa FV.

Nhấn nút chọn ở Bước 1 để nhả khóa FV. Xác nhận rằng biểu tượng khóa FV (🕮) không còn hiển thị trong kính ngắm.









🖉 Đo sáng

Các khu vực đo sáng đối với khóa FV khi sử dụng bộ đèn nháy tùy chọn như sau:

Bộ đèn nháy	Chế độ đèn nháy	Vùng được đo sáng
Bộ đòn nháy độc lận	i-TTL	5-mm xung quang trung tâm khuôn tạo ảnh
bộ den nhày độc lập	AA	Vùng được đo sáng bằng đo phơi sáng đèn nháy
Được sử dụng với bộ đèn nháy khác	i-TTL	Entire frame (Toàn bộ khuôn hình)
(Đèn Không Dây	AA	Vùng được đo sáng bằng đo
Nâng Cao)	A (đèn nháy chủ)	phơi sáng đèn nháy

Tùy Chọn Chụp Khác

Khởi Động Lại Hai Nút: Khôi Phục Lại Cài Đặt Mặc Định

Có thể khôi phục lại các cài đặt máy ảnh được liệt kê dưới đây về giá trị mặc định bằng cách nhấn các nút **२** (♥) và ♥ đồng thời trong khoảng hơn hai giây (các nút này được đánh dấu bằng dấu điểm màu xanh lá cây). Bảng điều khiển tắt trong thời gian ngắn trong khi cài đặt được khôi phục lại.





Nút 🔍 (\$)

đ

💵 Các Cài Đặt Truy Cập Được Từ Menu Chụp ¹

Tùy chọn	Mặc định	
lmage quality (Chất lượng hình ảnh)	JPEG normal (JPEG bình thường)	55
lmage size (Kích cỡ hình ảnh)	Large (Lớn)	58
White balance (Cân bằng trắng)	Auto (Tự động) > Normal (Bình thường)	81
Dò tinh chỉnh	A-B: 0, G-M: 0	84
HDR (high dynamic range) (HDR (Dải động cao))	Off (Tắt) ²	112
Auto ISO sensitivity control (Điều khiển độ nhạy ISO tự động)	Off (Tắt)	72
Interval timer shooting (Chụp hẹn giờ quãng thời gian)	Off (Tắt) ³	156
Cài đặt Picture Control ⁴	Chưa điều chỉnh	100
Multiple exposure (Đa phơi sáng)	Off (Tắt) ⁵	149

1 Ngoại trừ thiết lập đếm khoảng thời gian tiếp xúc nhiều và chỉ thiết lập trong ngân hàng hiện đang được chọn bằng cách sử dụng tùy chọn Shooting menu bank (Tập hợp menu chụp) sẽ được đặt lại (^{III} 236). Các cài đặt trong các tập hợp còn lại không bị ảnh hưởng.

- 2 Độ lệch phơi sáng và độ mượt không được thiết lập lại.
- 3 Nếu chụp hẹn giờ quãng thời gian hiện đang trong sử dụng, việc chụp sẽ kết thúc. Thời gian bắt đầu, quãng thời gian chụp, và số lượng quãng thời gian và số lần chụp không được thiết lập lại.
- 4 Chỉ Picture Control hiện hành.
- 5 Nếu đa phơi sáng hiện đang được sử dụng, việc chụp ảnh sẽ kết thúc và đa phơi sáng sẽ được tạo ra từ các phơi sáng được ghi đến điểm đó. Gia số và số lần chụp không được đặt lại.
- đ

💵 Cài Đặt Khác

Tùy chọn	Mặc định	L L L
Lấy nét tự động (kính ngắm)	·	
Chế độ lấy nét tự động	AF-S	59
Chế độ vùng AF	AF điểm đơn	62
Lấy nét tự động (xem trực tiếp)		
Chế độ lấy nét tự động	AF-S	175
Chế độ vùng AF	Vùng AF bình thường	177
Ðiểm lấy nét ¹	Trung tâm	64
Giữ khóa AE	Tắt	66, 77
Chụp bù trừ	Tắt	136
Bù đèn nháy	Tắt	128
Chế độ đèn nháy	Đồng bộ màn trước	125
Exposure delay mode (Chế độ trễ phơi sáng) ²	Off (Tắt)	256
FV lock (Khóa FV)	Tắt	130
Chương trình linh động	Tắt	38
+ NEF (RAW)	Tắt	264

1 Điểm lấy nét không được hiển thị nếu AF vùng tự động được chọn cho chế độ vùng AF.

2 Chỉ những cài đặt trong tập hợp hiện được chọn bằng cách sử dụng tùy chọn Custom settings bank (Tập hợp cài đặt tùy chọn) sẽ được đặt lại (245). Các cài đặt trong các tập hợp còn lại không bị ảnh hưởng.

đ

Chụp bù trừ

Chụp bù trừ tự động thay đổi đôi chút phơi sáng, mức đèn nháy, D-Lighting hoạt động (ADL), hoặc cân bằng trắng với mỗi lần chụp, "bù trừ" giá trị hiện hành. Chọn trong các tình huống khó thiết lập phơi sáng, mức độ đèn nháy, (i-TTL và chỉ các chế độ điều khiển đèn nháy độ mở ống kính tự động nếu được hỗ trợ; xem trang 119 và 124), D-Lighting hoạt động hoặc cân bằng trắng và khi không có thời gian để kiểm tra kết quả và điều chỉnh các cài đặt với mỗi lần chụp, hoặc thử nghiệm với các cài đặt khác nhau cho cùng một đối tượng.

💵 Bù Trừ Đèn Nháy và Phơi Sáng

Để thay phơi sáng và/hoặc đèn nháy trong một loạt các bức ảnh:



Phơi sáng được điều chỉnh bởi: 0 EV



Phơi sáng được điều chỉnh bởi: –1 EV



Phơi sáng được điều chỉnh bởi: +1 EV

1 Chọn đèn nháy hoặc phơi sáng bù trừ cho Cài Đặt Tuỳ Chọn e6 (Auto bracketing set (Đặt chụp bù trừ tự động)) trong menu Cài Đặt Tùy Chọn. Để hiển thị các menu, nhấn nút MENU. Chọn Cài Đặt Tùy Chọn e6 (Auto bracketing set (Đặt chụp bù trừ tự động)) trong menu Cài Đặt Tùy Chọn, làm nổi bật một tùy chọn và nhấn @. Chon







AE & flash (AE và đèn nháy) để thay đổi cả phơi sáng và mức đèn nháy, AE only (Chỉ AE) để chỉ thay đổi phơi sáng hoặc Flash only (Chỉ đèn nháy) để chỉ thay đổi mức đèn nháy.

2 Chọn số lượng ảnh chụp.

Nhấn nút **BKT**, xoay đĩa lệnh chính để lựa chọn số lần chụp trong chuỗi chụp bù trừ. Số lần chụp được hiển thị trong màn hình hiển thị thông tin.



Số lần chụp



Chỉ báo chụp bù trừ phơi sáng và đèn nháy

Ở các thiết lập khác với **DF**, biểu tượng **D** được hiển thị trong bảng điều khiển. **BKT** xuất hiện trong kính ngắm, trong khi



màn hình hiển thị thông tin cung cấp chỉ báo chụp bù trừ và một biểu tượng cho biết loại chụp bù trừ: (ASSENT (bù trừ đèn nháy và phơi sáng), (CHỉ phơi sáng bù trừ), hoặc (CHỉ bù trừ đèn nháy).

3 Chọn gia số phơi sáng.

Nhấn nút **BKT**, xoay đĩa lệnh phụ để chọn gia số phơi sáng.

Gia số phơi sáng



 \mathring{O} các cài đặt mặc định, có thể chọn cỡ gia số từ 0,3 (1/3), 0,7 (2/3), 1, 2, và 3 EV. Các chương trình chụp bù trừ với gia số 1/3 EV được liệt kê dưới đây.

Hiển thị thông tin	Số lần chụp	Thứ tự chụp bù trừ (EVs)
0F 0.3 - · · · · · · · · · +	0	0
+ 3F 0.3 - ·····°;;;····+	3	0/+0,3/+0,7
3F 0.3 - · · · · ; ; î · · · · · +	3	0/-0,7/-0,3
+ 2F 0.3 - ····· î; ·····+	2	0/+0,3
2F 0.3 - ·····+	2	0/-0,3
3F 0.3 - ·····+	3	0/-0,3/+0,3
5 <i>F 0</i> .3 - ····::1:::····+	5	0/-0,7/-0,3/+0,3/+0,7

đ

🖉 Xem Thêm

Để biết thêm thông tin về cách chọn thứ tự thực hiện chụp bù trừ, xem Cài Đặt Tùy Chọn e8 (**Bracketing order (Thứ tự chụp bù trừ)**, 🕮 260).

4 Tạo khuôn hình bức ảnh, lấy nét và chụp.



Máy ảnh này sẽ thay đổi phơi sáng và/hoặc mức đèn nháy từng lần chụp theo chương trình chụp bù trừ được chọn. Điều chỉnh phơi sáng được bổ sung vào các ảnh có bù phơi sáng (xem trang 79).

Có thể xem chỉ báo tiến độ bù trừ bằng cách kích hoạt màn hình hiển thị thông tin. Mỗi phần sẽ biến mất khỏi chỉ báo sau mẫu ảnh chụp.







Hiển thị sau khi chụp lần đầu

💵 Hủy Chụp Bù Trừ

Để hủy chụp bù trừ, nhấn nút **BKT** và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi số lần chụp trong trình tự chụp bù trừ là số không (**J**F) và biểu tượng chụp bù trừ (ASTENNI, MORE FENNI) không còn hiển thị. Chương trình sử dụng lần cuối có hiệu lực sẽ được khôi phục khi chụp bù trừ được kích hoạt lần tới. Cũng có thể hủy chụp bù trừ bằng cách thực hiện khởi động lại hai nút (^{CLI} 133), mặc dù trong trường hợp này, chương trình chụp bù trừ sẽ không được khôi phục khi kích hoạt chụp bù trừ trong lần tiếp theo.

🖉 Bù Trừ Đèn Nháy và Phơi Sáng

Trong các chế độ nhả tốc độ thấp liên tục và chế độ tốc độ cao liên tục, việc chụp sẽ tạm dừng sau khi số lần chụp được quy định trong chương trình chụp bù trừ đã được thực hiện. Việc chụp sẽ khôi phục lần tới khi nút nhả cửa trập được nhấn. Trong chế độ tự hẹn giờ, máy ảnh sẽ chụp số lần chụp được chọn ở Bước 2 trên trang 137 mỗi lần nút nhả cửa trập được nhấn, bất kể tùy chọn nào được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c3 (Self-timer (Tự hẹn giờ)) > Number of shots (Số lần chụp) (\square 252); tuy nhiên quãng thời gian giữa các lần chụp được điều khiển bởi Cài Đặt Tùy Chọn c3 (Self-timer (Tự hẹn giờ)) > Interval between shots (Quãng thời gian giữa các lần chụp). Trong các chế độ khác, mỗi lần nhả nút nhả cửa trập sẽ có một ảnh được chụp.

Nếu thẻ nhớ đầy trước khi tất cả các lần chụp trong trình tự đã được chụp, việc chụp có thể được khôi phục lại trong lần chụp tiếp theo trình tự sau khi đã thay thẻ nhớ hoặc các ảnh đã được xóa để tạo không gian cho thẻ nhớ. Nếu máy ảnh được tắt trước khi tất cả các lần chụp trong trình tự được chụp, chụp bù trừ sẽ tiếp tục trình tự trong lần chụp tiếp theo khi máy ảnh được bật.

🖉 Phơi Sáng Bù Trừ

Máy ảnh điều chỉnh phơi sáng bằng cách thay đổi tốc độ cửa trập và độ mở ống kính (tự động được lập trình), độ mở ống kính (tự động ưu tiên cửa trập), hoặc tốc độ cửa trập (tự động ưu tiên độ mở ống kính, chế độ phơi sáng bằng tay). Nếu **On (Bật)** được chọn cho **Auto ISO sensitivity control (Tự động điều khiển độ nhạy ISO)** > **Auto ISO sensitivity control (Tự động điều khiển độ nhạy ISO)** (\square 72) trong các chế độ phơi sáng P, S, và A và không có đèn nháy được lắp vào, máy ảnh sẽ điều chỉnh phơi sáng bằng cách thay đổi độ nhạy ISO và chỉ thay đổi tốc độ cửa trập và/hoặc độ mở ống kính nếu vượt quá các giới hạn của hệ thống phơi sáng. Có thể sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn e7 (**Auto bracketing (mode M) (Chụp bù trừ tự động (chế độ M))**, \square 260) để thay đổi cách thức máy ảnh bù trừ đèn nháy và phơi sáng trong chế độ phơi sáng bằng tay. Có thể thực hiện chụp bù trừ bằng cách thay đổi mức đèn nháy cùng với tốc độ cửa trập và/hoặc độ mở ống kính, hoặc bằng cách chỉ thay đổi mức đèn nháy.

💵 Cân Bằng Trắng Bù Trừ

Máy ảnh này tạo ra nhiều bản sao của mỗi bức ảnh, mỗi ảnh có cân bằng trắng khác nhau. Để có thêm thông tin về cân bằng trắng, xem trang 81.

1 Chọn cân bằng trắng bù trừ. Chọn WB bracketing (Cân bằng trắng bù trừ) cho Cài Đặt Tùy Chọn e6 Auto bracketing set (Đặt chụp bù trừ tự động).



2 Chọn số lượng ảnh chụp. Nhấn nút BKT, xoay đĩa lệnh chính để lựa chọn số lần chụp trong chuỗi chụp bù trừ. Số lần chụp được hiện ra trên hiển thị thông tin.



Các cài đặt khác với **[] F**, 🚥 và **BKT** được hiển thị tương ứng trong bảng điều khiển và kính ngắm; biểu tương 💴 💷 và



một chỉ báo chụp bù trừ xuất hiện trong màn hình hiển thị thông tin.

3 Chọn một gia số cân bằng trắng.

Nhấn nút **BKT** và xoay đĩa lệnh phụ để chọn điều chỉnh cân bằng trắng. Mỗi gia số tương đương khoảng với 5 đơn vị đo nhiệt độ màu.

Gia số cân bằng trắng



Lựa chọn gia số 1 (5 đơn vị đo nhiệt độ màu), 2 (10 đơn vị đo nhiệt độ màu), hoặc 3 (15 đơn vị đo nhiệt độ màu). Các giá trị **B** cao hơn tương ứng với mức tăng màu xanh da trời, các giá trị **A** cao hơn tương ứng mức tăng màu hổ phách (^{CL} 87). Các chương trình chụp bù trừ với gia số 1 được liệt kê dưới đây.

Hiển thị thông tin	Số lần chụp	Gia số cân bằng trắng	Thứ tự chụp bù trừ (EVs)
	0	1	0
62F / + · · · · · · · · · · · · · · · · · ·	2	1 B	0 / 1 B
RZF (+····· *;····+	2	1 A	0/1A
3F i + · · · · · ; °; · · · · +	3	1 A, 1 B	0/1A/1B

đ

🖉 Xem Thêm

Xem trang 87 cho định nghĩa của "đơn vị đo nhiệt độ màu."

4 Tạo khuôn hình bức ảnh, lấy nét và chụp.



Mỗi ảnh chụp sẽ được xử lý để tạo ra số lượng bản sao quy định trong chương trình chụp bù trừ, và mỗi bản sao sẽ có cân bằng trắng khác nhau. Các chỉnh sửa cân bằng trắng được bổ sung vào điều chỉnh cân bằng trắng với dò tinh chỉnh cân bằng trắng.

Nếu số lần chụp trong chương trình chụp bù trừ lớn hơn so với số phơi sáng còn lại, **Fult** sẽ nháy trong bảng điều khiển, biểu tượng **Ful** nhấp nháy sẽ xuất hiện trong kính ngắm như thể hiện ở bên phải và nhả cửa trập sẽ bị vô hiệu hóa. Việc chụp có thể bắt đầu khi thẻ nhớ mới được lắp vào.



💵 Hủy Chụp Bù Trừ

Để hủy chụp bù trừ, nhấn nút **BKT** và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi số lần chụp trong trình tự chụp bù trừ là số không (**JF**) và **WEEXII** không còn hiển thị. Chương trình sử dụng lần cuối có hiệu lực sẽ được khôi phục khi chụp bù trừ được kích hoạt lần tới. Cũng có thể hủy chụp bù trừ bằng cách thực hiện khởi động lại hai nút (**II** 133), mặc dù trong trường hợp này, chương trình chụp bù trừ sẽ không được khôi phục khi kích hoạt chụp bù trừ trong lần tiếp theo.

🖉 Cân Bằng Trắng Bù Trừ

Cân bằng trắng bù trừ không có ở chất lượng hình ảnh NEF (RAW). Việc chọn NEF (RAW), NEF (RAW)+JPEG fine (JPEG mịn), NEF (RAW)+JPEG normal (JPEG bình thường), hoặc NEF (RAW)+JPEG basic (JPEG cơ bản) sẽ hủy cân bằng trắng bù trừ.

Cân bằng trắng bù trừ chỉ ảnh hưởng đến nhiệt độ màu (trục hổ phách-màu xanh trời trong màn hình hiển thị dò tinh chỉnh cân bằng trắng, 🕮 84). Không có điều chỉnh nào được thực hiện trên trục màu xanh lá cây-đỏ tươi.

Trong chế độ tự hẹn giờ (^{CD} 48), số lượng bản sao quy định trong chương trình cân bằng trắng sẽ được tạo ra mỗi khi cửa trập được nhả, bất kể tùy chọn nào được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c3 (**Self-timer (Tự hẹn giờ**)) > **Number of shots (Số lần chụp)** (^{CD} 252).

Nếu máy ảnh bị tắt trong khi đèn tiếp cận thẻ nhớ sáng, máy ảnh sẽ chỉ tắt nguồn sau khi tất cả các bức ảnh theo thứ tự đã được ghi lại.

ď

💵 Chụp bù trừ ADL

Máy ảnh này thay đổi D-Lighting hoạt động trong một loạt các phơi sáng. Để có thêm thông tin về D-Lighting hoạt động, xem trang 110.

1 Chọn ADL bracketing (Chụp bù trừ ADL).

Chọn ADL bracketing (Chụp bù trừ ADL) cho Cài Đặt Tùy Chọn e6 Auto Bracketing set (Đặt chụp bù trừ tự động).

▶ ₹	e6 Auto br	acketing se	t	
	AE\$ AE &	flash		
4	AE AE o	nly		
-4	\$ Flash	n only		
긑	WB WB	bracketing		
100	喧 ADL	bracketing		OK
?				

Số lần chup

2 Chọn số lượng ảnh chụp.

Nhấn nút **BKT**, xoay đĩa lệnh chính để lựa chọn số lần chụp trong chuỗi chụp bù trừ. Số lần chụp được hiện ra trên hiển thị thông tin.



Chỉ báo chụp bù trừ ADL

Các cài đặt khác với **G**F, **E** và **BKT** được hiển thị tương ứng trong bảng điều khiển và kính ngắm; biểu tượng **E** và một chỉ báo chụp bù trừ xuất hiện trong màn hình hiển thị thông tin. Chọn hai lần chụp để chụp một bức ảnh với D-Lighting hoạt động được tắt và một lần chụp với giá trị đã chọn. Chọn ba đến năm lần chụp để chụp một loạt ảnh với D-Lighting hoạt động được đặt lần lượt sang các giá trị giữa **Off (Tắt)** và **Normal (Bình thường)** (ba lần chụp), giữa **Off (Tắt)** và **High (Cao)** (bốn lần chụp), hoặc giữa **Off (Tắt)** và **Extra high 1 (Rất cao 1)** hoặc **Low (Thấp)** và **Extra high 2 (Rất cao 2)** (năm lần chụp). Nếu bạn chọn nhiều hơn hai lần chụp, thực hiện như Bước 4. 3 Chọn Active D-Lighting (D-Lighting Hoạt Động). Nhấn nút BKT và xoay đĩa lệnh phụ để chọn D-Lighting hoạt động.



D-Lighting hoạt động được hiển thị trong hiển thị thông tin.



4 Tạo khuôn hình bức ảnh, lấy nét và chụp.

Máy ảnh sẽ thay đổi D-Lighting hoạt động theo mỗi lần chụp tùy theo chương trình chụp bù trừ được chọn. Có thể xem chỉ báo tiến độ bù trừ bằng cách kích hoạt màn hình hiển thị thông tin. Mỗi phần sẽ biến mất khỏi chỉ báo sau mẫu ảnh chụp.





Số lần chụp: 3



Hiển thị sau khi chụp lần đầu

Hủy Chụp Bù Trừ

Để hủy chụp bù trừ, nhấn nút **BKT** và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi số lần chụp trong trình tự chụp bù trừ là số không (**GF**) và **MEBII** không còn hiển thị. Chương trình sử dụng lần cuối có hiệu lực sẽ được khôi phục khi chụp bù trừ được kích hoạt lần tới. Cũng có thể hủy chụp bù trừ bằng cách thực hiện khởi động lại hai nút (**II** 133), mặc dù trong trường hợp này, chương trình chụp bù trừ sẽ không được khôi phục khi kích hoạt chụp bù trừ trong lần tiếp theo.

🖉 Chụp bù trừ ADL

Trong các chế độ nhả tốc độ thấp liên tục và chế độ tốc độ cao liên tục, việc chụp sẽ tạm dừng sau khi số lần chụp được quy định trong chương trình chụp bù trừ đã được thực hiện. Việc chụp sẽ khôi phục lần tới khi nút nhả cửa trập được nhấn. Trong chế độ tự hẹn giờ, máy ảnh sẽ chụp số lần chụp được chọn ở Bước 2 trên trang 145 mỗi lần nút nhả cửa trập được nhấn, bất kể tùy chọn nào được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c3 (Self-timer (Tự hẹn giờ)) > Number of shots (Số lần chụp) (\square 252); tuy nhiên quãng thời gian giữa các lần chụp được điều khiển bởi Cài Đặt Tùy Chọn c3 (Self-timer (Tự hẹn giờ)) > Interval between shots (Quãng thời gian giữa các lần chụp). Trong các chế độ khác, mỗi lần nhả nút nhả cửa trập sẽ có một ảnh được chụp.

Nếu thẻ nhớ đầy trước khi tất cả các lần chụp trong trình tự đã được chụp, việc chụp có thể được khôi phục lại trong lần chụp tiếp theo trình tự sau khi đã thay thẻ nhớ hoặc các ảnh đã được xóa để tạo không gian cho thẻ nhớ. Nếu máy ảnh được tắt trước khi tất cả các lần chụp trong trình tự được chụp, chụp bù trừ sẽ tiếp tục trình tự trong lần chụp tiếp theo khi máy ảnh được bật.

Đa Phơi Sáng

Thực hiện theo các bước dưới đây để ghi lại một loạt hai đến mười phơi sáng cho một ảnh duy nhất. Đa phơi sáng có thể tận dụng dữ liệu RAW từ cảm biến hình ảnh để tạo ra các màu sắc nổi trội hơn những màu trong lớp phủ hình ảnh tạo ra bằng phần mềm.

💵 Tạo Đa Phơi Sáng

Không thể ghi lại đa phơi sáng trong chế độ xem trực tiếp. Thoát khỏi xem trực tiếp trước khi tiếp tục. Lưu ý rằng ở các cài đặt mặc định, việc chụp sẽ kết thúc và đa phơi sáng sẽ được ghi lại tự động nếu không có hoạt động nào được thực hiện trong 30 giây.

🖉 Thời Gian Ghi Mở Rộng

Đối với quãng thời gian giữa những phơi sáng hơn 30 giây, kéo dài độ trễ tắt đo sáng bằng cách sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn c2 (**Standby timer** (**Hẹn giờ chờ**), ^{CL} 251). Khoảng thời gian tối đa giữa các phơi sáng là 30 giây lâu hơn tùy chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c2. Nếu màn hình tắt trong khi phát lại hoặc khi thao tác menu, việc chụp ảnh sẽ kết thúc 30 giây sau khi đo phơi sáng tắt và đa phơi sáng sẽ được tạo ra từ những phơi sáng được ghi tới thời điểm đó.

 Chọn Multiple exposure (Đa phơi sáng) trong menu chụp.

> Nhấn nút **MENU** để hiển thị menu. Làm nổi bât

SHOOTING MENU
Long exposure NR OFF
High ISO NR NORM
Auto ISO sensitivity control OFF
Multiple exposure OFF
Interval timer shooting OFF
7

Nút MENU

Multiple exposure (Đa phơi sáng) trong menu chụp và nhấn ►.

2 Chọn một chế độ. Làm nổi bật Multiple exposure mode (Chế độ đa phơi sáng) và nhấn ▶.

Làm nổi một trong những tùy chọn sau và nhấn 🐵.

 Để chụp một loạt đa phơi sáng, chọn M♥ On (series) (Bật (loạt ảnh)). Chụp đa phơi sáng sẽ tiếp tục cho đến khi Auto gain ON Multiple exposure Multiple exposure mode UN2: On (series) OK Off

Multiple exposure

Number of shots

Multiple exposure mode

0FF ▶

bạn chọn Off (Tắt) cho Multiple exposure mode (Chế độ đa phơi sáng).

 Để chụp một đa phơi sáng, chọn On (single photo) (Bật (một ảnh)). Chụp bình thường sẽ khôi phục tự động sau khi bạn đã tạo được một đa phơi sáng.

• Để thoát mà không tạo thêm đa phơi sáng, chọn Off (Tắt).

Nếu On (series) (Bật (loạt ảnh)) hoặc On (single photo) (Bật (một ảnh)) được chọn, biểu tượng 🔳 sẽ được hiển thị trong bảng điều khiển.



Ď

3 Chọn số lượng ảnh chụp. Multiple exposure ۵ Làm nổi bật Number of shots (Số lần chup) và nhấn ▶. Multiple exposure mode ONC Number of shots 2 0 N Auto gain Nhấn ▲ hoặc ▼ để lưa chon số Multiple exposure Number of shots lương phơi sáng sẽ được kết hợp để tao thành một bức ảnh 2 duy nhất và nhấn 🙉. - 10 🖉 Đĩa Lênh Nếu Multiple exposure (Đa phơi sáng) được chon làm tùy chon "+ đĩa lênh" cho Cài Đăt Tùy Chon f4 (Assign Fn button (Chỉ đinh nút Fn), 🕮 263) hoặc f5 (Assign preview button (Gán nút xem trước), A ISONE N 🕮 266), ban có thể chon chế đô đa phơi MA OMIF FISD sáng bằng cách nhấn nút được chon và xoay đĩa lênh chính, và số lần chup bằng cách nhấn nút và xoay đĩa lênh phu. Lưa chon được hiển thi trong màn hình hiển thi thông tin; khi đa phơi sáng được kích hoat, 86 chế đô đa phơi sáng được thể hiện như sau: IN OFF R () (với ¦ ở bên phải) cho **On (single photo)** (Bât (môt ảnh)) và 🔳 (với 🕻 ở bên phải) cho On (series) (Bât (nhiều ảnh)).

4 Chọn mức tăng. Làm nổi bật Auto gain (Tăng tự đông) và nhấn ▶.



Các tùy chọn sau đây sẽ được hiển thi. Làm nổi bât môt tùy chon và nhấn @.

• On (Bât): Mức tăng được điều chỉnh theo số phơi sáng thực sư được ghi (mức tăng cho

mỗi phơi sáng được đặt sang 1/2 cho 2 phơi sáng, 1/3 cho 3 phơi sáng v.v...).

 Off (Tắt): Mắc tăng không được điều chỉnh khi ghi nhiều phợi sáng. Khuyên dùng nếu nền tối, nhưng lưu ý rằng hình ảnh có thể bi ảnh hưởng do nhiễu (các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên, sương mù hoặc đường thẳng).

o*

5 Tao khuôn hình bức ảnh, lấy nét và chup.

Trong chế đô nhả liên tục (🕮 46), máy ảnh ghi lai tất cả các phơi sáng trong một

lần chup liên tiếp. Nếu On (series) (Bât (loat ảnh)) được chon, máy ảnh sẽ tiếp tục ghi đa phơi sáng trong khi nút nhả cửa trập được nhấn; nếu On (Single photo) (Bật (một ảnh)) được chon, chup đa phơi sáng sẽ kết thúc sau bức ảnh đầu tiên. Trong chế đô tư hen giờ, máy ảnh sẽ tư đông ghi số lương phơi sáng được chon ở Bước 3, bất kể tùy chon cho Cài Đặt Tùy Chon c3 được chon như thế nào (Self-timer (Tư hen giờ)) > Number of shots (Số lần chup) (C 252); tuy nhiên quãng thời gian giữa các lần chụp được điều khiển bởi Cài Đặt Tùy Chọn c3 (Self-timer (Tu hen giờ)) > Interval between shots (Quãng thời gian giữa các lần chup). Trong các chế nhả khác, một ảnh sẽ được chup mỗi lần nút nhả cửa trập được nhấn, tiếp tục chup cho đến khi tất cả các phơi sáng đã được ghi (để biết thông tin về việc dừng đa phơi sáng trước khi tất cả các hình ảnh được ghi lại, xem trang 154).

Biểu tương 📼 sẽ nhấp nháy cho đến khi chup xong. Nếu On (series) (Bât (loat ánh)) được chon, chup đa phơi sáng sẽ chỉ kết thúc khi Off (Tắt) được chon cho

chế đô đa phơi sáng; Nếu On (single photo) (Bât (môt ảnh)) được chon, việc chup đa phơi sáng sẽ từ động kết thúc khi đa phơi sáng hoàn tất. Biểu tương 🔳 được xóa khỏi màn hình khi chup đa phơi sáng kết thúc.





153

💵 Dừng Đa Phơi Sáng

Để dừng đa phơi sáng trước khi đạt được số lượng phơi sáng quy định, chọn **Off (Tắt)** cho chế độ đa phơi sáng. Nếu việc chụp kết thúc trước khi đạt tới số phơi sáng quy định, đa phơi sáng sẽ được tạo ra từ các phơi sáng đã ghi được tới thời điểm đó. Nếu **Auto gain**



(**Tăng tự động**) được bật, việc tăng sẽ được điều chỉnh để phản ánh số các phơi sáng thực sự được ghi lại. Lưu ý rằng việc chụp sẽ tự động kết thúc nếu:

- Khởi động lại hai nút được thực hiện (🕮 133)
- Máy ảnh được tắt
- Pin cạn kiệt
- Ånh được xóa

n

🚺 Đa Phơi Sáng

Không tháo hoặc thay thẻ nhớ trong khi đang ghi đa phơi sáng.

Thông tin chụp được liệt kê trong hiển thị thông tin ảnh phát lại (bao gồm ngày chụp và hướng máy ảnh) là của lần chụp đầu tiên trong đa phơi sáng.

Độ nhạy sáng ISO được cố định ở giá trị cho lần chụp đầu tiên trong mỗi loạt; xoay đĩa lệnh độ nhạy ISO khi đang chụp sẽ không có tác dụng.

🖉 Chụp Ảnh Hẹn Giờ Quãng Thời Gian

Nếu chụp ảnh hẹn giờ quãng thời gian được kích hoạt trước khi phơi sáng đầu tiên, máy ảnh sẽ ghi lại các phơi sáng ở khoảng thời gian lựa chọn cho đến khi đạt được số lượng phơi sáng được quy định trong menu phơi sáng (số lượng ảnh được liệt kê trong menu chụp hẹn giờ quãng thời gian bị bỏ qua). Các phơi sáng này sau đó sẽ được ghi thành một ảnh và chụp hẹn giờ quãng thời gian sẽ kết thúc (nếu **On (single photo) (Bật (một ảnh))** được chọn cho chế độ đa phơi sáng, chụp đa phơi sáng cũng sẽ kết thúc tự động).

🖉 Cài Đặt Khác

Trong khi đa phơi sáng đang được chụp, thẻ nhớ không thể được định dạng và một số mục menu chuyển sang màu xám và không thể thay đổi được.

Chụp Ảnh Hẹn Giờ Quãng Thời Gian

Máy ảnh được trang bị để chụp ảnh tự động trong khoảng thời gian cài đặt trước.

Trước Khi Chụp

Không chọn tự hẹn giờ (ỳ) hoặc chế độ nhả **Mup** khi sử dụng hẹn giờ quãng thời gian. Trước khi bắt đầu chụp ảnh hẹn giờ quãng thời gian, chụp thử ở các cài đặt hiện hành và xem các kết quả trong màn hình.

Trước khi lựa chọn thời gian bắt đầu, chọn **Time zone and date (Múi giờ và ngày)** trong menu cài đặt và chắc chắn rằng đồng hồ máy ảnh được thiết lập đúng thời gian và ngày (^{CII} 276).

Nên sử dụng giá ba chân. Lắp máy ảnh vào giá ba chân trước khi bắt đầu chụp. Để đảm bảo việc chụp ảnh không bị dừng, hãy chắc chắn pin máy ảnh đã được sạc đầy. Nếu nghi ngờ, hãy sạc pin trước khi sử dụng hoặc sử dụng một bộ đổi điện AC và đầu nối nguồn (bán riêng).

 Chọn Interval timer shooting (Chụp hẹn giờ quãng thời gian) trong menu chụp. Nhấn nút MENU để hiển thị menu. Làm nổi bật



	SHOOTING MENU	
	Long exposure NR	0FF
•	High ISO NR	NORM
	Auto ISO sensitivity control	0FF
1	Multiple exposure	0FF
	Interval timer shooting	OFF
?		

Nút MENU

Interval timer shooting (Chụp hẹn giờ quãng thời gian) trong menu chụp và nhấn ▶.

đ

- **2** Chon thời gian bắt đầu. Chon từ các bô kích hoat bắt đầu sau đây.
 - Để bắt đầu chup ngay, làm nổi bật Now (Ngay) và nhấn ▶. Việc chup bắt đầu khoảng 3 giây sau khi cài đăt hoàn tất, chuyển sang Bước 3.
 - Để chon thời gian bắt đầu, làm nổi bât Start time (Thời gian bắt đầu) và nhấn ▶ để hiển thị các tùy chon thời gian bắt đầu như minh hoa ở bên phải. Nhấn ◀ hoặc ► để làm nổi

bât giờ hoặc phút và nhấn ▲ hoặc ▼ để thay đổi. Nhấn ▶ để tiếp tục.

3 Chọn quãng thời gian. Nhấn ◀ hoặc ► để làm nổi bật giờ, phút hoặc giây; nhấn ▲ hoăc ▼ để thay đổi. Chon khoảng thời gian dài hơn thời gian cần để chup được số ảnh

chon ở bước 4. Nếu khoảng thời gian quá ngắn, số lương ảnh chup có thể ít hơn tổng số liệt kê trong Bước 4 (số khoảng thời gian nhân với số ảnh trên mỗi khoảng thời gian). Nhấn 🕨 để tiếp tục.



01 00

① 09:30 (Mov









4 Chọn số lượng khoảng thời gian và số lượng ảnh cho mỗi khoảng thời gian. Nhấn ◀ hoặc ► để làm nổi bật số khoảng thời gian hoặc số lần chụp; nhấn ▲ hoặc ▼ để thay đổi. Nhấn ► để tiếp tục.



5 Bắt đầu chụp.

Làm nổi bật **On (Bật)** và nhấn ☞ (để trở lại menu chụp mà không bắt đầu quãng thời gian, làm nổi bật **Off (Tắt)** và nhấn ☞). Loạt chụp đầu tiên sẽ được



thực hiện tại thời gian bắt đầu được chỉ định, hoặc sau khoảng 3 giây nếu **Now (Ngay)** được chọn cho **Choose start time (Chọn thời gian bắt đầu)** trong Bước 2. Việc chụp sẽ tiếp tục ở quãng thời gian lựa chọn cho đến khi chụp xong. Lưu ý rằng do tốc độ cửa trập, tốc độ khuôn hình, và thời gian cần thiết để ghi ảnh có thể khác nhau từ khoảng thời gian này đến khoảng thời gian tiếp theo, thời gian giữa phần cuối của một khoảng thời gian và thời gian bắt đầu tiếp theo có thể khác nhau. Nếu không thể chụp ở các cài đặt hiện hành (ví dụ, nếu tốc độ cửa trập của **B** (bóng đèn) hoặc **T** (thời gian) hiện được chọn ở chế độ phơi sáng bằng tay hoặc thời gian bắt đầu chưa tới một phút), cảnh báo sẽ được hiển thị trong màn hình.

🗹 Hết Bộ Nhớ

Nếu thẻ nhớ đầy, hẹn gờ quãng thời gian vẫn hoạt động nhưng không có ảnh nào được chụp. Tiếp tục chụp (印 161) sau khi xóa một số hình ảnh hoặc tắt máy ảnh và lắp thẻ nhớ khác.

🖉 Đạy Kính Ngắm

Để ngăn ánh sáng vào qua kính ngắm gây nhiễu ảnh chụp và phơi sáng, hãy che kính ngắm bằng nắp thị kính DK-26 đi kèm (🕮 23).

🖉 Chụp Ảnh Hẹn Giờ Quãng Thời Gian

Không thể kết hợp chụp ảnh hẹn giờ quãng thời gian với phơi sáng thời gian dài (
 44) hoặc xem trực tiếp (
 172).

🖉 Chế Độ Nhả

Bất kể chế độ nhả nào được chọn, máy ảnh sẽ chụp số lần chụp chỉ định ở mỗi quãng thời gian.

🖉 Chụp bù trừ

Điều chỉnh các cài đặt chụp bù trừ trước khi bắt đầu chụp ảnh hẹn giờ quãng thời gian. Nếu phơi sáng, đèn nháy hoặc chụp bù trừ ADL đang hoạt động trong khi chụp ảnh hẹn giờ quãng thời gian có hiệu lực, máy ảnh sẽ chụp số lần chụp trong chương trình chụp bù trừ tại mỗi quãng thời gian, bất kể số lần chụp được quy định trong menu hẹn giờ quãng thời gian là bao nhiêu. Nếu cân bằng trắng bù trừ được bật trong khi chụp ảnh hẹn giờ quãng thời gian có hiệu lực, máy ảnh sẽ chụp một ảnh trong mỗi quãng thời gian và xử lý ảnh để tạo ra số bản sao được quy định trong chương trình chụp bù trừ.

🖉 Trong Quá Trình Chụp

Trong khi chụp ảnh hẹn giờ quãng thời gian, biểu tượng mæ trong màn hình hiển thị thông tin sẽ nhấp nháy. Ngay trước khi quãng thời gian chụp tiếp theo bắt đầu, màn hình hiển thị tốc độ cửa trập trong bảng điều khiển sẽ hiển thị số lượng quãng thời gian còn lại, và màn hình hiển thị độ mở ống kính sẽ hiển thị số lần

chụp còn lại trong quãng thời gian hiện tại. Tại thời điểm khác, có thể xem số quãng thời gian còn lại và số lần chụp trong mỗi khoảng thời gian bằng cách nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng (sau khi nút được nhả, tốc độ cửa trập và độ mở ống kính sẽ được hiển thị cho đến khi hẹn giờ chờ hết hạn).

Để xem các cài đặt quãng thời gian hiện hành, chọn **Interval timer shooting (Chụp hẹn giờ quãng thời gian)** giữa các lần chụp. Trong khi chụp ảnh hẹn giờ quãng thời gian đang trong tiến trình, menu hẹn giờ quãng thời gian sẽ hiển thị thời gian bắt đầu, quãng thời gian chụp, và số quãng thời gian và số lần chụp còn

lại. Không mục nào trong số này có thể thay đổi được trong khi chụp ảnh hẹn giờ quãng thời gian đang trong tiến trình.

Có thể phát lại ảnh và có thể điều chỉnh cài đặt menu và cài đặt chụp tự do trong khi chụp ảnh hẹn giờ quãng thời gian đang trong tiến trình. Màn hình sẽ tự động tắt khoảng bốn giây trước khi mỗi quãng thời gian.

đ




💵 Tạm Dừng Chụp Ảnh Hẹn Giờ Quãng Thời Gian

Có thể tạm dừng chụp ảnh hẹn giờ quãng thời gian bằng cách:

- Nhấn vào nút 🞯 giữa các quãng thời gian
- Làm nổi bật Start (Bắt đầu) > Pause (Tạm dừng) trong menu hẹn giờ quãng thời gian và nhấn (R)
- Tắt và bật lại máy ảnh (nếu muốn, có thể thay thẻ nhớ trong khi máy ảnh tắt)
- Lựa chọn chế độ tự hẹn giờ (🕑), hoặc chế độ nhả Mup

Để tiếp tục chụp:

1 Chọn thời gian bắt đầu mới. Chọn thời gian bắt đầu mới như mô tả trên trang 157.

		Interval timer shooting	
		Choose start time	
		Now	
_	i e	Image: Start time	
			I
27			⊕ 0
~	?		۲

2 Tiếp tục chụp. Làm nổi bật Restart (Khởi động lại) và nhấn (). Lưu ý rằng nếu chụp ảnh hẹn giờ quãng thời gian bị tạm dừng trong khi chụp thì số lần chụp trong quãng thời gian hiện hành sẽ bi hủy.



💵 Dừng Chụp Ảnh Hẹn Giờ Quãng Thời Gian

Chụp hẹn giờ quãng thời gian sẽ kết thúc tự động nếu pin bị cạn kiệt. Có thể dừng chụp ảnh hẹn giờ quãng thời gian bằng cách:

- Chọn Start (Bắt đầu) > Off (Tắt) trong menu hẹn giờ quãng thời gian
- Thực hiện khởi động lại hai nút (🕮 133)
- Khôi phục về cài đặt mặc định ban đầu cho tập hợp menu chụp ảnh tùy chọn bằng cách sử dụng mục Shooting menu bank (Tập hợp menu chụp) trong menu chụp (^{CD} 236)
- Thay đổi các cài đặt chụp bù trừ (🕮 136)

Chụp bình thường sẽ tiếp tục khi chụp ảnh hẹn giờ quãng thời gian kết thúc.

💵 Không Chụp Được Ảnh

Máy ảnh sẽ bỏ qua quãng thời gian hiện tại nếu có các tình huống sau đây kéo dài trong tám giây hoặc nhiều hơn sau khi quãng thời gian đến lúc bắt đầu: bức ảnh hoặc các bức ảnh của quãng thời gian trước đó vẫn chưa được chụp, bộ nhớ đệm đầy, hoặc máy ảnh không thể lấy nét trong **AF-S** (lưu ý rằng máy ảnh sẽ lấy nét lại mỗi lần chụp ảnh). Việc chụp sẽ tiếp tục với quãng thời gian tiếp theo.

đ

Thấu Kính Không CPU

Có thể sử dụng các thấu kính không CPU trong chế độ phơi sáng **A** và **M**, và đặt độ mở ống kính bằng cách sử dụng vòng mở thấu kính. Bằng cách xác định dữ liệu thấu kính (tiêu cự thấu kính và độ mở ống kính tối đa), người dùng có thể truy cập vào các chức năng thấu kính CPU dưới đây.

Nếu biết tiêu cự thấu kính:

- Tiêu cự thấu kính được liệt kê (bằng dấu hoa thị) trong màn hình hiển thị thông tin hình ảnh phát lại

Nếu biết độ mở ống kính tối đa:

- Giá trị độ mở ống kính được hiển thị trong bảng điều khiển và kính ngắm
- Mức đèn nháy được điều chỉnh cho những thay đổi về độ mở ống kính nếu bộ đèn nháy hỗ trợ chế độ AA (độ mở ống kính tự động)
- Độ mở ống kính được liệt kê (bằng dấu hoa thị) trong màn hình hiển thị thông tin hình ảnh phát lại

Chỉ định cả tiêu cự và độ mở tối đa của ống kính:

- Cho phép đo sáng ma trận màu (lưu ý rằng có thể cần thiết phải sử dụng cân bằng trung tâm hoặc đo sáng điểm để đạt được kết quả chính xác với một số thấu kính, bao gồm cả thấu kính Reflex-NIKKOR)
- Cải thiện độ chính xác của cân bằng trung tâm và đo sáng điểm và đèn nháy làm đầy cân bằng i-TTL cho SLR kỹ thuật số

đ

💵 Lưu Trữ Dữ Liệu Thấu Kính Không CPU

Máy ảnh có thể lưu trữ dữ liệu cho chín thấu kính không CPU. Để nhập hoặc chỉnh sửa dữ liệu cho thấu kính không CPU:

Chọn Non-CPU lens data (Dữ liệu thấu kính không CPU).

Nhấn nút MENU để hiển thị menu. Làm nổi bật Non-CPU lens data (Dữ liệu thấu kính không CPU)

trong menu cài đặt và nhấn ▶.



	SETUP MENU	
	Language	R)
-	Auto image rotation	ON
<u> </u>	Image comment	0FF
Ĭ.	Copyright information	0FF
-4	Save/load settings	
	Virtual horizon	
	Non-CPU lens data	No. 1
?	AF fine-tune	

Nút MENU

2 Chọn số thấu kính. Làm nổi bật Lens number (Số thấu kính) và nhấn ◀ hoặc ► để chọn số thấu kính giữa 1 và 9.



ď

3 Nhập tiêu cự và độ mở ống kính.

Làm nổi bật Focal length (mm) (Tiêu cự (mm)) hoặc Maximum aperture (Độ mở ống kính tối đa) và nhấn ◀ hoặc ► để sửa



mục được làm nổi bật. Có thể chọn tiêu cự từ các giá trị giữa 6 đến 4000 mm, độ mở ống kính tối đa từ các giá trị giữa f/1.2 và f/22.

🖉 Tiêu Cự Không Được Liệt Kê

Nếu tiêu cự chính xác không được liệt kê, chọn giá trị gần nhất lớn hơn tiêu cự thực tế của thấu kính.

🖉 Bộ Chuyển Từ Xa và Thấu Kính Thu Phóng

Độ mở ống kính tối đa cho bộ chuyển từ xa là độ mở ống kính tối đa hỗn hợp của độ mở ống kính và thấu kính. Lưu ý rằng không điều chỉnh được dữ liệu thấu kính khi thấu kính không CPU được thu hoặc phóng. Dữ liệu cho tiêu cự khác nhau có thể được nhập như số thấu kính riêng biệt, hoặc dữ liệu cho thấu kính có thể được chỉnh sửa để phản ánh các giá trị tiêu cự thấu kính mới và độ mở ống kính tối đa mỗi lần thu phóng được điều chỉnh.

4 Chọn phương pháp ghép đo phơi sáng.

Làm nổi bật Exposure meter coupling (Ghép đo phơi sáng) và nhấn ▶, rồi nhấn ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật AI lens (Thấu kính AI) và nhấn ® để chọn (chọn Non-AI lens (Thấu kính không AI) chỉ khi thấu kính không được trang bị cơ chế AI; □ 167).



ď

5 Chọn Done (Xong).

Làm nổi bật **Done (Xong)** và nhấn ⁽¹⁾. Tiêu cự và độ mở ống kính được chỉ định sẽ được lưu dưới số thấu kính được chọn.



Đô mở ống

💵 Gọi Lại Dữ Liệu Thấu Kính Không CPU

Có thể gọi lại dữ liệu thấu kính cho thấu kính không CPU được chọn bằng số thấu kính như mô tả bên dưới.

1 Chỉ định lựa chọn số thấu kính không CPU để điều khiển máy ảnh. Chọn Choose non-CPU lens number (Chọn số thấu kính không CPU) là tùy chọn "+ đĩa lệnh" cho Cài Đặt Tùy Chọn f4 (Assign Fn button (Chỉ định nút Fn), □ 263), Cài Đặt Tùy Chọn f5 (Assign preview button (Gán nút xem trước), □ 266), hoặc f6 (Assign AE-L/AF-L button (Chỉ định nút AE-L/AF-L), □ 267).

2 Sử dụng điều khiển được chọn để chọn số thấu kính. Nhấn nút được chọn và xoay đĩa lệnh chính cho đến khi số thấu kính mong muốn được hiển thị trong hiển thị thông tin.

Tiêu cự kính tối đa

ď

<u>Các thấu kính không Al</u>

Có thể sử dụng máy ảnh với thấu kính không AI (ví dụ thấu kính không trang bị cơ chế AI). Trước khi gắn thấu kính, chắc chắn phải nâng móc ghép đo sáng; không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể làm hỏng máy ảnh hoặc thấu kính.



💵 Thấu kính AI so với thấu kính không AI

Thấu kính "không CPU" được chia thành các thấu kính có cơ chế AI ("Thấu kính AI") và thấu kính không có cơ chế AI ("Thấu kính không AI").

Thấu kính Al



Gờ ghép đo sáng

Thấu kính không Al



Không có gờ ghép đo sáng

🖉 Thấu Kính Không Tương Thích

Không thể lắp một số thấu kính không Al ngay cả khi móc ghép đo sáng được nâng lên. Xem trang 320 để biết thêm thông tin.

🖉 Thấu kính Al

Hạ thấp móc ghép đo sáng trước khi gắn thấu kính AI.

5

đ

II Chụp Ảnh Với Không Thấu Kính Không Al

Thiếu cơ chế AI nghĩa là không thể sử dụng điều khiển máy ảnh để đặt độ mở ống kính khi gắn thấu kính không AI. Để phơi sáng tối ưu, bạn phải ghép khớp bằng tay cài đặt độ mở ống kính máy ảnh với thấu kính.

1 Lắp thấu kính.

Lắp thấu kính không AI mà trước đây bạn đã cung cấp dữ liệu thấu kính (\square 164).

2 Chọn số thấu kính (□ 166). Xác nhận rằng Non-Al lens (Thấu kính không Al) được chọn cho Non-CPU lens data (Dữ liệu thấu kính không CPU) > Exposure meter coupling (Ghép đo phơi sáng).

"F" sẽ nhấp nháy trong bảng điều khiển và ⊠ sẽ xuất hiện trong màn hình hiển thị thông tin.

- 3 Chọn chế độ phơi sáng A hoặc M. Xoay đĩa lệnh chế độ phơi sáng sang A hoặc M.
- 4 Điều chỉnh độ mở ống kính. Chọn độ mở ống kính bằng cách sử dụng vòng độ mở ống kính.
 - Ghép khớp cài đặt độ mở ống kính









6 Chụp ảnh.

Lặp lại các Bước 4 và 5 nếu cần thiết để thay đổi độ mở ống kính trong quá trình chụp.



Dữ liệu vị trí

Bộ GPS tùy chọn GP-1 và GP-1A (\square 325) nhúng các thông tin sau vào ảnh được chụp khi được lắp vào: kinh độ, vĩ độ, độ cao, và Múi giờ quốc tế (UTC). Những dữ liệu này được hiển thị ở trang dữ liệu vị trí thông tin hình ảnh (\square 188).

💵 Lắp bộ GPS

Tắt máy ảnh và kết nối bộ GPS vào đầu cắm phụ kiện (^[]] 325) sử dụng cáp đi kèm với thiết bị. Xem tài liệu hướng dẫn bộ GPS để biết thêm thông tin.

💵 Tùy Chọn Menu Cài Đặt

Mục **Location data (Dữ liệu vị trí)** trong menu cài đặt chứa các tùy chọn được liệt kê dưới đây.

 Standby timer (Hẹn giờ chờ): Chọn để đo phơi sáng tắt tự động khi bộ GPS được lắp.

Tùy chọn	Mô tả
Enable (Bật)	Đo phơi sáng tự động tắt nếu không có hoạt động được thực hiện cho thời gian đã chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c2 (Standby timer (Hẹn giờ chờ) , 따 251; để cho phép máy ảnh có thời gian lấy dữ liệu vị trí, độ trễ kéo dài thêm một phút sau khi đo phơi sáng được bật hoặc máy ảnh được bật). Điều này sẽ làm tăng tiêu hao pin.
Disable (Tắt)	Đo phơi sáng không tắt khi bộ GPS được kết nối.

- đ
- Position (Vị trí): Mục này chỉ có sẵn nếu bộ GPS được kết nối, khi nó hiển thị vĩ độ, kinh độ, cao độ hiện hành và Múi Giờ Quốc Tế (UTC) mà bộ GPS ghi được.
- Set clock from satellite (Sd vệ tinh để đặt đồng hồ): Chọn Yes (Có) để đồng bộ đồng hồ máy ảnh với thời gian mà bộ GPS ghi được.

🖉 Múi Giờ Quốc Tế (UTC)

Dữ liệu UTC được bộ GPS cung cấp và độc lập với đồng hồ máy ảnh.

🖉 Biểu Tượng 🐔

Trạng thái kết nối được hiển thị bằng biểu tượng ở:

 Image: May anh đã thiết lập giao tiếp với bộ GPS. Thông tin ảnh của ảnh được chụp trong khi biểu tượng này được hiển thị bao gồm một trang bổ sung dữ liệu vị trí (Image: 194).



- Inhấp nháy): Bộ GPS đang tìm kiếm tín hiệu.
 Ảnh được chụp trong khi biểu tượng này đang nháy sẽ không có dữ liệu vị trí.
- Không có biểu tượng: Không nhận được dữ liệu vị trí mới nào từ bộ GPS trong ít nhất hai giây. Ảnh được chụp khi biểu tượng 🕉 không được hiển sẽ không có dữ liệu vị trí.

Xem Ảnh Trực Tiếp

Thực hiện theo các bước dưới đây để chụp ảnh trong xem trực tiếp.

🚺 Đạy Kính Ngắm

Để ngăn ánh sáng vào qua kính ngắm gây nhiễu ảnh chụp hoặc phơi sáng, hãy che kính ngắm bằng nắp thị kính DK-26 đi kèm trước khi chụp (印 23).



Nhấn nút 교.

Gương sẽ được nâng lên và nội dung nhìn qua thấu kính sẽ được hiển thị trong màn hình máy ảnh. Không còn nhìn thấy đối tượng trong kính ngắm.



2 Định vị điểm lấy nét.

Định vị điểm lấy nét trên đối tượng như được mô tả ở trang 175.

3 Lấy nét.

Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để lấy nét.

Điểm lấy nét sẽ nhấp nháy màu xanh lá cây trong khi máy ảnh lấy nét. Nếu máy ảnh có thể lấy nét, điểm lấy nét sẽ hiển thị màu xanh lá cây, nếu máy ảnh không thể lấy nét, điểm lấy nét sẽ nhấp nháy màu đỏ (lưu ý có thể chụp ảnh ngay cả khi điểm lấy nét nháy đỏ, kiểm tra lấy nét

trong màn hình trước khi chụp). Có thể khóa phơi sáng bằng cách nhấn nút 鼪 **AE-L/AF-L** (□ 77); khóa lấy nét trong khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng. Trong chế độ phơi sáng **M**, có thể điều chỉnh phơi sáng với sự hỗ trợ của chỉ báo phơi sáng (□ 43).

4 Chụp ảnh.

Nhấn nút nhả cửa trập hết cỡ để chụp. Màn hình sẽ tắt.

5 Thoát khỏi chế độ xem trực tiếp. Xoay nút I dể thoát chế độ xem trực tiếp.







Nút ∰¦ AE-L/AF-L

Xem trước phơi sáng (Chỉ chế độ phơi sáng M)

Trong chế độ phơi sáng **M**, việc nhấn nút **Pv** cho phép bạn xem trước các cài đặt về tốc độ cửa trập, độ mở ống kính, và độ nhạy ISO ảnh hưởng đến phơi sáng như thế nào.





Kết Thúc Xem Trực Tiếp

Xem trực tiếp kết thúc tự động khi thấu kính bị tháo ra. Chế độ xem trực tiếp cũng có thể kết thúc tự động để tránh làm hỏng mạch bên trong của máy ảnh; thoát xem trực tiếp khi không sử dụng máy ảnh. Lưu ý nhiệt độ của các mạch bên trong của máy ảnh có thể tăng và nhiễu (điểm sáng, các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên hoặc sương mù) có thể xuất hiện trong các trường hợp sau đây (máy ảnh bị ấm lên đáng kể, nhưng đây không phải là sự cố):

- Nhiệt độ môi trường xung quanh cao
- Xem trực tiếp được sử dụng trong thời gian dài

 Máy ảnh được sử dụng trong chế độ nhả liên tục trong thời gian dài Nếu xem trực tiếp không bắt đầu khi bạn nhấn nút w, hãy đợi các mạch bên trong nguội và sau đó thử lại.

Lấy Nét trong Xem Trực Tiếp

Để lấy nét bằng lấy nét tự động, xoay bộ chọn chế độ lấy nét sang **AF** và làm theo các bước dưới đây để chọn lấy nét tự động và chế độ vùng AF. Để có thêm thông tin về lấy nét thủ công, xem trang 183.





💵 Chọn Chế Độ Lấy Nét

Chế độ lấy nét tự động sau đây sẵn có trong xem trực tiếp:

Chế độ	Mô tả
AF-S	AF phần phụ đơn: Với các đối tượng cố định. Lấy nét được khóa khi
	nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng.
AF-F	AF phần phụ toàn thời gian: Với các đối tượng di động. Máy ảnh lấy
	nét liên tục cho đến khi nút nhả cửa trập được nhấn. Lấy nét được
	khóa khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng.

Để chọn chế độ lấy nét tự động, nhấn nút chế độ AF và xoay đĩa lệnh chính cho tới khi chế độ mong muốn được hiển thị trong màn hình.



Nút chế độ AF







Màn hình

🔽 Sử Dụng Lấy Nét Tự Động trong Xem Trực Tiếp

Sử dụng thấu kính AF-S. Có thể không đạt được các kết quả mong muốn với các thấu kính hoặc bộ chuyển từ xa khác. Lưu ý rằng trong xem trực tiếp, tự động lấy nét chậm hơn và màn hình có thể sáng hoặc tối trong khi máy ảnh lấy nét. Điểm lấy nét đôi khi có thể được hiển thị bằng màu xanh khi máy ảnh không thể lấy nét. Máy ảnh có thể không thể lấy nét trong những tình huống sau đây:

- Đối tượng có đường song song với cạnh dài của khuôn hình
- Đối tượng thiếu tương phản
- Đối tượng tại các điểm lấy nét có chứa các khu vực có độ sáng tương phản mạnh, hoặc đối tượng được chiếu sáng bởi ánh sáng tại chỗ hoặc đèn neon hoặc nguồn sáng khác thay đổi về độ sáng
- Nhấp nháy hoặc dải xuất hiện dưới đèn huỳnh quang, đèn khí thủy ngân, khí natri, hoặc ánh sáng tương tự
- Bộ lọc (ngôi sao) ngang hoặc bộ lọc đặc biệt khác được sử dụng
- Đối tượng xuất hiện nhỏ hơn điểm lấy nét
- Đối tượng bị chi phối bởi các mẫu hình học thông thường (ví dụ như rèm hoặc hàng cửa sổ trong tòa nhà chọc trời)
- Đối tượng đang di chuyển

Lv

II Chọn Chế Độ Vùng AF

Có thể chọn các chế độ vùng AF trong xem trực tiếp:

Chế độ	Mô tả
(<u>B</u>)	AF ưu tiên khuôn mặt: Sử dụng để chụp chân dung. Máy ảnh tự động phát hiện đối tượng và lấy nét đối tượng chân dung; nếu đối tượng được chọn có viền kép màu vàng (nếu có nhiều khuôn mặt, tối đa là 35, được phát hiện, máy ảnh sẽ lấy nét vào các đối tượng gần nhất; để chọn đối tượng khác, sử dụng đa bộ chọn). Nếu máy ảnh không còn có thể phát hiện đối tượng nữa (ví dụ, vì đối tượng đã quay mặt đi với máy ảnh), đường viền sẽ không còn được hiển thị nữa.
E J WIDE	AF vùng rộng : Sử dụng để chụp cầm tay ảnh phong cảnh và các đối tượng không phải chân dung. Sử dụng đa bộ chọn để di chuyển điểm lấy nét tới bất cứ nơi nào trong khuôn hình hoặc nhấn phím ⊮ để đặt điểm lấy nét vào giữa khuôn hình.
[:] Nora	AF vùng bình thường: Sử dụng lấy nét điểm cố định trên một điểm cố định trong khuôn hình. Sử dụng đa bộ chọn để di chuyển điểm lấy nét tới bất cứ nơi nào trong khuôn hình hoặc nhấn phím ⊛ để đặt điểm lấy nét vào giữa khuôn hình. Nên sử dụng giá ba chân.
Ð	AF theo dõi đối tượng: Đặt điểm lấy nét trên đối tượng và nhấn phím . Điểm lấy nét sẽ dò theo đối tượng được chọn khi nó di chuyển qua khung. Để kết thúc dò tìm, nhấn ඔ lần nữa. Lưu ý rằng máy ảnh không thể theo dõi đối tượng nếu đối tượng di chuyển nhanh, rời khỏi khuôn hình hay bị che khuất bởi các đối tượng khác, thay đổi rõ ràng về kích thước, màu sắc hay độ sáng, hoặc quá nhỏ, quá lớn, quá sáng, quá tối, hay có màu hoặc độ sáng giống với nền.

Để chọn chế độ vùng AF, nhấn nút chế độ AF và xoay đĩa lệnh phụ cho tới khi chế độ mong muốn được hiển thị trong màn hình.







Màn hình

Nút chế độ AF



<u>Sử dụng nút i</u>

Các tùy chọn được liệt kê dưới đây có thể được truy cập bằng cách nhấn nút *i* trong khi chụp xem ảnh trực tiếp. Làm nổi bật mục bằng cách sử dụng đa bộ chọn và nhấn ► để xem các tùy chọn cho mục được làm nổi bật.



Nút i

Sau khi chọn thiết lập mong muốn, nhấn 🛞 để thoát.

Tùy chọn	Mô tả
lmage quality (Chất lượng hình ảnh)	Chọn chất lượng hình ảnh (🎞 55).
lmage size (Kích cỡ hình ảnh)	Chọn kích cỡ hình ảnh (🎞 58).
Set Picture Control (Đặt Picture Control)	Chọn một Picture Control (C 100). Cancel C Adjust C30K
Active D-Lighting (D-Lighting hoạt động)	Điều chỉnh D-Lighting hoạt động để giữ lại chi tiết trong phần làm nổi bật và bóng (🎞 110).
Monitor brightness (Độ sáng màn hình)	Nhấn ▲ hoặc ▼ để điều chỉnh độ sáng màn hình cho xem trực tiếp. Thay đổi độ sáng màn hình không có hiệu lực trên các ảnh được ghi với máy ảnh.

<u>Màn Hình Hiển Thị Xem Trực Tiếp: Xem</u> Ảnh Trực Tiếp



Мџс	Mô tả	m
① Thời gian còn lại	Số lượng thời gian còn lại trước khi xem trực tiếp kết thúc tự động. Hiển thị nếu việc chụp sẽ kết thúc trong 30 giây hoặc ít hơn.	184
2 Chế độ lấy nét tự động	Chế độ lấy nét tự động hiện tại.	175
3 Chế độ vùng AF	Chế độ vùng AF hiện tại.	177
④ Điểm lấy nét	Điểm lấy nét hiện tại. Màn hình hiển thị khác nhau với tùy chọn được lựa chọn cho chế độ vùng AF (따 177).	172
(5) Chỉ báo phơi sáng	Cho biết ảnh sẽ được phơi sáng quá ít hay quá nhiều tại các cài đặt hiện tại (chỉ chế độ phơi sáng M).	43

🔽 Màn Hình Hiển Thị Xem Trực Tiếp

Mặc dù không xuất hiện trong bức ảnh cuối cùng, các đường mép răng cưa, viền màu, nhiễu và các điểm sáng có thể xuất hiện trên màn hình, trong khi các dải sáng có thể xuất hiện ở một số vùng với các dấu nháy và các nguồn sáng đứt đoạn khác hoặc nếu đối tượng được chiếu sáng trong thời gian ngắn bằng ánh sáng nhấp nháy hay nguồn sáng nhất thời phát sáng nào khác. Ngoài ra, có thể xảy ra biến dạng nếu máy ảnh được lia theo chiều ngang hoặc đối tượng di chuyển ở tốc độ cao thông qua khuôn hình. Nhấp nháy và tạo dải dễ nhìn thấy trên màn hình dưới đền huỳnh quang, hơi thủy ngân hay đèn natri có thể được giảm xuống bằng cách sử dụng **Flicker reduction (Giảm nhấp nháy)** (III 276), mặc dù chúng vẫn có thể được nhìn thấy trên bức ảnh cuối cùng ở một số tốc độ cửa trập. Khi chụp trong chế độ xem trực tiếp, tránh hướng máy ảnh vào mặt trời hoặc các nguồn ánh sáng mạnh khác. Không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể làm hỏng mạch bên trong của máy ảnh.

🖉 Phơi sáng

Tùy thuộc vào cảnh, phơi sáng có thể khác khi xem trực tiếp không được sử dụng. Đo sáng trong xem trực tiếp được điều chỉnh cho phù hợp với hiển thị xem trực tiếp, tạo ra ảnh có phơi sáng gần với những gì được nhìn thấy trong màn hình.

<u>Hiển Thị Thông Tin: Xem Ảnh Trực Tiếp</u>

Để ẩn hoặc hiển thị các chỉ báo trong màn hình trong khi xem ảnh trực tiếp, nhấn nút **III**.



<u>Lấy Nét Bằng Tay</u>

Để lấy nét ở chế độ lấy nét bằng tay (68), xoay vòng lấy nét thấu kính cho đến khi đối tượng được lấy nét.

Để phóng to cảnh trong màn hình lên đến khoảng 15× để lấy nét chính xác, nhấn nút ♥ (QUAL). Trong khi xem qua thấu kính được thu nhỏ, một cửa sổ điều hướng sẽ xuất hiện trong khung màu xám ở góc dưới cùng bên phải màn hình. Sử dụng đa bộ chọn để di chuyển đến khu vực khuôn hình không hiển thị trong màn hình (chỉ có nếu chế độ vùng lấy nét tự động rộng hoặc bình thường được chọn cho chế độ vùng AF), hoặc nhấn ལ (‡) để thu nhỏ.





Nὑt ♥ (QUAL)



Cửa sổ định hướng

Hiển Thị Đếm Ngược

Đếm ngược sẽ được hiển thị 30 giây trước khi xem trực tiếp kết thúc tự động (180; bộ hẹn giờ chuyển sang màu đỏ nếu chế độ xem trực tiếp chuẩn bị kết thúc để bảo vệ các mạch nội bộ hoặc, nếu một tùy chọn khác **No limit (Không giới hạn)** được chọn cho Cài Đặt Tùy Chọn c4 **Monitor off delay (Độ trễ tắt màn hình)** > **Live view (Xem trực tiếp)**; 253—5 giây trước khi màn hình tắt tự động). Tùy thuộc vào điều kiện chụp, bộ đếm thời gian có thể xuất hiện ngay lập tức khi xem trực tiếp được chọn. Lưu ý rằng mặc dù đếm ngược không xuất hiện trong quá trình phát lại, chế độ xem trực tiếp vẫn sẽ kết thúc tự động khi bộ đếm thời gian hết hạn.

🖉 HDMI

Nếu máy ảnh được gắn vào thiết bị video HDMI trong chế độ xem ảnh trực tiếp, màn hình máy ảnh sẽ vẫn bật và thiết bị video sẽ hiển thị xem qua thấu kính như minh họa ở bên phải. Nếu thiết bị hỗ trợ HDMI-CEC, chọn **Off (Tắt)** cho tùy chọn **HDMI > Device control (Điều khiển**



thiết bị) trong menu cài đặt (🕮 223) trước khi chụp trong xem trực tiếp.

🖉 Xem Thêm

Để biết thông tin về cách sử dụng nút ⁽) để chọn điểm lấy nét trung tâm hoặc hoán đổi thu phóng lấy nét, xem Cài Đặt Tuỳ Chọn f2 (**OK button (Nút OK)**; ⁽) 261). Để biết thông tin về việc giảm nhấp nháy hoặc đo một giá trị cho cân bằng trắng điểm trong khi xem trực tiếp, xem trang 276 và 93.

Thông tin thêm về phát lại

Phát Lại Khuôn Hình Đầy

Để phát lại ảnh, nhấn nút 🕒. Ảnh mới nhất sẽ được hiển thị ở màn hình.





Nút 🕒



Ðể	Sử dụng	Mô tả
Xem thêm ảnh		Nhấn ▶ để xem ảnh theo thứ tự được lưu, ◀ để xem ảnh theo thứ tự ngược lại.
Xem thông tin ảnh		Nhấn ▲ hoặc ▼ để xem thông tin về bức ảnh hiện tại (따 188).
Xem hình thu nhỏ	ସ୍≌ (\$)	Xem trang 196 để biết thêm thông tin.
Phóng to ảnh	♥ (QUAL)	Xem trang 199 để biết thêm thông tin.
Xóa ảnh	Ť	Hộp thoại xác nhận sẽ xuất hiện. Nhấn 面 lần nữa để xóa ảnh (🕮 203).
Thay đổi trạng thái bảo vệ	?‰ (WB)	Để bảo vệ ảnh, hoặc bỏ bảo vệ đối với hình ảnh đã được bảo vệ, nhấn ? ഐ (WB) (따 201).
Trở về chế độ chụp		Màn hình sẽ tắt. Ảnh có thể được chụp ngay.
Sửa lại ảnh	i	Tạo bản sao chỉnh sửa của bức ảnh hiện tại (印 287).

Þ

🖉 Xoay Dọc Ảnh

Để hiển thị ảnh "tall (dọc)" (hướng chân dung) theo hướng dọc, chọn **On (Bật)** cho chức năng **Rotate tall (Xoay dọc ảnh)** trong menu phát lại (^{CII} 233).



🖉 Xem Lại Hình Ảnh

Khi chọn **On (Bật)** cho mục **Image review (Xem lại hình ảnh)** trong menu phát lại (^[] 232), ảnh sẽ tự động hiển thị trên màn hình trong khoảng 4 giây sau khi chụp (vì máy ảnh đã đặt đúng hướng nên hình ảnh sẽ không tự động xoay trong suốt thời gian xem lại hình ảnh). Ở chế độ nhả liên tục, khi kết thúc chụp, hiển thị sẽ bắt đầu với hình ảnh đầu tiên trong loạt ảnh hiện thời.

🖉 Xem Thêm

Để biết thêm thông tin về cách chọn thời gian màn hình chờ khi không làm việc, xem Cài Đặt Tùy Chọn c4 (**Monitor off delay (Độ trễ tắt màn hình)**, III 253).

<u>Thông Tin Ảnh</u>

Thông tin ảnh được đè trên những bức ảnh hiển thị trong phát lại khuôn hình đầy. Nhấn ▲ hoặc ▼ để duyệt qua thông tin ảnh như minh họa bên dưới. Lưu ý rằng "chỉ hình ảnh", dữ liệu chụp, biểu đồ RGB, phần tô sáng và dữ liệu tổng quan chỉ được hiển thị nếu tùy chọn tương ứng được chọn cho **Playback display options (Tùy chọn hiển thị phát lại)** (□ 232). Dữ liệu vị trí chỉ được hiển thị nếu sử dụng bộ GP-1 hoặc GP-1A GPS tùy chọn khi chụp ảnh.



💵 Thông Tin Tệp



1	Trạng thái bảo vệ201
2	Chỉ báo sửa lại287
3	Điểm lấy nét ^{1, 2} 64
4	Khung vùng lấy nét tự động ¹
5	Số khuôn hình/tổng số khuôn
	hình
6	Chất lượng hình ảnh 55
7	Kích cỡ hình ảnh 58
8	Vùng hình ảnh ³ 51
9	Thời gian ghi27, 276
10	Ngày ghi27, 276
11	Tên thư mục237
12	Tên tệp239

- 1 Chỉ hiển thị nếu Focus point (Điểm lấy nét) được chọn cho Playback display options (Tùy chọn hiển thị phát lại) (^[III] 232).
- 2 Nếu ảnh được chụp sử dụng AF-S, hiển thị cho thấy điểm đầu tiên mà lấy nét bị khóa. Nếu chụp ảnh sử dụng AF-C, điểm lấy nét chỉ hiển thị nếu chế độ khác với AF vùng tự động được chọn cho chế độ vùng AF và máy ảnh có thể lấy nét.
- 3 Hiển thị màu vàng nếu ảnh ở định dạng DX (🕮 51).

💵 Làm nổi bật



1	Làm nổi bật hình ảnh ¹
2	Số thư mục—số khuôn hình ²
3	Kênh hiện thời ¹



2 Hiển thị màu vàng nếu ảnh ở định dạng DX (🕮 51).

💵 Biểu Đồ RGB



2 Hiển thị màu vàng nếu ảnh ở định dạng DX (🕮 51).

🖉 Thu Phóng Phát Lại

Để phóng to ảnh khi hiển thị biểu đồ, nhấn (QUAL). Sử dụng nút (QUAL) và () dể phóng to và thu nhỏ và cuộn hình ảnh bằng đa bộ chọn. Biểu đồ sẽ được cập nhật để hiển thị các dữ liệu cho phần hình ảnh thấy được trên màn hình.



🖉 Biểu đồ

Biểu đồ máy ảnh chỉ mang tính hướng dẫn và có thể khác so với những gì hiển thị trong các ứng dụng hình ảnh. Sau đây là một số biểu đồ mẫu:

Nếu hình ảnh chứa các đối tượng có phạm vi độ sáng rộng, sự phân phối của các tông màu sẽ tương đối cân bằng.

Nếu hình ảnh tối, tông màu sẽ được phân phối dịch sang trái.

Nếu hình ảnh sáng, phân phối tông màu sẽ dịch sang phải.





Tăng bù phơi sáng sẽ dịch sự phân phối tông màu sang phải, và nếu giảm bù phơi sáng thì phân phối sẽ dịch sang trái. Biểu đồ sẽ cung cấp ý kiến tổng quát về phơi sáng toàn diện khi ánh sáng xung quanh khiến cho ảnh khó nhìn thấy được trên màn hình.



13	M	\sim
15-4	WHITE BALANCE :AUTO1, 0, COLOR SPACE :sRGB	
16-드 17	QUICK ADJUST SO	
	CONTRAST BRIGHTNESS	
20-1	HUE	
21	NIKON Df	₩ 100-1

1	Đo sáng75
	Tốc độ cửa trập 39, 42
	Độ mở ống kính 41, 42
2	Chế độ phơi sáng36
	Độ nhạy ISO '70
3	Bù phơi sáng
	1 oi uu dieu chinn phoi sang 2
1	Tiâu cư 162 222
4	162 Division thếm kính 163, 322
2	
0	Thấu kính VR (chống rung) ³
7	Loại đèn nháy ⁴ 116
	Chế độ bộ điều khiển ⁴
8	Chế độ đèn nháy ⁴ 125
9	Điều khiển đèn nháy ⁴
10	Bu den nnay ⁴ 128
10	len may ann
11	Vung hinh anh ³ 51
12	Số thư mục—số khuôn hình ⁵
	237
13	Cân bằng trắng81
	Nhiệt độ màu88
	Dò tinh chỉnh cân bằng trắng
	Thiết lập cẵp bằng tạy 90
14	Không gian màu 240
14	Ritorig gian mad240
15	Picture Control
10	Picture Control ban đầu ⁷ 108
17	Làm sắc nét103
18	Độ tương phản103
19	Độ sáng103
20	Độ bão hòa ⁸ 103
	Hiệu ứng bộ lọc ⁹ 103
21	Màu sắc ⁸ 103
	Tông màu ⁹ 103, 105



22	Giảm nhiễu ISO cao
	Giảm nhiễu phơi sáng lâu 242
23	D-Lighting hoạt động110
24	Độ lệch phơi sáng HDR112
	Làm mượt HDR112
25	Quản lý tạo họa tiết241
26	Lịch sử sửa lại 287
27	Chú thích hình ảnh 278

- 28 Tên của nhiếp ảnh gia ¹⁰ 279
- 29 Thông Tin Bản Quyền ¹⁰....... 279

- Hiển thị màu đỏ nếu ảnh được chụp với điều khiển độ nhạy ISO tự động được bật.
- 2 Hiển thị nếu Cài Đặt Tùy Chọn b2 (Fine tune optimal exposure (Tinh chỉnh phơi sáng tối ưu), III 250) được chỉnh đến giá trị khác 0 cho bất cứ phương pháp đo sáng nào.
- 3 Chỉ hiển thị nếu gắn thấu kính chống rung.
- 4 Hiển thị chỉ khi bộ đèn nháy tùy chọn (D 116) được sử dụng.
- 5 Hiển thị màu vàng nếu ảnh ở định dạng DX (🎞 51).
- 6 Chỉ Picture Control Standard (Tiêu chuẩn), Vivid (Sống động), Portrait (Chân dung) và Landscape (Phong cảnh).
- 7 Neutral (Trung tính), Monochrome (Đơn sắc), và các Picture Control tùy chọn.
- 8 Không hiển thị với Picture Control đơn sắc.
- 9 Chỉ Picture Control đơn sắc.
- 10 Trang thứ tư của dữ liệu chụp chỉ được hiển thị nếu thông tin bản quyền được ghi lại với ảnh như được mô tả trên trang 279.

💵 Dữ liệu vị trí



Vĩ đô Kinh đô

- 3 Cao độ
- 4 Múi Giờ Quốc Tế (UTC)

💵 Dữ Liệu Tổng Quan



- 1 Định dạng DX hiển thị bằng màu vàng (🕮 51).
- 2 Hiển thị màu đỏ nếu ảnh được chụp với điều khiển độ nhạy ISO tự động được bật.
- 3 Chỉ được hiển thị nếu ảnh được chụp với bộ đèn nháy tùy chọn (🕮 116).

Phát Lại Hình Thu Nhỏ

Để hiển thị hình ảnh trên các "tờ tiếp xúc" của bốn, chín hay 72 ảnh, nhấn nút འ (ʑ).


Phát Lại Theo Lịch

Để xem hình được chụp vào ngày được chọn, nhấn nút 🖓 (‡) khi 72 hình ảnh được hiển thị.



Hoạt động được thể hiện dựa vào việc con trỏ xuất hiện trên danh sách ngày hay danh sách ảnh thu nhỏ:

Ðể	Sử dụng	Mô tả
Hoán đổi giữa danh sách ngày và danh sách ảnh thu nhỏ	ବ୍≌ (\$)/⊛	Nhấn nút 🕾 (‡) hoặc 🛞 trong danh sách ngày để đặt con trỏ trong danh sách hình thu nhỏ. Nhấn 🕾 (‡) lần nữa để về danh sách ngày.
Thoát để phát lại hình thu nhỏ/Phóng to hình được làm nổi bật	ଝ୍ (QUAL)	 Danh sách ngày: Thoát sang phát lại 72 khuôn hình. Danh sách hình thu nhỏ: Nhấn và giữ nút ^ℚ (QUAL) để phóng to hình ảnh được làm nổi bật.
Làm nổi bật ngày/ Làm nổi bật hình ảnh		 Danh sách ngày: Làm nổi bật ngày. Danh sách hình thu nhỏ: Làm nổi bật hình ảnh.
Hoán đổi phát lại khuôn hình đầy	ØK	Danh sách hình thu nhỏ : Xem ảnh được làm nổi bật.
Xóa (các) ảnh được làm nổi bật	Ť	 Danh sách ngày: Xóa tất cả ảnh chụp trong ngày đã chọn. Danh sách hình thu nhỏ: Xóa ảnh được làm nổi bật (^{CL} 203).
Thay đổi trạng thái bảo vệ ảnh được làm nổi bật	?‰ ⊤ (WB)	Xem trang 201 để biết thêm thông tin.

►

Ðể	Sử dụng	Mô tả	
Trở về chế độ chụp		Màn hình sẽ tắt. Ảnh có thể được chụp ngay.	
Sửa lại ảnh	i	Danh sách hình thu nhỏ : Tạo bản sao chỉnh sửa của ảnh làm nổi bật trong danh sách hình ảnh thu nhỏ (따 287).	

Xem Gần: Thu Phóng Phát Lại

Nhấn nút \mathfrak{P} (**QUAL**) để phóng to hình ảnh hiển thị phát lại khuôn hình đầy hoặc hình ảnh đang được làm nổi bật trong phát lại hình thu nhỏ. Các hoạt động sau có thể thực hiện trong khi thu phóng đang có hiệu lực:

Ðể	Sử dụng	Mô tả
Phóng to hoặc thu nhỏ	^୧ ୯ (QUAL)/ ଟ୍ରଅ (५)	Nhấn [®] (QUAL) để phóng to tối đa khoảng 30 × (ảnh lớn định dạng 36 × 24/3 : 2), 23 × (ảnh
Xem các vùng khác của ảnh		vừa) hoặc 15 × (ảnh nhỏ). Nhấn Qx (4) để thu nhỏ. Khi phóng to ảnh, sử dụng đa bộ chọn để xem các vùng ảnh không nhìn thấy trong màn hình. Giữ nhấn đa bộ chọn để cuộn đều đến vùng khác của khuôn hình. Cửa sổ định hướng xuất hiện khi tỉ lệ thu phóng thay đổi; vùng nhìn thấy hiện thời trên màn hình được chỉ định bởi khung màu vàng.
Chọn khuôn mặt	a o Martin	Khuôn mặt (lên đến 35) được nhận diện suốt quá trình thu phóng chỉ định bởi khung màu trắng trong cửa sổ định hướng. Xoay đĩa lệnh phụ để xem các khuôn mặt khác.

Ðể	Sử dụng	Mô tả
Xem hình ảnh khác		Xoay đĩa lệnh chính để xem các ảnh khác ở cùng một vị trí với tỷ lệ thu phóng hiện tại.
Thay đổi trạng thái bảo vệ	?⁄~ (WB)	Xem trang 201 để biết thêm thông tin.
Trở về chế độ chụp		Màn hình sẽ tắt. Ảnh có thể được chụp ngay.
Sửa lại ảnh	i	Tạo bản sao chỉnh sửa của bức ảnh hiện tại (印 287).

Bảo Vệ Ảnh Khỏi Bị Xóa

Trong khuôn hình đầy, thu phóng, phát lại hình thu nhỏ và phát lại theo lịch, nút **?**/m (**WB**) có thể được sử dụng để bảo vệ hình ảnh khỏi bị xóa vô tình. Tệp được bảo vệ không thể bị xóa bằng cách sử dụng nút tím hay lựa chọn **Delete (Xóa)** trong menu phát lại. Lưu ý rằng hình ảnh được bảo vệ sẽ bị xóa khi định dạng thẻ nhớ (CP 22, 272).

Để bảo vệ bức ảnh:

1 Chọn hình ảnh.

Hiển thị ảnh trong phát lại khuôn hình đầy hoặc thu phóng phát lại hay làm nổi bật ảnh trong danh sách phát lại hình thu nhỏ hoặc phát lại theo lịch.



Phát lại khuôn hình đầy



Phát lại hình thu nhỏ

2013	10				15/10 /2013	10°
Sun			Wed			2102
29					5	2.
6					12	Sec.
13		6			19	網路
20					26	1
27						- 670
3						- LD
	Q]++ ∃	Q	1700m	

Phát lại theo lịch

2 Nhấn nút ?~ (WB). Ảnh sẽ được đánh dấu với một biểu tượng . Để gỡ bảo vệ khỏi ảnh khiến nó có thể bị xóa, hiển thị hoặc làm nổi bật trong danh sách hình thu nhỏ và sau đó nhấn nút ?~ (WB).





Nut ?/~ (WB)

🖉 Hủy Bỏ Bảo Vệ Cho Tất Cả Ảnh

Để hủy bỏ bảo vệ cho tất cả các ảnh trong thư mục hay cho các thư mục được chọn trong menu **Playback folder (Thư mục phát lại)**, cùng nhấn các nút **‰** (**WB**) và 🛍 cho khoảng hai giây trong khi phát lại.

Xóa Ảnh

Để xóa ảnh hiển thị trong phát lại khuôn hình đầy hay ảnh nổi bật trong danh sách hình thu nhỏ, nhấn nút t. Để xóa nhiều ảnh được chọn, tất cả ảnh chụp trong ngày được chọn, hay tất cả ảnh trong thư mục phát lại, sử dụng tùy chọn **Delete (Xóa)** trong menu phát lại. Khi đã xóa, ảnh không thể khôi phục lại. Lưu ý rằng không thể xóa ảnh được bảo vệ hoặc ẩn.

<u>Phát Lại Khuôn Hình Đầy, Hình Thu Nhỏ</u> <u>và Theo Lịch</u>

Nhấn nút 🛍 để xóa ảnh hiện tại.

1 Chọn hình ảnh.

Hiển thị ảnh hoặc làm nổi bật nó trong danh sách hình thu nhỏ trong phát lại hình thu nhỏ hoặc phát lại theo lịch.

2 Nhấn nút 🛍.

Hộp thoại xác nhận sẽ được hiển thị.







Phát lại hình thu nhỏ





3 Nhấn nút 🖬 lần nữa.

Để xóa ảnh, nhấn nút 🗑 lần nữa. Để thoát mà không xóa ảnh, nhấn nút 🕒.



🖉 Phát Lại Theo Lịch

Trong quá trình phát lại theo lịch, bạn có thể xóa tất cả ảnh trong ngày được chọn bằng cách làm nổi bật ngày trong danh sách ngày và nhấn nút \overleftarrow{m} (\Box 197).

🖉 Xem Thêm

Tùy chọn **After delete (Sau khi xóa)** trong menu phát lại quyết định liệu ảnh trước hay sau đó có hiển thị sau khi một bức ảnh bị xóa hay không (^{CII} 233).

204

►

<u>Menu Phát Lại</u>

Tùy chọn **Delete (Xóa)** trong menu phát lại chứa các tùy chọn sau. Lưu ý rằng tùy thuộc vào số lượng ảnh mà có thể yêu cầu phải xóa bớt.

	Tùy chọn	Mô tả		
	Selected (Đã chọn)	Xóa ảnh đã chọn.		
DATE	Select date (Chọn ngày)	Xóa tất cả ảnh chụp trong ngày đã ch	nọn (🕮 206).	
ALL	All (Tất cả)	Xóa tất cả các ảnh trong thư mục hiện thời được chọn cho phát lại (印 230).	All images will be deleted. OK? C:NC_DF	

💵 Selected (Đã chọn): Xóa Ảnh Đã Chọn

1 Chọn Selected (Đã chọn) cho tùy chọn Delete (Xóa) trong menu phát lại. Nhấn nút MENU và chọn Delete (Xóa) trong menu phát lại. Làm nổi bật Selected (Đã chọn) và nhấn ►.



Nút MENU

2 Làm nổi bật một bức ảnh. Sử dụng đa bộ chọn để làm nổi bật một bức ảnh. Để xem toàn màn hình ảnh được làm nổi bật, nhấn và giữ nút ^Q (QUAL).



3 Chọn ảnh đã làm nổi bật.

Nhấn nút 역略 (\$) để chọn ảnh cần làm nổi bật. Ảnh đã chọn được đánh dấu bởi biểu tượng 面. Lặp lại bước 2 và bước 3 để chon thêm





Nút ବ୍≊ (‡)

ảnh; để xóa ảnh, làm nổi bật và nhấn 🖓 🖬 (🗲).

4 Nhấn [™] để hoàn thành hoạt động. Môt hôp thoai xác nhân sẽ xuất

hiện; làm nổi bật **Yes (Có)** và nhấn ⊛.



💵 Select Date (Chọn Ngày): Xóa Ảnh Được Chụp Vào Ngày Đã Chọn

1 Chọn Select date (Chọn ngày).

Trong menu xóa, làm nổi bật Select date (Chọn ngày) và nhấn ▶.



2 Làm nổi bật ngày. Nhấn ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật môt ngày.

> Để xem các bức ảnh được chup vào ngày được làm nổi bật, nhấn 🖓 🖬 (🗲). Sử dung đa bô chon để cuôn qua các bức ảnh, hoặc nhấn giữ 🖲 (QUAL) để xem toàn màn hình bức ảnh

Nút 🖓 🗆 (\$)

hiên tai. Nhấn 🕾 (♣) để quay về danh sách ngày.

3 Chọn ngày được làm nổi bât.

Nhấn ▶ để chon tất cả ảnh được chup trong ngày được làm nổi bât. Ngày đã chon được đánh dấu với biểu tương 🗹. Lặp

lai bước 2 và 3 để chon ngày bổ sung; để bỏ chon một ngày, làm nổi bật ngày đó và nhấn ▶.

4 🛛 Nhấn 🐵 để hoàn thành hoat đông.

Một hộp thoại xác nhân sẽ xuất hiên; làm nổi bât Yes (Có) và nhấn 🛞.





Select date 15/10/2013

16/10/2013 □ 17/10/2013







Cài đặt ViewNX 2

Cài đặt phần mềm kèm theo để hiển thị và chỉnh sửa hình ảnh và phim đã được sao chép vào máy tính của bạn. Trước khi cài đặt ViewNX 2, xác nhận rằng máy tính của bạn đáp ứng các yêu cầu hệ thống ở trang 210. Phải sử



dụng phiên bản mới nhất của ViewNX 2, có thể tải về từ trang web được liệt kê ở trang xvii, do các phiên bản trước đó không hỗ trợ Df nên có thể không truyền được ảnh NEF (RAW) một cách chính xác.

1 Khởi chạy trình cài đặt.

Khởi động máy tính, lắp CD cài đặt ViewNX 2 và khởi động trình cài đặt.



 \sim

2	Chọn ngôn ngữ.	1) Chọn khu	vực (nếu yêu cầ	u)	
	Nếu ngôn ngữ mong muốn không có sẵn,	Nikon ®	Γ	2 Chọn ngôn	
	nhấp vào Region Selection (Chọn khu vực) để chọn khu vực	Vescome to the won Please select your lar English	n or news negative protography.	ngữ	
	khác nhau và sau đó chọn ngôn ngữ	Hegon SeeCox	Net	vào Next (Tiếp)	
	mong muốn (lựa chọn khu vực không có sẵn trong phiên bản châu Âu).				
3	Khởi động trình cài Nhấp vào Install (Cài c	đặt. đặt) và làm	Nikon ®	ViewNX 2 [™]	
	theo các hướng dẫn tr hình.	ên màn	and the second	Install ViewNX 2, which enables you to share, odl, view and transfer photos, and all other required	

✔ Hướng dẫn cài đặt Để được trợ giúp cài đặt ViewNX 2, nhấp vào Installation Guide (Hướng dẫn cài đặt) trong Bước 3. piteles, et al of the regard piteles and the restricts

Nhấp vào Install (Cài đặt)

4 Thoát trình cài đặt.



5 Lấy đĩa CD trình cài đặt khỏi ổ đĩa CD-ROM.

Windows

Để truy cập trang web của Nikon sau khi cài đặt ViewNX 2, chọn **All Programs (Toàn bộ chương trình)** > **Link to Nikon (Kết nối đến Nikon)** từ menu Start của Windows (cần kết nối Internet).

🖉 Yêu Cầu	🛿 Yêu Cầu Hệ Thống				
	Windows	Mac OS			
CPU	 Hình ảnh: Intel Celeron, Pentium 4, hoặc dòng Core, 1,6 GHz hoặc cao hơn Phim (phát lại): 3,0 GHz hoặc cao hơn Pentium D; Intel Core i5 hoặc cao hơn khi xem phim cỡ khuôn hình 1280 × 720 hoặc cao hơn ở tốc độ khuôn hình 30 khuôn hình trên một giây hoặc cao hơn hoặc phim có cỡ khuôn hình 1920 × 1080 hoặc cao hơn Phim (chỉnh sửa): Intel Core i5 	 Hình ảnh: Dòng Intel Core hoặc Xeon Phim (phát lại): Core Duo 2 GHz hoặc cao hơn; Intel Core i5 hoặc cao hơn khi xem phim cỡ khuôn hình 1280 × 720 hoặc cao hơn ở tốc độ khuôn hình 30 khuôn hình trên một giây hoặc hơn hoặc phim có cỡ khuôn hình 1920 × 1080 hoặc hơn Phim (chỉnh sửa): Intel Core i5 hoặc cao hơn 			
Hệ điều hành	Phiên bản cài đặt trước của Windows 8, Windows 7, Windows Vista, và Windows XP; lưu ý rằng chỉ các phiên bản 64 bit của Windows XP là được hỗ trợ	OS X 10.8 hoặc 10.7, Mac OS X 10.6			
Bộ nhớ (RAM)	 Windows 8 32 bit, Windows 7, hoặc Windows Vista: 1 GB hoặc cao hơn (nên 2 GB hoặc cao hơn) Windows 8 64 bit, Windows 7, hoặc Windows Vista: 2 GB hoặc cao hơn (nên 4 GB hoặc cao hơn) Windows XP: 512 MB hoặc cao hơn (nên 2 GB hoặc cao hơn) 	 0S X 10.8, 10.7: 2 GB hoặc cao hơn (nên 4 GB hoặc cao hơn) Mac OS X 10.6: 1 GB hoặc cao hơn (nên 4 GB hoặc cao hơn) 			
Dung lượng ổ đĩa cứng	ng lượng Tối thiểu 1 GB trên đĩa khởi động (3 GB hoặc nhiều hơn)				
Đồ họa Truy cập các với các hệ đi	Độ phân giải: 1024 × 768 điểm ảnh (XGA) hoặc cao hơn (nên 1280 × 1024 điểm ảnh hoặc cao hơn) Màu: màu 24 bit (True Color) hoặc cao hơn trang web được nêu ở trang xvi ều hành được hỗ trợ.	Độ phân giải: 1024 × 768 điểm ảnh (XGA) hoặc cao hơn (nên 1280 × 1024 điểm ảnh hoặc cao hơn) Màu: Màu 24 bit (triệu màu) trở lên i để có thông tin mới nhất đối			

 \sim

Sử dụng ViewNX 2

<u>Sao Chép Ảnh vào Máy Tính</u>

Trước khi tiến hành, chắc chắn phải cài đặt phần mềm đi kèm ViewNX 2 CD (🎞 208).

1 Chọn cách thức hình ảnh sẽ được sao chép vào máy tính.

Chọn một trong những phương pháp sau:

 Kết nối USB trực tiếp: Tắt máy ảnh và đảm bảo rằng thẻ nhớ được lắp vào máy ảnh. Kết nối máy ảnh vào máy tính bằng cách sử dụng cáp USB kèm theo và sau đó bật máy ảnh.

🖉 Sử Dụng một Nguồn Điện Đáng Tin Cậy

Để đảm bảo việc truyền dữ liệu không bị gián đoạn, hãy chắc chắn pin máy ảnh đã được sạc đầy. Nếu nghi ngờ, hãy sạc pin trước khi sử dụng hoặc sử dụng một bộ đổi điện AC và đầu nối nguồn (bán riêng).

🖉 Cục Chia USB

Kết nối máy ảnh trực tiếp vào máy tính; không kết nối cáp qua cục chia USB hay qua bàn phím.



- Khe thẻ SD: Nếu máy tính của bạn được trang bị khe thẻ SD, có thể lắp thẻ trực tiếp vào khe.
- **Bộ đọc thẻ SD**: Kết nối bộ đọc thẻ (mua riêng từ nhà cung cấp thứ ba) vào máy tính và lắp thẻ nhớ.

2 Bắt đầu thành phần Nikon Transfer 2 của ViewNX 2.

Nếu thông báo nhắc ban chon chương trình được hiển thị. chon Nikon Transfer 2.

Windows 7

Nếu hội thoại sau đây được hiển thi, chon Nikon Transfer 2 như được mô tả bên dưới.

1 Dưới Import pictures and videos (Nhập hình ảnh và video), nhấp vào Change program (Thay đổi chương trình). Một hội thoại lựa chon chương trình sẽ được hiển thi: chon **Import file usina**



2 Nhấp đúp vào Import file (Nhâp tâp tin).

3 Nhấp vào Start Transfer (Bắt Đầu Truyền).

Ở cài đăt mặc đinh, tất cả các hình ảnh trên thẻ nhớ sẽ được sao chép vào máy tính.



Start Transfer (Bắt Đầu Truyền)

4 Chấm dứt kết nối.

Nếu máy ảnh được kết nối với máy tính, tắt máy ảnh và ngắt kết nối cáp USB. Nếu ban đang sử dụng đầu đọc thẻ hoặc khe thẻ, chon tùy chon thích hợp trong hệ điều hành máy tính để đẩy ổ đĩa di đông tương ứng với thẻ nhớ và sau đó tháo các thẻ khỏi bô đoc thẻ hoặc khe cắm thẻ nhớ.

Xem Ảnh

Hình ảnh được hiển thi trong ViewNX 2 khi chuyển xong.

Khởi chay ViewNX 2 bằng tay

- Windows: Nhấp đúp lối tắt ViewNX 2 trên màn hình.
- Mac OS: Nhấp vào biểu tương ViewNX 2 trong Dock.

💵 Sửa Lai Ảnh

Để xén ảnh và hiển thị các thao tác như điều chỉnh đô sắc nét và mức tông màu, nhấp vào nút Edit (Chỉnh sửa) ở thanh ViewNX 2.

📕 In Ảnh

Nhấp vào nút Print (In) trong thanh công cu ViewNX 2. Môt hôp thoai sẽ được hiển thi, cho phép ban in ảnh trên máy in kết nối với máy tính.

🖉 Cáp Kết Nối

ViewNX 2.

🖉 Để Biết Thêm Thông Tin Tham khảo trơ giúp trực tuyến để

Hãy chắc là máy ảnh đã tắt khi kết nối hoặc ngắt kết nối với cáp khớp nối. Không sử dụng lực hoặc cố gắng lắp các đầu nối ở góc nghiêng. Đóng nắp đầu nối khi không sử dụng đầu nối.

Trong Lúc Truyền

Không tắt máy ảnh hoặc ngắt kết nối cáp USB trong quá trình truyền dữ liêu.









In ảnh

Các ảnh JPEG được chọn có thể được in trên máy in PictBridge (🎞 362) được kết nối trực tiếp với máy ảnh.

<u>Kết Nối tới Máy In</u>

Kết nối máy ảnh bằng cách sử dụng cáp USB đi kèm.

1 Tắt máy ảnh.

2 Kết nối cáp USB.

Bật máy in lên và kết nối cáp USB như minh họa. Không sử dụng lực hoặc cố gắng lắp các đầu nối ở góc nghiêng.



🔽 Cục Chia USB

Kết nối máy ảnh trực tiếp vào máy tính, không kết nối cáp qua cục chia USB.

3 Bật máy ảnh.

Một màn hình khởi động máy sẽ hiện lên, theo sau là hiển thị phát lại PictBrigde.

 \sim

🖉 In Qua Kết Nối USB Trực Tiếp

Hãy chắc chắn rằng pin đã được sạc đầy hoặc sử dụng bộ đổi điện AC tùy chọn và đầu nối nguồn. Khi chụp ảnh để in thông qua kết nối trực tiếp USB, cài đặt **Color space (Không gian màu)** về **sRGB** ([[]240).

🔽 Chọn Ảnh Để In

Không thể chọn ảnh được tạo ra ở cài đặt chất lượng hình ảnh NEF (RAW) hoặc TIFF (RGB) (^{CII} 55) để in. Bản sao JPEG của hình ảnh NEF (RAW) có thể được tạo bằng cách sử dụng tùy chọn **NEF (RAW) processing (Xử lý NEF (RAW))** trong menu sửa lại (^{CII} 300).

🖉 Xem Thêm

Xem trang 351 để có thêm thông tin về việc cần phải làm gì khi lỗi xuất hiện trong quá trình in.

<u>In Từng Ảnh Một</u>

1 Chọn ảnh.

Nhấn ◀ hoặc ► để xem thêm ảnh. Nhấn nút ལ (QUAL) để phóng to trên khuôn hình hiện tại (끄 199; nhấn nút 🗈 để

thoát khỏi chế độ thu phóng). Để xem sáu hình ảnh cùng lúc, nhấn nút $\mathfrak{P}_{\mathbf{E}}$ (**4**). Sử dụng đa bộ chọn để làm nổi bật các bức ảnh, hoặc nhấn \mathfrak{R} (**QUAL**) để hiển thị khuôn hình đầy bức ảnh được làm nổi bật.

2 Hiển thị các tùy chọn in. Nhấn ⊛ để hiển thị các tùy chọn in PictBridge.



3 Điều chỉnh tùy chọn in.

Nhấn \blacktriangle hoặc \blacktriangledown để làm nổi bật một tùy chọn và nhấn \blacktriangleright để chọn.

Tùy chọn	Mô tả		
Page size (Kích cỡ trang)	Làm nổi bật kích thước trang (chỉ các kích thước được máy in hiện tại hỗ trợ mới được liệt kê) và nhấn ® để chọn và thoát menu trước đó (để in ở kích thước trang cho máy in hiện tại, chọn Printer default (Mặc định máy in)).		
No. of			
copies	Nhân nút ▲ hoặc ▼ để chọn số lượng bản sao (tối đa 99		
(Số lượng bản sao)	bán), sau đó nhân nút 🕲 để lựa chọn và trở về menu trước.		
Border (Viền)	Tùy chọn này là có sẵn chỉ khi được hỗ trợ bởi máy in. Làm nổi bật Printer default (Mặc định máy in) (sử dụng thiết lập máy in hiện tại), Print with border (In có viền) (in ảnh với viền trắng), hoặc No border (Không viền) và nhấn ® để chọn và thoát menu trước đó.		
Time stamp (Dấu thời gian)	Làm nổi bật Printer default (Mặc định máy in) (sử dụng cài đặt in hiện tại), Print time stamp (In dấu thời gian) (in thời gian và ngày tháng ghi ảnh), hoặc No time stamp (Không dấu thời gian) và nhấn ® để chọn và thoát về menu trước.		
Cropping (Xén ảnh)	Tùy chọn này là có sẵn chỉ khi được hỗ trợ bởi máy in. Để thoát khỏi chương trình mà không xén ảnh, làm nổi nút No cropping (Không xén) và nhấn nút [®] . Để xén ảnh hiện tại, làm nổi bật nút Crop (Xén) và nhấn ►. Một hộp thoại lựa chọn xén sẽ được hiển thị, nhấn [®] (QUAL) để tăng kích cỡ xén, ^Q (4) để giảm. Chọn vị trí xén ảnh bằng cách sử dụng đa bộ chọn và nhấn nút [®] . Lưu ý rằng chất lượng in có thể giảm nếu các bản xén quá nhỏ được in với kích thước lớn.		

 \sim

4

Bắt đầu in.



<u>In Nhiều Ảnh</u>

1 Hiển thị menu PictBridge.

Nhấn nút **MENU** trên màn hình phát lại PictBridge (xem Bước 3 trên trang 214).



Nút MENU

2 Chọn một tùy chọn.

Làm nổi một trong những tùy chọn sau và nhấn ▶.



- Print select (In lựa chọn): Chọn ảnh để in.
- Select date (Chọn ngày): In một bản sao của tất cả các ảnh đã chụp vào ngày lựa chọn.
- Print (DPOF) (In (DPOF)): In theo thứ tự in đã tạo bằng tùy chọn DPOF print order (Thứ tự in DPOF) trên menu phát lại (¹219). Thứ tự in hiện thời sẽ được hiển thị ở Bước 3.
- Index print (Bản in danh mục): Để tạo bản in danh mục của tất cả các ảnh JPEG (□ 55) trên thẻ nhớ, sang Bước 4. Lưu ý rằng nếu thẻ nhớ chứa nhiều hơn 256 ảnh, chỉ có 256 ảnh đầu tiên sẽ được in.

3 Chọn ảnh hoặc chọn ngày. Néu ban chon Print select (In Iua chon) hoăc Print (DPOF) (In (DPOF)) trong Bước 2, sử dung đa bô chon để cuôn qua các ảnh trên thẻ nhớ. Để hiển thi toàn màn hình ảnh hiên thời, nhấn và giữ nút 🔍 (QUAL). Để chon ảnh hiên thời để in, giữ nút Sea (4) và nhấn ▲. Hình ảnh sẽ được đánh dấu bằng biểu tương 🖞 và số lương bản in sẽ được đặt ở 1. Tiếp tục nhấn nút 🍳 🖾 (\$), nhấn 🛦 hoặc 🔻 để chọn số lương bản in (lên đến 99 bản, để thôi chon ảnh, nhấn ▼ khi số lương bản in là 1). Tiếp tục cho đến khi tất cả các ảnh mong muốn được chon.

Nếu bạn chọn Select date (Chọn ngày) trong Bước 2, nhấn ▲ hoặc

Tể làm nổi một ngày và nhấn

để bật hoặc tắt ngày được
làm nổi bật. Để xem các bức
ảnh được chụp vào ngày được
chọn, nhấn थ≅ (\$). Sử dụng đa
bộ chọn để cuộn qua các bức
ảnh, hoặc nhấn giữ ^Q (QUAL) để
xem toàn màn hình bức ảnh
hiện tại. Nhấn थ≅ (\$) lần nữa để
quay về hộp thoại lựa chọn
ngày.



ିବ୍≌ (‡) + ▲ ▼: Chọn số lượng bản sao



Nút ∜(QUAL): Xem ảnh toàn màn hình



Nút [@] (QUAL): Xem toàn màn hình ảnh được làm nổi bật



Nút ବ୍**ଞ (**‡): Xem ảnh của ngày được chọn

N

5 Điều chỉnh tùy chọn in.

Chọn kích thước trang, viền, và dấu thời gian như mô tả ở trang 216 (một cảnh báo sẽ hiển thị nếu kích thước trang được chọn là quá nhỏ đối với bản in danh mục).

6 Bắt đầu in.

Chọn **Start printing (Bắt đầu in)** và nhấn (a) để bắt đầu in. Để hủy bỏ trước khi tất cả các bản sao được in, nhấn (a).

<u> Tạo Thứ Tự In DPOF: Cài Đặt In</u>

Tùy chọn **DPOF print order (Thứ tự in DPOF)** trên menu phát lại được sử dụng để tạo "thứ tự in" kỹ thuật số cho các máy in tương thích với PictBridge và các thiết bị hỗ trợ DPOF.

 Chọn Select/set (Chọn/ đặt) cho mục DPOF print order (Thứ tự in DPOF) trong menu phát lại. Nhấn nút MENU và chọn DPOF print order (Thứ tự in DPOF) trong menu phát

in DPOF) trong menu phát lại. Làm nổi bật Select/set (Chọn/ đặt) và nhấn ► (để loại gỡ toàn bộ ảnh khỏi thứ tự in, chọn Deselect all (Bỏ chọn tất cả)).









2 Chọn ảnh.

Sử dung đa bô chon để cuôn qua các bức ảnh trên thẻ nhớ. Để hiển thi toàn màn hình ảnh hiên thời, nhấn và giữ nút ^(QUAL). Để chon ảnh hiên thời để in, giữ nút 🕾 (🕏) và nhấn ▲. Hình ảnh sẽ được đánh dấu bằng biểu tương 🛱 và số lương bản in sẽ được đăt ở 1. Tiếp tục nhấn nút ९छ (\$), nhấn ▲ hoặc ▼ để chon số lương bản in (lên đến 99 bản, để thôi chon ảnh, nhấn ▼ khi số lượng bản in là 1). Tiếp tục cho đến khi tất cả các ảnh mong muốn được chon.



Nút [®] (QUAL): Xem ảnh toàn màn hình

3 Hiển thị tùy chọn tạo dấu vết.

Nhấn nút 🛞 để hiển thị các tùy chọn dấu vết dữ liệu.



 \sim

221

4 Chọn tùy chọn dấu vết.

Làm bật các tùy chọn sau và nhấn nút ► để bật hoặc tắt tùy chọn được làm nổi bật (để kết thúc thứ tự in mà không cần đến thông tin này, thực hiện theo Bước 5).

- Print shooting data (In dữ liệu chụp): In tốc độ cửa trập và độ mở ống kính trên toàn bộ ảnh trong thứ tự in.
- Print date (In ngày): In ngày ghi hình lên tất cả các ảnh có trong thứ tự in.

5 Hoàn thành thứ tự in. Làm nổi bật Done (Xong) và nhấn nút ℗ để kết thúc thứ tự in.

Thứ tự in DPOF

Để in thứ tự in hiện thời khi máy ảnh kết nối với máy in PictBridge, chọn **Print (DPOF) (In (DPOF))** trên menu PictBridge và làm theo các bước trong "In Nhiều Ảnh" để chỉnh sửa và in theo thứ tự hiện thời (^[] 217). Các tùy chọn dữ liệu chụp và in ngày DPOF không được hỗ trợ khi in qua kết nối USB trực tiếp; để in ngày ghi hình lên ảnh trong thứ tự in hiện thời, sử dụng tùy chọn PictBrigde **Time stamp (Dấu thời gian)**.

Tùy chọn **DPOF print order (Thứ tự in DPOF)** không thể được sử dụng nếu không đủ dung lượng trống trên thẻ nhớ để chứa thứ tự in.

Không thể lựa chọn được ảnh NEF (RAW) (^{CD} 55) bằng cách sử dụng tùy chọn này. Bản sao JPEG của hình ảnh NEF (RAW) có thể được tạo bằng cách sử dụng tùy chọn **NEF (RAW) processing (Xử lý NEF (RAW))** trong menu sửa lại (^{CD} 300).

Thứ tự in có thể không in chính xác nếu ảnh bị xóa đi thông qua sử dụng máy tính hoặc thiết bị khác sau khi thứ tự in được tạo.





 \mathcal{N}

Xem Ảnh Trên TV

Cáp mini Kết Nối Đa Phương tiện Độ Nét Cao (HDMI) loại C (từ các nguồn thương mại) có thể được dùng để kết nối máy ảnh tới các thiết bị có độ nét cao.

1 Tắt máy ảnh.

Luôn tắt máy ảnh trước khi kết nối hoặc ngắt kết nối cáp HDMI.

2 Kết nối cáp HDMI như minh họa.



- **3** Chỉnh thiết bị về kênh HDMI.
- 4 Bật máy ảnh lên và nhấn nút ►. Trong khi phát lại, hình ảnh sẽ được hiển thị trên màn hình TV.



 \sim

HDMI và Xem Trực Tiếp

Màn hình hiển thị HDMI được kết nối thông qua cáp HDMI có thể được sử dụng trong xem trực tiếp (\square 172).

💵 Tùy Chọn HDMI

Tùy chọn **HDMI** trong menu cài đặt (III 271) điều khiển độ phân giải đầu ra và có thể được dùng để bật máy ảnh để điều khiển từ xa từ các thiết bị hỗ trợ chuẩn HDMI-CEC (Điều khiển Điện tử Người Sử Dụng Giao Diện-Đa Phương Tiện Độ nét Cao, chuẩn cho phép các thiết bị HDMI được sử dụng để điều khiển thiết bị ngoại vi kết nối với chúng).

Output Resolution (Độ Phân Giải Đầu Ra)

Chọn định dạng cho ảnh đầu ra ở thiết bị HDMI. Nếu **Auto (Tự động)** được chọn, máy ảnh sẽ tự động chọn định dạng thích hợp.



Device Control (Điều Khiển Thiết Bị)

Nếu **On (Bật)** được chọn cho **HDMI** > **Device control (Điều khiển thiết bị HDMI)** trong menu cài đặt khi máy ảnh được kết nối với TV có hỗ trợ HDMI-CEC và cả máy ảnh và TV được bật, có thể sử dụng điều khiển từ xa TV thay cho đa bộ chọn máy ảnh và nút M trong khi phát lại toàn khuôn hình và trình chiếu slide. Nếu **Off (Tắt)** được chọn, không thể dùng điều khiển từ xa để điều khiển máy ảnh.

Thiết bị HDMI-CEC

Khi máy ảnh kết nối với một thiết bị HDMI-CEC, [E[sẽ xuất hiện trên bảng điều khiển ở số phơi sáng còn lại.

🖉 Điều Khiển Thiết Bị

Xem tài liệu hướng dẫn sử dụng TV để có thông tin chi tiết.

🖉 Phát Lại Trên TV

Nên sử dụng bộ đổi điện AC và đầu nối nguồn (bán riêng) khi phát lại lâu dài. TV sẽ hiển thị hình ảnh toàn màn hình nếu thông tin ảnh được ẩn trong quá trình phát lại khuôn hình đầy (🎞 188). Lưu ý rằng có thể không nhìn thấy các mép khi xem ảnh trên màn hình tivi.

Hướng Dẫn Menu

Mặc Định

Cài đặt mặc định cho các tùy chọn trong menu máy ảnh được nêu phía dưới. Để có thêm thông tin về khởi động lại hai nút, xem trang 133.

💵 Mặc Định Menu Phát Lại

Tùy chọn	Mặc Định
Playback folder (Thư mục phát lại) (🕮 230)	NC_DF
lmage review (Xem lại hình ảnh) (🎞 232)	Off (Tắt)
After delete (Sau khi xóa) (🕮 233)	Show next (Hiện tiếp theo)
Rotate tall (Xoay dọc ảnh) (🕮 233)	On (Bật)
Slide show (Trình chiếu slide) (🕮 234)	
Frame interval (Quãng khuôn hình)	2 s (2 giây)

Mặc Định Menu Chụp ¹

Tùy chọn	Mặc Định	
File naming (Đặt tên tập tin) (🕮 239)	DSC	
Image quality (Chất lượng hình ảnh) (M 55)	JPEG normal (JPEG bình	
	thường)	
lmage size (Kích cỡ hình ảnh) (🎞 58)	Large (Lớn)	
Image area (Vùng hình ảnh)		
Choose image area (Chọn vùng hình ảnh)	FX (36×24) 1 0×	
(🕮 52)		
Auto DX crop (Xén DX tự động) (🕮 52)	On (Bật)	
IPEG compression (IPEG nén) (11 57)	Size priority (Ưu tiên kích	
	Cỡ)	
NEF (RAW) recording (Ghi NEF (RAW)) (🕮 57	<i>(</i>)	
Type (Loai)	Lossless compressed (Được	
	nén không mất)	
NEF (RAW) bit depth (NEF (RAW) độ sâu bit)	14 bit	

Tùy chọn	Mặc Định
White balance (Cân bằng trắng) (🕮 81)	Auto (Tự động) > Normal (Bình thường)
Tinh chỉnh (🎞 84)	A-B: 0, G-M: 0
Choose color temp. (Chọn nhiệt độ màu) (🎞 88)	5000 K
Preset manual (Thiết lập sẵn bằng tay) (🎞 90)	d-1
Set Picture Control (Đặt Picture Control) (🕮 100)	Standard (Tiêu chuẩn)
Color space (Không gian màu) (🕮 240)	sRGB
Active D-Lighting (D-Lighting hoạt động) (따 110)	Off (Tắt)
HDR (high dynamic range) (HDR (Dải động cao))
HDR mode (Chế độ HDR) (🕮 113)	Off (Tắt)
Exposure differential (Độ lệch phơi sáng) (따 114)	Auto (Tự động)
Smoothing (Mượt) (🕮 114)	Normal (Bình thường)
Vignette control (Điều khiển họa tiết) (🕮 241)	Normal (Bình thường)
Auto distortion control (Điều khiển biến dạng tự động) (따 241)	Off (Tắt)
Long exposure NR (Giảm nhiễu phơi sáng lâu) (따 242)	Off (Tắt)
High ISO NR (Giảm nhiễu ISO cao) (🕮 242)	Normal (Bình thường)
Auto ISO sensitivity control (Điều khiển độ nhạy ISO tự động) (🎞 72)	Off (Tắt)
Multiple exposure (Đa phơi sáng) ²	
Multiple exposure mode (Chế độ đa phơi sáng) (🎞 149)	Off (Tắt)
Number of shots (Số lần chụp) (🎞 151)	2
Auto gain (Tăng tự động) (🎞 152)	On (Bật)
Interval timer shooting (Chụp hẹn giờ quãng thời gian) (🎞 156)	Reset (Đặt lại) ³

- 1 Có thể khôi phục lại các cài đặt mặc định bằng chức năng Shooting menu bank (Tập hợp menu chụp) (III 236). Ngoại trừ Multiple exposure (Đa phơi sáng) và Interval timer shooting (Chụp hẹn giờ quãng thời gian), chỉ có thể đặt về mặc định các cài đăt trong tập hợp menu chup ảnh tùy chon hiên tai.
- 2 Áp dụng đối với mọi tập hợp. Đặt lại menu chụp không khả dụng khi đang chụp.
- 3 Áp dụng đối với mọi tập hợp. Khởi động đặt lại thời gian Now (Ngay bây giờ), quãng thời gian đặt lại về 1 phút, đặt lại số lần quãng thời gian và số lần chụp về 1 và Start (Bắt đầu) chuyển đến Off (Tắt). Việc chụp sẽ kết thúc khi quá trình đặt lại được tiến hành.

II Mặc Định Menu Cài Đặt Tùy Chọn *

Tùy chọn		Mặc Định
a1	AF-C priority selection (Lựa chọn ưu tiên AF-C) (^[] 246)	Release (Nhả)
a2	AF-S priority selection (Lựa chọn ưu tiên AF-S) (🕮 246)	Focus (Lấy nét)
a3	Focus tracking with lock-on (Theo dõi lấy nét với khóa-bật) (印 247)	3 (Normal) (Bình thường)
a4	AF activation (kích hoạt AF) (🕮 247)	Shutter/AF-ON (Cửa trập/AF-BẬT)
a5	Focus point illumination (Chiếu sáng điểm lấy	r nét) (🕮 248)
	AF point illumination (Chiếu sáng điểm lấy nét tự động)	Auto (Tự động)
	Manual focus mode (Chế độ lấy nét bằng tay)	On (Bật)
аб	Focus point wrap-around (Xoay quanh điểm lấy nét) (🕮 249)	No wrap (Không xoay)
a7	a7 Number of focus points (Số điểm lấy nét) (C2 249) 39 points (39 điểm)	
b1	Center-weighted area (Vùng ưu tiên trung tâm) (🎞 250)	ø 12 mm
b2	b2 Fine-tune optimal exposure (Tinh chỉnh phơi sáng tối ưu) (🕮 250)	
	Matrix metering (Đo sáng ma trận)	0
	Center-weighted metering (Đo sáng cân bằng trung tâm)	0
	Spot metering (Đo sáng điểm)	0
c1	Shutter-release button AE-L (Nút nhả cửa trập AE-L) (🎞 251)	Off (Tắt)
c2	Standby timer (Hẹn giờ chờ) (끄 251)	6 s (6 giây)
c3	Self-timer (Tự hẹn giờ) (🎞 252)	
	Self-timer delay (Độ trễ tự hẹn giờ)	10 s (10 giây)
	Number of shots (Số lần chụp)	1
	Interval between shots (Quãng thời gian giữa các ảnh)	0.5 s (0,5 giây)
c4	c4 Monitor off delay (Độ trễ tắt màn hình) (🎞 253)	
	Playback (Phát lại)	10 s (10 giây)
	Menus (Menu)	1 min (1 phút)
	Information display (Hiển thị thông tin)	10 s (10 giây)
	Image review (Xem lại hình ảnh)	4 s (4 giây)
	Live view (Xem trực tiếp)	10 min (10 phút)
d1	Beep (Bíp) (🕮 253)	Off (Tắt)
d2	Viewfinder grid display (Hiến thị lưới kính ngắm) (印 253)	Off (Tắt)
d3	ISO display (Hiển thị ISO) (🕮 254)	Off (Tắt)

Tùy chọn		Mặc Định	
d4	Screen tips (Mẹo màn hình) (🕮 254)	On (Bật)	
d5	CL mode shooting speed (Tốc độ chụp chế độ CL) (印 254)	3 fps (3 khuôn hình/giây)	
d6	Max. continuous release (Ánh tối đa khi nhả liên tục) (印 254)	100	
d7	File number sequence (Trình tự số tập tin) (印 255)	On (Bật)	
d8	Information display (Hiến thị thông tin) (🕮 256)	Auto (Tự động)	
d9	LCD illumination (Chiếu sáng LCD) (🕮 256)	Off (Tắt)	
d10	Exposure delay mode (Chế độ trễ phơi sáng) (印 256)	Off (Tắt)	
e1	Flash sync speed (Tốc độ đồng bộ đèn nháy) (印 257)	1/200 s (1/200 giây)	
e2	Flash shutter speed (Tốc độ cửa trập theo đèn nháy) (III 258)	1/60 s (1/60 giây)	
e3	Optional flash (Đèn nháy tùy chọn) (🕮 258)	TTL	
e4	Exposure comp. for flash (Bù phơi sáng cho đèn nháy) (🕮 259)	Entire frame (Toàn bộ khuôn hình)	
e5	Modeling flash (Đèn nháy tạo mô hình) (🕮 259)	On (Bật)	
e6	Auto bracketing set (Đặt chụp bù trừ tự động) (따 259)	AE & flash (AE & đèn nháy)	
e7	Auto bracketing (Mode M) (Chụp bù trừ tự động (Chế độ M)) (🎞 260)	Flash/speed (Đèn nháy/tốc độ)	
e8	e8 Bracketing order (Thứ tự chụp bù trừ) (🕮 260) MTR > under (dưới)		
f1	🔅 button (Nút 🔅) (🕮 261)	LCD backlight (🔅) (Ngược sáng màn hình tinh thể lỏng (🔅))	
f2	OK button (Nút OK) (🕮 261)	·	
	Shooting mode (Chế độ chụp)	Select center focus point (Chọn điểm lấy nét trung tâm)	
	Playback mode (Chế độ phát lại)	Thumbnail on/off (Bật/tắt hình thu nhỏ)	
	Live view (Xem trực tiếp)	Select center focus point (Chọn điểm lấy nét trung tâm)	
f3	Multi selector (Đĩa chọn đa năng) (🕮 262)	Do nothing (Không làm gì cả)	
f4 Assign Fn button (Chỉ định nút Fn) (🕮 263)			
	Press (Nhấn)	None (Không có)	
	Press + command dials (Nhấn + đĩa lệnh)	Choose image area (Chọn vùng hình ảnh)	
f5	Assign preview button (Chỉ định nút xem trưć	sc) (🕮 266)	
	Press (Nhấn)	Preview (Xem trước)	
	Press + command dials (Nhấn + đĩa lệnh)	None (Không có)	
f6	Assign AE-L/AF-L button (Chỉ định nút AE-L/A	F-L) (🕮 267)	
	Press (Nhấn)	AE/AF lock (Khóa AE/AF)	
	Press + command dials (Nhấn + đĩa lệnh)	None (Không có)	

Tùy chọn		Mặc Định	
f7 Customize command dials (Tù	7 Customize command dials (Tùy chỉnh đĩa lệnh) (🕮 267)		
Reverse rotation (Xoay ngượ	ic lại)	No (Không)	
Change main/sub (Thay đổi	chính/phụ)	Off (Tắt)	
Aperture setting (Cài đặt độ	mở ống kính)	Sub-command dial (Đĩa lệnh phụ)	
Menus and playback (Menu	và phát lại)	Off (Tắt)	
f8 Release button to use dial (Nh	f8 Release button to use dial (Nhả nút để sử No (Không)		
dụng đĩa lệnh) (🎞 269)		No (khong)	
f9 Slot empty release lock (Khóa	f9 Slot empty release lock (Khóa nhả khe rỗng)		
(🕮 269)	Enable release (Nen noạt nha)		
f10 Reverse indicators (Đảo ngượ	c các chỉ báo)	_ I	
(🕮 269)			
f11 Easy shutter-speed shift (Chuy	rển nhanh tốc	Off (Tắt)	
độ cửa trập) (🕮 270)			

* Có thể khôi phục lại Mặc định cho tập hợp Cài Đặt Tùy Chỉnh bằng chức năng Custom settings bank (Tập hợp cài đặt tùy chỉnh) (^{III} 245).

📕 Mặc Định Menu Cài Đặt

Tùy chọn	Mặc Định	
Monitor brightness (Độ sáng màn hình) (🕮 273)	0	
Auto info display (Hiển thị thông tin tự động) (印 273)	Off (Tắt)	
Clean image sensor (Làm sạch cảm biến hình ảnh) (🎞 329)		
Clean at startup/shutdown (Làm sạch khi khởi động/tắt)	Clean at startup & shutdown (Làm sạch khi khởi động & tắt)	
Flicker reduction (Giảm nhấp nháy) (🕮 276)	Auto (Tự động)	
Time zone and date (Múi giờ và ngày)		
Daylight saving time (Giờ mùa hè) (🕮 276)	Off (Tắt)	
Auto image rotation (Xoay hình tự động) (印 277)	On (Bật)	
HDMI (🕮 223)		
Output resolution (Độ phân giải đầu ra)	Auto (Tự động)	
Device control (Điều khiển thiết bị)	On (Bật)	
Location data (Dữ liệu vị trí) (🕮 170)		
Standby timer (Hẹn giờ chờ)	Enable (Bật)	
Set clock from satellite (Sử dụng vệ tinh để đặt đồng hồ)	Yes (Có)	
Assign remote Fn button (Gán nút Fn từ xa)	Same as camera Fn button	
(🕮 284)	(Tương tự như nút Fn máy ảnh)	
Wireless mobile adapter (Đầu nối di động không dây) (D 284)	Enable (Bật)	
Eye-Fi upload (Tải lên Eye-Fi) (🕮 285)	Enable (Bật)	

▶ Menu Phát Lại: *Quản Lý Hình Ảnh*

Để hiển thị menu phát lại, nhấn MENU và chọn tab 🕩 (menu phát lại).



Nút MENU

Menu phát lại chứa các tùy chọn sau:

Tùy chọn	
Delete (Xóa)	205
Playback folder (Thư mục phát lại)	230
Hide image (Ấn hình ảnh)	230
Playback display options (Tùy chọn hiển thị phát lại)	232
Image review (Xem lại hình ảnh)	232

Tùy chọn	
After delete (Sau khi xóa)	233
Rotate tall (Xoay dọc ảnh)	233
Slide show (Trình chiếu slide)	234
DPOF print order (Thứ tự in DPOF)	219

🖉 Xem Thêm

Liệt kể menu mặc định ở trên trang 224.

Chọn một thư mục để phát lại (🕮 185):

Tùy chọn	Mô tả
NC_DF	Hình ảnh trong tất cả các thư mục được tạo ra với Df sẽ được hiển thị trong khi phát lại.
All (Tất cả)	Hình ảnh trong tất cả các thư mục sẽ hiển thị trong khi phát lại.
Current (Hiện tại)	Chỉ các hình ảnh trong thư mục hiện tại sẽ được hiển thị trong khi phát lại.

Hide Image (Ẩn Hình Ảnh)

Nút MENU 🔶 🖻 menu phát lại

Ẩn hoặc hiện hình ảnh. Hình ảnh ẩn chỉ có thể nhìn thấy trong menu **Hide image (Ẩn hình ảnh)** và chỉ có thể xóa được bằng cách định dạng thẻ nhớ.

Tùy chọn	Mô tả	
Select/set (Chọn/đặt)	Ẩn hoặc hiện hình ảnh được chọn.	
Select date (Chọn ngày)	Lựa chọn tùy chọn này sẽ hiển thị một danh sách ngày. Để ẩn tất cả các hình ảnh được chụp vào một ngày nào đó, làm nổi bật ngày và nhấn ▶. Ngày được lựa chọn được đánh dấu bằng ✔; để hiện tất cả hình ảnh được chụp vào một ngày lựa chọn, làm nổi bật nó và nhấn ▶. Nhấn để hoàn thành hoạt động.	Select date
Deselect all (Bỏ chọn tất cả)	Hiện tất cả ảnh.	



🗹 Hình Ảnh Được Bảo Vệ và Ảnh Ẩn

Việc hiện một hình ảnh được bảo vệ cũng sẽ loại bỏ bảo vệ của hình ảnh đó.

Thực hiện theo các bước dưới đây để ẩn hoặc hiện ảnh được chọn.



2 Chọn ảnh.

Dùng đa bộ chọn để cuộn qua các ảnh trong thẻ nhớ (để xem toàn màn hỉnh các ảnh được tô sáng, ấn và giữa nút $\mathfrak{P}(\mathbf{QUAL})$) và ấn $\mathfrak{P}(\mathfrak{s})$ để chọn ảnh hiện





Nút 🔍 🖬 (‡)

tại. Ảnh được lựa chọn được đánh dấu bằng biểu tượng 🖼; để bỏ chọn ảnh, làm nổi bật nó và nhấn 🏻 () một lần nữa. Tiếp tục cho đến khi tất cả các ảnh mong muốn được chọn.

3 Nhấn 🛞.

Nhấn 🐵 để hoàn thành hoạt động.

Playback Display Options (Tuy Chon Hiển Thi Phát Lai)

Chon thông tin có sẵn trong hiển thi

Chon để ảnh được từ động hiển thị trong màn hình ngay sau khi chup. Nếu Off (Tắt) được chon, ảnh chỉ có thể được hiển thi bằng cách nhấn nút 🕨.

thông tin ảnh phát lai (🕮 188). Nhấn ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật một tùy chon, sau đó nhấn ▶ để chon tùy chon cho màn hình hiển thi thông tin hình ảnh. A 🗸 sẽ xuất hiện bên canh các muc đã chon; để bỏ chon, làm nổi bật và nhấn ▶. Để trở về menu phát lai, làm nổi bât Done (Xong) và nhấn 🕅.

Image Review (Xem Lai Hình

Ånh)



Nút MENU 🔿 💽 menu phát lai

Nút MENU → ▶ menu phát lại
<u></u>	2 1	1. • *	11.1		1.1.1		L N . L .	2 1	1.1	1
(non	ann	nien	τni	sau	ĸni	mor	nınn	ann	n	xoa
citiçiti				544					~!	

	Tùy chọn	Mô tả
	Show next (Hiện	Hiển thị ảnh tiếp theo. Nếu ảnh bị xóa là khuôn
	tiếp theo)	hình cuối, thì ảnh trước đó sẽ được hiển thị.
	Show previous (Hiển	Hiển thị ảnh trước đó. Nếu ảnh bị xóa là khuôn
	thị trước)	hình đầu tiên, thì ảnh tiếp theo sẽ được hiển thị.
		Nếu người dùng di chuyển qua các ảnh theo thứ
		tự chụp, ảnh tiếp theo sẽ được hiển thị như mô tả
	Continue as before	ở phần Show next (Hiện tiếp theo) . Nếu người
und ber	(Tiếp tục như trước)	dùng di chuyển qua các ảnh theo thứ tự ngược
		lại, hình ảnh trước đó sẽ được hiển thị như mô tả
		ở phần Show previous (Hiện trước đó) .

Rotate Tall (Xoay Dọc Ảnh)

Nút MENU → ▶ menu phát lại

Chọn để xoay ảnh "tall (dọc)" (hướng chân dung) cho hiển thị trong khi phát lại. Lưu ý rằng vì bản thân máy ảnh đã ở trong hướng phù hợp trong suốt quá trình chụp, hình ảnh sẽ không xoay tự động trong quá trình xem lại hình ảnh.

Tùy chọn	Mô tả
	Hình ảnh "Tall (Dọc)" (hướng chân dung) tự động xoay để hiển
On (Bật)	thị trong màn hình máy ảnh. Ảnh được chụp với Off (Tắt)
Oli (Bật)	được chọn cho Auto Image rotation (Xoay hình tự động)
	(🎞 277) sẽ được hiển thị ở hướng "ngang" (phong cảnh).
04 (Tźł)	Ảnh "Tall (Dọc)" (hướng chân dung) được hiển thị ở hướng
Un (Tat)	"ngang" (phong cảnh).

Tạo trình chiếu slide các hình ảnh trong thư mục phát lại hiện hành (🎞 230). Hình ảnh ẩn (🞞 230) không được hiển thị.

Tùy chọn	Mô tả
Start (Bắt đầu)	Bắt đầu trình chiếu slide.
Frame interval	
(Quãng khuôn	Chọn khoảng thời gian mỗi ảnh được hiển thị.
hình)	

Để bắt đầu trình chiếu slide, làm nổi bật **Start (Bắt đầu)** và nhấn (W). Có thể thực hiện các thao tác sau trong khi đang phát trình chiếu slide:

Để	Nhấn	Mô tả
Quay lại/về trước		Nhấn ◀ để trở lại khuôn hình trước, ▶ để sang khuôn hình tiếp theo.
Xem thông tin ảnh bổ sung		Thay đổi hoặc ẩn thông tin hình ảnh hiển thị (따 188).
Tạm dừng/tiếp tục	<u>ok</u>	Tạm dừng hoặc tiếp tục trình chiếu slide.
Thoát sang menu phát lại	MENU	Kết thúc trình chiếu slide và trở lại menu phát lại.
Thoát sang chế độ phát lại	Þ	Kết thúc trình chiếu và trở lại chế độ phát lại.
Thoát sang chế độ chụp		Nhấn nút nhả cửa trập nửa chừng để trở về chế độ chụp.

Hộp thoại hiển thị ở bên phải sẽ được hiển thị khi trình chiếu kết thúc. Chọn **Restart (Khởi động lại)** để khởi động lại hoặc **Exit (Thoát)** để trở lại menu phát lại.



Menu Chụp: Các Tùy Chọn Chụp

Để hiển thị menu chụp, nhấn MENU và chọn tab 🗅 (menu chụp).



Nút MENU

Menu chụp chứa các tùy chọn sau:

Tùy chọn		Tùy chọn	
Shooting menu bank (Tập hợp	226	Color space (Không gian màu)	240
menu chụp)	230	Active D-Lighting (D-Lighting	110
Storage folder (Thư mục lưu trữ)	237	hoạt động)	110
File naming (Đặt tên tập tin)	239	HDR (high dynamic range) (HDR	112
Image quality (Chất lượng hình	55	(Dải động cao))	112
ảnh)	22	Vignette control (Quản lý tạo họa	2/1
lmage size (Kích cỡ hình ảnh)	58	tiết)	241
Image area (Vùng hình ảnh)	51	Auto distortion control (Điều	241
JPEG compression (JPEG nén)	57	khiển biến dạng tự động)	271
NEF (RAW) recording (Ghi NEF	E7	Long exposure NR (Giảm nhiễu	242
(RAW))	57	phơi sáng lâu)	212
White balance (Cân bằng trắng)	81	High ISO NR (Giảm nhiễu ISO cao)	242
Set Picture Control (Đặt Picture	100	Auto ISO sensitivity control (Điều	70
Control)	100	khiển độ nhạy ISO tự động)	/0
Manage Picture Control (Quản lý	106	Multiple exposure (Đa phơi sáng)	149
Picture Control)	106	Interval timer shooting (Chụp hẹn	156
		giờ quãng thời gian)	130

🖉 Xem Thêm

Liệt kể menu mặc định ở trên trang 224.

:=

Các tùy chọn menu chụp được lưu trữ ở một trong bốn tập hợp. Ngoại trừ **Multiple exposure (Đa phơi sáng), Interval timer shooting (Chụp hẹn giờ quãng thời gian)**, và các điều chỉnh Picture Controls (điều chỉnh nhanh và các điều chỉnh bằng tay khác), các thay đổi cài đặt trong một tổ hợp không có tác dụng đối với các cài đặt khác. Để lưu trữ kết hợp đặc biệt những cài đặt thường xuyên sử dụng, hãy chọn một trong bốn tập hợp này và cài máy ảnh theo các cài đặt đó. Các cài đặt mới sẽ được lưu trữ trong bank ngay cả khi tắt máy ảnh, và sẽ được khôi phục lại ở lần tới khi chọn tập hợp đó. Các kiểu kết hợp cài đặt khác nhau có thể được lưu trữ trong các bank khác, cho phép người dùng chuyển đổi ngay lập tức từ kiểu kết hợp này sang kiểu khác bằng cách chọn đúng tập hợp phù hợp từ menu tập hợp.

Tên mặc định cho bốn tập hợp menu chụp này là A, B, C và D. Có thể thêm chú thích mô tả dài tối đa 20 ký tự như được mô tả trên trang 107 bằng cách tô sáng menu tập hợp và nhấn ▶.

Shooting menu bank (Tập hợp menu chụp)

Màn hình hiển thị thông tin thể hiện tập hợp menu chụp hiện thời.



💵 Khôi Phục Lại Cài Đặt Mặc Định

Để khôi phục lại cài đặt mặc định, hãy tô sáng một tập hợp trong menu **Shooting menu bank (Tập hợp menu chụp)** và nhấn t. Một hộp thoại xác nhận sẽ được hiển thị; hãy tô sáng

Yes (Có) và nhấn 🕫 để khôi



phục lại cài đặt mặc định cho tập hợp được lựa chọn. Xem trang 224 về danh sách cài đặt mặc định.

Storage Folder (Thư Mục Lưu Trữ)

Chọn thư mục sẽ chứa các ảnh sau đó.

Le Chọn Thư mục theo Số Thư Mục

 Chọn Select folder by number (Chọn thư mục theo số).

> Làm nổi bật **Select folder by number (Chọn thư mục theo số)** và nhấn ▶. Hộp thoại hiển thị ở bên phải sẽ được hiển thị.



2 Chọn số thư mục.

Nhấn ◀ hoặc ► để làm nổi bật số, nhấn ▲ hoặc ▼ để thay đổi. Nếu một thư mục với số được lựa đã chọn đã tồn tại thì biểu tượng □, □, hoặc 🗎 sẽ hiển thị bên trái của số thư mục:

- 🗀: Thư mục trống rỗng.
- 🖃: Thư mục đã đầy một phần.
- E: Thư mục chứa 999 ảnh hoặc một ảnh được đánh số 9999.
 Không thể chứa thêm ảnh vào thư mục này.

3 Lưu thay đổi và thoát.

Nhấn ® để hoàn thành hoạt động và quay trở lại menu chụp (để thoát mà không chọn thư mục lưu trữ, nhấn nút **MENU**). Nếu một thư mục có số chỉ định chưa tồn tại, thì thư mục mới sẽ được tạo. Các bức ảnh sau đó sẽ được lưu trữ trong thư mục được lựa chọn, trừ khi nó đã đầy.

:=

🗹 Số Thư Mục và Số Tập Tin

Nếu thư mục hiện hành được đánh số là 999 và chứa 999 hình ảnh hoặc một ảnh được đánh số 9999, nhả cửa trập sẽ bị vô hiệu hóa và không chụp thêm được ảnh. Để tiếp tục chụp, tạo thư mục với số nhỏ hơn 999, hoặc chọn một thư mục hiện tại có số nhỏ hơn 999 và ít hơn 999 hình ảnh.

🖉 Thời Gian Khởi Động

Có thể cần thêm thời gian cho máy ảnh khởi động nếu thẻ nhớ chứa nhiều tập tin hoặc thư mục.

💵 Chọn Thư Mục từ Danh Sách

1 Chọn Select folder from list (Chọn thư mục từ danh sách).

Làm nổi bật Select folder from list (Chọn thư mục từ danh sách) và nhấn ▶.



2 Làm nổi bật thư mục.

Nhấn ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật thư mục.

3 Chọn thư mục được làm nổi bật.

Nhấn ® để chọn thư mục được làm nổi bật và trở về menu chụp. Các bức ảnh sau đó sẽ được lưu trữ trong thư mục được chọn.

Hình ảnh được lưu bằng cách sử dụng tên tập tin bao gồm "DSC_" hoặc, trong trường hợp ảnh sử dụng không gian màu hệ màu RGB của Adobe, "_DSC", theo sau là một số có bốn chữ số và mở rộng ba ký tự (ví dụ "DSC_0001.JPG"). Tùy chọn **File naming (Đặt tên tệp)** được sử dụng để chọn ba chữ cái để thay thế "DSC" phần của tên tập tin. Để biết thông tin về chỉnh sửa tên tệp tin, xem trang 107.

🖉 Phần mở rộng

Có các mở rộng sau được sử dụng: ".NEF" cho hình ảnh NEF (RAW), ".TIF" cho hình ảnh TIFF (RGB), ".JPG" cho hình ảnh JPEG, và ".NDF" cho dữ liệu tham chiếu bỏ bụi. Trong mỗi cặp bức ảnh được chụp ở cài đặt chất lượng hình ảnh NEF (RAW)+JPEG, hình ảnh NEF và JPEG có tên tập tin giống nhau nhưng phần mở rộng khác nhau.

Các không gian màu xác định gam màu sẵn có cho việc tái tạo màu sắc. Chọn **sRGB** cho những bức ảnh sẽ được in ra hoặc sử dụng "như thật," không có sửa đổi thêm. **Adobe RGB (Hệ màu RGB của Adobe)** có gam màu rộng hơn và được khuyến nghị cho các bức ảnh được xử lý mở rộng hoặc sửa lại sau khi rời khỏi máy ảnh.

🖉 Không Gian Màu

Không gian màu xác định sự tương ứng giữa màu sắc và các giá trị số đại diện cho các màu đó trong tập tin ảnh kỹ thuật số. Không gian màu sRGB được sử dụng rộng rãi, trong khi không gian màu hệ màu RGB của Adobe thường được sử dụng trong việc xuất bản và in ấn thương mại. sRGB được khuyến khích sử dụng khi chụp ảnh được in mà không sửa đổi hoặc xem trong các ứng dụng không hỗ trợ quản lý màu sắc, hoặc các bức ảnh sẽ được in với ExifPrint, tùy chọn in trực tiếp trên một số máy in gia đình, hay kiosk hoặc các dịch vụ in ấn thương mại khác. Hình ảnh hệ màu RGB của Adobe cũng có thể được in bằng cách sử dụng các tùy chọn này, nhưng màu sắc sẽ không sống động.

Các bức ảnh JPEG được chụp trong không gian hệ màu RGB của Adobe không phù hợp với DCF; các ứng dụng và máy in hỗ trợ DCF sẽ tự động chọn không gian màu chính xác. Nếu ứng dụng hoặc thiết bị không hỗ trợ DCF, chọn không gian màu phù hợp bằng tay. Một cấu hình màu ICC được nhúng trong ảnh TIFF chụp trong không gian hệ màu RGB của Adobe, cho phép các ứng dụng hỗ trợ quản lý màu để tự động lựa chọn đúng không gian màu. Để biết thêm thông tin, xem tài liệu được cung cấp cùng ứng dụng hoặc thiết bị.

🖉 Phần Mềm Nikon

ViewNX 2 (được cung cấp) và Capture NX 2 (có riêng) tự động lựa chọn không gian màu chính xác khi mở ảnh được chụp bằng máy ảnh này.

Vignette Control (Quản Lý Tạo Họa Tiết)

"Tạo họa tiết" là làm giảm độ sáng ở các mép ảnh. **Vignette control** (Điều khiển họa tiết) làm giảm các họa tiết cho thấu kính loại G, E và D (không gồm thấu kính DX và PC). Hiệu ứng của nó thay đổi tùy theo thấu kính và nhận thấy rõ nhất ở độ mở ống kính tối đa. Chọn từ High (Cao), Normal (Bình thường), Low (Thấp), và Off (Tắt).

🖉 Quản Lý Tạo Họa Tiết

Tùy thuộc vào cảnh, điều kiện chụp, và loại thấu kính, ảnh TIFF và JPEG có thể có nhiễu (sương mù) hoặc các biến thể về độ sáng ngoại vi, trong khi Picture Control tùy chọn và Picture Controls đã được sửa đổi từ các cài đặt mặc định có thể không mang lại hiệu quả mong muốn. Chụp ảnh thử nghiệm và xem kết quả trên màn hình. Điều khiển họa tiết không áp dụng cho đa phơi sáng (III 149) hoặc ảnh định dạng DX (III 52).

Auto Distortion Control (Điều Khiển Biến Dạng Tự Động)

Nút MENU 🔿 🗖 menu chụp

Chọn **On** (**Bật**) để giảm hiện tượng cong đường biên hình khi chụp với thấu kính góc rộng và để giảm biến dạng đệm chốt khi chụp với thấu kính dài (lưu ý rằng mép của khu vực nhìn thấy trong kính ngắm có thể được cắt khỏi bức ảnh cuối và thời gian cần để xử lý hình ảnh trước khi ghi có thể tăng thêm). Tùy chọn này chỉ được cung cấp với thấu kính loại G, E và D (không gồm thấu kính PC, mắt cá, và các thấu kính khác); kết quả không được đảm bảo với các thấu kính khác. Trước khi sử dụng điều khiển biến dạng tự động với thấu kính DX, chọn **On** (**Bật**) cho **Auto DX crop (Xén DX tự động)** hoặc chọn vùng hình ảnh **DX (24×16) 1.5×** (^{CII} 52); việc chọn tùy chọn khác có thể khiến ảnh bị xén quá nhiều hoặc ảnh bị biến dạng ngoại biên quá mức.

🖉 Sửa lại: Distortion Control (Điều Khiển Biến Dạng)

Để biết thêm thông tin vào việc tạo bản sao của hình ảnh hiện tại được giảm cong biên hình và biến dạng đệm chốt, xem trang 305.

Long Exposure NR (Giảm Nhiễu Phơi Sáng Lâu)

Nếu **On (Bật)** được chọn, ảnh chụp ở tốc độ cửa trập chậm hơn 1 giây sẽ được xử lý để giảm nhiễu (điểm sáng, các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên, hoặc sương mù). Thời gian cần xử lý tăng gần gấp đôi; trong khi xử lý, "**Jabn**r" sẽ nháy ở hiển thị tốc độ cửa trập/độ mở ống kính và không

chụp được ảnh (nếu máy ảnh được tắt trước khi xử lý xong, ảnh sẽ được lưu nhưng giảm nhiễu sẽ không được thực hiện). Trong chế độ nhả liên tục, tốc độ khuôn hình sẽ chậm và trong khi bức ảnh đang được xử lý, dung lượng của bộ nhớ đệm sẽ giảm.

High ISO NR (Giảm nhiễu ISO cao)

Các bức ảnh chụp ở độ nhạy ISO cao có thể được xử lý để giảm "nhiễu."

Tùy chọn	Mô tả	
High (Cao)		
Normal	Giảm nhiễu (các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên, đường	
(Bình	thẳng, hoặc sương mù), đặc biệt ở bức ảnh được chụp ở các độ	
thường)	nhạy ISO cao. Chọn mức giảm nhiễu thực thi từ High (Cao) ,	
Low	Normal (Bình thường) và Low (Thấp).	
(Thấp)		
	Giảm nhiễu chỉ được thực hiện ở các độ nhạy ISO từ ISO 3200	
Off (Tắt)	và cao hơn. Mức giảm nhiễu thấp hơn mức được thực hiện khi	
	Low (Thấp) được chọn cho High ISO NR (ISO NR Cao).	



Nút MENU 🔿 🗖 menu chụp

Cài Đặt Tùy Chỉnh: Tinh Chỉnh Cài Đặt Máy Ảnh

Để hiển thị menu Cài Đặt Tùy Chỉnh, nhấn nút **MENU** và chọn tab 🖋 (menu Cài Đặt Tùy Chỉnh).



Nút MENU

Cài Đặt Tùy Chỉnh được sử dụng để tùy chỉnh cài đặt máy ảnh phù hợp yêu cầu của từng cá nhân.

Menu Chính

Nhóm Cài Đặt Tùy Chỉnh





Có các Cài Đặt Tùy Chỉnh sau:

		Cài Đặt Tùy Chỉnh	m		
ĺ		Custom settings bank (Tập hợp cài đặt tùy	245	d8	Inforr
		chỉnh)	243	uo	thông
ĺ	а	Autofocus (Lấy nét tự động)		d9	LCD il
	a 1	AF-C priority selection (Lựa chọn	246	d10	Expos
	aı	ưu tiên AF-C)	240	uio	phơi s
	a2	AF-S priority selection (Lựa chọn	246	е	Bracke
		ưu tiên AF-S)		e1	Flash
	a3	Focus tracking with lock-on (Theo	247		đèn n
		doi lay net với khoa-bật)		e2	Flash
	a4	AF activation (kich hoạt AF)	247		trập t
	a5	Focus point illumination (Chiêu	248	e3	Optio
		sang diem lay net)		e4	Expos
	аб	Focus point wrap-around (Xoay	249		sàng
		quanti diem lay net)		e5	Mode
	a7	diẩm lấy pát)	249		ninn)
ł	b	Metering (experience)		e6	Auto
	D	Contor weighted area (Ving cân			tru tụ
	b1	hằng trung tâm)	250	e7	Auto bù trì
		Eine-tune optimal exposure (Tinh	<u> </u>		Brack
	b2	chỉnh phơi sáng tối ưu)	250	e8	trừ)
i	<i>c</i>	Timers/AE lock (Hen giờ/khóa AE)		f	Contro
		Shutter-release button AF-L (Nút		f1	:• bu
	c1	nhả màn trập AE-L)	251	f2	OK hi
	c2	Standby timer (Hen giờ chờ)	251	f3	Multi
	ß	Self-timer (Tự hẹn giờ)	252	f4	Assia
		Monitor off delay (Đô trễ tắt màn		17	Accia
	c4	hình)	253	f5	nút xe
Ì	d	Shooting/display (Chup ảnh/hiển thị)			Assia
	d1	Beep (Bíp)	253	f6	nút A
	12	Viewfinder grid display (Hiển thi		~	Custo
	d2	lưới kính ngắm)	253	t/	chỉnh
	d3	ISO display (Hiển thị ISO)	254	40	Relea
	d4	Screen tips (Meo màn hình)	254	18	nút đ
	15	CL mode shooting speed (Tốc đô		f0	Slot e
	d5	chụp chế độ CL)	254	19	khe rå
	40	Max. continuous release (Ảnh tối	254	f10	Rever
	d6			54 110	
	00	đa khi nhả liên tục)	254	110	chí bá
	do d7	đa khi nhả liên tục) File number sequence (Trình tự số	254	f11	chí bá Easy s

	CYDY TY CL? L	
	Cai Đặt Tuy Chinh	ш
d8	Information display (Hiến thị thông tin)	256
d9	LCD illumination (Chiếu sáng LCD)	256
d10	Exposure delay mode (Chế độ trễ phơi sáng)	256
е	Bracketing/flash (Chup bù trừ/đèn nháy)	
	Elash sync speed (Tốc độ đồng bộ	
e1	đèn nháy)	257
e2	Flash shutter speed (tốc độ cửa trập theo đèn nháy)	258
e3	Optional flash (Đèn nháy tùy chọn)	258
e4	Exposure comp. for flash (Bù phơi sáng cho đèn nháy)	259
e5	Modeling flash (Đèn nháy tạo mô hình)	259
еб	Auto bracketing set (Đặt chụp bù trừ tự động)	259
e7	Auto bracketing (Mode M) (Chụp bù trừ tự động (Chế độ M))	260
e8	Bracketing order (Thứ tự chụp bù trừ)	260
f	Controls (Điều khiển)	
f1	🐮 button (Nút 🔅)	261
f2	OK button (Nút OK)	261
f3	Multi selector (Đa bộ chọn)	262
f4	Assign Fn button (Chỉ định nút Fn)	263
f5	Assign preview button (Chỉ định nút xem trước)	266
f6	Assign AE-L/AF-L button (Chỉ định nút AE-L/AF-L)	267
f7	Customize command dials (Tùy chỉnh đĩa lệnh)	267
f8	Release button to use dial (Nhả nút để sử dụng đĩa lệnh)	269
f9	Slot empty release lock (Khóa nhả khe rỗng)	269
f10	Reverse indicators (Đảo ngược các chỉ báo)	269
f11	Easy shutter-speed shift (Chuyển nhanh tốc đô cửa trập)	270

Lưu ý: Nếu cài đặt trong bank hiện tại được sửa đổi khỏi giá trị mặc định (III 226), dấu hoa thị sẽ hiển thị bên cạnh các cài đặt được thay đổi ở mức thứ hai của menu Cài Đặt Tùy Chỉnh.

Custom Settings Bank (Tập hợp Cài Đặt Tùy Chỉnh)

Cài Đặt Tùy Chỉnh được lưu trữ ở một trong bốn bank. Các thay đổi cho cài đặt trong một bank sẽ không có tác dụng trên những bank khác. Để lưu trữ kết hợp đặc biệt những cài đặt thường xuyên sử dụng, hãy chọn một trong bốn tập hợp này và cài máy ảnh theo các cài đặt đó. Các cài đặt mới sẽ được lưu trữ trong bank ngay cả khi tắt máy ảnh, và sẽ được khôi phục lại ở lần tới khi chọn tập hợp đó. Các kiểu kết hợp cài đặt khác nhau có thể được lưu trữ trong các bank khác, cho phép người dùng chuyển đổi ngay lập tức từ kiểu kết hợp này sang kiểu khác bằng cách chọn đúng tập hợp phù hợp từ menu tập hợp.

Tên mặc định cho bốn tập hợp Cài Đặt Tùy Chỉnh này là A, B, C và D. Có thể thêm chú thích mô tả dài tối đa 20 ký tự như được mô tả trên trang 107 bằng cách tô sáng menu bank và nhấn ▶.

💵 Khôi Phục Lại Cài Đặt Mặc Định

Để khôi phục lại các cài đặt mặc định, hãy chọn một bank trong menu **Custom settings bank** (Tập hợp cài đặt tùy chỉnh) và nhấn t. Một hộp thoại xác nhận sẽ được hiển thị; hãy tô sáng **Yes (Có)** và nhấn ® để khôi phục các cài đặt mặc định cho bank đã chọn (□ 226).





a: Autofocus (Lấy nét tự động)

a1: AF-C Priority Selection (Lựa Chọn Ưu Tiên AF-C)

Nút MENU 🔿 🖋 Menu Cài Đặt Tùy Chỉnh

Khi **AF-C** được lựa chọn cho chụp ảnh bằng kính ngắm (^{III} 59), tùy chọn này sẽ điều khiển việc có thể chụp ảnh bất cứ khi nào nhấn nút nhả màn trập (*ưu tiên nhả*) hoặc chỉ khi máy ảnh ở chế độ lấy nét (*ưu tiên lấy nét*).

	Tùy chọn	Mô tả
۲	Release (Nhả)	Có thể chụp ảnh bất cứ khi nào nhấn nút nhả màn trập.
[::::]	Focus (Lấy nét)	Ánh chỉ có thể được chụp khi chỉ báo đã được lấy nét (●) được hiển thị.

Dù có chọn tùy chọn nào, máy sẽ không khóa lấy nét khi chọn **AF-C** cho chế độ lấy nét tự động. Máy ảnh sẽ tiếp tục điều chỉnh lấy nét cho đến khi màn trập được nhả ra.

a2: AF-S Priority Selection (Lựa Chọn Ưu Tiên AF-S)

Khi **AF-S** được lựa chọn cho chế độ chụp ảnh bằng kính ngắm ([[], 59), tùy chọn này sẽ điều khiển việc chỉ có thể chụp ảnh khi máy ảnh ở chế độ lấy nét (*ưu tiên lấy nét*) hoặc bất cứ khi nào nhấn nút nhả màn trập (*ưu tiên nhả*).

	Tùy chọn	Mô tả
۲	Release (Nhả)	Có thể chụp ảnh bất cứ khi nào nhấn nút nhả màn trập.
[::::]	Focus (Lấy nét)	Ánh chỉ có thể được chụp khi chỉ báo đã được lấy nét (●) được hiển thị.

Dù tùy chọn nào được lựa chọn, nếu máy hiển thị chỉ báo đã lấy nét được (●) khi chọn **AF-S** cho chế độ lấy nét tự động, máy sẽ khóa lấy nét khi nhấn nút nhả màn trập nửa chừng. Khóa lấy nét sẽ tiếp tục cho đến khi màn trập được nhả.

a3: Focus Tracking with Lock-On (Theo Dõi Lấy Nét với Khóa- Nút MENU → 《 Menu Cài Đặt Tùy Chỉnh Bật)

Tùy chọn này điều khiển chức năng lấy nét tự động sẽ điều chỉnh tương ứng như thế nào với những thay đổi lớn về khoảng cách đến đối tượng chụp khi chọn **AF-C** trong lúc chụp ảnh bằng kính ngắm (^{CII} 59).

1	lùy chọn	Mô tả	
AF∎	5 (Long) (Dài)		
AF≣	4	Khi khoảng cách đến đối tượng chụp thay đổi bất ngờ,	
AF≞ AF≞	3 (Normal) (Bình thường) 2	may ann phải đợi trong một khoảng thời gian nhất định trước khi điều chỉnh khoảng cách đến đối tượng chụp. Việc này sẽ giúp máy ảnh tránh không phải lấy nét lại khi đối tượng chụp nhất thời bị che khuất bởi những vật di	
AFI	1 (Short) (Ngắn)	uyên qua khuôn hình.	
	Off (Tắt)	Máy ảnh ngay lập tức sẽ điều chỉnh lấy nét khi khoảng cách đến đối tượng chụp thay đổi. Sử dụng khi chụp một loạt nhiều đối tượng ở những khoảng cách thay đổi trong khoảng thời gian ngắn liên tục.	

a4: AF activation (kích hoạt AF) Nút MENU -> / Menu Cài Đặt Tùy Chỉnh

Nếu chọn **Shutter/AF-ON (Màn trập/AF-ON)**, cả hai nút nhả màn trập và nút **AF-ON** đều có thể được dùng để bắt đầu tự động lấy nét. Chọn **AF-ON only (Chỉ AF-ON)** để tránh lấy nét máy ảnh khi nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng.

:=

Các tùy chọn trong menu này sẽ kiểm soát các điểm lấy nét có được chiếu sáng hay không.

II AF point illumination (Chiếu sáng điểm lấy nét tự động)

Chọn xem các điểm lấy nét hiện thời có được tô sáng màu đỏ trên kính ngắm hay không.

Tùy chọn	Mô tả	
Auto (Tự	Điểm lấy nét được chọn sẽ tự động được tô sáng khi cần để	
động)	tạo độ tương phản với nền.	
On (Bật)	Điểm lấy nét được chọn luôn được tô sáng, bất kể độ sáng của nền như thế nào. Tùy thuộc vào độ sáng của nền, điểm lấy nét được chọn có thể khó nhìn.	
Off (Tắt)	Điểm lấy nét được chọn không được tô sáng. Vùng bên ngoài vùng cắt xén hiện tại được thể hiện bằng màu xám (🎞 52).	

II Manual focus mode (Chế độ lấy nét bằng tay)

Chọn **On (Bật)** để hiển thị điểm lấy nét hiện thời ở chế độ lấy nét bằng tay.

Chọn xem việc chọn điểm lấy nét có "xoay quanh" từ mép này của kính ngắm đến mép kia không.

Tùy chọn	Mô tả	
Wrap (Xoay quanh)	Chọn lựa điểm lấy nét "xoay quanh" từ đỉnh đến đáy, từ đáy đến đỉnh, phải qua trái, và trái qua phải, sao cho, ví dụ như, nhấn nút ▶ khi một điểm lấy nét ở mép phải màn hình được tô sáng (①) sẽ chọn sang điểm lấy nét tương ứng ở mép trái của màn hình hiển thị (②).	
No wrap (Không xoay)	Hiển thị điểm lấy nét sẽ được bao bởi các điểm lấy nét xa nhất, sao cho, ví dụ như khi nhấn nút ▶ lúc đang chọn một điểm lấy nét ở mép phải của màn hình sẽ không có tác dụng nào.	

a7: Number of Focus Points (Số Lượng Điểm Lấy Nét)

Nút MENU 🔿 🖋 Menu Cài Đặt Tùy Chỉnh

Chọn số lượng điểm lấy nét có thể sử dụng cho việc lựa chọn điểm lấy nét bằng tay.

Tùy chọn		Mô tả	
AF39	39 points (39 điểm)	Chọn từ 39 điểm lấy nét được hiển thị bên phải.	
AF11	11 points (11 điểm)	Chọn từ 11 điểm lấy nét được hiển thị bên phải. Sử dụng để chọn điểm lấy nét nhanh.	

b: Metering/Exposure (Đo Sáng/Phơi

b1: Center-Weighted Area (Vùng Cân Bằng Trung Tâm)

Sáng)

Nút MENU 🔿 🖋 Menu Cài Đặt Tùy Chỉnh

Khi tính toán bù sáng, việc đo sáng ưu tiên vùng trung tâm sẽ gán mức trọng số lớn nhất cho vòng tròn ở chính giữa khuôn hình. Đường kính (ϕ) của vòng tròn này có thể được cài ở mức 8, 12, 15, hoặc 20 mm hoặc ở mức trung bình của toàn bộ khuôn hình.



Lưu ý rằng đường kính này được cố định tại 12 mm khi sử dụng ống kính không CPU, bất kể cài đặt được chọn cho **Non-CPU lens data (Dữ liệu ống kính không CPU)** trong menu cài đặt (^{CL} 163).

b2: Fine-tune Optimal Exposure (Tinh Chỉnh Phơi Sáng Tối Ưu)

Nút MENU 🔿 🖋 Menu Cài Đặt Tùy Chỉnh

Sử dụng tùy chọn này để tinh chỉnh giá trị phơi sáng được chọn bằng máy ảnh. Phơi sáng có thể được tinh chỉnh riêng biệt đối với mỗi phương pháp đo sáng theo giá trị từ +1 đến –1 EV theo các bước ¹/₆ EV.



Tinh Chỉnh Phơi Sáng

Độ phơi sáng có thể được tinh chỉnh riêng biệt cho mỗi tập hợp Cài Đặt Tùy Chỉnh và không bị ảnh hưởng bởi các kiểu đặt lại bằng hai nút. Chú ý rằng khi biểu tượng bù phơi sáng (🗷) không được hiển thị, cách duy nhất để xác định mức độ phơi sáng đã được thay đổi là đọc giá trị phơi sáng trên menu tinh chỉnh này. Bù phơi sáng (🎞 79) sẽ được ưu tiên ở hầu hết các tình huống.

c: Timers/AE Lock (Hẹn Giờ/Khóa AE)

c1: Shutter-Release Button AE-L (Nút Nhả Màn Trập AE-L)

Nút MENU 🔿 🖋 Menu Cài Đặt Tùy Chỉnh

Nếu **On (Bật)** được chọn, phơi sáng sẽ khóa khi nút nhả màn trập được nhấn nửa chừng.

c2: Standby timer (Hẹn giờ chờ) Nút MENU → 🖋 Menu Cài Đặt Tùy Chỉnh

Chọn độ dài thời gian máy ảnh tiếp tục đo phơi sáng khi không tiến hành thao tác vận hành nào. Tốc độ cửa trập và khẩu độ sẽ hiển thị trên bảng điều khiển và kính ngắm sẽ tự động tắt khi bộ hẹn giờ hết hạn.

	c2 Standby timer	
	4 s	
	6 s	OK
	10 s	
Ţ	30 s	
	1 min	
1	5 min	
	10 min	
?	30 min	

Chọn hẹn giờ chờ ngắn hơn để sử dụng pin được lâu hơn.

c3: Self-Timer (Tư Hen Giờ)

Chon đô thời gian đô trễ nhả màn trập, số lần chup, và quãng thời gian giữa mỗi lần chup ở chế độ tự hẹn giờ.

- Self-timer delay (Đô trễ tư hen giờ): Chon chiều dài thời gian đô trễ nhả màn trập (🕮 48).
- Number of shots (Số lần chup): Nhấn ▲ và ▼ để chọn số lần chụp mỗi lần nhấn nút nhả màn trập.
- Interval between shots (Quãng thời gian giữa các lần chup): Chon quãng thời gian giữa các lần chup khi Number of shots (Số lần chup) lớn hơn 1.



013

©2s 2s ⊗5s 5s 5)10s 10 s

)20s 20 s







Nút MENU 🔿 🖋 Menu Cài Đăt Tùy Chỉnh

Chọn khoảng thời gian màn hình vẫn bật khi không thực hiện thao tác nào trong khi phát lại (**Playback (Phát lại)**; mặc định ở 10 giây) và xem lại hình ảnh (**Image review (Xem lại hình ảnh)**; mặc định ở 4 giây), khi các menu (**Menus (Menu)**; mặc định ở 1 giây) hoặc

thông tin (**Information display (Hiển thị thông tin)**; mặc định ở 10 giây) được hiển thị hoặc trong khi xem trực tiếp (**Live view** (**Xem trực tiếp**); mặc định ở 10 phút). Chọn độ trễ tắt màn hình ngắn hơn để sử dụng pin được lâu hơn.

d: Shooting/Display (Chụp ảnh/Hiển thị)

d1: Beep (Bíp)

Chọn độ cao tiếng bíp phát ra khi máy ảnh lấy nét bằng tính năng lấy nét tự động đơn (**AF-S**; III 59), khi khóa lấy nét, trong lúc bộ hẹn giờ nhả đang đếm ngược trong chế độ tự hẹn giờ (III 48), hoặc khi bạn cố gắng chụp một bức ảnh khi thẻ nhớ bị khóa (III 22).

Để vô hiệu hóa tiếng bíp, hãy chọn **Off (Tắt)**. ♪ sẽ xuất hiện trong màn hình hiển thị thông tin khi chọn một lựa chọn khác ngoài **Off (Tắt)**. Chú ý rằng sẽ không nghe thấy tiếng bíp ở chế độ nhả màn trập không ồn (chế độ **Q**; □ 46), bất kể đã chọn tùy chọn này.

d2: Viewfinder Grid Display (Hiển Thị Lưới Kính Ngắm)

Chọn **On (Bật)** để hiển thị các đường lưới theo yêu cầu trên kính ngắm để tham khảo khi bố cục chup ảnh (^{III} 9).



Nút MENU 🔿 🖋 Menu Cài Đặt Tùy Chỉnh

Nút MENU 🔿 🖋 Menu Cài Đăt Tùy Chỉnh

	C4 WOILLOF OIL Gelay		
¢.			
	Playback	10s	►
Ŷ	Menus	1m	
-í	Information display	10s	
÷.	Image review	4s	
100	Live view	10m	
2			

Nút MENU 🔿 🖋 Menu Cài Đăt Tùy Chỉnh

d3: ISO Display (Hiển Thị ISO)

Nếu chọn **On (Bật)**, kính ngắm sẽ hiển thị độ nhạy ISO thay cho số lần chụp còn lại.

Chọn **On (Bật)** để hiển thị mẹo công cụ cho những mục được chọn trên hiển thị thông tin (🎞 14).

d5: CL Mode Shooting Speed (Tốc Độ Chụp Chế Độ CL)

d4: Screen Tips (Meo Màn Hình)

Chọn tốc độ chuyển khuôn hình tối đa ở chế độ **C** (tốc độ thấp liên tục) (口 46; trong khi chụp ảnh hẹn giờ quãng thời gian, cài đặt này cũng xác định tốc độ chuyển khuôn hình cho khuôn hình đơn).

d6: Max. Continuous Release (Ảnh Tối Đa Khi Nhả Liên Tục)

Số ảnh chụp tối đa có thể chụp trong một lần bấm máy ở chế độ chụp liên tục có thể được đặt ở bất cứ giá trị nào từ 1 đến 100.

🖉 Bộ Nhớ Đệm

Bất kể tùy chọn nào được chọn cho Cài Đặt Tùy Chỉnh d6, việc chụp sẽ chậm lại khi bộ nhớ đệm đầy (**F**II). Xem trang 364 để có thêm thông tin về dung lượng bộ nhớ đệm.



Nút MENU 🔿 🖋 Menu Cài Đăt Tùy Chỉnh

Nút MENU 🔿 🖋 Menu Cài Đặt Tùy Chỉnh

Nút MENU 🔿 🖋 Menu Cài Đặt Tùy Chỉnh

d7: File Number Sequence (Trình Tự Số Tập Tin)

Khi chụp ảnh, máy ảnh đặt tên tập tin bằng cách cộng một vào số cuối cùng của tập tin trước. Tùy chọn này kiểm soát liệu việc đánh số tập tin có tiếp tục từ số cuối cùng được sử dụng hay không khi tạo một thư mục mới, thẻ nhớ được định dạng, hoặc khi lắp một thẻ nhớ mới vào máy ảnh.

Tùy chọn	Mô tả	
On (Bật)	Khi tạo thư mục mới, định dạng thẻ nhớ, hoặc lắp thẻ nhớ mới vào máy ảnh, việc đánh số tập tin sẽ tiếp tục từ số cuối cùng được dùng hoặc từ số tập tin lớn nhất ở thư mục hiện thời tùy theo số nào lớn hơn. Nếu một tấm ảnh được chụp khi thư mục hiện thời chứa ảnh có số 9999, thì một thư mục mới sẽ tự động được tạo và việc đánh số tập tin sẽ bắt đầu lại từ 0001.	
Off (Tắt)	Việc đánh số tập tin được đặt lại về 0001 khi tạo một thư mục mới, định dạng lại thẻ nhớ, hoặc lắp thẻ nhớ mới vào máy ảnh. Chú ý rằng một thư mục mới sẽ được tạo tự động nếu ảnh được chụp khi thư mục hiện thời chứa 999 tấm ảnh.	
Reset (Đặt lại)	Như với On (Bật) , ngoại trừ bức ảnh được chụp tiếp theo sẽ được gán số tập tin bằng cách cộng một vào số tập tin lớn nhất ở thư mục hiện thời. Nếu thư mục trống, việc đánh số tập tin sẽ được đặt lại về 0001.	

🗹 Trình Tự Số Tập Tin

Nếu thư mục hiện thời được đánh số đến 999 và chứa hoặc là 999 tấm ảnh hoặc một bức ảnh được đánh số 9999, nút nhả màn trập sẽ bị khóa lại và không tấm ảnh nào được chụp thêm. Chọn **Reset (Đặt lại)** cho Cài Đặt Tùy Chỉnh d7 (**File number sequence (Trình tự số tập tin)**) và sau đó định dạng lại thẻ nhớ hiện tại hoặc lắp thẻ nhớ mới.



Nếu **Auto (Tự động)** (AUT0) được chọn, màu của phông chữ trên màn hình hiển thị thông tin (^{CII} 11) sẽ tự động chuyển từ đen sang trắng hoặc từ trắng sang đen để duy trì độ tương phản với nền. Để luôn sử dụng cùng một màu phông chữ, hãy chọn **Manual (Bằng tay)** và chọn **Dark on light (Tối trên nền sáng)** (B; phông chữ đen) hoặc **Light on dark (Sáng trên nền tối)** (W; phông chữ trắng). Độ sáng màn hình sẽ tự động được điều chỉnh để có độ tương phản tối đa với màu chữ được chọn.



Tối trên nền sáng



Sáng trên nền tối

d9: LCD Illumination (Chiếu Sáng LCD)

Nút MENU 🔿 🖋 Menu Cài Đặt Tùy Chỉnh

Nếu chọn **Off (Tắt)**, đèn nền của bảng điều khiển (đèn chiếu màn hình LCD) sẽ chỉ sáng khi nhấn nút 🔅 Nếu chọn **On (Bật)**, bảng điều khiển sẽ được chiếu sáng bất cứ khi nào bộ hẹn giờ chờ đang hoạt động (🕮 5; lưu ý rằng bất kể tùy chọn được chọn, đèn nền đều sẽ tắt khi nhấn nút nhả màn trập). Chọn **Off (Tắt)** để tăng tuổi thọ pin.

d10: Exposure Delay Mode (Chế Độ Trễ Phơi Sáng)



Trong những tình huống chuyển động máy ảnh nhỏ nhất cũng có thể làm mờ ảnh, hãy chọn **1 s (1 giây), 2 s (2 giây)**, hoặc **3 s (3 giây)** để làm trễ nhả màn trập cho đến khi một, hai, hoặc ba giây sau khi gương được nâng lên.

	d10Exposure delay mode	
9 🔪	3 4	
1	2 s	
ai I	1 s Off	[OK]
?		

e: Bracketing/Flash (Chụp Bù Trừ/Đèn Nháy)

e1: Flash Sync Speed (Tốc Độ Đồng Bộ Đèn Nháy)

Nút MENU 🔿 🖋 Menu Cài Đặt Tùy Chỉnh

Tùy chọn này điều khiển tốc độ đồng bộ đèn nháy.

Tùy chọn	Mô tả
1/250 s (Auto FP) (1/250 giây (FP tự động))	Đồng bộ tốc độ cao FP tự động được sử dụng khi gắn bộ đèn nháy tương thích (\Box 119). Nếu sử dụng các bộ đèn nháy khác, tốc độ cửa trập được cài ở ¹ /250 giây. Khi máy ảnh hiển thị tốc độ cửa trập ¹ /250 giây ở chế độ phơi sáng P hoặc A , đồng bộ tốc độ cao FP sẽ tự động được kích hoạt nếu tốc độ cửa trập thực tế lớn hơn ¹ /250 giây.
 1/200 s (Auto FP) (1/200 giây (FP tự động)) Dồng bộ tốc độ cao FP tự động được sử dụng khi gắn đền nháy tương thích (□ 119). Nếu sử dụng các bộ để nháy khác, tốc độ cửa trập được cài ở 1/2∞ giây. Khi m ảnh hiển thị tốc độ cửa trập 1/2∞ giây ở chế độ phơi sế P hoặc A, đồng bộ tốc độ cao FP sẽ tự động được kích hoạt nếu tốc độ cửa trận thực tế lớn hơn 1/2∞ giây 	
1/200 s—1/60 s (1/200 giây—1/60 giây)	Tốc độ đồng bộ đèn nháy đặt ở giá trị đã chọn.

🖉 Cố Định Tốc Độ Cửa Trập ở Giới Hạn Tốc Độ Đồng Bộ Đèn Nháy

Để cố định tốc độ cửa trập tại giới hạn tốc độ đồng bộ trong chế độ phơi sáng **S** hoặc **M**, hãy xoay đĩa lệnh tốc độ cửa trập đến **X**. X (Chỉ báo đồng bộ đèn nháy) sẽ được hiển thị trên kính ngắm và bảng điều khiển.



🖉 Đồng Bộ Tốc Độ Cao FP Tự Động

Cho phép sử dụng đèn nháy ở tốc độ cửa trập cao nhất mà máy ảnh hỗ trợ, điều này cho phép chọn khẩu độ tối đa để giảm độ sâu trường ảnh ngay cả khi đối tượng chụp bị ngược sáng trong điều kiện có nhiều ánh sáng mặt trời. Chỉ báo chế độ đèn nháy hiển thị thông tin sẽ hiển thị "FP" khi đồng bộ tốc độ cao FP tự động được kích hoạt (🎞 123).

e2: Flash Shutter Speed (Tốc Đô Cửa Trập Theo Đèn Nháy)

Tùy chon này quyết đinh tốc đô cửa trập nhỏ nhất có thể dùng khi sử dung đồng bô màn trước hoặc đồng bộ màn sau hoặc giảm mắt đỏ ở chế đô phơi sáng P hoặc A (không phu thuộc vào cài đặt đã chon, tốc độ cửa trập có thể châm ở mức 30 giây ở các chế đô S và M

hoặc ở cài đặt đèn nháy đồng bộ châm, đồng bộ màn sau châm, hoặc giảm mắt đỏ với đồng bộ châm). Pham vi tùy chỉnh từ 1/60 giây (1/60 s (1/60 giây)) đến 30 giây (30 s (30 giây)).

Tuy Chọn)				
Chon chế đô điế	u khiển đèn nháy	y cho các bô đ	èn nháy	SB-400

hoăc SB-300 tùy chon.

Tùy chọn		Mô tả
TTL\$	TTL	Công suất đèn nháy được tự động điều chỉnh tương ứng với điều kiện chụp ảnh (印 124).
M\$	Manual (Bằng tay)	Chọn mức độ nháy đèn. Không đánh flash thử trước để theo dõi.

🖉 Chế Đô Điều Khiển Đèn Nháy

e3: Optional Flash (Đèn Nháy

Chế đô điều khiển đèn nháy được thể hiện trong màn hình hiển thi thông tin (🕮 11, 123). F5.8

Nút MENU 🔿 🖋 Menu Cài Đăt Tùy Chỉnh

	e2 Flash shutter speed	
_	1/60 s	OK
	1/30 s	
	1/15 s	
Ť	1/8 s	
	1/4 s	
	1/2 s	
	1 s	
?	2 s	

Chọn cách máy ảnh điều chỉnh mức độ nháy đèn nháy khi sử dụng bù phơi sáng.

Tùy chọn		Mô tả
12 Z	Entire frame (Toàn bộ khuôn hình)	Cả hai mức nháy đèn nháy và bù phơi sáng được điều chỉnh để thay đổi phơi sáng trên toàn bộ khuôn hình.
Z	Background only (Chỉ nền)	Bù phơi sáng chỉ áp dụng đối với nền.

e5: Modeling Flash (Đèn Nháy Tạo Mô Hình)

Nút MENU 🔿 🖋 Menu Cài Đặt Tùy Chỉnh

Nếu chọn **On (Bật)** khi máy ảnh đang được sử dụng với bộ đèn nháy tùy chọn có hỗ trợ hệ thống Chiếu Sáng Sáng Tạo của (^[]] 118), máy sẽ đánh đèn nháy xem trước khi nhấn nút **Pv** trên máy ảnh (^[]] 41). Máy sẽ không đánh đèn nháy xem trước nếu chọn nút **Off (Tắt)**.

e6: Auto Bracketing Set (Đặt	
Chụp Bù Trừ Tự Động)	y Menu Cal Đặt Tuy Chinh

Chọn cài đặt hoặc các cài đặt chụp bù trừ khi chụp bù trừ tự động (□ 136) có hiệu lực. Chọn **AE & flash (AE và đèn nháy)** (段) để tiến hành chụp bù trừ cả phơi sáng và có đèn nháy, **AE only (Chỉ AE)** (Æ) để chụp bù trừ chỉ có phơi sáng, **Flash only (Chỉ đèn nháy)** (\$) để chụp bù trừ chỉ có đèn nháy, **WB bracketing (Chụp bù trừ WB)** (₩) để chụp bù trừ cân bằng trắng (□ 141), hoặc **ADL bracketing (Chụp bù trừ ADL)** (暗) để tiến hành chụp bù trừ bằng D-Lighting hoạt động (□ 145). Chú ý rằng chụp bù trừ cân bằng trắng không sử dụng được ở cài đặt chất lượng hình ảnh NEF (RAW) hoặc NEF (RAW) + JPEG.

:=

e7: Auto Bracketing (Mode M) (Chụp Bù Trừ Tự Động (Chế Độ M))

Nút MENU 🔿 🖋 Menu Cài Đặt Tùy Chỉnh

Tùy chọn này xác định những cài đặt nào sẽ bị ảnh hưởng khi chọn AE & flash (AE & đèn nháy) hoặc AE only (Chỉ AE) đối với Cài Đặt Tùy Chỉnh e6 ở chế độ phơi sáng bằng tay.

	Tùy chọn	Mô tả
\$+ ®	Flash/speed (Đèn nháy/tốc độ)	Máy ảnh thay đổi tốc độ cửa trập (Cài Đặt Tùy Chỉnh e6 được cài về AE only (Chỉ AE)) hoặc tốc độ cửa trập và mức độ nháy đèn nháy (Cài Đặt Tùy Chỉnh e6 được cài về AE & flash (AE & đèn nháy)).
\$ ®	Flash/speed/ aperture (Đèn nháy/tốc độ/ khẩu độ)	Máy ảnh thay đổi tốc độ cửa trập và khẩu độ (Cài Đặt Tùy Chỉnh e6 được cài về AE only (Chỉ AE)) hoặc tốc độ cửa trập, khẩu độ và mức độ nháy đèn nháy (Cài Đặt Tùy Chỉnh e6 được cài về AE & flash (AE & đèn nháy)).
\$+⊛	Flash/aperture (Đèn nháy/khẩu độ)	Máy ảnh thay đổi khẩu độ (Cài Đặt Tùy Chỉnh e6 được cài về AE only (Chỉ AE)) hoặc khẩu độ và mức độ nháy đèn nháy (Cài Đặt Tùy Chỉnh e6 được cài về AE & flash (AE & đèn nháy)).
\$	Flash only (Chỉ đèn nháy)	Máy ảnh chỉ thay đổi mức độ nháy đèn nháy (Cài Đặt Tùy Chỉnh e6 được cài về AE & flash (AE & đèn nháy)).

Chụp bù trừ đèn nháy chỉ được thực hiện với điều khiển đèn nháy i-TTL hoặc AA. Nếu chọn một cài đặt nào khác ngoài **Flash only (Chỉ đèn nháy)** và không sử dụng đèn nháy, độ nhạy ISO sẽ được cố định tại giá trị cho lần chụp đầu tiên, bất kể đã chọn cài đặt để kiểm soát độ nhạy ISO tự động (^{CII} 72).

e8: Bracketing Order (Thứ Tự Chụp Bù Trừ)

Nút MENU 🔿 🖋 Menu Cài Đặt Tùy Chỉnh

:=

Ở cài đặt mặc định **MTR > under (dưới) > over (trên)** (ℕ), phơi sáng, đèn nháy, và chụp bù trừ cân trắng bằng được thực hiện theo thứ tự mô tả ở trang 137 và 141. Nếu chọn thứ tự **Under (Dưới) > MTR > over (trên)** (¬++) việc chụp ảnh sẽ theo thứ tự từ giá trị thấp nhất đến giá trị cao nhất. Cài đặt này không ảnh hưởng đến chụp bù trừ ADL.

f: Controls (Điều khiển)

f1: 🔅 Button (Nút 🔅)

Nút MENU 🔿 🖋 Menu Cài Đặt Tùy Chỉnh

Chọn vai trò do nút 🔆 đảm nhiệm: bật hoặc tắt đèn nền bảng điều khiển (☀ LCD backlight (Đèn nền LCD) (☀) bật/tắt) hay bật hoặc tắt bảng điều khiển và hiển thị thông tin (☀ ☀ and information display (☀ và hiển thị thông tin) bật/tắt).

f2: OK Button (Nút OK)

Nút MENU 🔿 🖋 Menu Cài Đặt Tùy Chỉnh

Tùy chọn này xác định vai trò được gán cho nút 🐵 trong khi chụp ảnh bằng kính ngắm, phát lại và xem trực tiếp.

Shooting Mode (Chế Độ Chụp)

	Tùy chọn	Vai trò được gán cho nút 📧	
RESET	Select center focus point (Chọn điểm lấy nét trung tâm)	Chọn điểm lấy nét trung tâm.	
; [0] ;	Highlight active focus point (Tô sáng điểm lấy nét hoạt động)	Tô sáng điểm lấy nét hoạt động.	
	Not used (Không sử dụng)	Không có.	

💵 Playback Mode (Chế Độ Phát Lại)

	Tùy chọn	Vai trò được gán cho nút 📧
8	Thumbnail on/off	Hoán đổi giữa phát lại toàn khuôn hình và hình thu
	(Bật/tắt hình thu nhỏ)	nhỏ.
-	View histograms	Khi phát lại toàn khuôn hình và phát lại hình thu nhỏ,
	(Xem quang đồ)	quang đồ sẽ được hiển thị (🎞 192) khi nhấn nút 🛞.
€	Zoom on/off (Bật/tắt thu phóng)	Hoán đổi giữa phát lại toàn khuôn hình hoặc hình thu nhỏ và thu phóng phát lại. Chọn cài đặt thu phóng ban đầu từ Low magnification (Độ phóng đại thấp), Medium magnification (Độ phóng đại vừa phải) và High magnification (Độ phóng đại cao) . Hiển thị thu phóng sẽ căn giữa vào điểm lấy nét hoạt động (nếu ảnh đã được chụp qua kính ngắm) hoặc vào chính giữa ảnh (nếu ảnh được chụp trong khi xem trực tiếp).
	Choose folder (Chọn thư mục)	Hiển thị hộp thoại chọn thư mục.

Live View (Xem Trực Tiếp)

Tùy chọn		Vai trò được gán cho nút 🛞	
RESET	Select center focus point (Chọn điểm lấy nét trung tâm)	Việc nhấn nút 🐵 trong xem trực tiếp sẽ chọn điểm lấy nét trung tâm.	
Q	Zoom on/off (Bật/tắt thu phóng)	Nhấn nút 🛞 để hoán đổi bật và tắt thu phóng. Chọn cài đặt thu phóng ban đầu từ Low magnification (Độ phóng đại thấp), Medium magnification (Độ phóng đại vừa phải) và High magnification (Độ phóng đại cao). Hiển thị thu phóng sẽ căn giữa vào điểm lấy nét hoạt động.	
	Not used (Không sử dụng)	Việc nhấn nút ® không có tác dụng trong xem trực tiếp.	

f3: Multi Selector (Đa Bộ Chọn)

Nút MENU 🔿 🖋 Menu Cài Đặt Tùy Chỉnh

Nếu chọn **Restart standby timer (Khởi động lại hẹn giờ chờ)**, thao tác trên đĩa chọn đa năng khi hết hạn hẹn giờ chờ (^{CD} 33) sẽ kích hoạt đồng hồ đo và bắt đầu hẹn giờ chờ. Nếu chọn **Do nothing (Không làm gì)**, bộ hẹn giờ sẽ không khởi động khi nhấn đĩa chọn đa năng.

Chọn vai trò do nút **Fn** đảm nhận, bằng tự bản thân nó (**Press (Nhấn)**) hoặc khi sử dụng kết hợp với các đĩa lệnh (**Press + command dials** (**Nhấn + đĩa lệnh)**).

💵 Press (Nhấn)

Việc chọn Press (Nhấn) sẽ hiển thị các tùy chọn sau:

	Tùy chọn	Mô tả
6	Proview (Xem trước)	Nhấn nút Fn để xem trước độ sâu trường ảnh
	Treview (Kelli truot)	(□ 41).
		Nhấn nút Fn để khóa giá trị đèn nháy (chỉ ở
ŧL	FV lock (Khóa FV)	các đèn nháy có hỗ trợ, 끄 118). Nhấn lại để
		hủy khóa FV (🕮 130).
AF	🛍 🛛 AE/AF lock (Khóa AE/AF) 🛛 Lấy nét và khóa phơi sáng khi nhấn nút	
ĀĒ	AE lock only (Chỉ khóa AE)	Phơi sáng khóa khi nhấn nút Fn .
		Khóa phơi sáng khi nhấn nút Fn và duy trì
# ®	AE lock (Reset on release)	khóa cho đến khi nhấn nút lần thứ hai, màn
Æ	(Khóa AE (Đặt lại khi nhả))	trập được nhả, hoặc thời gian hẹn giờ chờ
		hết hạn.
	AF lock (Hold) (Khóa AF	Khóa phơi sáng khi nhấn nút Fn và duy trì
AB 🔍	(Giữ))	khóa cho đến khi nhấn nút lần thứ hai hoặc
		thời gian hẹn giờ chờ hết hạn.
AF	AF lock only (Chỉ khóa AF) Khóa lấy nét khi nhấn nút Fn.	
AF-ON	AF-ON Nhấn nút Fn để bắt đầu lấy nét tự động.	
•	Elach off (Đàn nháy tắt)	Đèn nháy sẽ không nháy sáng khi ảnh được
(s	i iasii vii (veli iiilay lal)	chụp lúc nhấn nút Fn .



l≣

	Tùy chọn	Mô tả
BKT므	Bracketing burst (Chụp liên tục bù trừ)	Nếu nhấn nút Fn trong khi phơi sáng, đèn nháy, hoặc chụp bù trừ ADL đang được bật trong khuôn hình đơn hoặc ở chế độ nhả màn trập không ồn, tất cả các lần chụp trong chương trình chụp bù trừ hiện tại sẽ được chụp mỗi khi nhấn nút nhả màn trập. Nếu chụp bù trừ cân bằng trắng được kích hoạt hoặc khi chọn chế độ nhả liên tục (chế độ CH hoặc CL), máy ảnh sẽ lặp lại chụp bù trừ liên tiếp khi nhấn giữ nút nhả màn trập.
+[<u>RAW</u>]	+NEF (RAW)	Nếu chất lượng hình ảnh được đặt ở JPEG fine (JPEG mịn), JPEG normal (JPEG bình thường) , hoặc JPEG basic (JPEG cơ bản) , "RAW" sẽ được hiển thị trên bảng điều khiển và một bản sao dạng NEF (RAW) sẽ được ghi lại ở bức ảnh tiếp theo được chụp sau khi nhấn nút Fn (để ghi lại bản sao NEF/RAW với một loạt các tấm ảnh, hãy nhấn nút nhả màn trập nửa chừng giữa các lần chụp). Để thoát mà không cần ghi bản sao NEF (RAW), nhấn nút Fn một lần nữa.
Ø	Matrix metering (Đo sáng ma trận)	Đo sáng ma trận được kích hoạt khi nhấn nút Fn .
0	Center-weighted metering (Đo sáng Cân bằng trung tâm)	Đo sáng ưu tiên vùng trung tâm được kích hoạt khi nhấn nút Fn .
⊡	Spot metering (Đo sáng điểm)	Đo sáng điểm được kích hoạt khi nhấn nút Fn .
▦	Viewfinder grid display (Hiển thị lưới kính ngắm)	Nhấn nút Fn để bật hoặc tắt hiển thị lưới khuôn hình trong kính ngắm (따 9).
€	Viewfinder virtual horizon (Đường chân trời ảo trong kính ngắm)	Nhấn nút Fn để xem hiển thị đường chân trời ảo trong kính ngắm (따 265).
围	B MY MENU (Menu Của Tôi) Nhấn nút Fn sẽ hiển thị "MY MENU" (Mer Của Tôi) (□ 313).	
ſЪ	Access top item in MY MENU (Truy cập mục hàng đầu trong Menu Của Tôi)	Nhấn nút Fn để nhảy tới mục hàng đầu trong "MY MENU" (Menu Của Tôi). Chọn tùy chọn này để truy cập nhanh vào một mục thường hay dùng trên menu.

Tùy chọn	Mô tả
E Playback (Phát lại)	Nút Fn có chức năng tương tự như nút D . Chọn khi sử một ống kính chụp ảnh xa hoặc ở trong các trường hợp khác khi quá khó để vận hành nút D bằng tay trái.
None (Không có)	Nhấn nút này không có tác dụng gì.

🖉 Các Tùy Chọn Không Tương Thích

Nếu tùy chọn đã chọn cho **Press (Nhấn)** không thể được dùng kết hợp với tùy chọn đã chọn cho **Press + command dials (Nhấn + đĩa lệnh)**, máy sẽ hiển thị thông báo và tùy chọn nào thuộc **Press (Nhấn)** hay **Press + command dials (Nhấn + đĩa lệnh)** được chọn trước sẽ được đặt sang **None (Không có)**.

🖉 Đường Chân Trời Ảo Trong Kính Ngắm

Khi chọn **Viewfinder virtual horizon (Đường chân trời ảo trong kính ngắm)** cho Cài Đặt Tùy Chỉnh f4 (**Assign Fn button (Chỉ định nút Fn**)) > **Press (Nhấn)**, việc nhấn nút **Fn** sẽ chuyển đổi hiển thị phơi sáng trong kính ngắm sang chỉ báo cuộn. Nhấn nút này một lần nữa để khôi phục lại chỉ báo về chức năng bình thường.

	Máy ảnh nghiêng phải	Máy ảnh cân bằng	Máy ảnh nghiêng trái
Kính ngắm	0 •inin1 · ·		. 0 Inini∍

Chú ý rằng hiển thị có thể không chính xác khi máy ảnh nghiêng mạnh về phía trước hoặc về phía sau. Đối với màn hình hiển thị cả độ dốc và cuộn, hãy sử dụng tùy chọn **Virtual horizon (Chân trời ảo)** trong menu cài đặt (^{CII} 282).

II Press + command dials (Nhấn + đĩa lệnh)

Việc chọn **Press + command dials (Nhấn+ đĩa lệnh)** sẽ hiển thị các tùy chọn sau:

	Tùy chọn	Mô tả
FXDX	Choose image area (Chọn vùng hình ảnh)	Nhấn giữ nút Fn , xoay đĩa lệnh để chọn từ một vùng hình ảnh (🎞 51).
Non-CPU	Choose non-CPU lens number (Chọn số ống kính không CPU)	Nhấn giữ nút Fn , xoay đĩa lệnh để chọn số ống kính được quy định bởi tùy chọn Non-CPU lens data (Dữ liệu ống kính không CPU) (따 163).
时	Active D-Lighting (D-Lighting hoạt động)	Nhấn giữ nút Fn , xoay đĩa lệnh để điều chỉnh D-Lighting hoạt động (따 110).
HDR	HDR (high dynamic range) (HDR (Dải động cao))	Nhấn giữ nút Fn , xoay đĩa lệnh chính để chọn HDR mode (Chế độ HDR) , đĩa lệnh phụ để chọn Exposure differential (Độ lệch phơi sáng) (따 112).
ISO-A	Auto ISO sensitivity control (Điều khiển độ nhạy ISO tự động)	Nhấn giữ nút Fn , xoay đĩa lệnh để bật hoặc tắt điều khiển tự động độ nhạy ISO (따 72).
	Multiple exposure (Đa phơi sáng)	Nhấn giữ nút Fn , xoay đĩa lệnh chính để chọn chế độ đa phơi sáng; nhấn nút Fn và xoay đĩa lệnh phụ để chọn số lần phơi sáng (따 149).
	None (Không có)	Không có thao tác nào được thực hiện khi xoay các đĩa lệnh lúc nhấn nút Fn .

f5: Assign Preview Button (Chỉ định Nút Xem Trước)

Nút MENU 🔿 🖋 Menu Cài Đặt Tùy Chỉnh

Chọn vai trò do nút **Pv** đảm nhận, bằng tự bản thân nó (**Press (Nhấn**)) hoặc khi sử dụng kết hợp với các đĩa lệnh (**Press + command dials** (**Nhấn + đĩa lệnh**)). Các tùy chọn có sẵn cũng tương tự như của **Assign Fn button (Chỉ định nút Fn**) (^{CD} 263). Các tùy chọn mặc định cho



Press (Nhấn) và Press + command dials (Nhấn + đĩa lệnh) lần lượt là Preview (Xem trước) (🕮 41) và None (Không có).

Chon vai trò do nút 結 AE-L/AF-L đảm nhân, bằng riêng (Press (Nhấn)) hoặc khi kết hợp với các đĩa lênh (Press + command dials (Nhấn + đĩa lênh)). Các tùy chon có sẵn cũng tương tự như Assian Fn button (Chỉ đinh nút Fn) (🕮 263), ngoại trừ không sử dụng

f6: Assign AE-L/AF-L Button

(Chỉ đinh nút AE-L/AF-L)

được HDR (high dynamic range (Dải đông cao)) và Multiple exposure (Da phơi sáng) cho Press + command dials (Nhấn + đĩa lênh). Các tùy chon mặc định cho Press (Nhấn) và Press + command dials (Nhấn + đĩa lênh) lần lượt là AE/AF lock (Khóa AE/AF) và None (Không có).

f7: Customize Command Dials (Tùy Chỉnh Đĩa Lênh)

Tùy chon này điều khiển hoạt động của các đĩa lệnh chính và đĩa lênh phu.

• Reverse rotation (Xoay ngược lai): Đảo hướng xoay của các đĩa lênh.

• Change main/sub (Thay đổi chính/phu): Nếu Off (Tắt) được chon, đĩa lênh chính sẽ điều khiển tốc đô cửa trập và đĩa lênh phu sẽ điều khiển đô mở ống kính. Nếu **On (Bât)** được chon, đĩa lênh chính sẽ điều khiển đô mở ống kính và đĩa lênh phu sẽ điều khiển

đô tốc đô cửa trập. Nếu On (Mode A) (Bât (Chế đô A)) được chon, đĩa lênh chính sẽ được sử dụng để đăt đô mở ống kính chỉ trong chế đô phơi sáng A.



Nút MENU 🔶 🖌 Menu Cài Đăt Tùy Chỉnh





- Aperture setting (Cài đặt khẩu độ): Nếu chọn Sub-command dial (Đĩa lệnh phụ), khẩu độ chỉ có thể được điều chỉnh bằng đĩa lệnh phụ (hoặc bằng đĩa lệnh chính nếu chọn On (Bật) cho Change main/sub (Thay đổi chính/phụ)). Nếu chọn Aperture ring (Vòng độ mở ống kính), chỉ có thể điều chỉnh khẩu độ bằng vòng khẩu độ của ống kính và hiển thị khẩu độ trên máy ảnh sẽ thể hiện khẩu độ theo các gia số 1 EV (khẩu độ cho các ống kính loại G và E vẫn được cài bằng cách sử dụng đĩa lệnh phụ). Chú ý rằng cho dù chọn chế độ cài đặt nào đều phải sử dụng vòng khẩu độ để điều chỉnh khẩu độ khi gắn ống kính không CPU.
- Menus and playback (Các menu và phát lai): Nếu chon Off (Tắt), đĩa chon đa năng vẫn được sử dụng để chon ảnh hiển thi trong lúc phát lai toàn khuôn hình, tô sáng hình thu nhỏ và điều hướng các menu. Nếu chon On (Bât) hoặc On (image review excluded) (Bật (trừ xem lại hình ảnh)), có thể sử dụng đĩa lệnh chính để chon ảnh được hiển thị trong khi phát lại toàn khuôn hình, di chuyển con trỏ sang trái hoặc phải trong khi phát lại hình thu nhỏ, và di chuyển thanh tô sáng menu lên hoặc xuống. Đĩa lệnh phụ được sử dụng để hiển thị thêm thông tin ảnh trong khi phát lai toàn khuôn hình và để di chuyển con trỏ lên hoặc xuống trong khi phát lai hình thu nhỏ. Chon On (image review excluded) (Bât (trừ xem lai hình ảnh)) nhằm ngăn việc sử dụng các đĩa lênh để phát lai khi xem lai hình ảnh. Khi các menu được hiển thị, xoay đĩa lệnh phụ sang phải sẽ hiển thị các menu phụ cho tùy chọn đã chọn, xoay sang trái để hiển thị menu trước đó. Để đưa ra lưa chon, nhấn ▶ hoặc 🛞.
Việc chọn **Yes (Có)** sẽ cho phép thực hiện các điều chỉnh thường được tiến hành bằng cách giữ nút 역억 (**4**), 역 (QUAL), **%** (WB), chế độ AF, hoặc nút BKT và xoay đĩa lệnh sau khi nhả nút (việc này cũng áp dụng cho cả các nút **Fn**, **Pv**, và 能 AE-L/AF-L nếu chúng được gán cho chức năng "đĩa lệnh +" thay vì **Choose image area (Chọn vùng hình ảnh), Choose non-CPU lens number (Chọn số thấu kính không CPU), hoặc Auto ISO sensitivity control (Điều khiển độ nhạy ISO tự động) bằng cách sử dụng Cài đặt tùy chọn f4, Assign Fn button (Gán nút Fn), f5, Assign preview button (Gán nút xem trước), hoặc f6 Assign AE-L/AF-L button (Gán nút AE-L/ AF-L)). Cài đặt kết thúc khi bất kỳ nút nào chịu tác động được nhấn lại, hẹn giờ chờ hết hạn hoặc nút nhả cửa trập được nhấn nửa chừng.**

f9: Slot Empty Release Lock (Khóa Nhả Khe Rỗng)

Nút MENU 🔿 🖋 Menu Cài Đặt Tùy Chỉnh

Chọn **Enable release (Cho phép nhả)** sẽ cho phép nhả màn trập khi không lắp thẻ nhớ nào, mặc dù không có bức ảnh nào được ghi lại (tuy nhiên chúng vẫn được hiển thị trên màn hình ở chế độ minh họa). Nếu chọn **Release locked (Nhả bị khóa)**, nút nhả màn trập chỉ được phép hoạt động khi lắp thẻ nhớ vào máy ảnh.

f10: Reverse Indicators (Đảo Ngược Các Chỉ Báo)

Nút MENU 🔿 🖋 Menu Cài Đặt Tùy Chỉnh

Nếu chọn **— Initian thi** $(-\circ+)$ các chỉ báo phơi sáng trong kính ngắm và hiển thị thông tin sẽ được hiển thị với các giá trị âm ở bên trái và các giá trị dương ở bên phải. Chọn **Halini Anit h**ị các giá trị dương ở bên trái và giá trị âm ở bên phải.

f11: Easy Shutter-speed Shift (Chuyển Nhanh Tốc Độ Cửa Trập)

Nút MENU 🔿 🖋 Menu Cài Đặt Tùy Chỉnh

Nếu chọn **On (Bật)**, có thể sử dụng đĩa lệnh chính để điều chỉnh tốc độ cửa trập đã chọn bằng đĩa lệnh tốc độ cửa trập trong khoảng \pm^{2} /₃ EV theo gia số ¹/₃ EV. Nếu đĩa lệnh tốc độ cửa trập được cài ở **4** (4 giây, được ghi nhãn màu đỏ), có thể sử dụng đĩa lệnh chính để chọn tốc độ cửa trập chậm tới 30 giây.

Y Menu Cài Đặt: Cài Đặt Máy Ảnh

Để hiển thị menu cài đặt, nhấn MENU và chọn 🌱 (thẻ menu cài đặt).



Nút MENU

Menu cài đặt chứa các tùy chọn sau:

Tùy chọn		Tùy chọn		
Format memory card (Định dạng thể nhớ)	272	Copyright information (Thông tin bản quyền)	279	
Monitor brightness (Độ sáng màn	273	Save/load settings (Lưu/tải cài đặt)	280	
hình)	275	Virtual horizon (Đường chân trời ảo)	282	
Auto info display (Hiển thị thông tin tự động)	273	Non-CPU lens data (Dữ liệu thấu kính không CPU)	163	
Clean image sensor (Làm sạch cảm	329	AF Fine-tune (Tinh chỉnh AF)	283	
biến hình ảnh)	525	НДМІ	223	
Lock mirror up for cleaning (Khóa	331	Location data (Dữ liệu vị trí)	170	
gương nâng lên để vệ sinh) ¹	551	Assign remote Fn button (Gán nút	204	
Image Dust Off ref photo (Ånh tham	274	Fn từ xa)	284	
chiếu Bụi hình ảnh tắt)	2/1	Wireless mobile adapter (Đầu nối di	204	
Flicker reduction (Giảm nhấp nháy)	276	động không dây)	284	
Time zone and date (Múi giờ và ngày)	276	Eye-Fi upload (Tải lên Eye-Fi) ²	285	
Language (Ngôn ngữ)	277	Firmware Version (Phiên Bản	200	
Auto image rotation (Xoay hình tự	277	Firmware)	286	
động)	2//			
Image Comment (Chú Thích Hình Ảnh)	278			

1 Không thực hiện được khi pin yếu.

2 Chỉ hiển thị khi gắn thẻ nhớ Eye-Fi tương thích (🕮 285).

🖉 Xem Thêm

Liệt kể menu mặc định ở trên trang 228.

:=

Format Memory Card (Định Dạng Thẻ Nhớ)

Thẻ nhớ phải được định dạng trước khi sử dụng lần đầu tiên hay sau khi được định dạng ở các thiết bị khác. Định dạng thẻ theo mô tả bên dưới.

🚺 Định Dạng Thẻ Nhớ

Việc định dạng thẻ nhớ sẽ xóa vĩnh viễn bất kỳ dữ liệu nào có trên đó. Hãy chắc chắn sao chép bất kỳ bức ảnh và dữ liệu nào khác mà bạn muốn giữ lại vào máy tính trước khi tiến hành (^{CII} 211).

 Làm nổi bật Yes (Có).
 Để thoát mà không định dạng thẻ nhớ, làm nổi bật No (Không) và nhấn ®.

2 Nhấn [⊛].

Nhấn ® để bắt đầu định dạng. Không tháo thẻ nhớ hoặc ngắt kết nối nguồn điện cho đến khi định dạng xong.





Nhấn ▲ hoặc ▼ để chọn độ sáng màn hình cho phát lại, menu và hiển thị thông tin. Chọn giá trị cao hơn để tăng độ sáng, thấp hơn để giảm độ sáng.

🖉 Xem Thêm

Để xem trực tiếp thông tin về điều chỉnh độ sáng màn hình, xem trang 179.

Auto Info Display (Hiển Thị Thông Tin Tự Động)

Nếu **Auto info display (Hiển thị thông tin tự động)** được lựa chọn, thông tin chụp sẽ được tự động hiển thị trên màn hình khi nút nhả cửa trập trở lại trạng thái khởi động sau khi nhấn nửa chừng.



Nút MENU → ¥ menu cài đăt

≡

Nút MENU → Y menu cài đặt

Image Dust Off Ref Photo (Ảnh Tham Chiếu Bụi Hình Ảnh Tắt)

Thu được dữ liệu tham chiếu cho tuỳ chọn Ảnh Bỏ Bụi trong Capture NX 2 (có riêng, để biết thêm thông tin, xem hướng dẫn Capture NX 2).

Image Dust off ref photo (Ånh tham chiếu Bụi hình ảnh tắt) chỉ có khi thấu kính CPU được gắn trên máy ảnh. Nên dùng thấu kính có tiêu cự ít nhất 50 mm. Khi sử dụng một thấu kính thu phóng, phóng to hết cỡ.

- Chọn tuỳ chọn khởi động. Làm nổi bật một trong các tùy chọn sau và nhấn [®]. Để thoát mà không đòi hỏi dữ liệu bụi hình ảnh tắt, nhấn MENU.
 - Start (Bắt đầu): Thông báo sẽ hiển thị ở bên phải, "rEF" sẽ xuất hiện trong kính ngắm và các hiển thị bảng điều khiển.
 - Clean sensor and then start (Vệ sinh cảm biến và sau đó bắt đầu): Chọn mục này để vệ sinh cảm biến hình ảnh trước khi bắt đầu. Thông báo sẽ hiển thị ở bên phải, "rEF" sẽ xuất hiện trong hiển thị kính ngắm và bảng điều khiển khi vệ sinh xong.
- 2 Tạo khuôn hình một đối tượng màu trắng trong kính ngắm.

Với thấu kính khoảng mười xentimet từ một đối tượng trắng không có đặc điểm, đủ sáng, lấy khuôn hình sao cho đối tượng lấp đầy kính ngắm và nhấn nửa chừng nút nhả cửa trập.

Trong chế độ lấy nét tự động, lấy nét sẽ tự động được cài ở vô tận; trong chế độ lấy nét bằng tay, đặt lấy nét sang vô tận tự động.



Nút MENU 🔿 🌱 menu cài đặt

3 Yêu cầu dữ liệu tham chiếu bỏ bụi.

Nhấn hết cỡ nút nhả cửa trập để lấy dữ liệu tham chiếu Ảnh Bỏ Bụi. Màn hình sẽ tắt khi nút nhả cửa trập được nhấn. Lưu ý rằng khi đối tượng được chiếu sáng yếu, giảm nhiễu sẽ được thực hiện, làm tăng thời lượng ghi.

Nếu đối tượng tham chiếu quá sáng hoặc quá tối, máy ảnh không lấy được dữ liệu tham chiếu Bụi Hình Ảnh Tắt và thông báo sẽ hiển thị ở bên phải. Chọn một đối tượng tham chiếu khác và lặp lại quá trình từ bước 1.

🔽 Lau Cảm Biến Hình Ảnh

Dữ liệu tham chiếu bỏ bụi được ghi trước khi diễn ra quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh không thể được sử dụng với các bức ảnh được chụp sau khi quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh được tiến hành. Chỉ chọn **Clean sensor and then start (Làm sạch cảm biến rồi khởi động)** nếu dữ liệu tham chiếu bỏ bụi không được dùng cho các ảnh hiện tại.

🔽 Dữ Liệu Tham Chiếu Bụi Hình Ảnh Tắt

Ảnh chụp bởi các thấu kính khác nhau hay độ mở ống kính khác nhau có thể dùng chung dữ liệu tham chiếu. Không thể xem hình ảnh tham chiếu bằng phần mềm hình ảnh trên máy tính. Mẫu lưới sẽ hiển thị khi hình ảnh tham chiếu được xem trên máy ảnh.







Flicker reduction (Giảm Nhấp Nháy)

Giảm nhấp nháy và dải khi chụp dưới ánh đèn huỳnh quang hoặc thuỷ ngân trong khi xem trực tiếp. Chọn **Auto (Tự động)** để cho phép máy ảnh tự động chọn tần số chính xác hoặc làm cho tần số phù hợp với tần số của nguồn điện AC cục bộ bằng tay.

🖉 Giảm nhấp nháy

Nếu **Auto (Tự động)** không mang đến kết quả mong muốn và nếu bạn không chắc chắn về tần số của nguồn điện cục bộ, hãy thử cả hai tùy chọn 50 và 60 Hz và chọn một tùy chọn mang lại kết quả tốt nhất. Giảm nhấp nháy có thể không mang lại kết quả như mong muốn nếu đối tượng quá sáng, trong trường hợp bạn chọn độ mở ống kính nhỏ hơn (số f cao hơn).

Time Zone and Date (Múi Giờ và Ngày)

Nút MENU 🔿 🍟 menu cài đặt

Thay đổi múi giờ, đặt đồng hồ máy ảnh, chọn thứ tự hiển thị ngày, và bật hoặc tắt thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày (^{III} 27).

Tùy chọn	Mô tả
Time zone (Múi giờ)	Chọn múi giờ. Đồng hồ máy ảnh sẽ tự động thiết lập thời gian theo múi giờ mới
Date and time (Ngày và giờ)	Cài đặt đồng hồ máy ảnh. Nếu không cài đặt đồng hồ máy ảnh, biểu tượng nhấp nháy sẽ xuất hiện trên bảng hiển thị thông tin.
Date format (Định dạng ngày)	Chọn thứ tự hiển thị ngày, tháng, năm.
Daylight saving time (Thời gian t.kiệm á.sáng ban ngày)	Bật hoặc tắt thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày. Đồng hồ máy ảnh sẽ tự động chỉnh sớm hơn hoặc chậm lại một giờ. Thiết lập mặc định là Off (Tắt) .

Chọn ngôn ngữ cho menu máy ảnh và các thông báo.

Auto Image Rotation (Xoay hình tự động)

Nút MENU 🔿 🍟 menu cài đặt

Những bức ảnh chụp khi chọn **On (Bật)** chứa thông tin về hướng máy ảnh, cho phép xoay tự động trong khi phát lại (^[] 187) hoặc khi xem trong ViewNX 2 (cung cấp) hay trong Capture NX 2 (có bán riêng; ^[] 325). Các hướng sau được ghi:







Hướng phong cảnh (rộng) Máy ảnh xoay 90° theo chiều kim đồng hồ

Máy ảnh xoay 90° ngược chiều kim đồng hồ

Hướng máy ảnh không được lưu khi chọn **Off (Tắt)**. Chọn mục này khi quét hay chụp ảnh với thấu kính hướng lên hay xuống.

🖉 Xoay dọc ảnh

Để tự động xoay "tall (dọc)" (hướng chân dung) ảnh để hiển thị khi phát lại, chọn **On (Bật)** ở tùy chọn **Rotate tall (Xoay dọc ảnh)** trong menu phát lại (^{CD} 233).

Image Comment (Chú Thích Hình Ảnh)

Thêm chú thích cho ảnh vừa chụp. Chú thích có thể được xem như siêu dữ liệu trong ViewNX 2 (cung cấp) hoặc Capture NX 2 (có sẵn; I 325). Chú thích cũng xem được trên trang dữ liệu chụp trong phần hiển thị thông tin ảnh (I 193).

- Done (Hoàn Tất): Lưu thay đổi và trở về menu cài đặt.
- Input comment (Nhập chú thích): Nhập chú thích như mô tả ở trang 107. Phần chú thích có độ dài lên đến 36 ký tự.
- Attach comment (Đính kèm chú thích): Chọn mục này để đính kèm chú thích cho tất cả các ảnh tiếp theo. Attach comment (Đính kèm chú thích) có thể được bật hay tắt bằng cách làm nổi bật và nhấn ▶.

	nage comment	
I ÔI		
	_	
Y	Done	
_	Input comment	
E.	Attach comment	œ
- Marca		

Copyright information (Thông Tin Bản Quyền)

Thêm thông tin bản quyền cho ảnh vừa chụp. Thông tin bản quyền được hiển thị ở trang dữ liệu chụp trong hiển thị thông tin ảnh (\square 193) và có thể xem ở dạng siêu dữ liệu trong ViewNX 2 (cung cấp) hoặc trong Capture NX 2 (bán riêng; \square 325).

- Done (Hoàn Tất): Lưu thay đổi và trở về menu cài đặt.
- Artist (Tác giả): Nhập tên nhiếp ảnh gia như mô tả ở trang 107.
 Độ dài tên nhiếp ảnh gia có thể lên đến 36 ký tự.
- Copyright (Bản quyền): Nhập tên người nắm giữ bản quyền như mô tả ở trang 107. Độ dài tên người giữ bản quyền có thể lên đến 54 ký tự.
- Attach copyright information (Đính kèm thông tin bản quyền): Chọn tùy chọn này để đính kèm thông tin bản quyền cho tất cả ảnh tiếp theo. Có thể bật hoặc tắt Attach copyright information (Đính kèm thông tin bản quyền) bằng cách làm nổi bật và nhấn ▶.

Y Thông tin bản quyền

Để tránh giả mạo tên tác giả hay người giữ bản quyền, phải đảm bảo là không chọn **Attach copyright information** (Đính kèm thông tin bản **quyền)** và trường **Artist (Tác giả)** và **Copyright (Bản quyền)** được để trống trước khi đưa hoặc chuyển máy ảnh cho người khác. Nikon không chịu trách nhiệm pháp lý cho bất kỳ thiệt hại hay tranh chấp nào từ việc sử dụng tùy chọn **Copyright information (Đính kèm thông tin bản quyền)**.



Chọn **Save settings (Lưu cài đặt)** để lưu cài đặt vào thẻ nhớ (nếu thẻ nhớ đầy, báo lỗi sẽ xuất hiện). Sử dụng tùy chọn này để chia sẻ cài đặt trong các máy ảnh Df.

Menu	Tùy chọn		
Dhát la:	Playback display options (Tùy chọn hiển thị phát lại)		
	lmage review (Xem lại hình ảnh)		
Filatiği	After delete (Sau khi xóa)		
	Rotate tall (Xoay dọc ảnh)		
	Shooting menu bank (Tập hợp menu chụp)		
	File naming (Đặt tên tập tin)		
	Image quality (Chất lượng hình ảnh)		
	Image size (Kích cỡ hình ảnh)		
	Image area (Vùng hình ảnh)		
	JPEG compression (JPEG nén)		
	NEF (RAW) recording (Ghi NEF (RAW))		
	White balance (Cân bằng trắng) (với dò tinh chỉnh và		
Chup	cài đặt trước d-1–d-4)		
(moi tân hơn)	Set Picture Control (Đặt Picture Control)		
(mội tập nộp)	Color space (Không gian màu)		
	Active D-Lighting (D-Lighting hoạt động)		
	Vignette control (Quản Lý Tạo Họa Tiết)		
	Auto distortion control (Điều khiển biến dạng tự		
	động)		
	Long exposure NR (Giảm nhiễu phơi sáng lâu)		
	High ISO NR (Giảm nhiễu ISO cao)		
	Auto ISO sensitivity control (Điều khiển độ nhạy ISO		
	tự động)		

Menu	Tùy chọn	
Cài đặt tùy chọn (mọi tập hợp)	Mọi Cài Đặt Tùy Chọn	
	Auto info display (Hiển thị thông tin tự động)	
	Clean image sensor (Làm sạch cảm biến hình ảnh)	
	Flicker reduction (Giảm nhấp nháy)	
	Time zone and date (Múi giờ và ngày) (trừ ngày và	
	thời gian)	
	Language (Ngôn ngữ)	
	Auto image rotation (Xoay hình tự động)	
Cài đặt	Image comment (Chú Thích Hình Ánh)	
	Copyright information (Thông tin bản quyền)	
	Non-CPU lens data (Dữ liệu thấu kính không CPU)	
	HDMI	
	Location data (Dữ liệu vị trí)	
	Assign remote Fn button (Gán nút Fn từ xa)	
	Wireless mobile adapter (Đầu nối di động không dây)	
	Eye-Fi upload (Tải lên Eye-Fi)	
My Menu/Recent Tất cả mục Menu Của Tôi		
Settings (Menu	Tất cả cài đặt gần đây	
Của Tôi/Cài Đặt Gần Đây)	Choose tab (Chọn tab)	

Lưu trữ cài đặt sử dụng mẫu máy ảnh này có thể được khôi phục bằng cách chọn Load settings (Tải cài đặt). Lưu ý rằng Save/load settings (Lưu/tải cài đặt) chỉ thực hiện được khi thẻ nhớ được gắn vào máy ảnh, và tùy chọn Load settings (Tải cài đặt) chỉ có sẵn nếu thẻ chứa cài đặt được lưu.

Saved Settings (Cài Đặt Đã Lưu)

Cài đặt được lưu trong một tập tin có tên NCSETUPD. Máy ảnh sẽ không thể tải cài đặt nếu tên tập tin bị thay đổi.

Virtual Horizon (Đường Chân Trời Ảo)

Hiển thị thông tin cuộn và dốc dựa trên thông tin từ cảm biến độ nghiêng máy ảnh. Nếu máy ảnh không nghiêng trái hay nghiêng phải, đường tham chiếu cuộn sẽ chuyển sang màu xanh, trong khi nếu máy ảnh không nghiêng về phía trước và sau, một điểm tại trung tâm của màn hình hiển thị sẽ chuyển sang màu xanh. Mỗi vạch chia tương đương với 5°.



Máy ảnh cân bằng



Máy ảnh nghiêng sang trái hoặc phải



Máy ảnh nghiêng về phía trước hoặc sau

V Nghiêng Máy Ảnh

Hiển thị đường chân trời ảo sẽ không chính xác khi máy ảnh nghiêng mạnh về phía trước hoặc sau. Nếu máy ảnh không đo được độ nghiêng, mức nghiêng sẽ không hiển thị.

🖉 Xem Thêm

Để biết thêm chi tiết về xem chỉ báo cuộn trong kính ngắm, xem Cài Đặt Tùy Chọn f4 (**Assign Fn button (Chỉ định nút Fn)**; 🕮 263, 265). Để xem trực tiếp thông tin hiển thị đường chân trời ảo, xem trang 182.

AF Fine-tune (Tinh chỉnh AF)

Dò tinh chỉnh lấy nét cho tới 12 loại thấu kính. Trong hầu hết các trường hợp, không nên dò tinh chỉnh lấy nét tự động, có thể cản trở lấy nét bình thường; chỉ dùng khi cần.

Tùy chọn	Mô tả		
AF fine-tune (On/ Off) (Tinh chỉnh lấy nét tự động (Bật/Tắt))	 On (Bật): Bật điều chỉnh lấy nét tự động. Off (Tắt): Tắt điều chỉnh lấy nét tự động. 		
Saved value (Giá trị được lưu)	Điều chỉnh lấy nét tự động (AF) cho các thấu kính hiện thời (chỉ thấu kính CPU). Nhấn ▲ hoặc ▼ để chọn giá trị giữa +20 và -20. Có thể lưu trữ các giá trị lên đến 12 loại thấu kính. Chỉ một giá trị có thể lưu cho mỗi loại thấu kính.	Di chuyển tiêu điểm ra xa máy Giá trị ảnh. hiện tại AF finetune Saved value 50m F1.8 No	
Default (Mặc định)	Chọn giá trị điều chỉnh AF khi không tồn tại giá trị đã lưu trước đó cho các thấu kính (chỉ thấu kính CPU).	Di chuyển điểm Giá trị tiêu cự đến trước trước máy ảnh.	
List saved values (Liệt kê giá trị được lưu)	Danh sách giá trị tinh chỉnh AF đả thấu kính trong danh sách, làm n nhấn t. Để thay đổi bộ nhận diệr bộ nhận diện có hai số cuối giống phân biệt nó với các thấu kính kh hợp Saved value (Giá trị đã lưu) thấu kính mỗi loại), làm nổi bật th ▶. Menu ở bên phải sẽ xuất hiện; nh ▲ hoặc ▼ để chọn bộ nhận diện nhấn 🛞 để lưu thay đổi và thoát.	ā lưu trước đó . Để xóa một ổi bật thấu kính cần xoá và n thấu kính (ví dụ: để chọn g số sê-ri của thấu kính để nác cùng loại, trong trường chỉ có thể sử dụng cho một hấu kính cần chọn và nhấn và Phiese sumber Some No No	

🗹 AF Tuning (Điều Chỉnh Lấy Nét Tự Động)

Máy ảnh không thể lấy nét ở điểm cực gần hoặc ở vô tận khi áp dụng điều chỉnh tự động lấy nét.

Live View (Xem Trực Tiếp)

Điều chỉnh không thực hiện được cho lấy nét tự động khi xem trực tiếp.

🖉 Saved Value (Giá Trị Được Lưu)

Chỉ một giá trị có thể lưu cho mỗi loại thấu kính. Nếu dùng một bộ chuyển từ xa, các giá trị tách biệt có thể được lưu cho mỗi kết hợp của thấu kính và bộ chuyển từ xa.

Assign Remote Fn Button (Gán Nút Fn Từ Xa)

Nút MENU 🔿 🍟 menu cài đặt

Chọn vai trò do nút **Fn** đảm nhiệm trên điều khiển từ xa không dây WR-1 và WR-T10 tùy chọn (^{CLI} 325).



Wireless Mobile Adapter (Đầu Nối Di Động Không Dây)

Nút MENU 🔿 🍟 menu cài đặt

Chọn cho phép hoặc không cho phép máy ảnh thiết lập các kết nối không dây với các thiết bị thông minh khi tùy chọn đầu nối di động không dây WU-1a (🎞 324) được gắn vào đầu nối USB.

Tùy chọn	Mô tả
Enable (Dât)	Kích hoạt kết nối không dây với các thiết bị thông minh chạy
cliqnie (Dår)	Wireless Mobile Utility.
Disable (Tắt)	Vô hiệu hóa các kết nối không dây với các thiết bị thông
	minh. Chọn tùy chọn này trong địa điểm cấm việc sử dụng
	các thiết bị không dây. Việc chọn tùy chọn này cũng làm
	giảm tiêu hao pin máy ảnh.

Eye-Fi Upload (Tải Lên Eye-Fi)

Tùy chọn này chỉ được hiển thị khi một thẻ nhớ Eye-Fi (có riêng từ các nhà cung cấp thứ ba) được gắn vào máy ảnh. Chọn **Enable (Cho phép)** để tải ảnh lên từ vùng được chọn trước. Lưu ý rằng ảnh sẽ không được tải lên nếu độ mạnh tín hiệu không đủ.

Kiểm tra tất cả các thiết bị mạng LAN không dây và chọn **Disable** (**Tắt**) nơi mà các thiết bị không dây bị cấm.

Khi gắn một thẻ Eye-Fi vào, tình trạng của nó được chỉ định bởi một biểu tượng trên màn hình hiển thị thông tin:

- : Vô hiệu tải lên Eye-Fi.
- Tho phép tải lên Eye-Fi nhưng hình ảnh không có sẵn để tải.
- 🔋 (tĩnh): Cho phép tải lên Eye-Fi, chờ đợi để bắt đầu tải.
- 🔋 (động): Cho phép tải lên Eye-Fi, đang tải dữ liệu.
- The second second



Thẻ Eye-Fi

Thẻ Eye-Fi có thể phát ra tín hiệu mạng không dây khi chọn **Disable** (**Tắt**). Nếu màn hình xuất hiện cảnh báo (D 349), tắt máy ảnh và tháo thẻ ra.

Xem hướng dẫn kèm theo thẻ Eye-Fi, và nếu có bất kỳ thắc mắc nào vui lòng liên hệ trực tiếp nhà sản xuất. Có thể dùng máy ảnh để bật tắt thẻ Eye-Fi, nhưng có thể không hỗ trợ các chức năng Eye-Fi khác.

Một số thẻ có thể không sẵn có tại một số quốc gia hay khu vực; tham khảo ý kiến nhà sản xuất để biết thêm thông tin. Thẻ Eye-Fi được sử dụng chỉ tại quốc gia mua. Hãy đảm bảo là vi chương trình thẻ Eye-Fi được cập nhật phiên bản mới nhất.

🖉 Sử Dụng Thẻ Eye-Fi ở Chế Độ Ngang Hàng

Có thể cần thêm thời gian khi sử dụng thẻ Eye-Fi để hỗ trợ chế độ ngang hàng. Đặt Cài Đặt Tùy Chọn c2 (**Standby timer (Hẹn giờ chờ)**, III 251) tới 30 giây hoặc lâu hơn.

Firmware Version (Phiên Bản Firmware)

Nút MENU 🔿 🍟 menu cài đặt

Xem phiên bản firmware máy ảnh hiện hành.

🛃 Menu Sửa Lại: Tạo Bản Sao Sửa Lại

Để hiển thị menu sửa lại, nhấn MENU và chọn thẻ 🛃 (menu sửa lại).



Nút MENU

Các tùy chọn trong menu sửa lại dùng để tạo các bản sao đã được xén hoặc chỉnh sửa của ảnh hiện tại. Menu sửa lại chỉ hiển thị khi một thẻ nhớ chứa ảnh được cài vào máy ảnh.

	Tùy chọn			Tùy chọn	
88	D-Lighting	291	1	Straighten (Nắn thẳng)	304
	Red-eye correction (Điều	202 🛱		Distortion control (Điều khiển	205
V	chỉnh mắt đỏ)	292	29	biến dạng)	505
X	Trim (Xén)	293	¢	Fisheye (Mắt cá)	305
	Monochrome (Đơn sắc)	294	Γ√	Color Outline (Phác Màu	306
0	Filter effects (Hiệu ứng bộ	205		Chính)	500
Ø	lọc)	295	5	Color sketch (Phác họa màu)	306
68 Ø	Color balance (Cân bằng màu)	296		Perspective control (Điều	307
	lmage overlay (Lớp phủ hình	207		khiển phối cảnh)	507
-	ånh) ¹	297		Miniature effect (Hiệu ứng	308
RAW	NEF (RAW) processing (Xử Lý	300	ų Pr	thu nhỏ)	500
+	NEF (RAW))	300	Å	Selective color (Màu tuyển	300
	Resize (Thay đổi kích cỡ)	302	<i>b</i>	chọn)	509
飞	Quick retouch (Sửa lại nhanh)	304	• •	Side-by-side comparison (So	311
				sánh cạnh nhau) ²	

1 Chỉ có thể chọn bằng cách nhấn MENU và chọn tab 🚮.

2 Chỉ dùng được nếu nhấn *i* trong phát lại khuôn hình đầy khi hình đã chỉnh sửa hoặc hình gốc hiển thị.

🔽 Chỉnh Sửa Bản Sao

Hầu hết các tùy chọn có thể được áp dụng cho các bản sao tạo ra nhờ sử dụng các tùy chọn sửa lại khác, mặc dù ngoại trừ **Image overlay (Lớp phủ hình ảnh)** mỗi tùy chọn chỉ có thể áp dụng cho một lựa chọn (lưu ý rằng chỉnh sửa nhiều có thể gây ra mất các chi tiết). Các tuỳ chọn không thể áp dụng cho vùng hình ảnh hiện tại sẽ bị mờ và không dùng được.

Image Quality (Chất lượng hình ảnh)

Ngoại trừ trường hợp bản sao được tạo bởi **Trim (Xén), Image overlay** (Lớp phủ hình ảnh), NEF (RAW) processing (Xử lý NEF (RAW)), và **Resize (Thay đổi kích cỡ**), bản sao tạo ra từ ảnh JPEG có cùng cỡ và chất lượng với bản gốc, trong khi bản sao tạo ra từ ảnh NEF (RAW) được lưu như ảnh JPEG lớn chất lượng tốt, và bản sao tạo ra từ ảnh TIFF (RGB) được lưu như ảnh JPEG chất lượng tốt có cùng cỡ và chất lượng với bản gốc. Nén ưu tiên kích thước được dùng khi bản sao được lưu ở định dạng JPEG.

Tao Bản Sao Sửa Lai

Để tao một bản sao chỉnh sửa:

1 Chọn một mục trong menu sửa lai.

Nhấn ▲ hoặc ▼ để làm nổi bật môt muc và nhấn ▶ để chon.

2 Chon ảnh.

Làm nổi bật hình ảnh và nhấn 🙉. Để xem hình ảnh làm nổi bật toàn màn hình, nhấn và giữ nút [⊕] (QUAL).

🖉 Sửa lai

Nếu ảnh được ghi ở cài đặt chất lượng hình ảnh NEF + JPEG (🕮 56), chỉ hình ảnh NEF (RAW) được sửa lại. Máy ảnh không thể hiển thị hay sửa lai ảnh tao bởi thiết bi khác.

3 Chon tùy chọn chỉnh sửa.

Để biết thêm thông tin, xem phần dành cho muc được chon. Để thoát mà không cần tao bản sao sửa lai, nhấn MENU.

Monitor off Delay (Đô trễ tắt màn hình)

Màn hình sẽ tắt và hoat động sẽ bị hủy bỏ nếu không thực hiện hành động nào trong một thời gian ngắn. Bất kỳ thay đổi nào chưa được lưu sẽ bi mất. Để tăng thời gian màn hình hoat động, chon menu thời gian hiển thi màn hình lâu hơn với Tùy Chon Cài Đăt c4 (Monitor off delay (Đô trễ tắt màn hình); 🕮 253).



lor halance









4 Tạo một bản sao chỉnh sửa. 1 13/13 Nhấn 🐵 để tạo ra một bản sao sửa lai. Bản sao chỉnh sửa được chỉ định bởi biểu tượng 🗹. 🖉 Tạo Bản Sao Chỉnh Sửa Khi Phát Lại Các bản sao chỉnh sửa cũng có thể được tạo ra trong quá trình phát lại. RETOUCH MENU 🖻 🛛 D-Lighting Trim × Monochrom Ø Filter effect: Cancel 100NC_DF DSC_ 15/10/2013 10:0 Cancel OBSave Tao bản sao sửa lại.

Hiển thi ảnh k hình đầy và nhấn i.

	and color ball
NORMAL	1
× 🖬 4928×3280	15/10/2013 10:02
L A .	1
nuon	i am noi

bât một tùy chọn và nhấn 🛞.

D-Lighting chiếu sáng bóng đổ, lý tưởng cho ảnh tối hoặc ngược sáng.







Nhấn ▲ hoặc ▼ để chon phần chỉnh sửa được hiển thị. Có thể xem trước hiệu ứng trên hiển thị chỉnh sửa. Nhấn 🐵 để sao chép ảnh.



Red-Eye Correction (Điều Chỉnh Mắt Đỏ)

Tuỳ chọn này để sửa "mắt đỏ" do đèn nháy gây ra, và chỉ dùng được cho ảnh chụp sử dụng đèn nháy. Bức ảnh được chọn để khắc phục mắt đỏ có thể được xem trước trên màn hình hiển thị sửa lại. Xác nhận hiệu ứng của điều chỉnh mắt đỏ và tạo bản sao như mô tả ở bảng bên dưới. Lưu ý rằng điều chỉnh mắt đỏ không phải lúc nào cũng cho kết quả như mong muốn và trong một số trường hợp hiếm hoi có thể được áp dụng cho một số phần của ảnh không bị ảnh hưởng bởi mắt đỏ; kiểm tra phần xem trước thật kỹ trước khi tiếp tục.

Ðể	Sử dụng	Mô tả			
Phóng to	♥ (QUAL)	Nhấn nút ♥ (QUAL) để phóng to, ♥醫 (\$) để thu nhỏ. Khi phóng to ảnh, sử dụng đa bộ chọn để xem các vùng ảnh không nhìn thấy trong màn			
Thu nhỏ	୍≅ (\$)				
Xem các vùng khác của ảnh		hình. Giữ nhân đa bộ chọn đề cuộn đều đền vùng khác của khuôn hình. Cửa sổ định hướng hiển thị khi nhấn nút thu phóng hoặc đa bộ			
Hủy thu phóng	œ	chọn; vùng nhìn thấy hiện tại trên màn hình được chỉ định trong khung màu vàng. Nhấn ® để huỷ thu phóng.			
Tạo bản sao	œ	Nếu máy ảnh phát hiện ảnh được chọn bị mắt đỏ, một bản sao sẽ được tạo ra để tiến hành giảm hiệu ứng này. Bản sao sẽ không được tạ ra nếu máy ảnh không thể phát hiện màu mắt đỏ.			

Nút MENU 🔶 🚽 menu sửa lai

Tao bản sao đã xén của ảnh được chon. Ảnh được chon sẽ hiển thi với phần xén biểu hiện dưới màu vàng; tao một bản sao đã xén như mô tả ở bảng bên dưới.

🖉 Xem Bản Sao Đã Cắt

Thu phóng phát lai có thể không dùng được khi hiển thi bản sao đã cắt.

Đế	Sử dụng	Mô tả	
Giảm kích cỡ của phần xén	ବ୍≅ (\$)	Nhấn nút ଷ 🕻) để giảm kích cỡ phần xén.	
Tăng kích cỡ của phần xén	[€] (QUAL)	Nhấn nút 🍳 (QUAL) để tăng kích cỡ phần xén.	
Thay đổi tỉ lệ cạnh xén		Xoay đĩa lệnh chính để chuyển đổi tỷ lệ khuôn hình giữa 3 : 2, 4 : 3, 5 : 4, 1 : 1, và 16 : 9.	
Định vị xén Định vị xén		Sử dụng đa bộ chọn vị trí phần xén. Bấm và giữ để di chuyển nhanh phần xén đến vị trí mong muốn.	
Tạo bản sao	©K)	Lưu xén hiện tại thành tập tin riêng biệt.	

Xén: Chất Lương Hình Ảnh và Kích Cỡ Bản sao tao ra từ ảnh NEF (RAW) hoặc NEF

(RAW) + JPEG hoặc TIFF (RGB) có chất lượng hình ảnh (CC 55) JPEG nét; bản sao tao ra từ ản JPEG có chất lương giống bản gốc. Kích cỡ bản sao khác với kích cỡ xén và tỉ lê khuôn hình và xuất hiện ở phía trên trái phần hiển thi xén.





Trim (Xén)

Monochrome (Đơn sắc)

Bản sao ảnh có màu Black-and-white (Đen và trắng), Sepia (Nâu đỏ), hoặc Cyanotype (Xanh tím) (xanh da trời và trắng đơn sắc).



Việc chọn **Sepia (Nâu đỏ)** hay **Cyanotype (Xanh tím)** sẽ hiển thị xem trước của ảnh được chọn; nhấn ▲ để tăng độ bão hoà màu, ▼ để giảm. Nhấn để tạo ra một bản sao đơn sắc.

Tăng độ bão hòa



Giảm độ bão hòa



Filter Effects (Hiệu Ứng Bộ Lọc)

Chọn từ các hiệu ứng bộ lọc sau. Sau khi điều chỉnh hiệu ứng bộ lọc như mô tả bên dưới, nhấn 🛞 để sao chép ảnh.

Tùy chọn	Mô tả	
Skylight (Ánh sáng trời)	Tạo hiệu ứng lọc ánh sáng trời, giảm bớt màu xanh cho ảnh. Hiệu ứng có thể được xem trước trên màn hình như bên phải.	Skylight
Warm filter (Bộ lọc ấm)	Tạo một bản sao hiệu ứng bộ lọc tông màu ấm, tạo cho bản sao màu đỏ "ấm". Hiệu ứng có thể xem trước trên màn hình.	Cancel CillSave
Red intensifier (Tăng cường màu đỏ)	Tăng đỏ (Red intensifier (Tăng cường màu đỏ)), màu xanh (Green	Red intensifier
Green intensifier (Tăng cường màu xanh lục)	intensifier (Tăng cường màu xanh lục)), hoặc xanh trời (Blue intensifier (Tăng cường màu xanh	
Blue intensifier (Tăng cường màu xanh dương)	dương)). Nhân ▲ để tàng hiệu ứng, ▼ để giảm.	©Darker @Lighter C33Save
Cross screen (Chéo màn hình)	 Thêm các hiệu ứng ngôi sao cho nguồn sáng. Number of points (Số lượng điểm): Chọn từ bốn, sáu, hoặc tám. Filter amount (Mức bộ lọc): Chọn độ sáng của nguồn ánh sáng bị ảnh hưởng. Filter angle (Góc bộ lọc): Chọn góc của đi Length of points (Độ dài điểm): Chọn độ 	Cross screen Number of points Confirm Cancel ©Zoom OKOK ểm. ài điểm. bộ lọc, Nhấn ♥ (QUAL)
	để xem trước bản sao khuôn hình đầ • Save (Lưu): Tạo một bản sao chỉnh sửa	y.
Soft (Mềm)	Thêm hiệu ứng bộ lọc mềm. Nhấn ▲ hoặc ▼ để chọn cường độ bộ lọc.	Soft

Nút MENU 🔿 🛃 menu sửa lại

Sử dụng đa bô chon để tao ra một bản sao có cân bằng màu được điều chỉnh như minh hoa bên dưới. Hiêu ứng này được hiển thi trên màn hình cùng với biểu đồ màu đỏ, xanh lá cây và màu xanh (🕮 192) tao nên sư phân bố tông màu trên bản sao.

Interpretended in the second secon

Để phóng to hình ảnh hiển thi trên màn hình, nhấn 🏵 (QUAL). Biểu đồ sẽ cập nhật để hiển thị dữ liêu chỉ cho phần ảnh hiển thi trên màn hình. Trong khi phóng to hình ảnh, nhấn ?/--- (WB) để hoán đổi lui tới giữa cân bằng màu và thu phóng. Khi chon thu phóng, có thể phóng to, thu nhỏ với nút 🕆 (QUAL) và 🖓 🖬 🕻) và cuôn hình với đa bô chon.

Tăng màu xanh lá cây - Tao bản sao sửa lai Tăng màu xanh trời

Tăng màu đỏ sâm





Tăng lương màu hổ phách



Image Overlay (Lớp Phủ Hình Ảnh)

Lớp phủ hình ảnh kết hợp hai ảnh NEF (RAW) tồn tại để tạo thành một ảnh được lưu riêng biệt với bản gốc; kết quả sử dụng dữ liệu RAW từ cảm biến hình ảnh tốt hơn đáng kể so với lớp phủ tạo ra từ một ứng dụng tạo ảnh. Ảnh mới được lưu ở cài đặt chất lượng và cỡ hình ảnh hiện thời; trước khi tạo lớp phủ, cài đặt chất lượng và cỡ hình ảnh (III 55, 58; tất cả tuỳ chọn đều dùng được). Để tạo một bản sao NEF (RAW), chọn chất lượng hình ảnh **NEF (RAW)**.



 Chọn Image overlay (Lớp phủ hình ảnh).
 Làm nổi bật Image overlay (Lớp phủ hình ảnh) trong menu sửa lại và nhấn ▶.

> Hộp thoại như bên phải sẽ xuất hiện, với **Image 1 (Ảnh 1)** được làm nổi bật; nhấn ® để hiển thị danh sách ảnh NEF tạo ra bởi máy ảnh này.



	RETOUCH MENU	
	D-Lighting	B
-	Red-eye correction	۲
4	Trim	×
T	Monochrome	
	Filter effects	0
	Color balance	80 <i>1</i> /
	Image overlay	9
?	NEF (RAW) processing	R₩+



2 Chọn hình ảnh đầu tiên. Sử dụng đa bộ chọn để làm nổi bật bức ảnh đầu tiên trong lớp phủ. Để xem toàn màn hình ảnh được làm nổi bật, nhấn và giữ nút ^Q (QUAL). Nhấn ^Q để chon

ảnh được làm nổi bật và trở về hiển thị xem trước.

3 Chọn hình ảnh thứ hai.

Hình được chọn sẽ xuất hiện là **Image 1 (Ảnh 1)**. Làm nổi bật **Image 2 (Ảnh 2)** và nhấn ^(Q), sau đó chọn ảnh thứ hai như mô tả ở Bước 2.

4 Điều chỉnh tăng.

Chọn **Image 1 (Ảnh 1)** hay **Image 2 (Ảnh 2)** và tối ưu phơi sáng cho lớp phủ bằng cách nhấn ▲ hoặc ▼ để chọn tăng từ giá trị giữa 0,1 và 2,0. Lặp lại cho

hình ảnh thứ hai. Giá trị mặc định là 1,0; chọn 0,5 đến chia đôi hoặc 2,0 để tăng gấp đôi. Xem được các hiệu ứng trong cột **Preview (Xem trước)**.

5 Xem trước lớp phủ.

Nhấn ◀ hoặc ► để đặt con nháy trong cột **Preview (Xem trước)** và nhấn ▲ hoặc ▼ để đánh dấu làm nổi bật **Overlay** (**Lớp phủ**). Nhấn để xem

trước lớp phủ như bên phải (để lưu lớp phủ mà không cần hiển thị xem trước, chọn **Save (Lưu)**). Để trở về Bước 4 và chọn ảnh mới để tăng điều chỉnh, nhấn **འཕ (**ʑ).









6 Lưu lớp phủ.

Nhấn () trong khi xem trước được hiển thị để lưu lớp phủ. Sau khi lớp phủ được tạo ra, ảnh kết quả sẽ được hiển thị khuôn hình đầy trên màn hình.



Mage Overlay (Lớp Phủ Hình Ảnh)

Chỉ có các bức ảnh NEF (RAW) có cùng vùng hình ảnh và độ sâu bit mới có thể kết hợp được.

Lớp phủ có cùng thông tin ảnh (bao gồm ngày ghi, đo sáng, tốc độ cửa trập, độ mở ống kính, chế độ phơi sáng, bù phơi sáng, tiêu cự và hướng ảnh) cũng như các giá trị cho cân bằng trắng và Picture Control như ảnh được chọn cho **Image 1 (Ảnh 1)**. Các chú thích hình ảnh hiện tại gắn với lớp phủ khi nó được lưu; tất nhiên không sao chép được thông tin bản quyền. Các lớp phủ lưu ở định dạng NEF (RAW) sử dụng nén được chọn cho **Type (Loại)** trong menu **NEF (RAW) recording (Ghi NEF (RAW))**và có cùng độ sâu bit với bản gốc; lớp phủ JPEG được lưu sử dụng nén ưu tiên kích cỡ.

RETOUCH MENU

rocessing

8

۲

۷

0

8 10 5

D-Lighting

Monochrom

Trim

Red-eye correction

NEF (RAW) Processing (Xử Lý NEF (RAW))

Tạo các bản sao JPEG của ảnh NEF (RAW).

 Chọn NEF (RAW) processing (Xử lý NEF (RAW)).
 Làm nổi bật NEF (RAW)

processing (Xử lý NEF (RAW))

trong menu sửa lại và nhấn 🕨

để hiển thị hội thoại chọn ảnh chỉ liệt kê những ảnh NEF (RAW) tạo ra từ máy ảnh này.

2 Chọn ảnh.

Làm nổi bật bức ảnh (để xem toàn khuôn hình bức ảnh được làm nổi bật, nhấn giữ nút \mathfrak{P} (**QUAL**)). Nhấn \mathfrak{W} để chọn bức ảnh được làm nổi bật và chuyển sang bước tiếp theo.



3 Chọn cài đặt cho bản sao JPEG.

Điều chỉnh các cài đặt được liệt kê bên dưới. Lưu ý rằng cân bằng trắng và điều chỉnh tạo họa tiết không dùng được với đa phơi sáng hay ảnh được tạo ra bằng lớp phủ hình ảnh và bù phơi sáng chỉ có thể cài đặt đến giá trị giữa –2 và +2 EV. Lưới Picture Control không được hiển thị khi các Picture Control được điều chỉnh.



4 Sao chép ảnh.

Làm nổi bật **EXE** và nhấn ® để tạo bản sao JPEG của ảnh được chọn (để thoát mà không cần sao chép ảnh, nhấn nút **MENU**).



Tao bản sao nhỏ của ảnh được chọn.

1 Chon Resize (Thay đổi kích cỡ).

Để thay đổi kích cỡ ảnh được chon, nhấn MENU để hiển thi menu và chon Resize (Thay đổi kích cỡ) trong menu sửa lai.



Resize

Select image

Choose size

	RETOUCH MENU		
	Resize		
	Quick retouch	Ľ×	
4	Straighten	1	
1	Distortion control	•	
-	Fisheye		
	Color outline	53	
	Color sketch	5	
?	Perspective control	11	

2 Chọn kích cỡ. Làm nổi bật Choose size (Chọn kích cỡ) và nhấn ▶.

Các tùy chon được hiển thi ở bên phải sẽ được hiển thi; làm nổi bật một tuỳ chon và nhấn €К.



	Resize	
6	Choose size	
	3.5м 2304x1536; 3.5 M	
Τ.	2.5м 1920x1280; 2.5 M	OK
	1.1м 1280x 856; 1.1 M	
	0.6м 960х 640; 0.6 М	
	0.3M 640x 424; 0.3 M	

2.5M ▶

3 Chọn ảnh. Làm nổi bật Select image (Chọn hình ảnh) và nhấn ►.





Hộp thoại hiển thị ở bên phải sẽ được hiển thị; làm nổi bật các bức ảnh bằng cách sử dụng đa bộ chọn và nhấn nút **འඏ (\$**) để chọn hoặc hủy chọn (để xem toàn màn hình bức ảnh được



làm nổi bật, nhấn giữ nút 🎕 (QUAL)). Ảnh được chọn được đánh dấu bởi biểu tượng 🆼. Nhấn 🐵 khi chọn xong.

4 Lưu bản sao đổi kích cỡ.

Hộp thoại xác nhận sẽ được hiển thị. Làm nổi bật **Yes (Có)** và nhấn ® để lưu bản sao thay đổi kích cỡ.



🖉 Xem Bản Sao Đã Đổi Kích Cỡ

Thu phóng phát lại có thể không dùng được khi thay đổi kích cỡ bản sao đang hiển thị.

Image Quality (Chất lượng hình ảnh)

Bản sao tạo ra từ ảnh NEF (RAW) hoặc NEF (RAW) + JPEG hoặc TIFF (RGB) có chất lượng hình ảnh (印 55) JPEG nét; bản sao xén tạo ra từ ản JPEG có chất lượng giống bản gốc.

=

Quick Retouch (Sửa Lai Nhanh)

Tao bản sao với đô bão hòa và đô tương phản tăng. D-Lighting được sử dụng để tăng đô sáng vật thể tối hoặc thiếu ánh sáng.

Nhấn ▲ hoặc ▼ để chon mức tăng. Có thể xem trước hiệu ứng trên hiển thi chỉnh sửa. Nhấn 🛞 để sao chép ảnh.

Straighten (Nắn thẳng)

Tạo bản sao nắn thẳng của ảnh được chọn. Nhấn 🕨 để xoay hình theo chiều kim đồng hồ lên đến năm đô với gia số khoảng 0,25 đô, nhấn 🗲 để xoay ngược chiều kim đồng hồ (có thể xem trước hiệu ứng trên hiển thị chỉnh sửa; lưu ý là viền ảnh sẽ bị cắt để tao khung

bản sao). Nhấn 🐵 để sao chép ảnh, hoặc nhấn 돈 để thoát khỏi phát lai mà không cần tao bản sao.





Nút MENU 🔿 🚽 menu sửa lại



Nút MENU 🔶 🚽 menu sửa lai
Distortion Control (Điều Khiển Biến Dạng)

Tạo bản sao với sự biến dạng ngoại biên giảm. Chọn **Auto (Tự động)** để máy ảnh tự động chỉnh sửa biến dạng và sau đó điều chỉnh sử dụng đa bộ chọn, hoặc chọn **Manual (Bằng tay)** để giảm biến dạng bằng tay (lưu ý rằng **Auto (Tự động)** không dùng

được với ảnh chụp sử dụng điều khiển biến dạng tự động; xem trang 241). Nhấn ▶ để giảm hiện tượng cong đường biên hình, nhấn ◀ để giảm biến dạng đệm chốt (có thể xem trước hiệu ứng trên màn hình hiển thị sửa lại; lưu ý rằng số lượng điều khiển biến dạng lớn hơn dẫn đến việc nổi lên nhiều mép hơn). Nhấn ֎ để sao chép ảnh, hoặc nhấn ▶ để thoát khỏi phát lại mà không cần tạo bản sao. Lưu ý rằng điều khiển biến dạng có thể xén hoặc làm biến dạng nặng nề bản sao tạo ra từ bức ảnh được chụp với ống kính DX tại vùng hình ảnh thiết lập tại **FX (36×24) 1.0×**.

🖉 Tự động

Auto (Tự động) chỉ dùng cho ảnh chụp bằng thấu kính loại G, E và D (không bao gồm PC, mắt cá, các loại thấu kính khác). Không đảm bảo kết quả cho các loại thấu kính khác.

Fisheye (Mắt cá)

Tạo các bản sao đã được chụp bởi thấu kính mắt cá. Nhấn ▶ để tăng hiệu ứng (còn để tăng lượng viền ảnh bị xén), nhấn ◀ để giảm. Có thể xem trước hiệu ứng trên hiển thị chỉnh sửa. Nhấn ֎ để sao chép ảnh, hoặc nhấn ► để thoát khỏi phát lại mà không cần tạo bản sao.

Nút MENU 🔿 🛃 menu sửa lại





Color Outline (Phác Màu Chính)

Tao một bản sao phác thảo của một bức ảnh để làm cơ sở cho việc sơn màu. Có thể xem trước hiệu ứng trên hiển thị chỉnh sửa. Nhấn 🛞 để sao chép ảnh.

Color Sketch (Phác Hoa Màu)

Tao môt bản sao của môt bức ảnh tương tư như một bản thảo bằng bút chì màu. Nhấn 🔺 hoăc ▼ để làm nổi bât Vividness (Đô săc sỡ) hoăc Outlines (Viền) và nhấn ◀ hoặc ► để

thay đổi. Có thể tăng đô sống đông lên để màu bão hòa hơn, hoặc giảm để làm rã một

hiêu ứng đơn sắc, trong khi viền có thể làm dày hơn hoặc mỏng đi. Đường nét dày hơn làm cho màu sắc bão hòa hơn. Kết quả có thể được xem trước trên màn hình chỉnh sửa. Nhấn 🛞 để sao chép ảnh, hoặc nhấn 🕩 để thoát khỏi phát lại mà không cần tạo bản sao.

Sau



Outlines



Nút MENU 🔶 🚽 menu sửa lai





Cancel QZoo

Nút MENU 🔿 🚽 menu sửa lại

Tạo bản sao làm giảm hiệu ứng của phối cảnh tao ra từ nền của một đối tương cao. Sử dụng đa bô chon để điều chỉnh phối cảnh (lưu ý rằng điều khiển phối cảnh càng nhiều sẽ dẫn đến nhiều đường viền bi cắt ra). Kết quả có thể được xem trước trên màn hình chỉnh sửa.

Nhấn 🛞 để sao chép ảnh, hoặc nhấn 🕩 để thoát khỏi phát lại mà không cần tao bản sao.



Trước







Tạo một bản sao thành một bức tranh tầm sâu. Chụp tốt nhất tại một điểm cao thuận lợi. Vùng sẽ được lấy nét trên bản sao được thể hiện bằng khuôn hình màu vàng.

Ðể	Nhấn	Mô tả	à
Chọn hướng	୧ ଞ (୨)	Nhấn 🕾 (🗲) để chọn hướ	ng vùng được lấy nét.
(han ui tuí		Nếu vùng ảnh hưởng theo chiều rộng, nhấn ▲ hoặc ▼ để định vị khuôn hình thể hiện khu vực lấy nét của bản sao.	
chộn vị ch		Nếu vùng tác động có hướng dọc, nhấn ◀ hoặc ▶ để định vị khuôn hình thể hiện vùng lấy nét của bản sao.	Cancel Q(confirm 03)Save
Chon kích cỡ		Nếu vùng tác động có hư hoặc ▶ để chọn chiều cao	ớng rộng, nhấn ◀ o.
		Nếu vùng tác động có hư hoặc ▼ để chọn chiều rội	ớng dọc, nhấn ▲ ng.
Xem trước bản sao	[⊕] (QUAL)	Xem trước bản sao.	
Huỷ	►	Thoát khỏi phát lại mà kh	ông tạo bản sao.
Tạo bản sao	<u> </u>	Tạo bản sao.	

Tạo bản sao trong đó chỉ xuất hiện màu sắc được chọn.

1 Chọn Selective color (Màu tuyển chọn).

Làm nổi bật Selective color (Màu tuyển chọn) trong menu sửa lại và nhấn ▶ để hiển thị hội thoại lựa chọn ảnh.



2 Chọn ảnh.

Làm nổi bật bức ảnh (để xem toàn khuôn hình bức ảnh được làm nổi bật, nhấn giữ nút (QUAL)). Nhấn ® để chọn bức ảnh được làm nổi bật và chuyển sang bước tiếp theo.

Selective color



3 Chọn một màu.

Sử dụng đa bộ chọn để định vị con trỏ trên đối tượng và nhấn nút 結 AE-L/ AF-L để chọn màu sắc của vật thể mà vẫn còn lại trong bản sao cuối cùng (máy ảnh có thể khó dò tìm



Màu được chọn



màu sắc không bão hòa; chọn màu bão hòa). Để phóng to bức ảnh nhằm chọn màu chính xác, nhấn 역 (QUAL). Nhấn 역 (\$) để thu nhỏ.

- 4 Làm nổi bật phạm vi màu. Xoav đĩa lênh chính để làm nổi bât pham vi màu cho màu được chon.
- 5 Chọn phạm vi màu. Nhấn ▲ hoặc ▼ để tăng hoặc giảm pham vi màu sắc tương tư sẽ xuất hiên trong bức ảnh cuối cùng. Chon từ các giá tri từ 1 đến 7; lưu ý rằng giá tri cao hơn

có thể bao gồm màu sắc từ các màu khác. Có thể xem trước hiêu ứng trên hiển thi chỉnh sửa.

6 Chọn thêm màu.

Để chon màu bổ sung, xoay đĩa lênh chính để làm nổi bât một hộp màu khác trong ba hộp ở trên cùng màn hình hiển thi và lăp lai các Bước 3–5 để chon

màu khác. Lặp lại đối với màu thứ ba nếu muốn. Để bỏ màu sắc nổi bật, nhấn 🗑, hoặc nhấn và giữ 🗑 để xóa bỏ tất cả màu sắc. Hộp thoại xác nhân sẽ được hiển thi; chon Yes (Có).

l ưu bản sao đã chỉnh sửa. Nhấn 🐵 để sao chép ảnh.









Pham vi màu

B¢) || B 3



Side-by-side Comparison (So Sánh Canh Nhau)

So sánh bản sao sửa lai với ảnh gốc. Tùy chon này chỉ dùng được khi nhấn nút *i* để hiển thi menu sửa lai khi một bản sao hoặc bản gốc được phát lại khuôn hình đầy.

1 Chon ảnh.

Trong phát lại khuôn hình đầy, chọn một bản sao sửa lại (hiển thị bởi biểu tượng (d) hay môt bức ảnh được sửa lai và nhấn i.





Nút i

2 Chon Side-by-side comparison (So Sánh Canh Nhau).

Làm nổi bât Side-by-side comparison (So Sánh Canh Nhau) và nhấn 🕅.



3 So sánh bản sao với bản gốc.

Hình ảnh nguồn được hiển thị trên bên trái, bản sao chỉnh sửa ở bên phải, các tuỳ chọn dùng để tạo bản sao được liệt kê ở trên cùng của hiển thị. Nhấn ◀ hoặc ▶ để chuyển đổi giữa hình ảnh nguồn và bản sao sửa lại. Để xem toàn màn hình ảnh





Hình ảnh Bản sao sửa nguồn lại

Side-by-side Comparisons (Đặt cạnh nhau để so sánh) Ảnh nguồn sẽ không được hiển thị nếu bản sao được tạo ra từ ảnh đã được bảo vệ (따 201), đã bị xóa hay ẩn (따 230).

'⊡ My Menu (Menu Của Tôi)/ '⊡ Recent Settings (Cài Đặt Gần Đây)

Để hiển thị Menu Của Tôi, nhấn **MENU** và chọn tab 🗟 (Menu Của Tôi).



Nút MENU

Tùy chọn **MY MENU (Menu Của Tôi)** có thể được sử dụng để tạo và chỉnh sửa danh sách các tùy chọn đã sửa đổi về phát lại, chụp, Cài Đặt Tùy Chọn, các menu cài đặt và sửa lại để truy cập nhanh (lên tới 20 mục). Nếu muốn, cài đặt hiện thời có thể hiển thị tại vị trí Menu Của Tôi (□ 317).

Tùy chọn có thể được thêm vào, xóa, và sắp xếp lại như mô tả tại các trang dưới đây.



[]

💵 Xóa Các Tùy Chọn khỏi Menu Của Tôi

1 Chọn Remove items (Xóa mục).

Trong Menu Của Tôi (団), làm nổi bật **Remove items (Xóa mục)** và nhấn ▶.

2	Chon muc.		Remove items	
	Làm nổi bật các mục và nhấn ► để chọn hoặc bỏ chọn. Mục đã chọn được chỉ định bởi một dấu kiểm tra.		Done Done Image size Image quality JPEC compression NEF (RAW) recording I 4 Assign Fn button	C

- 3 Chọn Done (Xong). Làm nổi bật Done (Xong) và nhấn [™]. Một hội thoại xác nhận sẽ xuất hiện.
- 4 Xóa các mục đã chọn. Nhấn ® để xóa mục đã chọn.



emove item

lmage size Image quality

JPEG compression NEF (RAW) recording

#4 Assign Fn button

🖉 Xóa Mục Trong Menu Của Tôi

Để xóa mục đang được chọn trong Menu Của Tôi, nhấn nút t. Một hộp thoại xác nhận xuất hiện; nhấn tỉ lần nữa để loại bỏ mục đã chọn trong Menu Của Tôi.

💵 Sắp Xếp Lại Tùy Chọn trong Menu Của Tôi

- Chọn Rank items (Xếp hạng mục). Trong Menu Của Tôi (団), làm nổi bật Rank items (Xếp hạng mục) và nhấn ►.
- 2 Chọn một mục. Làm nổi bật mục muốn di chuyển và nhấn ⁽⁹⁾.





3 Định vị mục. Nhấn ▲ hoặc ▼ để di chuyển mục lên xuống trong Menu Của Tôi và nhấn [®]. Lặp lại các bước 2–3 để định lại vị trí cho các mục bổ sung.





Nút MENU

<u>Recent Settings (Cài Đặt Gần Đây)</u>

Để hiển thị hai mươi cài đặt sử dụng gần nhất, chọn 🗐 RECENT SETTINGS (Cài Đặt Gần Đây) cho 🗟 MY MENU (Menu Của Tôi) > Choose tab (Chọn tab).

1 Chọn Choose tab (Chọn tab).

Trong Menu Của Tôi (団), làm nổi bật **Choose tab (Chọn tab)** và nhấn ►.



	MY MENU	
	Image quality	NORM
	JPEG compression	1
1	NEF (RAW) recording	
Ľ	f4 Assign Fn button	
4	Add items	
5	Remove items	
	Rank items	
?	Choose tab	1

2 Chọn ☐ RECENT SETTINGS (Cài Đặt Gần Đây). Làm nổi bật ☐ RECENT SETTINGS (Cài Đặt Gần Đây) và nhấn ◎. Tên của menu sẽ thay đổi từ "MY MENU" (Menu



Của Tôi) sang "RECENT SETTINGS" (Cài Đặt Gần Đây).

Các mục menu sẽ được thêm vào trên cùng của cài đặt gần đây khi chúng được sử dụng. Để xem lại Menu Của Tôi, chọn (MY MENU (Menu Của Tôi) cho (RECENT SETTINGS (Cài Đặt Gần Đây) > Choose tab (Chọn tab).



Chú Ý Kỹ Thuật

Đọc chương này để có thêm thông tin về phụ kiện tương thích, vệ sinh và lưu giữ máy ảnh, và những điều cần thực hiện khi một thông báo lỗi được hiển thị hoặc bạn gặp vấn đề trong việc sử dụng máy ảnh.

Các Thấu Kính Tương Thích

Cài đặt máy ảnh		Chế độ lấy nét		Chế độ phơi sáng		Hệ thống đo sáng			
		AE M (với máy		м	P A		$\mathbf{\overline{O}}$		۲
Thấ	u kính/phụ kiện	~	ngắm điện tử)	m	S	м	3D	Màu	·
-	Loại G, E, hoặc D AF NIKKOR² AF-S, AF-I NIKKOR	~	~	~	~	~	~	_	√ ³
hấu	Dòng PC-E NIKKOR ⁴	—	✓ 5	~	√ ⁵	✔5	√ ⁵	—	✓ ^{3,5}
ŗ	PC Micro 85mm f/2.8D ⁶	—	√ ⁵	~	-	V ⁷	~	_	√ ^{3,5}
h	Bộ chuyển từ xa AF-S /AF-I ⁸	~	~	~	~	~	~	—	√ ³
CPU1	AF NIKKOR khác (ngoại trừ các loại thấu kính cho F3AF)	1 9	√ ⁹	~	~	~	_	~	√ ³
	AI-P NIKKOR	—	✓ ¹⁰	~	~	~	—	~	√ ³
Ŧ	NIKKOR hoặc Nikon thuộc Dòng E kiểu Al, Al đã được sửa đổi ¹²	—	✔ ¹⁰	~	-	✓ ¹³	_	✓ ¹⁴	✓ 15
iấu	Các thấu kính không Al	—	✓ ¹⁰	~	-	V ¹⁶	_	✓ ¹⁶	V ¹⁵
Kín	Medical-NIKKOR 120mm f/4	—	~	~	—	V ¹⁷	—	—	—
Ъ,	Reflex-NIKKOR		—	~	—	✓ ¹³	—	—	V ¹⁵
ĥô	PC-NIKKOR	—	√ ⁵	~	-	✓ ¹⁸	—	—	~
рŋ	Bộ chuyển từ xa kiểu Al ¹⁹	—	✓ ²⁰	~	-	✓ ¹³	—	✓ ¹⁴	V ¹⁵
P	Phần Gắn Hộp Xếp Lấy Nét PB-6 ²¹	—	✓ ²⁰	~	—	✓ ²²	—	—	~
۳	Các vòng mở rộng tự động (Dòng PK 11A, 12 hoặc 13; PN-11)	_	✔ ²⁰	~	_	✓ ¹³	_	—	~

1 Không thể sử dụng thấu kính IX-NIKKOR.

2 Chức năng Chống Rung (VR) được hỗ trợ với các thấu kính VR.

- 3 Chức năng đo sáng điểm sẽ đo điểm lấy nét đã chọn (^{III} 75).
- 4 Quan sát thận trọng khi nâng hoặc chuyển thấu kính PC-E NIKKOR 24mm f/3.5D ED, vì chúng có thể tiếp xúc với thân máy ảnh và gây hư hỏng hoặc chấn thương.

5 Không thể được sử dụng trong trạng thái dịch chuyển hoặc nghiêng.

- 6 Các hệ thống đo phơi sáng và điều khiển đèn nháy của máy ảnh có thể không hoạt động đúng khi giữ và/hoặc nghiêng thấu kính, hoặc khi sử dụng độ mở ống kính không ở mức cực đại.
- 7 Chỉ chế độ phơi sáng bằng tay.
- 8 Chỉ sử dụng được với thấu kính AF-S và AF-I (III 321). Để biết thông tin về điểm lấy nét dùng cho lấy nét tự động và máy ngắm điện tử, xem trang 321.
- 9 Khi lấy nét ở khoảng cách lấy nét tối thiểu với AF 80–200mm f/2.8, AF 35–70mm f/2.8, AF 28–85mm f/3.5–4.5 <Mới>, hoặc thấu kính ở thu phóng cực đại AF 28–85mm f/3.5–4.5, chỉ báo đã được lấy nét xuất hiện khi hình ảnh trong màn hình đục trên kính ngắm không được lấy nét.
- 10 Với độ mở ống kính cực đại ở mức f/5.6 hoặc nhanh hơn.
- 11 Một số thấu kính không dùng được (xem trang 320).
- 12 Phạm vi xoay của bộ phận gắn giá ba chân của Al 80–200mm f/2.8 ED được giới hạn bởi thân máy ảnh. Không thể thay đổi các bộ lọc khi Al 200–400mm f/4 ED được gắn trên máy ảnh.
- 13 Nếu độ mở ống kính tối đa được xác định bằng cách sử dụng Non-CPU lens data (Dứ liệu thấu kính không CPU) (^{III} 163), giá trị độ mở ống kính sẽ được hiển thị trong kính ngắm và bảng điều khiển.
- 14 Chỉ có thể được dùng nếu tiêu cự thấu kính và độ mở ống kính cực đại được xác định bằng cách sử dụng Non-CPU lens data (Dữ liệu thấu kính không CPU) (III 163). Sử dụng chức năng đo sáng cân bằng trung tâm hoặc đo sáng điểm nếu không đạt được kết quả mong muốn.
- 15 Để cải thiện độ chính xác, xác định tiêu cự thấu kính và độ mở ống kính cực đại bằng cách sử dụng Non-CPU lens data (Dứ liệu thấu kính không CPU) (□ 163).
- 16 Chỉ có thể sử dụng nếu Non-CPU lens data (Dứ liệu thấu kính không CPU) (□ 163) đã được dùng để xác định tiêu cự thấu kính và độ mở ống kính tối đa và để đặt ghép đo phơi sáng đối với Non-Al lens (Thấu kính không Al) (□ 167). Đặt cài đặt độ mở ống kính máy ảnh khớp với giá trị được chọn với vòng mở thấu kính.
- 17 Có thể được dùng trong chế độ phơi sáng bằng tay với tốc độ cửa trập chậm hơn tốc độ đồng bộ đèn nháy một bước hoặc nhiều hơn.
- 18 Độ phơi sáng được xắc định bằng cách cài đặt trước độ mở thấu kính. Trong chế độ phơi sáng tự động ưu tiên độ mở ống kính, cài đặt trước độ mở ống kính bằng cách sử dụng vòng mở thấu kính trước khi thực hiện khóa AE và dịch chuyển thấu kính. Trong chế độ phơi sáng bằng tay, cài đặt trước độ mở ống kính bằng cách sử dụng vòng mở thấu kính và xác định độ phơi sáng trước khi dịch chuyển thấu kính.
- 19 Cần chức năng bù phơi sáng khi sử dụng với Al 28–85mm f/3.5–4.5, Al 35–105mm f/3.5–4.5, Al 35–135mm f/3.5–4.5, hoặc AF-S 80–200mm f/2.8D. Xem tài liệu hướng dẫn bộ chuyển từ xa để biết thêm chi tiết.
- 20 Với độ mở ống kính hiệu quả cực đại ở mức f/5.6 hoặc nhanh hơn.
- 21 Yêu cầu vòng mở rộng tự động PK-12 hoặc PK-13. Yêu cầu PB-6D tùy thuộc vào định hướng máy ảnh.
- 22 Sử dụng độ mở ống kính cài đặt trước. Trong chế độ phơi sáng tự động ưu tiên độ mở ống kính, cài đặt độ mở ống kính bằng cách sử dụng bộ phận lấy nét gắn ngoài trước khi xác định độ phơi sáng và chụp ảnh.
- PF-4 Reprocopy Outfit yêu cầu giá giữ máy ảnh PA-4.
- Nhiễu có thể xuất hiện dưới dạng đường thẳng trong quá trình lấy nét tự động khi độ nhạy ISO cao. Sử dụng chức năng lấy nét bằng tay hoặc khóa lấy nét.

M

🖉 Nhận Diện Thấu Kính CPU và Loại G, E và D

Các thấu kính CPU (cụ thể là các loại G, E và D) được khuyên dùng, nhưng lưu ý là không được dùng các thấu kính IX-NIKKOR. Các thấu kính CPU có thể được nhận biết qua sự hiện diện của các tiếp xúc CPU, các thấu kính loại G, E và D qua chữ cái trên đường biên của thấu kính. Các thấu kính loại G và E không được trang bị vòng mở thấu kính.

Các tiếp điểm CPU





Vòng độ mở ống kính



Thấu kính CPU

Thấu kính loại G/E

Thấu kính loại D

🖉 Thấu kính số f

Số f trong tên thấu kính là độ mở ống kính tối đa của thấu kính.

🗹 Các Phụ Kiện và Thấu Kính Không CPU Không Tương Thích

Phụ kiện sau KHÔNG được dùng với Df:

- Bộ chuyển từ xa AF TC-16AS
- Các thấu kính yêu cầu bộ lấy nét AU -1 (400mm f/4.5, 600mm f/5.6, 800mm f/8, 1200mm f/11)
- Mắt cá (6mm f/5.6, 7.5mm f/5.6, 8mm f/8, OP 10mm f/5.6)
- 2.1cm f/4
- Vòng Mở Rộng K2
- Các thấu kính AF cho F3AF (AF 80mm f/2.8, AF 200mm f/3.5 ED, Bộ Chuyển Từ Xa AF TC-16)
- PC 35mm f/3.5 (loại cũ)
- Reflex 1000mm f/6.3 (loại cũ)
- Óng kính NIKKOR-H Auto 2,8cm/3,5 (28mm/3,5) có số sê-ri dưới 362000

- Óng kính NIKKOR-S Auto 3,5cm/2,8 (35mm/2,8) có số sê-ri dưới 928000
- NIKKOR-S Auto 5cm/2 (50mm/2)
- Óng kính NIKKOR-Q Auto 13,5cm/ 3,5 (135mm/3,5) có số sê-ri dưới 753000
- Micro-NIKKOR 5,5cm/3,5
- Medical-NIKKOR Auto 200mm/f5,6
- Auto NIKKOR Telephoto-Zoom 85-250mm/f4-4,5
- Auto NIKKOR Telephoto-Zoom 200-600mm/f9,5-10,5

Tùy thuộc vào điều kiện của chúng, các ống kính loại khác có thể không phù hợp để sử dụng. Không cố lắp ống kính không khớp vừa với lỗ gắn của máy ảnh.

320

ľ

🖉 Bộ chuyển từ xa AF-S/AF-I

Bảng dưới đây hiển thị các điểm lấy nét có sẵn để lấy nét tự động và máy ngắm điện tử khi đính kèm một bộ chuyển từ xa AF-S/AF-I. Lưu ý rằng máy ảnh không thể lấy nét trên vật tối hoặc độ tương phản thấp nếu độ mở ống kính kết hợp thấp hơn f/5.6. Lấy nét tự động không khả dụng khi bộ chuyển từ xa được sử dụng với Micro-Nikkor AF-S VR 105mm f/2.8G IF-ED.

Phụ kiện	Độ mở ống kính tối đa của thấu kính	Điểm lấy nét	Phụ kiện	Độ mở ống kính tối đa của thấu kính	Điểm lấy nét
TC-14E, TC-14E II	f/4 hoặc nhanh hơn		TC-20E,	f/2.8 hoặc nhanh hơn	
			TC-20E II, TC-20E III	f/4	00000000000000000000000000000000000000
	f/5.6		10 202 11	f/5.6	3
	f/2.8 hoặc nhanh hơn		TC-800- 1.25E ED	f/5.6	2
TC - 17E II	f/4	2			
	f/5.6	3			
1 Dữ liệu lấy nét cho các điểm lấy nét không phải điểm lấy nét trung tâm được thu từ các cảm biến đường thẳng.					

2 Lấy nét tự động điểm đơn được dùng khi chọn theo dõi 3D hoặc lấy nét tự động vùng tự động cho chế độ vùng lấy nét tự động (^{CII} 62).

3 Chức năng lấy nét tự động không sẵn sàng.

🖉 Tính Toán Góc Xem

Df có thể được sử dụng với các thấu kính Nikon cho loại máy ảnh định dạng 35mm (135). Nếu **Auto DX crop (Xén DX tự động)** bật (\square 52) và kèm theo thấu kính định dạng 35mm, góc xem sẽ giống như khuôn hình phim 35mm (36,0 × 23,9 mm); nếu kèm theo thấu kính DX, góc xem sẽ tự động điều chỉnh đến 23,4 × 15,5 mm (định dạng DX).

Nếu kèm theo thấu kính định dạng 35mm, góc xem có thể giảm xuống 1,5 × bằng cách tắt **Auto DX crop (Xén DX tự động)** và chọn **DX** (24×16).



của thấu kính định dạng 50mm ở định dạng 35mm sẽ là 75 mm khi chon **DX (24×16)**).

Các Phụ Kiện Khác

Tại thời điểm ghi, những phụ kiện sau đã có sẵn cho Df.

Các nguồn điện	 Pin Sạc Li-ion EN-EL14a (^{CD} 18, 19): Cũng có thể sử dụng pin sạc EN-EL14. Pin EN-EL14a bổ sung có sẵn tại các nhà bán lẻ và đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền ở địa phương. Bộ Sạc Pin MH-24 (^{CD} 18): Sạc pin EN-EL14a và EN-EL14. Đầu Nối Nguồn EP-5A, Bộ Đối Điện AC EH-5b: Những phụ kiện này có thể được sử dụng cấp nguồn cho máy ảnh để kéo dài thời gian sử dụng (bộ đổi điện EH-5a và EH-5 AC cũng có thể được sử dụng). Cần có EP-5A để có thể kết nối máy ảnh với EH-5b; xem trang 326 để biết thêm chi tiết.
Nhả cáp	Nhả Cáp AR-3 : Gắn vào ổ cắm nhả giúp ngăn ngừa lắc máy ảnh khi cận cảnh hoặc ánh sáng yếu.
Các bộ lọc	 Các bộ lọc dành cho nhiếp ảnh hiệu ứng đặc biệt có thể gây cản trở cho chức năng lấy nét tự động hoặc máy ngắm điện tử. Df không thể được dùng với các bộ lọc phân cực tuyến tính. Thay vào đó hãy sử dụng các bộ lọc phân cực xoay được C-PL hoặc C-PL II. Sử dụng các bộ lọc NC để bảo vệ thấu kính. Để tránh bóng ma, không nên sử dụng bộ lọc khi đối tượng được tạo khuôn hình theo hướng ngược với ánh sáng chói, hoặc khi nguồn sáng chói ở trong khuôn hình. Chức năng đo sáng cân bằng trung tâm được khuyên dùng với các bộ lọc với các yếu tố phơi sáng (các yếu tố bộ lọc) trên 1× (Y44, Y48, Y52, O56, R60, X0, X1, C-PL, ND2S, ND4, ND4S, ND8, ND8S, ND400, A2, A12, B2, B8, B12). Xem tài liệu hướng dẫn về bộ lọc để biết thêm chi tiết.

Khả năng cung cấp có thể khác nhau tùy từng quốc gia hoặc khu vực. Tham khảo trang web hoặc sách quảng cáo để có thông tin mới nhất.

M

	 Hốc Mắt Cao Su DK-19: DK-19 giúp dễ dàng nhìn ảnh trong
	kính ngắm, ngăn ngừa mỏi mắt.
	• Thấu Kính Ngắm Điều Chỉnh Diốt DK-17C: Để thích ứng với những
	khác biệt về thị lực, có sẵn kính ngắm với các điốt −3, −2, 0,
	+1, và +2 m ⁻¹ . Chỉ sử dụng thấu kính điều chỉnh điốt khi
	không thể đat được đô lấy nét mong muốn với bô điều
	khiển điều chỉnh điốt gắn sẵn (−3 đến +1 m ⁻¹). Thử thấu
	kính điều chỉnh điốt trước khi mua để đảm bảo có thể đat
	được độ lấy nét mong muốn.
	• Thị Kính Phóng Đại DK-17M: DK-17M khuếch đại tầm nhìn qua
	kính ngắm thêm xấp xỉ 1,2 $ imes$ giúp đạt được độ chính xác
	cao hơn khi tạo khuôn hình.
Các phụ kiện	• Kính Lúp Thị Kính DG-2: DG-2 khuếch đại cảnh tại tâm của kính
kính ngắm	ngắm giúp đạt độ chính xác cao hơn khi lấy nét. Cần Bộ nối
thị kính	thị kính DK-18 (bán riêng).
	• Bộ Nối Thị Kính DK-18: DK-18 được dùng khi gắn kính lúp DG-2
	hoặc ống ngắm vuông gắn ngoài DR-3 với Df.
	 Kính Chống Mờ DK-14/Kính Chống Mờ DK-17A: Mắt kính của kính
	ngắm chống mờ trong điều kiện ẩm ướt hoặc lạnh.
	 Ông Ngắm Vuông Gắn Ngoài DR-5/Ông Ngắm Vuông Gắn Ngoài DR-4:
	DR-5 và DR-4 được gắn vuông góc với mắt kính của kính
	ngắm, cho phép xem hình ảnh trong kính ngắm từ phía
	trên khi máy ảnh chụp ngang. DR-5 hỗ trợ điều chỉnh điốt
	và có thể khuếch đại tầm nhìn thông qua kính ngắm thêm
	$2 \times$ giúp đạt được độ chính xác cao hơn khi tạo khuôn hình
	(lưu ý rằng không thể nhìn thấy các góc của khung hình
	khi đang phóng tầm nhìn).
Nắn thân	Nắp Thân Máy BF-1B/Nắp Thân Máy BF-1A: Nắp thân máy giữ
máy	gương, màn hình kính ngắm, và bộ lọc qua chậm không bị
inay	dính bụi khi không gắn thấu kính.
	Đầu Nối Di Động Không Dây WU-1a: Hỗ trợ thông tin liên lạc hai
Đầu nối di	chiều giữa máy ảnh và các thiết bị thông minh chạy ứng
động không	dụng Wireless Mobile Utility. Sử dụng Wireless Mobile Utility
dây	đế chụp ảnh từ xa hoặc tải xuống các ảnh hiện có vào thiết
	bị thông minh.

Dhần mẫm	 Capture NX 2: Một gói chỉnh sửa hình ảnh hoàn chỉnh với các tính năng chỉnh sửa tiên tiến như là các điểm điều khiển lựa chọn và một chổi chỉnh sửa tự động. Camera Control Pro 2: Dùng máy tính để điều khiển máy ảnh khi chụp ảnh từ xa và lưu hình ảnh trực tiếp vào ổ cứng máy tính. Khi Camera Control Pro 2 được sử dụng để chụp ảnh trực tiếp vào máy tính, chỉ báo kết nối PC P C sẽ xuất hiện trên bảng điều khiển. 		
Phân mêm Lưu ý: Để sử dụng phiên bản phần mềm Nikon mới cập các trang web được nêu ở trang xvii để có thôn nhất đối với các hệ điều hành được hỗ trợ. Ở các cả định, Trung Tâm Thông Báo Nikon 2 sẽ kiểm tra địn bản cập nhật phần mềm và vi chương trình Nikon đăng nhập vào một tài khoản trên máy tính và má được kết nối với Internet. Tự động hiển thị thông k			
Các bộ điều khiển từ xa không dây	 Điều Khiển Từ Xa Không Dây WR-R10/WR-T10: Khi bộ điều khiển từ xa không dây WR-R10 được gắn vào thiết bị đầu cuối phụ kiện máy ảnh, máy ảnh có thể được điều khiển không dây bằng cách sử dụng bộ điều khiển từ xa không dây WR-T10. Bộ Điều Khiển Từ Xa Không Dây WR-1: Các bộ WR-1 được sử dụng theo nhóm hai hoặc nhiều hơn, một bộ có chức làm bộ phát và các bộ còn lại có chức năng làm bộ thu. Bộ thu được gắn vào các thiết bị đầu cắm phụ kiện của một hoặc nhiều máy ảnh, cho phép bộ phát được sử dụng để nhả cửa trập hoặc điều chỉnh cài đặt từ xa. 		
Các loại phụ kiện đầu cắm phụ kiện	Df được trang bị với một đầu cắm phụ kiện cho dây chụp từ xa MC-DC2 (□ 44) và bộ GP-1 và GP-1A GPS (□ 170), chúng kết nối với điểm ◀ trên đầu nối thẳng hàng với điểm ▶ ở bên cạnh đầu cắm phụ kiện (đóng nắp đầu nối máy ảnh khi không sử dụng đầu cuối).		

Gắn Đầu Nối Nguồn và Bộ Đổi Điện AC

Tắt máy ảnh trước khi gắn đầu nối nguồn và bộ đổi điện AC tùy chon.

- 1 Chuẩn bị máy ảnh sẵn sàng. Mở nắp khoang pin/khe thẻ nhớ (1) và nắp đầu nối nguồn (2).
- **2** Lắp đầu nối nguồn EP-5A. Nhớ lắp đầu nối chính xác theo hướng như trong ảnh, sử dung đầu nối để giữ cho chốt pin được đẩy sang một bên. Chốt sẽ giữ cho đầu nối ở đúng vi trí khi đầu nối được lắp hoàn chỉnh.
- 3 Đóng nắp khoang pin/nắp phủ khe thẻ nhớ.

Đặt cáp đầu nối nguồn sao cho nó đi xuyên qua khe cắm đầu nối nguồn và đóng nắp khoang pin/nắp phủ khe thẻ nhớ.







(1

4 Kết nối bộ đổi điện AC EH-5b.

Kết nối cáp nguồn bộ đổi điện AC với hốc AC trên bộ đổi điện AC (①) và cáp nguồn EP-5A vào hốc DC (②). Biểu tượng –∉ sẽ được hiển thị trên màn hình khi máy ảnh được cấp nguồn bởi bộ đổi điện AC và đầu nối nguồn.



Chăm Sóc Máy Ảnh

<u>Bảo quản</u>

Khi không sử dụng máy ảnh trong thời gian dài, hãy tháo pin ra và cất giữ pin ở nơi mát mẻ, khô ráo với nắp phủ đầu cắm ở đúng vị trí. Để tránh bị ẩm mốc, cất giữ máy ảnh tại nơi khô ráo và thông thoáng. Không được cất giữ máy ảnh cùng với hoặc viên long não hoặc naptalin chống côn trùng tại các vị trí:

- không thông thoáng hoặc có độ ẩm trên 60%
- ở gần thiết bị tạo ra vùng từ trường mạnh, như TV hoặc ra-đi-ô
- tiếp xúc với nhiệt độ trên 50 °C hoặc dưới –10 °C

<u>Lau chùi</u>

	Sử dụng máy thổi để loại bỏ bụi và vải vụn, sau đó nhẹ
	nhàng lau bằng khăn khô mềm. Sau khi sử dụng máy ảnh tại
Thân máy	bãi biển hoặc vùng gần biển, lau hết cát hoặc muối với một
ảnh	chiếc khăn được thấm nhẹ nước cất và làm khô hoàn toàn.
	Quan trọng: Bụi hoặc các vật chất từ bên ngoài lọt vào trong máy
	ảnh có thể gây ra các tổn hại không được hưởng bảo hành.
	Những chi tiết thủy tinh này rất dễ bị tổn hại. Loại bỏ bụi và
Thấu kính,	vải vụn bằng máy thổi. Nếu sử dụng máy thổi dạng phun,
gương, và	giữ chiếc bình đứng thẳng để tránh lọt chất lỏng ra ngoài.
kính ngắm	Để loại bỏ dấu tay và các vết bẩn khác, thấm một lượng nhỏ
-	nước rửa thấu kính vào khăn mềm và lau chùi cẩn thận.
	Loại bỏ bụi và vải vụn bằng máy thổi. Khi loại bỏ dấu tay và
Màn hình	các vết bẩn khác, lau phần bề mặt nhẹ nhàng bằng vải mềm
Man ninn	hoặc da dê. Không được tì mạnh, bởi điều này có thể dẫn
	đến tổn hại hoặc trục trặc.

Không sử dụng chất có cồn, chất pha loãng hoặc các hóa chất dễ bay hơi khác.

<u> Bộ Lọc Qua Chậm</u>

Bộ phận cảm biến hình ảnh có vai trò là nhân tố quyết định ảnh của máy ảnh được khớp với một bộ lọc qua chậm để tránh nhòe. Nếu bạn nghi ngờ rằng bụi bần trong bộ lọc xuất hiện trên ảnh, bạn có thể làm sạch bộ lọc bằng cách sử dụng tùy chọn **Clean image sensor (Làm sạch cảm biến hình ảnh)** trong menu cài đặt. Bộ lọc có thể được làm sạch bất kỳ lúc nào bằng cách sử dụng tùy chọn **Clean Now (Làm sạch ngay)**, hoặc việc làm sạch có thể được tiến hành tự động mỗi khi máy ảnh bật hoặc tắt.

💵 "Clean Now (Làm Sạch Ngay)"

 Chọn Clean image sensor (Làm sạch cảm biến hình ảnh) trong menu cài đặt. Nhấn nút MENU để hiển thị

menu. Làm nổi bật Clean image sensor (Làm sạch



	SETUP MENU	
	Format memory card	
-	Monitor brightness	0
	Auto info display	0FF
ľ	Clean image sensor	
	Lock mirror up for cleaning	
119	Image Dust Off ref photo	
	Flicker reduction	AUT0
?	Time zone and date	

Nút MENU

cảm biến hình ảnh) trong menu cài đặt và nhấn ▶.

2 Chọn Clean now (Làm sạch ngay bây giờ).

Máy ảnh sẽ kiểm tra cảm biến hình ảnh và sau đó bắt đầu làm sạch. Trong lúc làm sạch, **bụ 5 ½** sẽ nháy trong bảng điều khiển và các thao tác khác sẽ không thực hiện được. Không tháo hay ngắt kết nối nguồn điện cho tới khi hoàn tất việc làm sạch và **bụ 5 ½** không hiển thị nữa.



💵 "Clean at Startup/Shutdown (Làm Sạch khi Khởi Động/Tắt)"

Chọn từ các tùy chọn sau đây:

	Tùy chọn	Mô tả
Ô0N	Clean at startup (Làm	Cảm biến hình ảnh sẽ được làm sạch tự động
	sạch khi khởi động)	mỗi khi bật máy ảnh.
(Å) (FF	Clean at shutdown	Cảm biến hình ảnh sẽ được làm sạch tự động
Con	(Làm sạch khi tắt)	mỗi khi tắt máy ảnh.
	Clean at startup &	Cảm biến hình ảnh sẽ được làm sạch tự động
	shutdown (Làm sạch	mỗi khi hật và tắt
	khi khởi động & tắt)	
	Cleaning off (Tắt làm	Tắt chức năng làm sạch cảm biến hình ảnh tự
	sạch)	động.

1 Chọn Clean at startup/ shutdown (Làm sạch khi khởi động/tắt).

Hiển thị menu Clean image sensor (Làm sạch cảm biến hình ảnh) như được mô tả



trong Bước 2 ở trang trước. Làm nổi bật **Clean at startup/** shutdown (Làm sạch khi khởi động/tắt) và nhấn ▶.

2 Chọn tùy chọn.

Làm nổi bật một tùy chọn và nhấn 🐵.



Clean image sensor Clean at startup/shutdown ©ON Clean at startup @OFF Clean at shutdown ©S# Clean at startup & shutdown@K

🖉 Đặt Máy Ảnh với Đế Hướng Xuống

Chức năng làm sạch cảm biến hình ảnh đạt hiệu quả cao nhất khi máy ảnh được đặt nằm ngang với đế hướng xuống như hình bên phải.



🔽 Lau Cảm Biến Hình Ảnh

Việc sử dụng các chức năng điều khiển trong khi khởi động máy ảnh sẽ gây cản trở cho quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh.

Chức năng làm sạch được tiến hành bằng cách lắc bộ lọc qua chậm. Nếu không thể loại bỏ hoàn toàn bụi bằng cách sử dụng các lựa chọn trong menu **Clean image sensor (Làm sạch cảm biến hình ảnh)**, hãy làm sạch cảm biến hình ảnh bằng tay hoặc tham khảo ý kiến của một đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền.

Nếu chức năng làm sạch cảm biến hình ảnh được tiến hành nhiều lần liên tiếp, chức năng làm sạch cảm biến hình ảnh có thể sẽ bị vô hiệu hóa tạm thời nhằm bảo vệ kết cấu bên trong máy ảnh. Chức năng làm sạch có thể tiếp tục được tiến hành sau một khoảng thời gian ngắn.

💵 Làm Sạch Bằng Tay

Nếu vật chất từ bên ngoài lọt vào trong bộ lọc qua chậm không thể được loại bỏ bằng cách sử dụng tùy chọn **Clean image sensor** (**Làm sạch cảm biến hình ảnh**) trong menu cài đặt (\square 329), bộ lọc có thể được làm sạch bằng tay như được mô tả phía dưới. Tuy nhiên, lưu ý rằng bộ lọc cực kỳ mỏng manh và dễ bị tổn hại. Nikon khuyến nghị rằng bộ lọc chỉ nên được làm sạch bởi nhân viên dịch vụ Nikon ủy quyền.

1 Sạc pin hoặc kết nối một bộ đổi điện AC.

Cần một nguồn điện đáng tin cậy cho quá trình kiểm tra và làm sạch bộ lọc qua chậm. Tắt máy ảnh và lắp pin đã sạc đầy hoặc kết nối đầu nối nguồn và bộ đổi điện AC tùy chọn. Tùy chọn **Lock mirror up for cleaning (Khóa gương nâng lên để làm sạch)** chỉ có ở menu cài đặt khi mức pin hơn 🖽.

2 Tháo thấu kính.

Tắt máy ảnh và tháo thấu kính.

3 Chọn Lock mirror up for cleaning (Khóa gương nâng lên để làm sạch).

Bật máy ảnh và nhấn nút MENU để hiển thị menu. Làm nổi bật Lock mirror up for Start

Nút MENU

cleaning (Khóa gương nâng lên để làm sạch) trong menu cài đặt và nhấn ▶.



Thông báo sẽ được hiển thị phía bên phải màn hình và một hàng gạch ngang sẽ xuất hiện trên bảng điều khiển và kính ngắm. Để phục hồi hoạt động bình thường mà không kiểm tra bộ lọc qua chậm, tắt máy ảnh.



5 Nâng gương.

Nhấn nút nhả cửa trập xuống hết cỡ. Gương sẽ được nâng và màn trập sẽ mở, để lộ bộ



lọc qua chậm. Mục xuất hiện trên kính ngắm sẽ bị tắt và hàng gạch ngang trên bảng đèn nháy sẽ nháy.

6 Kiểm tra bộ lọc qua chậm.

Giữ máy ảnh sao cho ánh sáng chiếu vào bộ lọc qua chậm, kiểm tra bộ lọc để tìm bụi bẩn. Nếu không thấy vật từ bên ngoài lọt vào, đi đến Bước 8.

7 Làm sạch bộ lọc.

Loại bỏ tất cả bụi bẩn trong bộ lọc bằng máy thổi. Không được sử dụng máy thổi có bàn chải, bởi vì phần lông cứng có thể làm tổn hại bộ lọc. Các loại bụi bẩn không thể loại bỏ bằng máy thổi chỉ có thể được



loại bỏ bởi nhân viên dịch vụ Nikon ủy quyền. Trong mọi trường hợp, bạn không được chạm vào hoặc lau chùi bộ lọc.

8 Tắt máy ảnh.

Gương sẽ trở về vị trí hạ và màn trập sẽ đóng lại. Lắp lại thấu kính hoặc nắp thân máy.

🖉 Sử Dụng một Nguồn Điện Đáng Tin Cậy

Màn trập rất mỏng manh và dễ bị tổn hại. Nếu máy ảnh tắt nguồn trong khi gương đang được nâng, màn sẽ tự động đóng lại. Để tránh làm tổn hại màn, tuân thủ các nguyên tắc phòng ngừa sau:

- Không được tắt máy ảnh hoặc tháo hay ngắt kết nối nguồn điện khi gương đang được nâng.
- Nếu pin sắp hết khi gương đang được nàng, một tiếng bíp sẽ vang lên và đèn hẹn giờ sẽ nhấp nháy để báo hiệu rằng màn trập sẽ đóng lại và gương sẽ được hạ xuống trong khoảng hai phút nữa. Kết thúc quá trình làm sạch hoặc kiểm tra ngay lập tức.

🗹 Các Vật Chất Từ Bên Ngoài lọt vào Bộ Lọc Qua Chậm

Nikon áp dụng mọi nguyên tắc phòng ngừa có thể để tránh tình trạng vật chất bên ngoài tiếp xúc với bộ lọc qua chậm trong quá trình sản xuất và vận chuyển. Tuy nhiên, Df được thiết kế để sử dụng với các thấu kính có thể hoán đổi cho nhau, và vật chất bên ngoài có thể lọt vào trong máy ảnh khi gõ hoặc thay đổi thấu kính. Khi đã lọt vào trong máy ảnh, vật chất bên ngoài này có thể bám vào bộ lọc qua chậm, và có thể hiện lên các bức ảnh chụp trong một số điều kiện nhất định. Để máy ảnh khi không gắn thấu kính, nhớ lắp lại nắp thân máy được cung cấp kèm với máy ảnh, trước đó hãy cẩn thận loại bỏ hết bụi và các loại vật chất bên ngoài khác có thể đang bám vào nắp thân máy. Tránh thay đổi thấu kính trong môi trường bụi bặm.

Nếu vật chất bên ngoài lọt vào bộ lọc qua chậm, làm sạch bộ lọc như đã được mô tả bên trên, hoặc để nhân viên dịch vụ Nikon ủy quyền làm sạch bộ lọc. Những bức ảnh bị ảnh hưởng bởi vật chất bên ngoài trong bộ lọc có thể được sửa lại bằng cách sử dụng phần mềm Capture NX 2 (có bán riêng; 🎞 325) hoặc các tùy chọn làm sạch hình ảnh có sẵn trong một số ứng dụng chỉnh sửa ảnh của hãng thứ ba.

🚺 Bảo Dưỡng Máy Ảnh và Phụ Kiện

Máy ảnh là thiết bị chính xác nên cần bảo dưỡng thường xuyên. Nikon khuyến nghị rằng máy ảnh nên được kiểm tra bởi nhà bán lẻ gốc và đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền một đến hai năm một lần, và được bảo dưỡng ba đến năm năm một lần (lưu ý rằng các dịch vụ này có tính phí). Kiểm tra và bảo dưỡng thường xuyên được khuyến nghị nếu máy ảnh được sử dụng chuyên nghiệp. Bất kỳ phụ kiện nào được sử dụng thường xuyên với máy ảnh, như các thấu kính hoặc Đèn Chớp, nên được đi kèm với máy ảnh trong quá trình kiểm tra hoặc bảo dưỡng.

Chăm Sóc Máy Ảnh và Pin: Cảnh báo

Không được làm rơi: Sản phẩm có thể gặp trục trặc nếu bị rung hoặc va đập mạnh.

Giữ khô ráo: Sản phẩm này không có khả năng chống nước, và có thể gặp trục trặc nếu bị ngâm nước hoặc tiếp xúc với độ ẩm cao. Máy móc bên trong bị han rỉ có thể dẫn đến tổn hại không thể khắc phục được.

Tránh thay đổi nhiệt độ đột ngột: Thay đổi nhiệt độ đột ngột, như các trường hợp xảy ra khi ra vào các tòa nhà được sưởi ấm trong ngày lạnh, có thể dẫn đến tình trạng đọng hơi nước bên trong thiết bị. Để tránh đọng hơi nước, đặt thiết bị trong hộp cầm hoặc túi nhựa trước khi để chúng gặp tình trạng thay đổi nhiệt độ đột ngột.

Để xa các vùng từ trường mạnh: Không được dùng hoặc cất giữ thiết bị này trong vùng lân cận của các thiết bị tạo ra vùng bức xạ điện từ hoặc từ trường mạnh. Vùng điện tích mạnh hoặc vùng từ trường tạo ra bởi các thiết bị như bộ truyền tín hiệu ra-đi-ô có thể can thiệp vào màn hình, làm tổn hại dữ liệu lưu trong thẻ nhớ, hoặc gây ảnh hưởng tới mạch điện bên trong sản phẩm.

Không được để thấu kính hướng về phía mặt trời: Không được để thấu kính hướng về phía mặt trời hoặc các nguồn sáng mạnh khác trong thời gian dài. Ánh sáng quá mạnh có thể làm cho bộ phận cảm biến hình ảnh hư hỏng hoặc tạo ra hiệu ứng che mờ trắng trong các bức ảnh.

Tắt sản phẩm trước khi gỡ hoặc ngắt kết nối nguồn điện: Không được ngắt nguồn hoặc gỡ pin khi sản phẩm đang bật hoặc khi hình ảnh đang được ghi lại hoặc xóa bỏ. Ngắt nguồn điện cưỡng bức trong các trường hợp này có thể làm mất dữ liệu hoặc gây tổn hại cho bộ nhớ hoặc mạnh điện bên trong của sản phẩm. Để phòng ngừa việc gián đoạn nguồn điện bất ngờ, tránh đưa sản phẩm từ nơi này sang nới khác khi bộ đổi điện AC đang được kết nối. Lau chùi: Khi lau chùi thân máy ảnh, sử dụng máy thổi để nhẹ nhàng loại bỏ bụi bẩn, sau đó lau nhẹ nhàng với khăn khô mềm. Sau khi sử dụng máy ảnh tại bãi biển hoặc vùng gần biển, lau hết cát hoặc muối với một chiếc khăn được thấm nhẹ nước sạch và sau đó làm khô hoàn toàn máy ảnh. Trong một số trường hợp hiếm khi xảy ra, tĩnh điện có thể làm cho màn hình tinh thể lỏng sáng lên hoặc tối đi. Đây không phải dấu hiệu trục trặc, và màn hình hiển thị sẽ sớm trở lại bình thường.

Thấu kính và gương rất dễ bị tổn hại. Bụi bẩn nên được loại bỏ nhẹ nhàng bằng máy thổi. Khi sử dụng máy thổi dạng phun, giữ chiếc bình đứng thẳng để tránh lọt chất lỏng ra ngoài. Để loại bỏ dấu tay và các vết bẩn khác trên thấu kính, thấm một lượng nhỏ nước rửa thấu kính vào khăn mềm và lau chùi cẩn thận.

Xem "Bộ Lọc Qua Chậm" (III 329, 331) để biết thêm thông tin về làm sạch bộ lọc qua chậm.

Tiếp xúc thấu kính: Giữ tiếp xúc thấu kính sạch sẽ.

Không được chạm vào màn trập: Màn trập rất mỏng và dễ bị tổn hại. Trong mọi trường hợp, bạn không được tì lên màn, chọc nó bằng các dụng cụ làm sạch, hoặc đưa nó ra các luồng gió mạnh từ máy thổi. Những hành động này có thể làm xước, biến dạng, hoặc rách màn.

Bảo Quản: Để tránh bị ẩm mốc, cất giữ máy ảnh tại nơi khô ráo và thông thoáng. Nếu bạn đang sử dụng bộ đổi điện AC, ngắt bộ đổi điện nhằm tránh cháy nổ. Nếu không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài, tháo pin nhằm tránh rò rỉ và cất giữ máy ảnh trong một túi nhựa có chứa chất chống ẩm. Tuy nhiên, không bao giờ được cất giữ hộp máy ảnh trong một túi nhựa, bởi vì việc này có thể làm hư hỏng các chất liệu. Lưu ý rằng chất chổng ẩm đó sẽ dần dần mất khả năng hút ẩm và nên được thay thế đều đặn.

Để tránh ẩm mốc, lấy máy ảnh ra khỏi nơi cất giữ ít nhất mỗi tháng một lần. Bật máy ảnh và nhả nút trập vài lần trước khi cất.

Cất giữ pin ở nơi mát mẻ, khô ráo. Lắp lại nắp phủ đầu cuối trước khi cất pin.

Lưu ý về màn hình: Màn hình được chế tạo với độ chính xác rất cao; ít nhất 99,99% điểm ảnh có hiệu quả, không nhiều hơn 0,01% là bị thiếu hoặc bị lỗi. Do đó dù các màn hình này có thể chứa các điểm ảnh luôn sáng (trắng, đỏ, xanh da trời, hoặc xanh lá cây) hoặc luôn tắt (màu đen) thì đây cũng không phải là sự cố và không ảnh hướng tới hình ảnh được ghi bằng máy.

Ảnh trên màn hình có thể khó nhìn trong ánh sáng chói.

Không được tì vào màn hình, bởi vì điều này có thể gây tổn hại hoặc trục trặc. Bụi bẩn trên màn hình có thể được loại bỏ bằng máy thổi. Các vết bẩn có thể được loại bỏ bằng cách lau nhẹ với khăn mềm hoặc da dê. Nếu màn hình bị vỡ, phải cẩn thận để tránh bị thương do kính vỡ gây ra và để phòng ngừa chất tinh thể lỏng từ màn hình chạm vào da hoặc rơi vào mắt hoặc miệng.

Pin: Pin có thể bị rò rỉ hoặc phát nổ nếu không xử lý đúng cách. Tuân thủ các nguyên tắc phòng ngừa sau khi xử lý pin:

- Chỉ sử dụng pin được chấp thuận cho sử dụng trong thiết bị này.
- Không được để pin tiếp xúc với lửa hoặc nhiệt độ quá cao.
- Giữ cực pin sạch sẽ.
- Tắt sản phẩm trước khi thay pin.
- Tháo pin ra khỏi máy ảnh hoặc bộ sạc khi không sử dụng và lắp lại nắp phủ đầu cuối. Các thiết bị này tiêu hao một lượng pin nhỏ ngay cả khi đang tắt và có thể làm pin hao đến mức không thể hoạt động nữa. Nếu không sử dụng pin trong một thời gian dài, lắp nó vào máy ảnh và làm kiệt pin trước khi gỡ và lưu giữ tại nơi có nhiệt độ xung quanh từ 15 °C đến 25 °C (tránh các nơi nóng hoặc quá lạnh). Lặp lại quy trình này ít nhất sáu tháng một lần.
- Việc bật tắt máy ảnh liên tục khi pin đã xả hết sẽ rút ngắn tuổi thọ pin.
 Pin đã xả hết phải được sạc trước khi sử dụng.
- Nhiệt độ bên trong pin có thể tăng lên khi pin được sử dụng. Cố gắng sạc pin khi nhiệt độ bên trong tăng cao sẽ làm suy yếu hiệu suất pin, và pin có thể không được sạc hoặc chỉ sạc một phần. Đợi pin nguội trước khi sạc.

- Tiếp tục sạc pin sau khi nó được sạc đầy có thể làm giảm hiệu suất pin.
- Sự suy giảm đáng kể trong thời gian sử dụng của một viên pin đã được sạc đầy đến khi cần sạc trong nhiệt độ phòng là dấu hiệu rằng nó cần được thay thế. Hãy mua pin mới.
- Sạc pin trước khi sử dụng. Khi chụp ảnh vào các dịp quan trọng, hãy chuẩn bị sẵn sàng pin dự phòng được sạc đầy sẵn. Tùy thuộc vào vị trí của bạn, việc mua pin thay thế trong thời gian ngắn có thể gặp khó khăn. Lưu ý rằng vào những ngày lạnh, dung lượng pin có xu hướng giảm. Nhớ sạc đầy pin trước khi chụp ảnh bên ngoài trong thiết lạnh. Giữ pin dự phòng tại nơi ấm và hoán đổi pin khi cần. Khi đã được làm ấm, một viên pin lạnh có thể phục hồi một chút điện.
- Pin đã qua sử dụng là nguồn tài nguyên có giá trị; tái chế chúng theo quy định của địa phương.



Chương Trình Phơi Sáng (Chế Độ P)

Chương trình phơi sáng cho chế độ **P** được thể hiện trong biểu đồ sau:



Giá trị cực đại và tối thiểu cho EV thay đổi theo độ nhạy ISO; biểu đồ phía trên giả định độ nhạy ISO ở mức tương đương ISO 100. Khi chức năng đo sáng ma trận được sử dụng, giá trị trên 16^{1} /₃ EV được giảm xuống 16^{1} /₃ EV.

Xử lý sự cố

Nếu máy ảnh không hoạt động như mong đợi, hãy xem danh sách các lỗi thường gặp phía dưới trước khi tham khảo ý kiến nhà bán lẻ của bạn hoặc đại diện ủy quyền của Nikon.

<u>Pin/Hiển thị</u>

Máy ảnh được bật nhưng không phản hồi: Chờ đợi việc ghi kết thúc. Nếu vấn đề vẫn còn, tắt máy ảnh. Nếu máy ảnh không tắt, tháo và lắp lại pin, hoặc nếu bạn đang sử dụng một bộ đổi điện AC, ngắt kết nối và kết nối lại bộ đổi điện AC. Lưu ý mặc dù bất kỳ dữ liệu hiện đang được ghi sẽ bị mất, dữ liệu đã được ghi sẽ không bị ảnh hưởng bởi việc tháo hoặc ngắt kết nối nguồn điện.

Kính ngắm không thể lấy nét: Điều chỉnh chức năng lấy nét kính ngắm hoặc sử dụng các thấu kính điều chỉnh thị kính (🎞 28, 324).

Kính ngắm tối đen: Lắp pin đã sạc đầy (🕮 18, 29).

Màn hình hiển thị tắt đột ngột: Chọn độ trễ dài hơn cho Cài Đặt Tùy Chọn c2 (Standby timer (Hẹn giờ chờ)) hoặc c4 (Monitor off delay (Độ trễ tắt màn hình)) (印 251, 253).

Màn hình hiển thị bảng điều khiển và kính ngắm phản hồi chậm và mờ: Thời gian phản hồi và độ sáng của những màn hình hiển thị này thay đổi theo nhiệt độ.

Có thể thấy các đường mảnh xung quanh điểm lấy nét hoạt động hoặc màn hình hiển thị chuyển sang màu đỏ khi điểm lấy nét được làm nổi bật: Những hiện tượng này là bình thường đối với loại kính ngắm này và không phải dấu hiệu của trục trặc.
<u>Chụp</u>

Máy ảnh tốn nhiều thời gian để khởi động: Xóa các tệp hoặc thư mục.

Chức năng nhả cửa trập đã bị vô hiệu hóa:

- Thẻ nhớ bị khóa, đầy, hoặc chưa được lắp (🕮 19, 29).
- Chọn Release locked (nhả bị khóa) cho Cài đặt Tùy chọn f9 (Slot empty release lock (Khóa nhả khe rỗng); ^{CD} 269).
- Máy ảnh không thể lấy nét (🕮 32).
- Vòng độ mở ống kính cho thấu kính CPU không khóa khi số f cao nhất (không áp dụng với thấu kính loại G và E). Nếu FE E được hiển thị trên bảng điều khiển, chọn Aperture ring (Vòng độ mở ống kính) cho Cài Đặt Tùy Chọn f7 (Customize command dials (Tùy chọn đĩa lệnh)) > Aperture setting (Vòng độ mở ống kính) để sử dụng vòng mở thấu kính để điều chỉnh độ mở ống kính (^{CL} 267).
- Thấu kính CPU gắn với móc ghép đo sáng được nâng lên (không áp dụng đối với thấu kính loại G hoặc E; ^{CD} 167).

Máy ảnh phản hồi chậm với nút nhả cửa trập: Chọn **Off (Tắt)** cho Cài Đặt Tùy Chọn d10 (**Exposure delay mode (Chế độ trễ phơi sáng)**; ♀ 256).

Chỉ một bức ảnh được chụp mỗi lần nhấn nút nhả cửa trập trong chế độ nhả liên tục: Tắt HDR (🎞 112).

Ảnh không được lấy nét:

- Xoay bộ chọn chế độ lấy nét tới **Lấy nét tự động** (🕮 59).
- Máy ảnh không thể lấy nét bằng lấy nét tự động: sử dụng lấy nét bằng tay hoặc khóa lấy nét (^{CL} 66, 68).
- Không thể sử dụng nút nhả cửa trập để lấy nét khi AF-ON được gán làm nút Press (Nhấn) cho Cài Đặt Tùy Chọn f4 (Assign Fn button (Chỉ định nút Fn), ⁽¹⁾ 263), f5 (Assign preview button (Chỉ định nút xem trước), ⁽¹⁾ 266), hoặc f6 (Assign AE-L/AF-L button (Chỉ định nút AE-L/AF-L), ⁽¹⁾ 267). Sử dụng nút mà AF-ON được gán.

Không thể điều chỉnh tốc độ cửa trập bằng đĩa lệnh: Đèn nháy đang được sử dụng. Tốc độ đồng bộ đèn nháy có thể được chọn bằng cách sử dụng Cài Đặt Tùy Chọn e1 (Flash sync speed (Tốc độ đồng bộ đèn nháy)); khi sử dụng bộ đèn nháy tương thích, chọn 1/250 s (Auto FP (FP tự động)) hoặc 1/200 s (Auto FP (FP tự động)) để đạt được phạm vi đầy đủ của tốc độ cửa trập (III 257).

Chức năng lấy nét không khóa khi nút nhả cửa trập được nhấn xuống một nửa: Sử dụng nút 能 AE-L/AF-L để khóa lấy nét khi AF-C được chọn cho chế độ lấy nét.

M

Không thể chọn điểm lấy nét:

- Mở khóa bộ chọn lấy nét (🕮 64).
- Lấy nét tự động vùng tự động (^{CD} 62) hoặc lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt (^{CD} 177) được chọn cho chế độ vùng AF: chọn chế độ khác.
- Máy ảnh đang trong chế độ phát lại (¹ 185) hoặc các menu đang được sử dụng (¹ 224).
- Nhấn nút nhả cửa trập xuống một nửa để bắt đầu hẹn giờ chờ (🎞 33).

Không thể chọn chế độ vùng AF: Chế độ lấy nét bằng tay đã được chọn (🕮 68, 183).

Không thể thay đổi kích cỡ hình ảnh: Image quality (Chất lượng hình ảnh) được đặt ở NEF (RAW) (🕮 55).

Máy ảnh ghi ảnh chậm: Tắt chức năng giảm nhiễu phơi sáng kéo dài (🕮 242).

Nhiễu (điểm sáng chói, các điểm ảnh sáng ngăn cách ngẫu nhiên, sương mù, hoặc đường kẻ) xuất hiện trong ảnh:

- Chọn độ nhạy ISO thấp hơn hoặc chọn chế độ giảm nhiễu ISO cao (^{[[]]} 70, 242).
- Tốc độ cửa trập chậm hơn 1 giây: sử dụng giảm nhiễu phơi sáng dài (🕮 242).

Trên ảnh có vết nhòe: Làm sạch các phần phía trước và phía sau thấu kính. Nếu vấn đề vẫn tồn tại, tiến hành làm sạch cảm biến hình ảnh (따 329).

Màu sắc không tự nhiên:

- Điều chỉnh độ cân bằng trắng phù hợp với nguồn sáng (🕮 81).
- Điều chỉnh thiết lập Set Picture Control (Đặt Picture Control) (🕮 100).

Không thể đo cân bằng trắng: Đối tượng quá tối hoặc quá sáng (🕮 92).

Hình ảnh không thể được chọn làm nguồn cho chức năng cài đặt trước độ cân bằng trắng: Hình ảnh không được tạo với Df (🎞 96).

Chức năng cân bằng trắng bù trừ không có sẵn:

- Tùy chọn chất lượng hình ảnh NEF (RAW) hoặc NEF+JPEG đã được chọn cho chất lượng hình ảnh (^{CL} 55, 141).
- Chế độ đa phơi sáng đang có hiệu lực (🕮 155).

Hiệu ứng của Picture Control thay đổi theo từng hình ảnh khác nhau: A (tự động) đã được chọn cho chức năng làm sắc nét, độ tương phản, hoặc độ bão hòa. Để đạt được kết quả nhất quán cho một loạt ảnh, hãy chọn một thiết lập khác (🎞 103).

Không thể thay đổi chức năng đo sáng: Khóa tự động phơi sáng đang có hiệu lực (^{(III} 77).

Không thể sử dụng chức năng bù phơi sáng: Chọn chế độ phơi sáng P, S, hoặc A (38, 39, 41).

Nhiễu (các vùng đỏ hung hoặc các ảnh giả khác) xuất hiện trong phơi sáng thời gian dài: Cho phép giảm nhiễu phơi sáng kéo dài (□ 242).

Độ sáng của hình ảnh trên màn hình khác với độ phơi sáng của ảnh xem trực tiếp:

- Chế độ đo sáng cân bằng trung tâm hoặc đo sáng điểm đã được chọn (⁽¹⁾ 75).
- Máy ảnh đang trong chế độ phơi sáng **M** (🕮 174).
- Đối tượng quá sáng hoặc quá tối.
- D-Lighting Hoạt Động đang có hiệu lực (🕮 110).
- Bức ảnh có độ phơi sáng thời gian dài (🕮 44).
- Đèn nháy đã được sử dụng (🕮 116).

Hiện tượng nhấp nháy hoặc dải màu xuất hiện trong chế độ xem trực tiếp: Chọn một tùy chọn cho **Flicker reduction (Giảm nhấp nháy)** phù hợp với tần số của nguồn cấp điện AC cục bộ (C 276).

Các dải màu sáng xuất hiện trong chế độ xem trực tiếp: Một tín hiệu đèn nháy, đèn nháy hoặc nguồn sáng khác có thời lượng ngắn đã được sử dụng trong chế độ xem trực tiếp.

<u> Playback (Phát lại)</u>

Ảnh NEF (RAW) không được phát lại: Ảnh đã được chụp với chất lượng hình ảnh NEF + JPEG (🎞 55).

Không thể xem ảnh ghi lại bởi máy ảnh khác: Ảnh được ghi lại bằng các sản phẩm máy ảnh khác có thể được hiển thị không chính xác.

Một số ảnh không được hiển thị trong khi phát lại: Chọn All (Tất cả) cho Playback folder (Thư mục phát lại) (🕮 230).

Ảnh (chân dung) có hướng chụp "Tall (Dọc)" được hiển thị theo hướng "wide (rộng)" (phong cảnh):

- Chọn On (Bật) cho Rotate tall (Xoay dọc ảnh) (🕮 233).
- Ảnh đã được chọn với Off (Tắt) được chọn cho Auto image rotation (Xoay hình tự động) (⁽¹⁾ 277).
- Máy ảnh đã được hướng lên trên hoặc xuống dưới khi chụp ảnh (🕮 277).
- Ảnh được hiển thị trong chế độ xem lại hình ảnh (🎞 232).

Không thể xóa ảnh:

- Hình ảnh được bảo vệ: bỏ bảo vệ (🕮 201).
- Thẻ nhớ bị khóa (🕮 22).

Â

Không thể sửa lại ảnh: Ảnh không thể được sửa thêm với máy ảnh này (🎞 289).

Tin nhắn được hiển thị thông báo rằng không có ảnh nào sẵn có cho việc phát lại: Chọn All (Tất cả) cho Playback folder (Thư mục phát lại) (🕮 230).

Không thể thay đổi thứ tự in:

- Thẻ nhớ đầy: xóa hình ảnh (🕮 35, 203).
- Thẻ nhớ bị khóa (🕮 22).

Không thể in ảnh: Ảnh NEF (RAW) hoặc TIFF không thể in được qua kết nối USB trực tiếp. Chuyển ảnh vào máy tính và in ảnh bằng ViewNX 2 (cung cấp) hoặc Capture NX 2 (bán riêng; ^{CD} 325). Có thể lưu ảnh NEF (RAW) theo định dạng JPEG bằng **NEF (RAW) processing (Xử lý NEF (RAW))** (^{CD} 300).

Ảnh không được hiển thị trên màn hình độ nét cao: Xác nhận rằng cáp HDMI (bán riêng) được kết nối (□ 222).

Máy ảnh không phản hồi với điều khiển từ xa của TV HDMI-CEC:

- Chọn On (Bật) cho HDMI > Device control (Điều khiển thiết bị) trong menu cài đặt (^{CD} 223).
- Điều chỉnh thiết lập HDMI-CEC cho TV như được mô tả trong tài liệu được cung cấp kèm với thiết bị.

Không thể chuyển ảnh sang máy tính: Hệ điều hành không tương thích với máy ảnh hoặc phần mềm chuyển. Sử dụng bộ đọc thẻ để sao chép ảnh sang máy tính (따 325).

Ảnh không được hiển thị trong Capture NX 2: Cập nhật phiên bản mới nhất (🎞 325).

Tùy chọn bụi hình ảnh tắt trong Capture NX 2 không có hiệu quả như mong muốn: Quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh thay đổi vị trí của bụi trong bộ lọc qua chậm. Dữ liệu tham chiếu bỏ bụi được ghi trước khi diễn ra quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh không thể được sử dụng với các bức ảnh được chụp sau khi quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh được tiến hành. Dữ liệu tham chiếu bỏ bụi được ghi sau khi diễn ra quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh không thể được sử dụng với các bức ảnh được chụp trước khi quá trình làm sạch cảm biến hình ảnh được tiến hành. Dữ

Máy tính hiển thị ảnh NEF (RAW) khác với máy ảnh: Phần mềm của hãng thứ ba không hiển thị hiệu ứng của Picture Controls hoặc D-Lighting hoạt động. Sử dụng ViewNX 2 (được cung cấp) hoặc phần mềm Nikon tùy chọn như Capture NX 2 (có bán riêng).

Z

<u>Khác</u>

Ngày ghi không chính xác: Đặt đồng hồ máy ảnh (🕮 27, 276).

Không thể chọn mục menu: Một số tùy chọn không có sẵn trong một số cài đặt hỗn hợp nhất định hoặc không có thẻ nào được lắp.

Thông báo lỗi

Mục này là danh sách các chỉ báo và thông báo lỗi xuất hiện trên kính ngắm, bảng điều khiển, và màn hình.

Chỉ báo				
Bảng điều khiển	Kính ngắm	Vấn đề	Giải pháp	ū
F E E (nhấp nháy)		 Vòng mở thấu kính không được đặt ở độ mở ống kính tối thiểu. Thấu kính CPU AI gắn với móc ghép đo sáng máy ảnh được nâng lên (không áp dụng đối với thấu kính loại G hoặc E) 	 Đặt vòng về độ mở ống kính tối thiểu (số f cao nhất). Tháo thấu kính, hạ thấp móc ghép đo sáng, và gắn lại thấu kính. 	25
4		Pin yếu.	Chuẩn bị sẵn pin đã sạc đầy.	29
دے (nhấp nháy)	(nhấp nháy)	 Pin cạn kiệt. Không thể sử dụng pin. 	 Sạc hoặc thay pin. Liên hệ với đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền. Thay pin, hoặc sạc pin nếu pin sạc Li-ion cạn kiệt. 	xvi, 18, 19
۵F		Không có thấu kính nào được gắn, hoặc thấu kính không CPU được gắn khi không xác định độ mở ống kính tối đa. Độ mở ống kính được đưa ra theo các điểm dừng từ độ mở ống kính tối đa.	Giá trị độ mở ống kính sẽ được hiển thị nếu độ mở ống kính tối đa được xác định.	163

X

Chỉ báo				
Bảng điều khiển	Kính ngắm	Vấn đề	Giải pháp	m
	► ◀ (nhấp nháy)	Máy ảnh không thể lấy nét bằng cách sử dụng chức năng lấy nét tự động.	Thay đổi bố cục hoặc lấy nét bằng tay.	61,68
			 Sử dụng độ nhạy ISO thấp hơn Trong chế độ phơi sáng: 	70
		Đối tượng quá sáng; ảnh sẽ bị phơi sáng quá mức.	 P Sử dụng bộ lọc ND tùy chọn S Tăng tốc độ cửa 	38, 323 39
(Chỉ báo phơi sáng và tốc độ cửa trập hoặc độ mở ống kính hiển thị đèn nháy)			trạp A Chọn độ mở ống kính nhỏ hơn (số f cao hơn)	41
		Đối tượng quá tối; ảnh sẽ bị thiếu phơi sáng.	 Sử dụng độ nhạy ISO cao hơn Trong chế độ phơi sáng: P Sử dụng đèn nháy Giảm tốc độ cửa trập A Chọn độ mở ống kính lớn hơn (số f thấp hơn) 	70 38, 116 39 41
່ວມ ໄວ (nhấp nháy)		B (Bóng đèn) được chọn trong chế độ phơi sáng S .	Thay đổi tốc độ cửa trập hoặc chọn chế độ phơi sáng M .	39, 42
 (nhấp nháy)		T (Thời gian) được chọn trong chế độ phơi sáng S.	Thay đổi tốc độ cửa trập hoặc chọn chế độ phơi sáng M .	39, 42
៦១5 5 (nhấp nháy)	៦5 	Hình ảnh đang được xử lý.	Đợi đến khi xử lý xong.	_

Chỉ báo				
Bảng điều khiển	Kính ngắm	Vấn đề	Giải pháp	Ē
_	4 (nhấp nháy)	Nếu chỉ báo nháy trong 3 giây sau khi đèn nháy nháy sáng, ảnh có thể bị thiếu phơi sáng.	Kiểm tra ảnh trên màn hình; nếu bị thiếu phơi sáng, chỉnh sửa thiết lập và thử lại.	121
Full (nhấp nháy)	Ful (nhấp nháy)	Không đủ bộ nhớ để tiếp tục ghi ảnh với cài đặt hiện tại, hoặc máy ảnh đã sử dụng hết số lượng tập tin hoặc thư mục.	 Giảm chất lượng hoặc kích cỡ. Xóa bớt ảnh. Lắp thẻ nhớ mới. 	55, 58 203 19
Err (nhấp nháy)		Máy ảnh gặp trục trặc.	Nhả cửa trập. Nếu vấn đề vẫn tồn tại hoặc xuất hiện thường xuyên, hãy tham khảo ý kiến của đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền.	

Chỉ báo				
Màn hình	Bảng điều khiển	Vấn đề	Giải pháp	Ē
No memory card (Không có thẻ nhớ).	(- E -)	Máy ảnh không thể tìm thấy thẻ nhớ.	Tắt máy ảnh và xác nhận là thẻ nhớ đã được lắp chuẩn xác.	19
This memory card cannot be used (Không thể sử dụng thẻ nhớ này). Card may be damaged (Thẻ nhớ có thể đã bị tổn hại). Insert another card (Cắm thẻ khác).	[Ягd, Егг (nhấp nháy)	 Có lỗi khi truy cập thẻ nhớ. Không thể tạo thư mục mới. 	 Sử dụng thẻ nhớ được Nikon phê duyệt. Kiểm tra xem phần tiếp xúc có sạch sẽ không. Nếu thẻ nhớ đã bị tổn hại, hãy liên hệ với nhà bán lẻ hoặc Đại diện dịch vụ Nikon ủy quyển. Xóa tập tin hoặc lắp thẻ nhớ mới sau khi sao chép những hình ảnh quan trọng vào máy tính hoặc thiết bị khác. 	363 19, 203
ିନ୍ତ	נארמ, נרר (nhấp nháy)	Máy ảnh không thể điều khiển thẻ Eye-Fi.	 Kiểm tra xem vi chương trình của thẻ Eye-Fi đã được cập nhật mới nhất chưa. Sao chép các tập tin trong thẻ Eye-Fi sang máy tính hoặc thiết bị khác và định dạng thẻ, hoặc lắp thẻ mới. 	285 19
Memory card is locked (Thẻ nhớ bị khóa). Slide lock to "write" position (Trượt nút khóa sang vị trí "write (ghi))".	Eßrd, (nhấp nháy)	Thẻ nhớ bị khóa (chống ghi).	Trượt công tắc bảo vệ ghi sang vị trí "write (ghi)".	22
NOT AVAIIABIE IF Eye-Fi card is locked (Không có sẵn nếu thẻ Eye-Fi bị khóa).	[月ヶd, [Fr (nhấp nháy)	Thẻ Eye-Fi bị khóa (được bảo vệ khỏi ghi dữ liệu).		

Chỉ báo				
Màn hình	Bảng điều khiển	Vấn đề	Giải pháp	m
This card is not formatted (Thể nhớ này chưa được định dạng). Format the card (Định dạng thể).	[F o r] (nhấp nháy)	Thẻ nhớ chưa được định dạng để sử dụng với máy ảnh.	Định dạng thẻ nhớ hoặc lắp thẻ nhớ mới.	19
Clock has been reset (Đã cài đặt lại đồng hồ).		Đồng hồ máy ảnh không được đặt.	Đặt đồng hồ máy ảnh.	27, 276
Failed to update flash unit firmware (Cập nhật vi chương trình của bộ đèn nháy thất bại). Flash cannot be used (Không thể sử dụng đèn nháy). Contact a Nikon- authorized service representative (Liên hệ với đại diện dịch vụ Nikon ủy quyển).	_	Vi chương trình của bộ đèn nháy đang được gắn vào máy ảnh đã không được cập nhật chuẩn xác.	Liên hệ với đại diện dịch vụ Nikon ủy quyền.	_
Unable to start live view (Không thể bắt đầu xem trực tiếp). Please wait (Vui lòng đợi.).	_	Nhiệt độ bên trong máy ảnh cao.	Chờ cho các mạch bên trong mát trước khi tiếp tục chế độ xem trực tiếp.	174
Folder contains no images (Thư mục không có hình ảnh nào).	—	Không có ảnh nào trong thẻ nhớ hoặc (các) thư mục được chọn để phát lại.	Chọn thư mục chứa ảnh từ menu Playback folder (Thư mục phát lại) hoặc lắp thẻ nhớ chứa hình ảnh.	19, 230
All images are hidden (Tất cả hình ảnh bị ẩn).	_	Tất cả các ảnh trong thư mục hiện tại đang được ẩn.	Không có ảnh nào có thể được phát lại cho đến khi một thư mục khác được chọn hoặc chức năng Hide image (Ẩn hình ảnh) được sử dụng để cho phép hiển thị ít nhất một hình ảnh.	230

Chỉ báo				
Màn hình	Bảng điều khiển	Vấn đề	Giải pháp	Ē
Cannot display this file (Không thể hiển thị tập tin này).	_	Tập tin đã được tạo hoặc sửa đổi bằng máy tính hoặc một sản phẩm máy ảnh khác, hoặc tập tin đã hỏng.	Không thể phát lại tệp trên máy ảnh.	_
Cannot select this file (Không thể chọn tệp này).	_	Không thể sửa lại hình ảnh đã chọn.	Không thể sửa lại hình ảnh được tạo bởi các thiết bị khác.	289
Check printer (Kiểm tra máy in).	_	Lỗi máy in.	Kiểm tra máy in. Để bắt đầu lại, chọn Continue (Tiếp tục) , nếu có sẵn.	214*
Check paper (Kiểm tra giấy).	_	Giấy trong máy in có khổ giấy không giống như đã chọn.	Cho giấy có đúng khổ giấy vào và chọn Continue (Tiếp tục) .	214*
Paper jam (Kẹt giấy).	—	Giấy bị kẹt trong máy in.	Dọn giấy bị kẹt và chọn Continue (Tiếp tục) .	214*
Out of paper (Hết giấy).	_	Máy in hết giấy.	Cho giấy có khổ giấy được chọn vào và chọn Continue (Tiếp tục) .	214*
Check ink supply (Kiểm tra nguồn cung cấp mực).	_	Mực in có vấn đề.	Kiểm tra mực. Để bắt đầu lại, chọn Continue (Tiếp tục) .	214*
Out of ink (Hết mực).	_	Máy in hết mực.	Thay mực và chọn Continue (Tiếp tục) .	214*

* Xem tài liệu hướng dẫn máy in để biết thêm thông tin.

Thông số kỹ thuật

■ Máy Ảnh Số Nikon Df

Loại	
Loại	Máy ảnh số phản chiếu thấu kính đơn
Gắn thấu kính	Móc gắn Nikon F (với chức năng ghép lấy nét tự động và tiếp điểm lấy nét tự động)
Góc xem hiệu quả	Định dạng Nikon FX
Điểm ảnh hiệu quả	
Điểm ảnh hiệu quả	16,2 triệu
Cảm biến hình ảnh	
Cảm biến hình ảnh	Bộ cảm biến CMOS 36,0 × 23,9 mm
Tổng điểm ảnh	16,6 triệu
Hệ thống giảm bụi	Làm sạch cảm biến hình ảnh, dữ liệu tham chiếu Ảnh Bỏ Bụi (cần phần mềm Capture NX 2 tùy chọn)
Bảo quản	
Kích cỡ hình ảnh (điểm ảnh)	 FX (36×24) vùng hình ảnh 4928 × 3280 (℃) 3696 × 2456 (☉) 2464 × 1640 (⑤) DX (24×16) vùng hình ảnh 3200 × 2128 (℃) 2400 × 1592 (☉) 1600 × 1064 (⑤)
Định dạng tệp	 NEF (RAW): 12 hoặc 14 bit, nén, nén bằng chế độ không giảm hoặc không nén TIFF (RGB) JPEG: JPEG-Baseline tuân thủ chuẩn nét tốt (xấp xỉ 1 : 4), bình thường (xấp xỉ 1 : 8), hoặc cơ bản (xấp xỉ 1 : 16) nén (Size priority (Ưu tiên kích cỡ)); Optimal quality (Chất lượng tối ưu) nén có sẵn NEF (RAW)+JPEG: Ảnh đơn được ghi với cả hai định dạng NEF (RAW) và JPEG
Hệ Thống Picture Control	Tiêu Chuẩn, Trung Tính, Sặc Sỡ, Đơn Sắc, Chân Dung, Phong Cảnh; có thể chỉnh sửa chức năng Picture Control đã chọn; lưu trữ cho chức năng Picture Control tùy chọn
Phương tiện media	Thẻ nhớ SD (Secure Digital) và SDHC và SDXC tuân thủ UHS-I
Tệp hệ thống	DCF (Quy Tắc Thiết Kế cho Hệ Thống Tập Tin Máy Ảnh) 2.0, DPOF (Định Dạng Thứ Tự In Kỹ Thuật Số), Exif (Định Dạng Tập Tin Hình Ảnh Có Thể Trao Đổi Cho Máy Ảnh Chụp Kỹ Thuật Số) 2.3, PictBridge

Kính ngắm	
Kính ngắm	Kính ngắm độ mắt gương năm mặt phản chiếu thấu kính đơn
Tầm phủ khuôn hình	 FX (36×24): Xấp xỉ 100% theo phương ngang và 100% theo phương đứng DX (24×16): Xấp xỉ 97% theo phương ngang và 97% theo phương đứng
Độ phóng đại	Xấp xỉ 0,7 × (50mm f/1.4 thấu kính ở vô tận, –1,0 m ⁻¹)
Điểm mắt	15 mm (–1,0 m ^{–1} ; từ bề mặt trung tâm của thấu kính mắt của kính ngắm)
Chỉnh điốt	-3-+1 m ⁻¹
Màn hình lấy nét	Màn hình BriteView Clear Matte Mark VIII loại B với khung vùng lấy nét tự động (có thể hiển thị lưới khuôn hình)
Gương phản chiếu	Quay lại nhanh
Xem trước độ sâu của trường	Nhấn nút Pv để độ mở ống kính dừng lại ở giá trị do người dùng chọn (chế độ phơi sáng A và M) hoặc máy ảnh chọn (chế độ phơi sáng P và S)
Độ mở thấu kính	Quay lại ngay lập tức, điều khiển điện tử
Thấu kính	
Các thấu kính tương thích	Tương thích với thấu kính AF NIKKOR, gồm thấu kính loại G, E và D (một số hạn chế có ở thấu kính PC) và thấu kính DX (sử dụng vùng hình ảnh DX 24 \times 16 1,5 \times), thấu kính AI-P NIKKOR và thấu kính không CPU. Không thể sử dụng thấu kính IX NIKKOR, thấu kính cho F3AF. Máy ngắm điện tử có thể được sử dụng với các thấu kính có độ mở ống kính tối đa là f/5.6 hoặc nhanh hơn (máy ngắm điện tử hỗ trợ 7 điểm lấy nét trung tâm với các thấu kính có độ mở ống kính tối đa là f/8 hoặc nhanh hơn và 33 điểm lấy nét trung tâm với các thấu kính có độ mở ống kính tối đa là f/7.1 hoặc nhanh hơn).
Cửa trập	
Loại	Cửa trập điều khiển điện tử di chuyển dọc mặt phẳng tiêu cự
Tốc độ	$^{1/4000}-4$ giây trong các bước của 1 EV ($^{1/4000}-30$ giây trong các bước của $^{1}/_{3}$ EV với đĩa lệnh chính), X200 (chỉ dành riêng cho đĩa lệnh tốc độ cửa trập), bóng đèn, thời gian
Tốc độ đồng bộ đèn nháy	X= ¹ /200 giây; đồng bộ với cửa trập ở ¹ /250 giây hoặc chậm hơn (phạm vi đèn nháy giảm ở tốc độ giữa ¹ /200 và ¹ /250 giây)

Nhả	
Chế độ nhả	S (khuôn hình đơn), C (tốc độ thấp liên tục), CH (tốc độ cao liên tục), Q (nhả cửa trập tĩnh lặng), 🖄 (tự hẹn giờ), Mưp (gương nâng lên)
Tốc độ khuôn hình tốt nhất	1–5 khuôn hình/giây ((L) hoặc 5,5 khuôn hình/giây ((H)
Tự hẹn giờ	2 giây, 5 giây, 10 giây, 20 giây; phơi sáng từ 1–9 với quãng thời gian 0,5, 1, 2, hoặc 3 giây
Phơi sáng	
Đo sáng	Đo độ phơi sáng TTL bằng cảm biến RGB 2016 điểm ảnh
Phương pháp đo sáng	 Ma trận: Đo sáng ma trận màu 3D II (các thấu kính loại G, E và D); đo sáng ma trận màu II (các thấu kính CPU khác); đo sáng ma trận màu có sẵn với các thấu kính không CPU nếu người dùng cung cấp dữ liệu thấu kính Cân bằng trung tâm: Cân bằng 75% được áp dụng cho vòng tròn 12 mm ở trung tâm khuôn hình. Đường kính vòng tròn có thể được thay đổi thành 8, 15, hoặc 20 mm, hoặc cân bằng có thể được dựa trên trung bình của toàn bộ khuôn hình (cố định ở 12-mm khi dùng thấu kính không CPU) Điểm: Vòng tròn đo 4 mm (khoảng 1,5% của khuôn hình) tập trung vào điểm lấy nét (vào điểm lấy nét trung tâm khi dùng thấu kính không CPU)
Phạm vi (ISO 100, thấu kính f/1.4, 20 °C)	• Đo sáng ma trận hoặc cân bằng trung tâm: 0–20 EV • Đo sáng điểm: 2–20 EV
Ghép đo phơi sáng	Kết hợp CPU và AI (móc ghép đo sáng có thể thu lại)
Chế độ phơi sáng	Tự động được lập trình với chương trình linh động (P); Tự động ưu tiên cửa trập (S); Tự động ưu tiên độ mở ống kính (A); Bằng tay (M)
Bù phơi sáng	−3 − +3 EV gia số tăng ¹ / ₃ EV
Phơi Sáng Bù Trừ	2–5 khuôn hình theo các bước $1/3$, $2/3$, 1, 2, hoặc 3 EV
Bù trừ đèn nháy	2–5 khuôn hình theo các bước $1/3$, $2/3$, 1, 2, hoặc 3 EV
Cân bằng trắng bù trừ	2–3 khuôn hình theo các bước 1, 2, hoặc 3
Chụp bù trừ ADL	2 khuôn hình với giá trị đã chọn cho một khuôn hình hoặc 3–5 khuôn hình với các giá trị thiết lập sẵn cho tất cả các khuôn hình
Khóa phơi sáng	Độ sáng được khóa ở giá trị đã tìm thấy với nút 鮓 AE-L/AF-L

Ľ

Phơi sáng	
Độ nhạy ISO (Danh Mục Phơi Sáng Khuyên Dùng)	ISO 100 – 12800 trong bước 1/3 EV. Có thể thiết lập EV xấp xỉ 0,3, 0,7, hoặc 1 (tương đương ISO 50) dưới ISO 100 hoặc EV xấp xỉ 0,3, 0,7, 1, 2, 3 hoặc 4 (tương đương ISO 204800) ISO 12800 ở trên; có sẵn điều khiển độ nhạy ISO tự động
D-Lighting hoạt động	Có thể chọn từ Auto (Tự động), Extra high (Rất cao) +2/+1, High (Cao), Normal (Bình thường), Low (Thấp), hoặc Off (Tắt)
Lấy nét	
Lấy nét tự động	Môđun cảm ứng lấy nét tự động Nikon Multi-CAM 4800 với dò tìm pha TTL, tinh chỉnh, và 39 điểm lấy nét (gồm 9 cảm biến loại ngang; có 33 điểm trung tâm có độ mở ống kính chậm hơn f/5.6 và nhanh hơn f/8 trong khi 7 điểm lấy nét trung tâm có ở f/8)
Phạm vi dò tìm	−1 − +19 EV (ISO 100, 20 °C)
Mô tơ của thấu kính	 Lấy nét tự động (AF): Lấy nét tự động phần phụ đơn (AF-S); Lấy nét tự động phần phụ liên tục (AF-C); Chức năng theo dõi lấy nét đoán trước được kích hoạt tự động theo trạng thái của đối tượng Lấy nét bằng tay (M): Có thể dùng máy ngắm điện tử
Điểm lấy nét	Có thể được chọn từ 39 hoặc 11 điểm lấy nét
Chế độ vùng AF	Lấy nét tự động điểm đơn; lấy nét tự động vùng động 9, 21, 39 điểm, theo dõi 3D, lấy nét tự động vùng tự động
Khóa lấy nét	Có thể khóa chức năng lấy nét bằng cách nhấn nút nhả cửa trập xuống một nửa (lấy nét tự động phần phụ đơn) hoặc bằng cách nhấn nút 辭 AE-L/AF-L
Đèn nháy	
Điều khiển đèn nháy	TTL: Chế độ điều khiển đèn nháy i-TTL sử dụng cảm biến RGB 2016 điểm ảnh sẵn có với SB-910, SB-900, SB-800, SB-700, SB-600, SB-400, hoặc SB-300; nạp đèn nháy đã cân bằng i-TTL cho SLR kỹ thuật số được sử dụng với đo sáng ma trận và cân bằng trung tâm, đèn nháy i-TTL tiêu chuẩn cho SLR kỹ thuật số với đo sáng điểm
Chế độ đèn nháy	Đồng bộ màn trước, đồng bộ chậm, đồng bộ màn phía sau, giảm bắt đỏ, đồng bộ chậm, đồng bộ chậm với giảm mắt đỏ, màn phía sau với đồng bộ chậm; hỗ trợ Đồng Bộ Tốc Độ Cao FP tự động

M

Đèn nháv	
Bù đèn nháv	–3 – +1 FV gia số tăng ¹ /3 FV
Chỉ báo đèn nháv sẵn	Đèn khi bô đèn nháy tùy chon được sac đầy: nháy sau
sàng	khi đèn nháv nháv sáng ở công suất cao nhất
Ngàm gắn phụ kiện	Ngàm gắn nóng ISO 518 với chức năng đồng bộ và công tắc dữ liệu và khóa an toàn
Hệ thống chiếu sáng sáng tạo Nikon (CLS)	Đèn Không Dây Nâng Cao được hỗ trợ với SB-910, SB-900, SB-800, hoặc SB-700 là một đèn nháy chủ và SB-600 hoặc SB-R200 là tách biệt, hoặc SU-800 là bộ điều khiển; Đồng Bộ Tốc Độ Cao FP Tự Động và chiếu sáng mô hình được hỗ trợ với tất cả các bộ đèn nháy CLS tương thích trừ SB-400 và SB-300; Giao Tiếp Thông Tin Đèn Nháy Màu và khóa FV được hỗ trợ với tất cả các bộ đèn nháy CLS tương thích
Đồng bộ đầu cắm	Đầu cắm đồng bộ ISO 519 ren khóa
Cân bằng trắng	
Cân bằng trắng	Tự động (2 loại), sáng chói, huỳnh quang (7 loại), ánh mặt trời trực tiếp, đèn nháy, nhiều mây, bóng râm, cài đặt trước bằng tay (có thể lưu đến 4 giá trị, đo cân bằng trắng điểm), chọn nhiệt độ màu (2500 K–10.000 K), tất cả với tinh chỉnh tối ưu
Xem trực tiếp	
Mô tơ của thấu kính	 Lấy nét tự động (AF): Lấy nét tự động phần phụ đơn (AF-S); Lấy nét tự động phần phụ toàn thời gian (AF-F) Lấy nét bằng tay (M)
Chế độ vùng AF	Lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt, lấy nét tự động vùng rộng, lấy nét tự động vùng bình thường, lấy nét tự động theo dõi đối tượng
Lấy nét tự động	Lấy nét tự động dò độ tương phản toàn khuôn hình (máy ảnh tự động chọn điểm lấy nét khi chức năng lấy nét tự động ưu tiên khuôn mặt hoặc lấy nét tự động theo dõi đối tượng được chọn)
Màn hình	
Màn hình	8-cm/3,2-in., xấp xỉ 921k-điểm (VGA), silic đa tinh thể nhiệt độ thấp TFT LCD với góc xem xấp xỉ 170 °, tầm phủ khuôn hình xấp xỉ 100%, và điều khiển độ sáng

356

Playback (Phát lại)	
Playback (Phát lại)	Phát lại theo chế độ toàn khuôn hình và hình thu nhỏ (4, 9 hoặc 72 ảnh hoặc dạng lịch) với chức năng thu phóng khi phát lại, trình chiếu slide ảnh, làm nổi bật, thông tin hình ảnh, hiển thị dữ liệu vị trí, và xoay hình tự động
Giao diện	
USB	USB tốc độ cao
Đầu ra HDMI	Đầu nối chấu nhỏ HDMI loại C
Đầu cắm phụ kiện	Các bộ điều khiển từ xa không dây : WR-R10 và WR-1 (bán riêng) Dây chụp từ xa : MC-DC2 (bán riêng) Bộ GPS: GP-1/GP-1A (bán riêng)
Các ngôn ngữ được hỗ trợ	
Các ngôn ngữ được hỗ trợ	Tiếng Ả Rập, tiếng Trung Quốc (Giản thể và Phồn thể), tiếng Séc, tiếng Đan Mạch, tiếng Hà Lan, tiếng Anh, tiếng Phần Lan, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Hy Lạp, tiếng Hindi, tiếng Hungary, tiếng In-đô-nê-si-a, tiếng Ý, tiếng Nhật, tiếng Hàn, tiếng Na Uy, tiếng Ba Lan, tiếng Bồ Đào Nha (ở Bồ Đào Nha và Bra-xin), tiếng Ru-ma-ni, tiếng Nga, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Thụy Điển, tiếng Thái Lan, tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, tiếng Ukraina
Nguồn điện	
Pin	Một viên pin sạc Li-ion EN-EL14a
Bộ đổi điện AC	Bộ đổi điện AC EH-5b; cần đầu nối nguồn EP-5A (có sẵn tách rời)
Hốc giá ba chân	
Hốc giá ba chân	¹ /4 inch (ISO 1222)
Kích thước/cân nặng	
Kích thước (Chiều rộng × Chiều cao × Độ dày)	Xấp xỉ 143,5 × 110 × 66,5 mm
Trọng lượng	Xấp xỉ 765 g kèm pin và thẻ nhớ nhưng không gồm vỏ thân máy; xấp xỉ 710 g (chỉ thân máy ảnh)

Môi trường hoạt động	
Nhiệt độ	0 °C–40 °C
Độ ẩm	85% hoặc thấp hơn (không ngưng tụ)

- Trừ khi được quy định khác, tất cả các số liệu là dành cho máy ảnh có pin sạc đầy hoạt động ở nhiệt độ theo chỉ định của Hiệp hội sản phẩm máy ảnh và ngành ảnh (CIPA): 23 ±3 °C.
- Nikon bảo lưu quyền được thay đổi chi tiết kỹ thuật của phần cứng và phần mềm được mô tả trong tài liệu hướng dẫn này vào bất cứ thời điểm nào và không cần báo trước. Nikon sẽ không chịu trách nhiệm với các tổn hại có nguyên nhân từ bất cứ sai sót nào có thể có trong tài liệu hướng dẫn này.

Bộ sạc pin MH-24	
Chuẩn đầu vào	Tối đa AC 100–240 V, 50/60 Hz, 0,2 A
Chuẩn đầu ra	DC 8,4 V/0,9 A
Các loại pin được hỗ trợ	Pin sạc Li-ion của Nikon EN-EL14a
Thời gian sạc	Xấp xỉ 1 tiếng 50 phút với nhiệt độ xung quanh ở 25 °C khi hết pin
Nhiệt độ hoạt động	0 °C–40 °C
Kích thước (Chiều rộng × Chiều cao × Độ dày)	Xấp xỉ 70 × 26 × 97 mm, không kể phích bộ nắn dòng
Trọng lượng	Xấp xỉ 96 g, không kể phích bộ nắn dòng
Pin sạc Li-ion EN-EL14a	
Loại	Pin sạc lithium-ion
Chuẩn dung lượng pin	7,2 V/1230 mAh
Nhiệt độ hoạt động	0 °C–40 °C
Kích thước (Chiều rộng × Chiều cao × Độ dày)	Xấp xỉ 38 × 53 × 14 mm
Trọng lượng	Xấp xỉ 49 g, không tính nắp phủ đầu cắm



AF-S NIKKOR 50mm f/1.8G (Special Edition)				
Loại	Thấu kính Loại G AF-S với CPU và móc gắn F gắn sẵn			
Tiêu cự	50 mm			
Độ mở ống kính tối đa	f/1.8			
Cấu trúc thấu kính	7 thành phần trong 6 nhóm (bao gồm 1 thành phần			
	thấu kính không hình cầu)			
Góc xem	Máy ảnh Nikon phim SLR và định dạng FX D-SLR: 47°			
	 Máy ảnh Nikon định dạng DX D-SLR: 31° 30′ 			
Thông tin khoảng cách	Đầu ra tới máy ảnh			
Lấy nét	Chức năng lấy nét tự động được điều khiển bởi Mô Tơ			
	Không Tiếng Ôn và vòng lấy nét riêng để lấy nét bằng			
	tay			
Chỉ báo khoảng cách lấy nét	0,45 m đến vô cùng (∞)			
Khoảng cách lấy nét tối thiểu	0,45 m từ mặt phẳng tiêu điểm			
Miếng màn chắn	7 (khẩu độ tròn)			
Màng chắn	Tự động hoàn toàn			
Phạm vi độ mở ống kính	f/1.8 – 16			
Đo sáng	Độ mở ống kính đầy đủ			
Kích thước gắn bộ lọc	58 mm (P =0,75 mm)			
Kích thước	Đường kính tối đa xấp xỉ 73 mm × 52,5 mm (khoảng			
	cách từ chốt gắn thấu kính máy ảnh)			
Trọng lượng	Xấp xỉ 190 g			

AF-S NIKKOR 50mm f/1.8G (Special Edition)

Các bộ phận của AF-S NIKKOR 50mm f/1.8G (Special Edition) được trình bày bên dưới.



Z

🗹 Chăm Sóc Thấu Kính

- Khi đã gắn nắp thấu kính, không được nhặt hoặc cầm thấu kính hoặc máy ảnh chỉ bằng phần nắp.
- Giữ các tiếp điểm CPU sạch sẽ.
- Nếu miếng đệm gắn thấu kính bằng cao su bị hỏng, hãy ngừng sử dụng ngay lập tức và mang thấu kính đến Trung tâm dịch vụ Nikon ủy quyền để sửa chữa.
- Sử dụng máy thổi để loại bỏ bụi trên bề mặt thấu kính. Để loại bỏ các vết bẩn và dấu tay, thấm một lượng nhỏ ê-ta-non hoặc nước rửa thấu kính vào một chiếc khăn bông mềm, sạch sẽ hoặc khăn lau thấu kính và làm sạch dần dần từ phần trung tâm ra phía ngoài bằng các đường lau dạng tròn, cẩn thận không để sót vết bẩn hoặc chạm ngón tay vào phần thủy tinh.
- Không bao giờ được sử dụng các dung môi hữu cơ như nước pha màu hoặc ben-zen để làm sạch thấu kính.
- Nắp thấu kính hoặc bộ lọc NC có thể được dùng để bảo vệ phần phía trước của thấu kính.
- Gắn nắp phía trước và phía sau trước khi đặt thấu kính vào túi dẻo của nó.
- Nếu không sử dụng thấu kính trong thời gian dài, cất giữ nó tại nơi mát mẻ, khô ráo để tránh mốc và rỉ. Không được cất giữ tại nơi có ánh sáng mặt trời trực tiếp hoặc cùng với viên long não hoặc naptalin chống côn trùng.
- Giữ thấu kính luôn khô ráo. Máy móc bên trong bị han rỉ có thể dẫn đến tổn hại không thể khắc phục được.
- Để thấu kính tại nơi quá nóng có thể làm tổn hại hoặc làm cong vênh các bộ phận được làm bằng nhựa cứng.

🖉 Phụ Kiện Được Cung Cấp

- Nắp Thấu Kính Phía Trước Loại Gắn Thẳng 58 mm LC-58
- Nắp Thấu Kính Phía Sau LF-4
- Túi Dẻo cho Thấu Kính CL-1013
- Nắp Dạng Lưỡi Lê HB-47 (cách gắn như hình)









🖉 Các Tiêu Chuẩn Được Hỗ Trợ

- DCF Phiên Bản 2.0: Quy Tắc Thiết Kế Cho Tệp Hệ Thống Máy Ảnh (DCF) là một tiêu chuẩn được sử dụng rộng rãi trong ngành máy ảnh kỹ thuật số nhằm đảm bảo tính tương thích giữa các sản phẩm máy ảnh khác nhau.
- **DPOF**: Định Dạng Thứ Tự In Kỹ Thuật Số (DPOF) tiêu chuẩn toàn ngành cho phép việc in ảnh theo thứ tự được lưu trên thẻ nhớ.
- **Exif phiên bản 2.3**: Máy ảnh này hỗ trợ Exif (Định dạng tệp tin hình ảnh có thể trao đổi cho máy ảnh chụp kỹ thuật số) phiên bản 2,3, một tiêu chuẩn theo đó thông tin lưu cùng ảnh sẽ được sử dụng cho quá trình tái tạo màu tối ưu khi ảnh được xuất tới các máy in theo chuẩn Exif.
- PictBridge: Một tiêu chuẩn được phát triển thông qua quá trình hợp tác giữa hai ngành máy ảnh số và máy in, cho phép ảnh được xuất trực tiếp tới máy in mà không cần thông qua chuyển tiếp bằng máy tính.
- HDMI: High-Definition Multimedia Interface là một tiêu chuẩn cho các giao diện đa phương tiện được sử dụng trong ngành điện tử tiêu dùng và các thiết bị nghe nhìn có khả năng truyền dữ liệu nghe nhìn và tín hiệu điều khiển tới các thiết bị theo chuẩn HDMI qua một kết nối cáp đơn.

🖉 Thông Tin Thương Hiệu

Mac OS và OS X là các thương hiệu đã được đăng ký của Tập Đoàn Apple tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác. Microsoft, Windows, và Windows Vista là các thương hiệu đã được đăng ký, hoặc các thương hiệu của Tập Đoàn Microsoft tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác. PictBridge là một thương hiệu. Các biểu trưng SD, SDHC, và SDXC là các thương hiệu của SD-3C, LLC. HDMI, biểu trưng HDMI và High-Definition Multimedia Interface là các thương hiệu đã được đăng ký hoặc các thương hiệu của HDMI Licensing LLC.

нэті

Tất cả các tên thương hiệu khác được đề cập trong tài liệu hướng dẫn này hoặc các tài liệu khác được cung cấp kèm với sản phẩm Nikon là các thương hiệu hoặc các thương hiệu đã được đăng ký của những chủ sở hữu tương ứng của chúng.

Thẻ Nhớ Đã Được Phê Duyệt

Máy ảnh hỗ trợ thẻ nhớ SD, SDHC và SDXC, bao gồm thẻ SDHC và SDXC tuân thủ UHS-I. Khi chọn thẻ để dùng trong bộ đọc thẻ, đảm bảo chúng tương thích với thiết bị. Liên hệ với nhà sản xuất để biết thông tin về chức năng, vận hành, và giới hạn khi sử dụng.

Dung Lượng Thẻ Nhớ

Bảng sau đây cho biết số lượng ảnh xấp xỉ có thể lưu trên một thẻ nhớ SanDisk Extreme Pro SDHC UHS-I 8 GB với các chất lượng hình ảnh (\square 55), kích cỡ hình ảnh (\square 58), và các thiết lập vùng hình ảnh khác nhau (\square 51).

Chất lượng hình ảnh	Kích cỡ hình ảnh	Kích cỡ tệp ¹	Số lượng ảnh ¹	Dung lượng đệm ²
NEF (RAW), đã được nén theo định dạng Không giảm, 12-bit	_	15,4 MB	279	37
NEF (RAW), đã được nén theo định dạng Không giảm, 14-bit	_	19,4 MB	216	29
NEF (RAW), Đã được nén, 12-bit	_	13,9 MB	377	47
NEF (RAW), Đã được nén, 14-bit	_	17,0 MB	315	38
NEF (RAW), Chưa được nén, 12-bit	_	26,5 MB	279	30
NEF (RAW), Chưa được nén, 14-bit	_	34,3 MB	216	25
	Large (Lớn)	49,1 MB	151	21
TIFF (RGB)	Medium (Vừa)	28,3 MB	265	25
	Small (Nhỏ)	13,2 MB	566	36
JPEG mịn ³	Large (Lớn)	7,9 MB	729	100
	Medium (Vừa)	5,4 MB	1100	100
	Small (Nhỏ)	3,0 MB	2200	100
	Large (Lớn)	4,5 MB	1400	100
JPEG bình thường ³	Medium (Vừa)	2,8 MB	2300	100
	Small (Nhỏ)	1,6 MB	4300	100
	Large (Lớn)	2,2 MB	2800	100
JPEG cơ bản ³	Medium (Vừa)	1,5 MB	4600	100
	Small (Nhỏ)	0,9 MB	8000	100

III FX (36×24) Vùng Hình Ảnh*

Z

Gồm hình ảnh được chụp với các thấu kính không DX khi chọn chế độ **On** (Bật) cho Auto DX crop (Xén DX tự động).

Chất lượng hình ảnh	Kích cỡ hình ảnh	Kích cỡ tệp ¹	Số lượng ảnh ¹	Dung lượng đệm ²
NEF (RAW), đã được nén theo định dạng Không giảm, 12-bit	_	7,2 MB	618	100
NEF (RAW), đã được nén theo định dạng Không giảm, 14-bit	_	8,9 MB	484	96
NEF (RAW), Đã được nén, 12-bit	_	6,6 MB	818	100
NEF (RAW), Đã được nén, 14-bit	_	7,9 MB	692	100
NEF (RAW), Chưa được nén, 12-bit	_	12,0 MB	618	72
NEF (RAW), Chưa được nén, 14-bit	_	15,3 MB	484	53
TIFF (RGB)	Large (Lớn)	21,5 MB	349	29
	Medium (Vừa)	12,6 MB	593	39
	Small (Nhỏ)	6,2 MB	1100	69
JPEG min ³	Large (Lớn)	3,7 MB	1500	100
	Medium (Vừa)	2,8 MB	2200	100
	Small (Nhỏ)	1,9 MB	3600	100
	Large (Lớn)	2,3 MB	2900	100
JPEG bình thường ³	Medium (Vừa)	1,6 MB	4400	100
	Small (Nhỏ)	1,1 MB	7100	100
	Large (Lớn)	1,2 MB	5700	100
JPEG cơ bản ³	Medium (Vừa)	0,9 MB	8600	100
	Small (Nhỏ)	0,7 MB	12100	100

II DX (24×16) Vùng Hình Ảnh*

* Gồm hình ảnh được chụp với các thấu kính DX khi chọn chế độ On (Bật) cho Auto DX crop (xén DX tự động).

1 Tất cả số liệu chỉ là tương đối. Kích cỡ thay đổi theo cảnh được ghi lại.

2 Số lượng độ phơi sáng tối đa có thể lưu trong bộ nhớ đệm với ISO 100. Giảm nếu Optimal quality (Chất lượng tối ưu) được chọn cho JPEG compression (JPEG nén) (III 57), ảnh NEF (RAW) được chụp với độ nhạy ISO được đặt ở mức Hi 0,3 hoặc cao hơn, hoặc giảm nhiễu phơi sáng dài hay điều khiển biến dạng tự động đang bật.

3 Các chỉ số giả định rằng JPEG compression (JPEG nén) được đặt ở Size priority (Ưu tiên kích cỡ). Việc chọn Optimal quality (Chất lượng tối ưu) sẽ làm tăng kích thước tập tin của ảnh JPEG; số lượng ảnh và dung lượng đệm cũng sẽ giảm theo.

💋 d6—Max. Continuous Release (Nhả liên tục tối đa) (🕮 254)

Số lượng ảnh tối đa có thể được chụp trong một lần chụp liên tục có thể được đặt ở số bất kỳ giữa 1 và 100.

Tuổi Thọ Pin

Số lần chụp có thể thực hiện với pin EN-EL14a đã sạc đầy thay đổi tùy theo tình trạng pin, nhiệt độ, và cách sử dụng máy ảnh. Sau đây là hình vẽ mẫu:

- Tiêu chuẩn CIPA¹: Xấp xỉ 1400 bức ảnh
- Tiêu chuẩn Nikon²: Xấp xỉ 2900 bức ảnh
 - 1 Được đo ở 23 °C (±2 °C) với một thấu kính AF-S NIKKOR 50mm f/1.8G (Special Edition) dưới các điều kiện kiểm tra sau đây: thấu kính xoay tròn từ tận cùng đến phạm vi tối thiểu và một bức ảnh được chụp ở cài đặt mặc định một lần trong 30 giây. Không sử dụng chế độ xem trực tiếp.
 - 2 Được đo ở 20 °C với một thấu kính AF-S NIKKOR 50mm f/1.8G (Special Edition) dưới các điều kiện kiểm tra sau đây: chất lượng hình ảnh được đặt ở JPEG cơ bản, kích cỡ hình ảnh được đặt ở M (trung bình), tốc độ cửa trập ¹/250 giây, nút nhả cửa trập được nhấn xuống một nửa trong ba giây và chức năng lấy nét quay vòng từ vô tận tới phạm vi tối thiểu ba lần; sáu bức ảnh được chụp lần lượt và màn hình được bật trong năm giây rồi tắt; chu kỳ được lặp lại khi chức năng đo độ phơi sáng tắt.

Những điều sau đây có thể làm giảm tuổi thọ pin:

- Sử dụng màn hình
- Giữ nút nhả cửa trập được nhấn xuống một nửa
- Quy trình lấy nét tự động bị lặp lại
- Chụp ảnh NEF (RAW) hoặc TIFF (RGB)
- Tốc độ cửa trập chậm
- Sử dụng bộ GP-1 hoặc GP-1A GPS
- Sử dụng thẻ Eye-Fi
- Sử dụng bộ đầu nối di động không dây WU-1a, bộ điều khiển từ xa không dây WR-R10/WR-1
- Sử dụng chế độ VR (chống rung) với thấu kính VR

Để đảm bảo rằng bạn tận dụng tốt nhất hiệu suất của pin sạc Nikon EN-EL14a:

- Giữ phần tiếp xúc pin sạch sẽ. Tiếp xúc bị bám bẩn có thể làm giảm hiệu suất pin.
- Sử dụng pin ngay sau khi sạc. Pin sẽ bị tiêu hao điện tích nếu không được sử dụng.

K

Danh mục

Các Biểu Tượng

P (Tự động được lập trình)	38
S (Tự động ưu tiên cửa trập)	39
A (Tự động ưu tiên độ mở ống kính)	41
M (Bằng tay)	42
B (Bóng đèn)	44
T (Thời gian)	44
1/3 STEP	40
s (Khuôn hình đơn) 7,	46
CL (Tốc độ thấp liên tục) 7, 46, 2	254
CH (Tốc độ cao liên tục)	46
Q (Nhả màn trập không ồn)7,	46
🙂 (Tự hẹn giờ) 7, 46,	48
MUP (Gương nâng lên) 7, 46,	50
🕲 (AF ưu tiên khuôn mặt) 1	77
퉶 (AF vùng rộng) 1	77
📓 (AF vùng bình thường) 1	77
(AF theo dõi đối tượng) 1	77
🖸 (Ma trận)	75
(Cân bằng trung tâm)	75
🖸 (Điểm)	75
2 (Trơ giúp)	15
🗲 (Bô nhớ đêm) 32,	47
Số	
12 bit	57
14 bit	57

A

AE & đèn nháy (Đặt chụp bù trừ tự c 136, 259	động)
AF 59–67	, 175–178
AF activation (kích hoạt AF)	247
AF điểm đơn	62, 64
AF Fine-tune (Tinh chỉnh AF)	283
AF phần phụ đơn	59, 175
AF phần phụ liên tục	59
AF phần phụ toàn thời gian	175
AF point illumination (Chiếu sáng đ	liểm lấy
nét tự động)	248
AF theo dõi đối tượng	177
AF ưu tiên khuôn mặt	177
AF vùng động	62, 64
AF vùng rộng	177
AF vùng tự động	63, 64
AF-C	59, 246

AF-C priority selection (Lựa chọn ưu tiên
AF-C) 246
AF-F 175
AF-S 59, 175, 246
After delete (Sau khi xóa) 233
Ánh sáng mặt trời trực tiếp (Cân bằng trắng) 81
Ánh sáng trời (Hiệu ứng bộ lọc) 295
Ảnh tối đa khi nhả liên tục 254
Assign remote Fn button (Gán nút Fn từ xa) 284
Auto bracketing (Mode M) (Chụp bù trừ tự
động (Chế độ M)) 260
Auto distortion control (Điều khiển biến
dạng tự động) 241
Auto DX crop (Xén DX tự động) 52, 53
Auto image rotation (Xoay hình tự động) 277
Auto info display (Hiển thị thông tin tự động) 273

В

	217
Ban in dann mục	
Báng điều khiên	8
Bằng tay	42
Bảo vệ ảnh	201
Bắt đầu in (PictBridge)	216, 219
Beep (Bíp)	
Biểu đồ	191, 192, 261
Bô chon chế đô lấv nét 59	9, 68, 175, 183
Bô chon đo sáng	
Bộ điều khiển từ xa không dây.	
Bô đổi điện AC	
BÔ GPS	170, 325
Bộ lọc ấm (Hiệu ứng bộ lọc)	295
Bô lọc qua châm	329
Bộ nhớ đêm	32 47
Bô sac nin	18 358
Bóng đòn	
Bong ram (Can bang trang)	82
Bù đèn nháy	
Bù phơi sáng	79
Bù phơi sáng cho đèn nháy	259
Bù trừ đèn nháy	136, 259, 260
٠ ـ	

Các thâu kính	tương thích		318
Các tiếp điểm	CPU	320,	360

Cài đặt mặc định 133, 224
Cài Đặt Tùy Chỉnh 243
Cảm biến RGB 2016 điểm ảnh 354, 355
Camera Control Pro 2 325
Cân bằng trắng 81, 141
Cân bằng trắng bù trừ 141
Cân Bằng Trắng Chụp Bù Trừ (Đặt chụp bù
trừ tư đông) 141
Cân bằng trắng chup bù trừ (Đặt chup bù trừ
tự đông) 259
Cân bằng trắng điểm
Cân bằng trung tâm 75, 250
Cán USB 211, 214
Capture NX 2 56, 109, 240, 274, 277–279.
325
CEC 223
Center-weighted area (Vi)ng Cân bằng trung
tôm) 250
Chân dung (Sat Picture Control) 100
Chất lược a bình ảnh
Chất lượng ninh ann
Chất đần nh tụ
Chế độ đến nhày 125, 126
Che do lay net
Che dọ lay net tự dọng 59, 1/5
Chế độ nhà 7, 46
Chế độ nhá liên tục 7, 46
Chê độ phơi sáng 6, 30, 36
Chế độ trê phơi sáng 256
Chế độ vùng AF 62, 177
Chéo màn hình (Hiệu ứng bộ lọc) 295
Chỉ AE (Đặt chụp bù trừ tự động) 136, 259
Chỉ báo đã lấy nét được 32, 66, 69
Chỉ báo đèn nháy sẵn sàng 121, 131
Chỉ báo khoảng cách lấy nét 360
Chỉ báo lấy nét 31, 66, 69
Chỉ báo phơi sáng 43
Chỉ đèn nháy (Đặt chụp bù trừ tự động) 136,
259
Chỉ định nút AE-L/AF-L 267
Chỉ định nút Fn 263
Chỉ định nút xem trước 266
Chiếu sáng LCD 256
Chon ngày 217
Choose color temp. (Chon nhiêt đô màu)
(Cân bằng trắng)
Choose image area (Chon vùng hình ảnh)
52, 53
Chương trình linh đông
Chương trình phơi sáng
Chup bù trừ

Chụp bù trừ ADL (Đặt chụp bù trừ tự động 145, 259)
Chụp bù trừ tự động 136, 259, 2	60
Chụp hẹn giờ quãng thời gian 1	56
Chụp liên tiếp 153, 2	54
Clean image sensor (Làm sạch cảm biến hìr	۱h
ảnh) 3	29
CLS 1	18
Color balance (Cân bằng màu) 2	96
Color Outline (Phác Màu Chính) 3	06
Color sketch (Phác họa màu) 3	06
Color space (Không gian màu) 2	40
Công tắc nguồn	. 5
Continuous low speed (Tốc độ thấp liên tụ 7, 46, 254	c)
Continuous-servo AF (AF phần phụ liên tục 246	:).
Copyright (Bản quyền) 2	79
Copyright information (Thông tin bản	
quyên) 2	79
Cuộn 265, 2	82
Cyanotype (Monochrome) (Xanh tím (Đơn	
sắc)) 2	94
n	

Dải Động Cao (HDR)	112
Dấu gắn thấu kính	360
Dấu khoảng cách lấy nét	360
Dấu mặt phẳng tiêu điểm	69
Dấu thời gian (PictBridge)	216
Dây chụp từ xa	44, 50, 325
DCF	240, 362
Delete (Xóa)	35
Distortion control (Điều khiển biến	ı dạng)
305	
D-Lighting	291
D-Lighting hoạt động	110, 145
Dò tinh chỉnh cân bằng trắng	84
DPOF 212	7, 219, 362
Dữ liệu chụp	193
Dữ liệu thấu kính không CPU	163
Dữ liệu tổng quan	195
Dữ liệu vị trí	170, 194
Dung lượng thẻ nhớ	364
DX (24×16) 1,5×	52
Đa phơi sáng	149
Đảo ngược các chỉ báo	269
Đặt chụp bù trừ tự động	259
Đặt lại	133, 236
Đăt Picture Control	100

Z

Đầu cắm đồng bộ đèn nháy 117
Đầu cắm phụ kiện 170, 325
Đầu nối di động không dây 324
Đầu nối nguồn 323, 326
Đầu nối pin-mini HDMI 222
Đèn chiếu màn hình LCD 5, 256
Đèn nền 256
Đèn nháy 116, 125, 128, 130
Đèn nháy (Cân bằng trắng) 82
Đèn nháy i-TTL tiêu chuẩn i-TTL dành cho
SLR kỹ thuật số 119, 124
Đèn nháy sớm màn hình 130, 131
Đèn nháy tạo mô hình 259
Đèn nháy tùy chọn 258
Đen và trắng (Đơn sắc) 294
Đĩa lệnh bù phơi sáng 79
Đĩa lệnh chế độ nhả 7, 46
Đĩa lệnh chế độ phơi sáng 6, 30, 36
Đĩa lệnh độ nhạy ISO 70
Đĩa lệnh tốc độ cửa trập 39, 40, 42
Điểm 75
Điểm lấy nét 31, 62, 64, 69, 177, 248, 249
Điều chỉnh lấy nét kính ngắm 28
Điều khiển đèn nháy 124
Điều khiển độ nhạy ISO tự động 72
Điều khiển thiết bị (HDMI) 223
Định dạng DX 52
Định dạng FX 52
Định dạng ngày 26, 276
Định dạng thẻ nhớ 22
Định Dạng Thứ Tự In Kỹ Thuật Số 217, 219,
362
Ðiốt
Độ dốc 282
Độ mở ống kính 41-43, 268
Độ mở ống kính tối đa 122, 320
Độ mở ống kính tối thiểu 25, 37
Độ nét cao 222, 362
Độ nhạy 70, 72
Độ nhạy ISO 70, 72
Độ nhạy tối đa 73
Đo phơi sáng 33, 251
Đo sáng
Đô sâu của trường 41
Đổ trễ tắt màn hình 253
Đơn sắc (Đăt Picture Control) 100
Đơn vị đo nhiệt độ màu 87
Đồng bô châm 125
Đồng bộ đầu cắm 117
Đồng bô màn phía sau 125
J

Đồng bộ màn trước	125
Đồng bộ tốc độ cao FP tự động 119,	257
Đồng hồ 26,	276
Được nén không mất (Loại)	. 57
Đường chân trời ảo 182,	265
F	

Easy shutter-speed shift (Chuyển nhanh t	tốc
độ cửa trập)	270
Exif	362
Eye-Fi upload (Tải lên Eye-Fi)	285
F	

File naming (Đặt tên tập tin)	239
Filter effects (Hiệu ứng bộ lọc)	295
Firmware Version (Phiên Bản Firmware)	286
Fisheye (Mắt cá)	305
Flicker reduction (Giảm nhấp nháy)	276
Focus point illumination (Chiếu sáng điểi	n
lấy nét)	248
Focus tracking with lock-on (Theo dõi lấy	nét
với khóa-bật)	247
Format memory card (Định dạng thẻ nhớ 272	5)
FX (36×24) 1,0×	. 52
G	

Gắn thấu kính	. 69
Ghi NEF (RAW)	. 57
Giá ba chân	3
Giảm mắt đỏ	125
Giảm mắt đỏ với đồng bộ chậm	125
Gỡ bỏ các mục (Menu Của Tôi)	315
Góc xem	322
Gương 50,	332
Gương nâng lên 7, 46	5, 50
н	

HDMI 184, 222,	362
HDMI-CEC	223
Hệ màu RGB của Adobe	240
Hệ Thống Chiếu Sáng Sáng Tạo	118
Hẹn giờ 48,	156
Hẹn giờ chờ	. 33
Hi (Độ nhạy)	. 71
Hide image (Ẩn hình ảnh)	230
Hiển thị lưới kính ngắm	253
Hiển thị thông tin 11,	256
High ISO NR (Giảm nhiễu ISO cao)	242
Hình thu nhỏ	261
Huỳnh quang (Cân bằng trắng)	. 81

Image Comment (Chú Thích Hình Ảnh)	278
Image Dust Off ref photo (Ånh tham chiế	u
Bụi hình ảnh tắt)	274
Image overlay (Lớp phủ hình ảnh)	297
Image review (Xem lại hình ảnh)	232
In	214
In (DPOF)	217
ISO display (Hiển thị ISO)	254
i-TTL 119,	124
1	

JPEG 55,	, 57
JPEG basic	55
JPEG compression (Nén JPEG)	57
JPEG fine	55
JPEG normal	55
v.	

K

Khóa AE 77
Khóa chuyển chế độ lấy nét 25, 68, 360
Khóa FV 130
Khóa lấy nét 66
Khóa nhả khe rỗng 269
Khóa phơi sáng 77
Khóa tự động phơi sáng 77
Khởi động lại hai nút 133
Khôi phục lại cài đặt mặc định 133, 224, 236, 245
Không nén (Loại) 57
Khung vùng lấy nét tự động 28
Kích cỡ 58
Kích cỡ hình ảnh 58
Kích cỡ trang (PictBridge) 216
Kích thước ảnh 322
Kính ngắm 9, 28, 324, 353
L

Lựa chọn ưu tiên AF-S..... 246

М

M (vừa)	58
Ma trận	75
Màn hình 11, 34, 172, 185,	273
Máy ngắm điện tử	69
Mềm (Hiệu ứng bộ lọc)	295
Menu cài đặt	271
Menu chup	235
Menu Của Tôi	313
Menu phát lại	229
Menu sửa lại	287
Mẹo màn hình	254
Miniature effect (Hiệu ứng thu nhỏ)	308
Monitor brightness (Độ sáng màn hình).	273
Monochrome (Đơn sắc)	294
Múi giờ 26,	276
Múi giờ và ngày	26
Multi selector (Đa bộ chọn)	262
N	

Nắp ống kính 360
Nắp thân máy 324
Nắp thị kính 159
NEF (RAW) 55, 57, 300
NEF (RAW) Độ sâu bit (ghi NEF (RAW)) 57
NEF (RAW) Processing (Xử Lý NEF (RAW)) 300
Nén (Loại) 57
Ngàm gắn phụ kiện 116
Ngày và giờ 26, 276
Nhả cáp 323
Nhả khóa đĩa lệnh bù phơi sáng 79
Nhả khóa đĩa lệnh độ nhạy ISO 70
Nhả khóa đĩa lệnh tốc độ cửa trập 39, 42
Nhả màn trập không ồn 7, 46
Nhả nút để sử dụng đĩa lệnh 269
Nhấn nút nhả màn trập hết cỡ 33
Nhấn nút nhả màn trập nửa chừng 33
Nhiệt độ màu 82, 83, 88
Nhiều mây (Cân bằng trắng) 82
Noise reduction (Giảm nhiễu) 242
Nút Fn 263
Nút Pv 41, 174, 259, 266
Nút BKT 137, 138, 141, 142, 145
Nút 🔤 (Thông tin) 11, 182
Nút <i>i</i> 14, 179, 290
Nút 🖾 (Xem trực tiếp) 93, 172
Nút 🔅 5, 133, 256, 261
Nút AE-L/AF-L 66, 77, 267
Nút AF-ON 60, 67, 247

Nút chế độ AF	60, 63, 175, 178
Nút điều chỉnh đi-ốp	28
Nút nhả cửa trập	31, 33, 66, 77, 131
Nút OK	261
0	

Output resolution (Độ phân giải đầu ra)	
(HDMI)	223
P	

Perspective control (Điều khiển phối c	:ånh)
Phát Lai	34, 185
Phát lại hình thụ nhỏ	196
Phát lại khuôn hình đầy	185
Phát lại theo lịch	197
Phơi sáng	80, 136
Phơi Sáng Bù Trừ 2	59, 260
Phơi sáng bù trừ	136
Phơi sáng kéo dài	44
Phong cảnh (Đặt Picture Control)	100
Phu Kiên	323
PictBridge 2	14, 362
Picture Control 1	00, 102
Pin	29, 358
Pin đồng hồ	27
Playback display options (Tùy chọn hi	ển thị
phát lại)	232
Playback folder (Thư mục phát lại)	230
PRE (Thiết lập sẵn bằng tay)	. 82, 90
Print select (In lựa chọn)	217
Q	

Quản lý Picture Control	106
Quãng khuôn hình (Trình chiếu slide)	234
Quick retouch (Sửa lại nhanh)	304
R	

Red-eye correction (Điều chỉnh mắt đỏ) . 29	2
Reset (Đặt lại) 24	5
Resize (Thay đổi kích cỡ) 30	2
RGB 191, 24	0
Rotate tall (Xoay doc anh) 23	3

S

S (nhỏ)	58
Sạc Pin	18
Sáng chói (Cân bằng trắng)	81

Save settings (Lưu cài đặt) 280
Save/load settings (Lưu/tải cài đặt) 280
Select date (Chon ngày) 206, 230
Selective color (Mau tuyển chọn) 309
Sepia (Monochrome) (Màu nâu đỏ (Đơn sắc)) 294
Shooting menu bank (Tập hợp menu chụp) 236
Shutter-release button AE-L (Nút nhả màn
trập AE-L) 251
Side-by-side comparison (So sánh cạnh
nnau)
Single frame (Khuon hinh dơn) 7, 46
Single-servo AF (AF phân phụ đơn) 246
Slide show (Trình chiếu slide) 234
số f 37, 320
Số lượng bản sao (PictBridge) 216
Số lương điểm lấy nét 249
Số lượng hình ảnh 30, 364
Sống đông (Đăt Picture Control) 100
sRGB
Standby timer (Hen giờ chờ) 170, 251
Storage folder (Thư mục lưu trữ) 237
Straighten (Nắn thẳng) 304
T

Tăng cường màu đỏ (Hiệu ứng bộ lọc) 295
Tăng cường màu xanh dương (Hiệu ứng bộ
lọc) 295
Tăng cường màu xanh lục (Hiệu ứng bộ lọc) .
295
Tập hợp cài đặt tùy chỉnh 245
Tháo Ong Kính 25
Thấp (Độ nhạy) 71
Thầu kính 24–25, 163, 283, 318
Thấu kính CPU 25, 318, 320
Thấu kính không Al 25, 167
Thấu kính không CPU 25, 163, 318
Thấu kính loại D 318, 320
Thấu kính loại E 318, 320
Thấu kính loại G 318, 320
Thẻ nhớ 19, 22, 272, 363, 364
Thẻ nhớ SD 19, 22, 272, 363, 364
Thêm các mục (Menu Của Tôi) 314
Theo dõi 3D 62, 63, 64
Theo dõi lấy nét 60, 247
Theo dõi lấy nét đoán trước 60
Thiết lập sẵn bằng tay (Cân bằng trắng) 82,
90
Thời gian 44

Thông tin anh 11, 188 Thông tin anh 188, 232 Thông tin phát lại 188, 232 Thông tin phát lại 189, 232 Thùn phông phát lại 199 Thứ tự chụp bù trừ 260 Thứ tự chup bù trừ 260 Thứ tự in DPOF 219 Ti lệ cạnh xên 293 Tiện Ích Picture Control 100 Tiêu chuẩn (Đật Picture Control) 203 Tinh chính phơi sáng tối ưu 250 Tóc độ của trập theo đèn nháy 27, 257 Trím (Xén) 293 Trình tự số tập tin 255 Trợ giúp AF 122 Trung tính (Đật Picture Control) 100 Trở giúp AF 122 Trung tính (Đật Picture Control) 100 Trá động dược lập trình 38 Tự động dược lập trình 38 Tự động dược	Thời gian t.kiệm á.sáng ban ngày 27, 276
Thông tin ành	Thông tin 11, 188
Thông tin tệp 188, 232 Thông tin tệp 189 Thu phóng phát lại 199 Thư tự chụp bù trừ 260 Thứ tự in DPOF 219 Ti lệ cạnh xén 293 Tiện Ich Picture Control 109 Tiêu chuẩn (Đặt Picture Control) 100 Tiêu chuẩn (Đặt Picture Control) 100 Tiêu chuẩn (Đặt Picture Control) 100 Tiêu cự 165, 322 TIFF 55 Time zone and date (Múi giờ và ngày) 276 Tính chỉnh phơi sáng tối ưu 250 Tốc độ của trập 160, 244 Tốc độ cửa trập theo đèn nháy 258 Tốc độ cửa trập theo đèn nháy 278 Tính tự số tập tin 255 Trụ giúp AF 122 Trung tính (Đặt Picture Control) 100 Trý giúp AF 122 Trung tính (Đặt Picture Control) 100 Trú đựng được lập trình 38 Tự động ưu tiên cửa trập 39 Trú đýng ứu tiên cửa trập 26 Trung tính (Đặt Picture Control) 100 Trú động đư tiên cửa trập	Thông tin ảnh 188, 232
Thông tin tệp 189 Thu phóng phát lại 199 Thứ tự chụp bù trừ 260 Thứ tự chụp bù trừ 219 Thứ tự chụp bù trừ 219 Thế cạnh xén 293 Tiện Ich Picture Control 109 Tiêu chuẩn (Đặt Picture Control) 100 Tiêu cu 165, 322 TIFF 55 Time zone and date (Múi giờ và ngày) 276 Tinh chỉnh phơi sáng tối ưu 250 Tốc độ của trập 39, 40, 42 Tốc độ cửa trập theo đèn nháy 278 Tốc độ cửa trập theo đèn nháy 278 Tổc độ của trập tri thiểu 73 Tốc độ cửa trập tri thiếu 73 Tró độ đồng bộ đèn nháy 127, 257 Trụm (Xén) 293 Trình tự số tập tin 255 Trợ giúp AF 122 Trung tính (Đặt Picture Control) 100 Tự động ưu tiên độ mở ống kính 41 Tự động ưu tiên độ mở ống kính 41 Trung tính (Đặt Picture Control) 100 Tự động ưu tiên độ mở ống kính 41 Tứ động ưu tiên độ mở ống kính <td>Thông tin phát lại 188, 232</td>	Thông tin phát lại 188, 232
Thu phóng phát lại 199 Thứ tự chup bù trừ 260 Thứ tự chup bù trừ 260 Thứ tự in DPOF 219 Tiệ ních Picture Control 109 Tiêu chuẩn (Đặt Picture Control) 100 Tiêu cự 165, 322 TiFF 55 Time zone and date (Múi giờ và ngày) 276 Tinh chỉnh phơi sáng tối ưu 250 Tóc độ cao liên tục 7, 46 Tóc độ của trập theo đèn nháy 258 Tóc độ cửa trập theo đèn nháy 278 Tóc độ của trập theo đèn nháy 275 Trim (Xén) 293 Trình tự số tập tin 255 Trợ giúp AF 122 Trung tính (Đật Picture Control) 100 Tự động được lập trình 38 Tự động ưu tiên độ mờ ống kính 41 Tự hẹn giờ 7, 46, 48, 252 Tùy chỉnh đĩa lệnh 267 V 222 UTC 26, 171, 194 Ut tên kích cỡ (Nén JPEG) 216 Viến (PictBridge) 216 Viến (PictBridge) 216 Viến (PictBrid	Thông tin tệp 189
Thứ tự chụp bù trừ 260 Thứ tự in DPOF 219 Tỉ lệ cạnh xén 293 Tiện Ích Picture Control 100 Tiêu chuẩn (Đặt Picture Control) 100 Tiếu chuẩn (Đặt Picture Control) 100 Tiếu chuẩn (Đặt Picture Control) 203 Tinh chỉnh phơi sáng tối ưu 250 Tốc độ của trập the 254 Tốc độ cửa trập the 254 Tốc độ cửa trập thời thiểu 73 Tốc độ của trập thời thiểu 73 Trở giúp AF 255 Trợ giúp AF 122 Trung tính (Đặt Picture Control) 100 Trở giúp AF 122 Trung tính (Đặt Picture Control) 100 Tự động được lập trình 38 Tự động dược lập trình 38 Tự động dược lập trình 38 Tự động ưu tiên cửa trập 26 Thy hen giờ 26, 171, 194 UTC 26, 171, 194 U tiên kích cỡ (Nén	Thu phóng phát lại 199
Thứ tự in DPOF. 219 Tỉ lệ cạnh xén 293 Tiện (ch Picture Control) 100 Tiêu chuẩn (Đặt Picture Control) 100 Tiêu cự 165, 322 TIFF 55 Time zone and date (Múi giờ và ngày). 276 Tinh chỉnh phơi sáng tối ưu 250 Tốc độ chup chế độ CL 254 Tốc độ cửa trập theo đèn nháy. 258 Tốc độ cửa trập theo đèn nháy. 278 Tốc độ cửa trập theo đèn nháy. 293 Trình tự số tập tin 255 Trợ giúp AF 122, 727, 73 Tró độ đồng bộ đèn nháy 293 Trình tự số tập tin 255 Trợ giúp AF 122 Trung tính (Đặt Picture Control) 100 Trủ động dưc lập trình 38 Tự động đưc lập trình 38 Tự động dưa lập trình 26 TV 222 U UTC 26, 171, 194 U tiên kích cỡ (Nén JPEG) 216 Viến (PictBridge) 216 216 Viến (PictBridge) 216 Ving AF thầu kính 68, 183,	Thứ tự chụp bù trừ 260
Tỉ lệ cạnh xén 293 Tiện Ich Picture Control 109 Tiêu chuẩn (Đặt Picture Control) 100 Tiêu cuẩn (Đặt Picture Control) 100 Tiêu cuẩn (Đặt Picture Control) 105, 322 TIFF 55 Time zone and date (Múi giờ và ngày) 276 Tích chỉnh phơi sáng tối ưu 250 Tốc độ chụp chế độ CL 254 Tốc độ cửa trập 39, 40, 42 Tốc độ cửa trập theo đèn nháy 258 Tốc độ cửa trập theo đèn nháy 278 Tốc độ cửa trập theo đèn nháy 278 Tốc độ cửa trập theo đèn nháy 278 Tíc độ đông bộ đèn nháy 277, 257 Trinh tự số tập tin 255 Trợ giúp AF 122 Trung tính (Đặt Picture Control) 100 Tý động đưc lập trình 38 Tự động đưc lập trình 38 Tự động đưa tiên độ mở ống kính 41 Tự hẹn giờ 7, 46, 48, 252 Tùy chỉnh đĩa lệnh 26, 171, 194 Ư UTC 26, 171, 194 Ưu tiên kích cỡ (Nén JPEG) 276 V Viến (PictBridge)	Thứ tự in DPOF 219
Tiện Ích Picture Control 109 Tiêu cự	Tỉ lệ cạnh xén 293
Tiêu chuẩn (Đặt Picture Control) 100 Tiệu cự	Tiện Ích Picture Control 109
Tiêu cự	Tiêu chuẩn (Đặt Picture Control) 100
TIFF 55 Time zone and date (Múi giờ và ngày)	Tiêu cự 165, 322
Time zone and date (Múi giờ và ngày)	TIFF 55
Tinh chỉnh phơi sáng tối ưu 250 Tốc độ cao liện tục 7, 46 Tốc độ của trập theo đèn nháy 258 Tốc độ của trập theo đèn nháy 258 Tốc độ của trập theo đèn nháy 258 Tốc độ của trập thi thiểu 73 Tốc độ của trập tối thiểu 73 Tốc độ của trập tối thiểu 73 Tíc độ đồng bộ đèn nháy 127, 257 Trim (Xén) 293 Trình tự số tập tin 258 Trợ giúp AF 122 Trung tính (Đặt Picture Control) 100 Tự động được lập trình 38 Tự động dư tiên độ mờ ống kính 41 Tự hẹn giờ 7, 46, 48, 252 Tùy chỉnh đĩa lệnh 267 TV 222 U UTC 26, 171, 194 U tiên kích cỡ (Nén JPEG) 57 V 16 Viên (PictBridge) 216 Vien (PictBridge) 216 216 Vieng lấy nét 360 200 282 Ving lấy nét 360 263, 360 264 Ving AF bình thường 177 25, 51, 53, 58	Time zone and date (Múi giờ và ngày) 276
Tốc độ cao liên tục 7, 46 Tốc độ cửa trập theo đèn nháy. 254 Tốc độ cửa trập theo đèn nháy. 258 Tốc độ cửa trập theo đèn nháy. 278 Tốc độ cửa trập theo đèn nháy. 278 Tốc độ cửa trập theo đèn nháy. 278 Tốc độ cửa trập trên 293 Trình tự số tập tin 255 Trợ giúp AF 122 Trung tính (Đật Picture Control) 100 Tự động được lập trình 38 Tự động được lập trình 38 Tự động đư tiên cửa trập 91 Tý động ưu tiên độ mở ống kính 41 Tí hen lệnh 267 TV 222 UTC 26, 171, 194 U tiên kích cỡ (Nén JPEG) 57 V Viến (PictBridge) 216 Viến (PictBridge) 216 Viến (PictBridge) 216 Ving AF bình thường 177 Vùng AF bình thường 177 Vùng hình ảnh 25, 51, 53, 58 W 81 141	Tinh chỉnh phơi sáng tối ưu 250
Tốc độ chụp chế độ CL 254 Tốc độ cửa trập theo đèn nháy 258 Tốc độ cửa trập theo đèn nháy 78 Tốc độ cửa trập theo đèn nháy 27, 257 Trim (Xén) 293 Trình tự số tập tin 255 Trợ giúp AF 122 Trung tính (Đật Picture Control) 100 Tự động (Cân bằng trắng) 81 Tự động dược lập trình 38 Tự động dược lập trình 38 Tự động ưu tiên độ mờ ống kính 41 The ng tờ 26 TV 222 U UTC 26, 171, 194 Ut tên kích cỡ (Nén JPEG) 57 V Viến (PictBridge) 216 Viến (PictBridge) 216 Viến (PictBridge) 216 Vignette control (Quản lý tạo họa tiết) 282 Vàng lấy nét 360 Vàng lấy nét thấu kính 68, 183, 360 Vàng hình ảnh 25, 51, 53, 58 W	Tốc độ cao liên tục 7, 46
Tốc độ cửa trập	Tốc độ chụp chế độ CL 254
Tốc độ cửa trập theo đèn nháy	Tốc độ cửa trập 39, 40, 42
Tốc độ cửa trập tối thiều 73 Tốc độ đồng bộ đèn nhảy 127, 257 Trim (Xén) 293 Trình tự số tập tin 255 Trợ giúp 15 Trợ giúp AF 122 Trung tính (Đặt Picture Control) 100 Tự động được lập trình 38 Tự động dư tiên cửa trập. 39 Tự động dư tiên cửa trập. 39 Tự động dư tiên cửa trập. 255 Tử chộng u tiên độ mờ ống kính 41 Tự hẹn giờ. 7, 46, 48, 252 Tùy chỉnh đĩa lệnh 267 TV. 222 U UTC 26, 171, 194 Ưu tiên kích cỡ (Nén JPEG) 57 V Viến (PictBridge) 216 Vignette control (Quản lý tạo họa tiết) 241 Virtual horizon (Đường chân trời ảo) 282 Vòng lấy nét 360 Vùng AF bình thường 177 Vùng hình ảnh 25, 51, 53, 58 W 81 141	Tốc độ cửa trập theo đèn nháy 258
Tốc độ đồng bộ đèn nhảy 127, 257 Trìm (Xén) 293 Trình tự số tập tin 255 Trợ giúp AF 122 Trung tính (Đặt Picture Control) 100 Tự động được lập trình 38 Tự động được lập trình 38 Tự động được lập trình 38 Tự động đư tiên cửa trập 39 Tự động đư tiên cửa trập 267 TV 222 U 222 U 267 V 261 Viến (PictBridge) 216 Viên (PictBridge) 216 Viant horizon (Đường chân trời ảo) 282 Vàng lấy nét 360 Vòng lấy nét thấu kính 68, 183, 360 Vùng hình ảnh 25, 51, 53, 58 W 81 141	Tốc độ cửa trập tối thiểu 73
Trim (Xén) 293 Trình tự số tập tin 255 Trợ giúp 15 Trợ giúp AF 122 Trung tính (Đật Picture Control) 100 Tự động được lập trình 38 Tự động được lập trình 38 Tự động ưu tiên cửa trập 39 Tự động ưu tiên cửa trập 267 Tv. 222 U 20 UTC 26, 171, 194 Ưu tiên kích cỡ (Nén JPEG) 57 V 16 Viến (PictBridge) 216 Vignette control (Quản lý tạo họa tiết) 282 Vàng lấy nét 360 Vàng lấy nét thấu kính 68, 183, 360 Vàng hình ảnh 25, 51, 53, 58 W 81 141	Tốc độ đồng bộ đèn nháy 127, 257
Trình tự số tập tin 255 Trợ giúp 15 Trợ giúp AF 122 Trung tính (Đặt Picture Control) 100 Tự động dược lập trình 81 Tự động được lập trình 38 Tự động dược lập trình 39 Tự động ưu tiên cửa trập 39 Tự động ưu tiên độ mở ống kính 41 Tự hẹn giờ 267 TV 222 U U UTC 26, 171, 194 Ưu tiên kích cỡ (Nén JPEG) 216 Viến (PictBridge) 216 Vignette control (Quản lý tạo họa tiết) 241 Vitual horizon (Đường chân trời ảo) 282 Vòng lấy nét thấu kính 68, 183, 360 Vàng hình ảnh 25, 51, 53, 58 W WB 81	Trim (Xén) 293
Trợ giúp	Trình tự số tập tin 255
Trợ giúp AF 122 Trung tính (Đặt Picture Control) 100 Tự động (Cân bằng trắng) 81 Tự động dực lập trình 38 Tự động ut tiên cửa trập 39 Tự động ut tiên cửa trập 39 Tự động ut tiên cửa trập 29 Tự hẹn giờ 7, 46, 48, 252 Tùy chỉnh đĩa lệnh 267 TV 222 U 100 UTC 26, 171, 194 Ưu tiên kích cỡ (Nén JPEG) 57 V 100 Viến (PictBridge) 216 Vignette control (Quản lý tạo họa tiết) 241 Virtual horizon (Đường chân trời ảo) 282 Vòng lấy nét 360 Vòng lấy nét 360 Ving AF bình thường 177 Vùng hình ảnh 25, 51, 53, 58 W 141	Trợ giúp 15
Trung tính (Đặt Picture Control) 100 Tự động (Cân bằng trắng) 81 Tự động được lập trình 38 Tự động ưu tiên cửa trập 39 Tự động ưu tiên cửa trập 7, 46, 48, 252 Tùy chỉnh đĩa lệnh 267 TV 222 U 100 UTC 26, 171, 194 Ưu tiên kích cỡ (Nén JPEG) 57 V 20 Viến (PictBridge) 216 ViewNX 2 56, 109, 208, 211, 240, 277–279 Vignette control (Quản lý tạo họa tiết) 241 Virtual horizon (Đường chân trời ảo) 282 Vòng lấy nét 360 Vùng AF bình thường 177 Vùng hình ảnh 25, 51, 53, 58 W 81 141	Trợ giúp AF 122
Tự động (Cân bằng trắng) 81 Tự động được lập trình 38 Tự động ưu tiên cửa trập 39 Tự động ưu tiên cửa trập 41 Tự hạn giờ 7, 46, 48, 252 Tùy chỉnh đĩa lệnh 267 TV 222 U 222 U 10 UTC 26, 171, 194 Ưu tiên kích cỡ (Nén JPEG) 57 V 10 Viến (PictBridge) 216 Vitrual horizon (Quản lý tạo họa tiết) 241 Virtual horizon (Đường chân trời ảo) 282 Vòng lấy nét 360 Vùng AF bình thường 177 Vùng hình ảnh 25, 51, 53, 58 W 81 141	Trung tính (Đặt Picture Control) 100
Tự động được lập trình	Tự động (Cân bằng trắng) 81
Tự động ưu tiên cửa trập 39 Tự động ưu tiên độ mở ống kính 41 Tự hẹn giờ 7, 46, 48, 252 Từ lụ chỉnh đĩa lệnh 267 TV 222 U 20 UTC 26, 171, 194 Ưu tiên kích cỡ (Nén JPEG) 216 Viến (PictBridge) 216 ViewNX 2 56, 109, 208, 211, 240, 277–279 Vignette control (Quản lý tạo họa tiết) 241 Vitual horizon (Đường chân trời ảo) 282 Vòng lấy nét 360 Vòng lấy nét thấu kính 68, 183, 360 Vàng AF bình thường 177 Vùng AF bình thường 177 Vùng AF bình thường 177 Vùng AF bình thường 177 Vàng hình ảnh 25, 51, 53, 58 W 81 141	Tự động được lập trình 38
Tự động ưu tiên độ mở ống kính	Tự động ưu tiên cửa trập 39
Tự hẹn giờ	Tự động ưu tiên độ mở ống kính 41
Tùy chỉnh đĩa lệnh 267 TV	Tự hẹn giờ 7, 46, 48, 252
TV	Tùy chỉnh đĩa lệnh 267
U UTC 26, 171, 194 Uu tiền kích cỡ (Nến JPEG) 57 V Viến (PictBridge) 216 Viến (PictBridge) 216 ViewNX 2 56, 109, 208, 211, 240, 277–279 Vignette control (Quản lý tạo họa tiết) 241 Virtual horizon (Đường chân trời ảo) 282 Vòng lấy nét 360 Vòng lấy nét thấu kính 68, 183, 360 Vòng AF bình thường 177 Vùng AF bình thường 177 Vùng AF bình thường 25, 51, 53, 58 W 81, 141	TV 222
UTC	<u>U</u>
Uu tiên kích cỡ (Nén JPEG) 57 V 216 Viện (PictBridge) 216 ViewNX 2 56, 109, 208, 211, 240, 277–279 Vignette control (Quản lý tạo họa tiết) 241 Virtual horizon (Đường chân trời ảo) 282 Vòng lấy nét 360 Vùng AF bình thường 68, 183, 360 Vùng hình ảnh 25, 51, 53, 58 W 81 141	UTC
V Viến (PictBridge) 216 ViewNX 2 56, 109, 208, 211, 240, 277–279 Vignette control (Quản lý tạo họa tiết) 241 Virtual horizon (Đường chân trời ảo) 282 Vòng lấy nét 360 Vòng lấy nét thấu kính 68, 183, 360 Vùng AF bình thường 177 Vùng hình ảnh 25, 51, 53, 58 W 81	Ưu tiên kích cỡ (Nén JPEG) 57
Viến (PictBridge) 216 ViewNX 2 56, 109, 208, 211, 240, 277–279 Vignette control (Quản lý tạo họa tiết) 241 Virtual horizon (Đường chân trời ảo) 282 Vòng lấy nét 360 Vòng lấy nét thấu kính 68, 183, 360 Vùng AF bình thường 177 Vùng hình ảnh 25, 51, 53, 58 W 81 WB 81	v
ViewNX 2 56, 109, 208, 211, 240, 277–279 Vignette control (Quản lý tạo họa tiết) 241 Virtual horizon (Đường chân trời ảo) 282 Vòng lấy nét	Viền (PictBridge) 216
Vignette control (Quản lý tạo họa tiết) 241 Virtual horizon (Đường chân trời ảo) 282 Vòng lấy nét	ViewNX 2 56, 109, 208, 211, 240, 277-279
Virtual horizon (Đường chấn trời ảo) 282 Vòng lấy nét 360 Vòng lấy nét thấu kính 68, 183, 360 Vùng AF bình thường 177 Vùng hình ảnh 25, 51, 53, 58 W 81	Vignette control (Quản lý tạo họa tiết) 241
Vòng lấy nét 360 Vòng lấy nét thấu kính 68, 183, 360 Vùng AF bình thường 177 Vùng hình ảnh 25, 51, 53, 58 W 81	Virtual horizon (Đường chân trời ảo) 282
Vòng lấy nét thấu kính	Vòng lấy nét 360
Vùng AF bình thường 177 Vùng hình ảnh 25, 51, 53, 58 W WB 81 141	Vòng lấy nét thấu kính 68. 183. 360
Vùng hình ảnh 25, 51, 53, 58 W WR 81 141	Vùng AF bình thường 177
W WB 81 141	Vùng hình ảnh 25, 51, 53, 58
WB 81 141	W
	WB

Wireless mobile adapter (Đầu nối di động	J
không dây)	284
Y	

Xem ảnh trực tiếp 172
Xem lại hình ảnh 187
Xem trực tiếp 172-184
Xén ảnh (PictBridge) 216
Xóa 203
Xóa ảnh đã chọn 205
Xóa ảnh hiện tại 35, 203
Xóa tất cả ảnh 205
Xoay quanh điểm lấy nét 249

Ľ



Nghiêm cấm sao chép tài liệu này dưới bất kì hình thức nào, toàn bộ hoặc một phần (ngoại trừ trích dẫn ngắn trong các bài phê bình hoặc giới thiệu), mà không có sự chấp thuận bằng văn bản của NIKON CORPORATION.

NIKON CORPORATION

In tại Singapore SB8L03(1Y) 6MB1931Y-03

© 2013 Nikon Corporation